

XUẤT GIA TOÀN TẬP
Cùng nhau nhắc nhở

Linh Quy Pháp Ấn

**XUẤT GIA TOÀN TẬP
CÙNG NHAU NHẮC NHỞ**

Thích Minh Thành

 Nhà xuất bản Hồng Đức

**“Này các Tỳ-kheo hãy thường nhất tâm nỗ lực
cần cầu tuệ giác giải thoát, toàn thể vũ trụ pháp biến
động hay không biến động đều là trạng thái bất an và
tan rã vô thường”.**

*Lời dạy sau cùng của
Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.*

“Mong rằng tất cả chúng ta:

**Luôn nhớ lại chí nguyện xuất trần lúc ban đầu;
Nhớ cha mẹ đang tựa cửa lệ rơi, ông bà đang hy vọng
mong chờ vào chuyến đi vĩ đại về vang của mình.**

**Từ bỏ tất cả là cốt để làm được việc ý nghĩa, lợi
ích rộng lớn cho mình, cho gia đình, cho Phật pháp và
cho tất cả chúng sanh!”**

*Minh Thành
kính lễ*

Mục lục

<i>MỤC LỤC</i>	8
<i>LỜI GIỚI THIỆU</i>	11
<i>LỜI GIỚI THIỆU</i>	13
<i>LỜI NGỎ</i>	15
<i>CHƯƠNG I: TÔN KÍNH TAM BẢO</i>	17
<i>Tôn Kính Tam Bảo</i>	18
<i>Quý Kính Mọi Người</i>	25
<i>Khiêm Hạ Nhu Hòa</i>	30
<i>CHƯƠNG II: CHÁNH KIẾN PHÁ TÀ KIẾN</i>	41
<i>Chánh Kiến Phá Tà Kiến</i>	42
<i>Bản Ngã Muôn Màu</i>	55
<i>Khích Lệ Tu Hành</i>	65
<i>Hâm Nóng Ý Chí Giải Thoát</i>	75
<i>CHƯƠNG III: CHÂN THẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN</i>	81
<i>Chân Thật Và Phương Tiện</i>	82
<i>Pháp Môn Không Hai</i>	89
<i>Tinh Túy 84.000 Pháp Môn</i>	92
<i>CHƯƠNG IV: PHƯỚC BÁU VÀ ĐỨC HẠNH</i>	105
<i>Muôn Vật Luôn Biến Đổi</i>	106
<i>Phước Báu Và Công Đức</i>	110
<i>Trí Tuệ Là Sự Nghiệp</i>	119
<i>CHƯƠNG V: THÔNG TÌNH ĐẠT LÝ</i>	129
<i>Vạn Pháp Rỗng Không</i>	130

<i>Thông Tình Đạt Lý</i>	134
<i>Cốt Lõi Hành Trì</i>	144
<i>CHƯƠNG VI: XÂY DỰNG CON NGƯỜI</i>	149
<i>Thật Khó Tìm Người</i>	150
<i>Xây Dựng Con Người</i>	159
<i>Xây Dựng Tăng Đoàn</i>	161
<i>CHƯƠNG VII: TÁNH BIẾT TỐI THƯỢNG</i>	173
<i>Báu Vật Trong Trời Đất</i>	174
<i>Tâm Tạo Tác Tất Cả</i>	179
<i>Tánh Biết Tối Thượng</i>	185
<i>Giọt Sương Thuyết Pháp</i>	190
<i>Muôn Loại Là Thầy</i>	194
<i>CHƯƠNG VIII: SINH HOẠT SIÊU VIỆT</i>	201
<i>Siêu Tu</i>	202
<i>Sinh Hoạt Siêu Việt</i>	214
<i>Làm Chỗ Nương Tựa</i>	225
<i>CHƯƠNG IX: CẢM ƠN CUỘC ĐỜI</i>	237
<i>Biết Ơn Vạn Vật</i>	238
<i>Mới Lạ Từng Phút Giây</i>	243
<i>Tỉnh Thức Và Nhớ Ơn</i>	247
<i>CHƯƠNG X: SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI</i>	257
<i>Đại Đạo</i>	258
<i>Sự Nghiệp Vĩ Đại</i>	267
<i>Nguyện Lớn Không Cùng</i>	277
<i>Bốn Nguyện Rộng Lớn</i>	291
<i>Kinh Tinh Hoa Trí Tuệ Qua Bờ</i>	301

Lời giới thiệu

Nhân dịp tổ chức khóa học Bồi dưỡng Trụ trì tại chùa Phổ Quang, tôi có được Đại đức Minh Thành ở chùa Bửu Liên trình cho xem bộ sách “Xuất gia toàn tập” và có nhã ý tặng cho các huynh đệ. Đây là những kinh nghiệm tu học của thầy. Cho nên, tôi xin giới thiệu đến các bậc Tôn túc cũng như tất cả các huynh đệ cùng tham dự khóa học, quyển sách “Cùng nhau nhắc nhở” mà Đại đức đã dày công nghiên cứu, thực tập và chia sẻ.

Mong rằng mọi người có thể lấy đó làm kinh nghiệm trên bước đường tu học mở rộng kiến thức cũng như áp dụng thực tập vào đời sống để đạt được kết quả, không phụ chí nguyện của người xuất gia!

Chùa Huệ Nghiêm, ngày 22 tháng 11 năm 2016

PHÓ PHÁP CHỦ HỘCM - GHPGVN

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ GHPGVN TP.HCM

Hòa thượng Thích Trí Quảng

Lời giới thiệu

Tâm quan trọng của người xuất gia là phẩm hạnh và đạo đức. Nội tâm ít dính mắc với ngoại cảnh bên ngoài và có thể làm chủ được đối với tâm tham muốn về ngũ dục phần nào, đó chính là đời sống của người xuất gia. Đời sống thanh tịnh này được thể hiện trong tứ oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi. Người xuất gia làm chủ chính mình khi tiếp xúc duyên cảnh bên ngoài, luôn luôn sống theo tinh thần “Ít muốn biết đủ”, không chạy theo duyên trần như người thế tục.

Xuất gia là đi ngược dòng sinh tử và điều đó được thể hiện qua nếp sống trở về nội tâm của mỗi người tu sĩ. Quyển sách “Cùng nhau nhắc nhở” do Đại đức Thích Minh Thành viết ra đã truyền tải hết tinh thần này. Đây là một cuốn sách mà mỗi người tu sĩ không thể thiếu, là kim chỉ nam ban đầu dành cho người xuất gia nương vào để chế ngự ham muốn của mình trong thời mạt pháp, vật chất làm chủ.

Tôi xin giới thiệu quyển sách này đến tất cả hàng tu sĩ nên đọc và sống cuộc sống thực chất của một người xuất gia!

Chùa Huệ Nghiêm, ngày 22 tháng 11 năm 2016
TRƯỞNG BAN TĂNG SỰ GHPGVN TP.HCM
Hòa thượng Thích Minh Thông

Lời ngỏ

Nhớ lại khi đức Thế Tôn còn tại thế, trong những buổi thuyết pháp, Ngài thường dùng thể loại khích lệ hàng đệ tử làm cho hân hoan, phấn khởi, phát lên lòng nhiệt thành tu tập và hành trì “nhiệt tâm tinh cần, chánh niệm tỉnh giác”. Chính vì thế, dưới thời chánh pháp rất nhiều bậc xuất gia đã thành tựu sự nghiệp giác ngộ vĩ đại, chấm dứt toàn bộ sự buồn lo, sợ hãi “tận cùng biên tế của khổ đau”. Đó là hiệu quả từ những lời sách tấn của bậc Đại giác tôn quý nhất trên đời!

Sau khi Thế Tôn nhập diệt, hàng Thánh chúng A-la-hán như ngài Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả A-nan, cũng lấy đó làm phương châm hoằng pháp. Từ xuất gia cho đến tại gia, trong sự giáo hóa của các Ngài luôn có những lời nhắc nhở phải tinh tấn hành trì.

Khi Phật pháp truyền sang Trung Quốc, Tây Tạng, Nhật Bản... Các vị Cao Tăng, Tổ sư cũng làm như thế và có nhiều kết quả trong sự tu tập của Tăng đoàn. Nổi tiếng nhất là bộ kinh Di giáo và Quy Sơn cảnh sách mà tất cả người xuất gia hiện nay đều đọc và học, lấy đó làm kim chỉ nam trong đời tu. Đây có thể gọi là “truyền gia bảo” - báu vật được truyền thừa từ đức Thế Tôn, hàng Thánh chúng và các vị Đạo sư, hâm nóng tâm Bồ đề ý chí cao cả thuở ban đầu của người xuất gia khi mới bước vào đạo. Trên kế thừa đạo pháp rộng lớn của đức Phật, dưới tiếp nối bốn

phận nâng đỡ giáo hóa mọi người. Truyền thống cao đẹp ấy đã khắc sâu vào trong tâm khảm của bản thân chúng tôi từ khi mới chập chững bước vào chùa. Từ những lời khích lệ đó mà tâm mình được tưới tắm, nuôi dưỡng lớn lên trên bước đường cầu pháp, học pháp, hành pháp, đạt pháp, hộ pháp và hoằng pháp.

Trong những lúc cảm xúc về sự tu tập cũng như thấy các huynh đệ mới học lơ là, bằng tình thương, sự quan tâm hòa kính như một người anh đi trước, cảm nhận được những khó khăn thử thách cần phải vượt qua. Chúng tôi đã mạo muội trích dẫn những lời Phật, Tổ và những cảm nhận của mình trong sự tu tập để cùng nhau nhắc nhở, trải qua mười năm nên trở thành tập sách nhỏ này. Tự xét sự tu học của bản thân còn cạn cợt nhưng vì lòng nhiệt thành với bạn đồng tu nên sẽ không sao tránh khỏi sai sót, kính mong chư Tôn đức chỉ giáo soi sáng.

Nguyện cho chánh pháp tồn tại lâu dài, người xuất gia trong Phật giáo luôn là báu vật quý nhất trên đời - Tăng bảo Chúng trung tôn. Các Ngài là chiếc cầu đưa người qua bến giác, là ngọn đèn soi sáng đường mê, là bóng cây che mát cho nhân loại, trong tinh thần tỉnh thức hiểu biết và yêu thương.

Nguyện đời đời kiếp kiếp cùng nhau kết duyên lành thành bạn pháp!

*Chùa Bửu Liên, kỷ niệm ngày xuất gia Rằm tháng Mười
ngày 15 tháng 10 năm Bính Thân*

(09/11/2016)

Đệ tử Thích Minh Thành

Kính lễ

Chương I

TÔN KÍNH TAM BẢO



TÔN KÍNH TAM BẢO

Bất cứ người học Phật nào cũng phải có lòng tôn kính đức Phật, quý trọng giáo Pháp và mến mộ chư Tăng. Tôn kính Tam bảo bằng tất cả lòng chí thành, tự nhiên bản thân sẽ cảm nhận được kết quả diệu kỳ mà chỉ riêng người trong cuộc mới có thể nhận biết được điều ấy.

Khi còn ở ngoài đời, để thể hiện sự tôn kính đối với một người nào đó, chúng ta luôn có những cử chỉ trân trọng, đi đứng nhẹ nhàng, nói năng dịu dàng, lời lẽ khiêm cung. Bây giờ đã là người tu rồi thì những điều ấy càng cần phải được thể hiện rõ nét hơn nữa. Tuy từ trước đến nay, mọi người sống tại am Pháp Ấn này đã làm được những điều đáng quý như gặp nhau kính chào lễ phép, phát biểu nói năng dịu dàng, dùng cơm trong im lặng trang nghiêm... nhưng vẫn còn nói chuyện mỗi khi đi lên chánh điện hành lễ. Mỗi người một tiếng góp lại tạo ra không khí ồn ào, mất vẻ tôn nghiêm trước hình tượng của đức Phật là điều chưa tốt.

Đối với bậc có ơn đức to lớn như đức Thế Tôn mà chúng ta chưa có lòng quý kính bằng tất cả tâm chân

thành, thì chẳng thể nào có lòng chân thành đối với ông bà, cha mẹ, huynh đệ hay những người Phật tử khác. Tuy chỉ là những bức tượng bằng xi măng cốt sắt hay bằng gỗ, nhưng nếu chúng ta có tâm tôn kính như là một vị Phật sống thì tự nhiên bản thân sẽ nhận được năng lượng diệu kỳ giúp mau chóng tu học đạt giác ngộ giải thoát. Vì vậy, chúng ta hãy cùng nhau nhắc nhở, chỉnh sửa để từ nay về sau đạo tràng được nghiêm trang tốt đẹp hơn.

Phật là bậc Đại giác có công lao và tình thương vô hạn đối với khắp pháp giới chúng sinh trong ba cõi, chúng ta phải thể hiện lòng tôn kính Ngài. Mỗi khi nhìn thấy hình tượng Phật ở chánh điện, chúng ta nên xem như Ngài vẫn đang hiện diện và không được tỏ ra thiếu sự tôn trọng.

Chánh điện là nơi dành để tôn thờ bậc Giác ngộ của Trời và người, được gọi là “Đại Hùng Bửu Điện”. Nếu chúng ta đã từng bước vào những ngôi chùa lớn và tự gìn giữ phong cách trang nghiêm, mà nay khi đi đến chánh điện lọt bằng lá tranh này với một thái độ hời hợt không cung kính là vô tình đã phạm phải một sai lầm to lớn. Dù chánh điện chỉ được lọt bằng lá tranh và tre nứa và được thiết kế bài trí hạn hẹp, nhưng khi hình tượng của đức Phật đã được tôn trí ở bên trong thì nơi đó vẫn được xem là điện Phật tôn nghiêm. Do đó, bất cứ người nào khi đi vào cũng đều phải có ý thức giữ gìn sự cung kính, nhẹ nhàng và trang nghiêm và phải luôn có thái độ tôn kính như Ngài đang hiện diện bằng xương bằng thịt. Tất cả sự nói năng lớn tiếng hay những hành động thô tháo đều là

sự bất kính. Điều đơn giản này là một trong những yếu tố nền tảng ban đầu cho những sự tu hành cao sâu về sau mà ít người lưu tâm thực hành.

Có nhiều Phật tử đã từng đi chùa ở nhiều nơi hoặc tham dự nhiều đạo tràng lớn, nhưng khi đến với nhà lá vách nứa ở đây và nghe được lời xướng lễ ca tụng đức Phật, họ đều rung rung nước mắt:

*“Mắt Thế Tôn nhìn xa ngoài muôn dặm,
Lòng Thế Tôn như biển thăm xanh màu,
Tay hiền từ đốt đuốc giữa đêm thâu,
Ban pháp nhũ khắp Năm châu lợi lạc”*.

Mỗi khi xướng lễ, chúng ta chấp tay, mắt nhìn thẳng lên đức Phật không tạm rời, đem hết tấm lòng tôn kính thiết tha để tụng đọc lời tán dương với tâm trạng nhớ nghĩ rằng từ lâu bản thân bị trôi lạc trong biển mê, ngày nay thiết tha khẩn cầu, đức Phật xót thương cứu độ. Lòng nghĩ tưởng như vậy khiến nước mắt muốn tuôn trào. Xướng đọc tới đâu là nội tâm xúc động tới đó. Do lời nói xuất phát từ tận đáy lòng, đã tạo thành sức mạnh lan tỏa có thể cảm lòng của Phật và truyền đến cho mọi người cảm xúc tôn kính thiết tha!

Khi lễ Phật và xướng lên câu: *“Chỉ tâm đánh lễ tất cả chư Phật ba đời tốt hư không khắp pháp giới”*, phải nhận thấy rằng chúng ta đang lễ lạy cùng khắp ba đời mười phương các đức Phật, không phải chỉ riêng một đức Phật nào. Trong đạo có câu: *“Tùy văn nhập quán”*, theo lời văn mà tâm đi sâu vào sự quán tưởng. Thực hành được như vậy trong khi lạy Phật hay tụng kinh, tâm của

chúng ta mới có thể thâm nhập vào chiều sâu của Phật pháp. Không nên xem việc tụng kinh, niệm Phật, lễ bái giống như là trả bài cho xong việc. Gõ mõ nhanh như chạy đua, khiến người đọc tụng không kịp thở; hoặc không nên tụng kinh chỉ theo âm thanh, sắc tướng và khởi lên nhiều vọng niệm hoặc là cố gắng luyện láy giọng điệu du dương trầm bổng giống như ca sĩ biểu diễn giọng hát, mà không chú trọng vào lời kinh. Có khi miệng đọc thuộc lòng không sai sót, mà tâm lo nghĩ chuyện khác như thế là đang tụng vọng niệm mà không phải tụng kinh.

Hơn nữa, khi tụng kinh, người đọc tụng cần phải chấp hai tay cung kính suốt thời kinh, không nên để hai tay buông lỏng tự nhiên. Đó chính là một cách thể hiện lòng tôn kính Phật, quý trọng Pháp. Nếu không hiểu được ý nghĩa của những việc đang làm, dù chúng ta có ra công dụng sức rất nhiều, nhưng kết quả và lợi ích không thu hoạch được bao nhiêu. Có lòng tôn kính hình tượng đức Phật, trong tương lai chúng ta mới có thể thành Phật. Có tâm quý trọng Pháp, thì ngay hiện đời mới được giáo Pháp. Nếu không làm đúng nghĩa như vậy, chúng ta chỉ mới quy y Tam bảo ở trên danh nghĩa mà chưa phải là bằng nội tâm quý kính sâu xa.

Ngày xưa, các vị Cao tăng đã phải trải qua muôn ngàn gian khổ, đối diện với sống chết chỉ trong gang tấc không biết bao nhiêu lần để thỉnh kinh và sau đó đem về khổ nhục phiên dịch ra những loại ngôn ngữ địa phương, để ngày nay chúng ta có được những kinh điển mà tu học.

Pháp sư Nghĩa Tịnh¹, người Trung Quốc đầu tiên đi sang Ấn Độ để thỉnh kinh. Ngài đã vượt muôn ngàn gian khổ suốt mười mấy năm mới có thể trở về đến quê nhà. Đã có những vị Tăng tình nguyện đi theo Ngài vì lý tưởng cầu Pháp, trên bước đường thỉnh kinh đầy gian khổ ấy, có người đã nản chí sớm quay trở lại, có người dừng lại dọc đường không đi nữa và cũng có nhiều người đã bỏ mạng nửa chừng. Cuối cùng chỉ còn một mình Ngài đi đến nơi và thỉnh được kinh tạng đem về nước nhà.

Thế mà, ngày nay chúng ta mở quyển kinh ra chỉ để đọc qua loa như trả bài cho xong một thời cúng lễ, mà không hề chú tâm xem ý nghĩa của lời kinh muốn nhắn nhủ điều gì. Không cảm nhận được mỗi chữ, mỗi trang kinh là máu hồng huyết lệ, là tâm can của Phật Tổ, là xương cốt của những Cao tăng năm xưa đã vì pháp quên

1 - Nghĩa Tịnh (635-713 CE) là một nhà sư thời nhà Đường của Trung Quốc, ban đầu được đặt tên là Trương Văn Minh. Ngài xuất gia năm 13 tuổi, pháp danh đầy đủ là “Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh”. Theo gương của ngài Huyền Trang, lúc 37 tuổi năm 671 Tây lịch, Ngài theo thương thuyền người Ba Tư (Persian) sang Ấn Độ. Ngài đã lưu lại Nālandā trên 10 năm để học với các vị thầy Ấn Độ và sưu tầm 10.000 bản kinh Sanskrit (gồm 685 quyển).

Vào năm 695, Ngài quyết định trở về Lạc Dương (Lo-yang), Trung Quốc và tiến hành dịch thuật được 65 bộ sách, một số lượng lớn các kinh Phật từ tiếng Phạn sang tiếng Trung Quốc trong đó có bộ Luật của trường phái Căn bản nhất thiết hữu bộ (Muulasarvaastivaada). Các ghi chép về các chuyến đi của ông đã góp phần vào sự hiểu biết thông tin về các vương quốc khác nằm trên tuyến đường giữa Trung Quốc và học viện Phật giáo Nālandā ở Ấn Độ. Nếu trước đó, hai ngài Pháp Hiển và Huyền Trang đi đến Ấn Độ bằng đường bộ, thì Ngài Nghĩa Tịnh – một vị chiêm bái người Trung Hoa khác đã đến đất Phật bằng đường thủy. Ngài viên tịch ở Lạc Dương (Lo- yang) lúc 79 tuổi.

minh. Không kính trọng pháp, chắc chắn không bao giờ được pháp. Đây thật là điều thiếu sót căn bản mà nhiều người mắc phải!

Pháp sư Nghĩa Tịnh đã cảm thán làm bài kệ như là lời khuyên nhủ cho người hậu học:

*“Tán Tóng Tề Lương đến Đại Đường
Cao Tăng cầu Pháp bỏ quê hương
Đi trăm về chỉ vài ba vị
Phần nhiều gởi xác lại bên đường!
Ngày xa diệu vợi đêm càng lạnh.
Sông cát mịn mù lục khó đương!
Hậu hiền các vị ai hiểu được?
Xem kinh sao lại quá tầm thường!!!”*

Đã là người xuất gia ở đây tu học bên cạnh Thầy bạn và những vị cư sĩ vượt đường xa đến đây lưu lại vài hôm để tập sự tu học theo đại chúng, chúng ta cần phải giữ đúng mẫu mực trong mọi oai nghi để vừa có lợi lạc cho mình và có ích cho mọi người. Do nhìn thấy gương mẫu của người xuất gia mà tâm của những cư sĩ càng thêm tinh tấn và dũng mãnh để vượt khó tu học. Nếu người xuất gia không thể làm mẫu mực thì trong thiên hạ bá tánh còn ai có thể làm tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

Đến giờ tụng kinh, mọi người bắt buộc phải tập trung đầy đủ ở chánh điện, mỗi người đứng đúng vị trí và xếp thẳng hàng trang nghiêm, chấp tay cung kính, nhiếp tâm theo từng hơi thở, mắt nhìn thẳng lên đức Phật và tâm chuyên nhớ ơn đức của Tam bảo. Nhìn thấy người xuất gia trang nghiêm, các Phật tử sẽ bắt chước làm theo.

Làm được như vậy, chúng ta đã góp phần hoằng pháp, hộ pháp và cũng đã góp phần hiển bày chánh pháp giáo hóa chúng sinh. Chỉ cần hiểu thấu đáo ý nghĩa Quy y Tam bảo là quay về nương tựa ba ngôi báu Phật - Pháp - Tăng và thực hành đúng bằng cả tấm lòng thì cũng được xem đã đạt đến giác ngộ.



QUÝ KÍNH MỌI NGƯỜI

Từ lòng tôn kính Phật, quý trọng Pháp, mến mộ chư Tăng, nhớ ơn Tam bảo như vậy, chúng ta mới có thể có được lòng chân thành quý kính đối với những người xung quanh và những khách thập phương tụ hội về đây bằng hành động quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chúng ta có thể tùy duyên mà uyển chuyển ứng dụng trên tinh thần vì lợi ích chung mà giúp đỡ cho mọi người.

Một hôm, cùng ngồi ăn cơm với một đoàn Phật tử hành hương từ xa đến đây. Đến giờ thọ trai, lúc ấy do không cảm thấy đói bụng, nhưng Minh Thành cũng phải ngồi ăn từng miếng nhỏ thức ăn để tất cả mọi người cảm thấy tự nhiên. Chỉ khi nhìn thấy mọi người ăn xong, mới ngừng ăn. Nếu họ nhìn thấy chúng ta ngừng ăn trước, những vị lớn tuổi dùng chưa đủ hoặc chưa xong sẽ ăn vội vã và có thể phải mắc nghẹn hoặc dừng bữa ăn nửa chừng. Khác hẳn với người trẻ nhanh nhẹn, hầu hết người lớn tuổi đứng lên, ngồi xuống rất chậm, do đó việc ăn uống gặp nhiều khó khăn. Vì vậy chúng ta cần phải biết

quan sát, thông cảm và hành động chậm rãi để chờ đợi. Thậm chí, ngay cả khi mọi người đã dùng bữa xong rồi, đánh một tiếng keng để mọi người cùng đứng lên, nhưng cũng phải hành động từ tốn khoan thai để mọi người cảm thấy thoải mái và tránh khỏi bị té ngã vì ngồi lâu tê chân.

Sau khi đã đánh một tiếng keng báo hiệu kết thúc một thời pháp thoại, cũng phải nghĩ tới người khác để nhắc nhở mọi người xoa bóp chân tay thật kỹ rồi mới chậm rãi đứng lên. Vào những thời giảng pháp ở chùa Bửu Liên, số lượng Phật tử đến nghe pháp quá đông trong một không gian giới hạn, khiến cho nhiều người đến sau phải ngồi xa tận ngoài ngạch cửa nghe không rõ những lời giảng. Do thấy những Phật tử kia đã phải bỏ công ăn việc làm để đi đến chùa nghe pháp, mà nay không thể nghe được thì quá uổng phí! Chúng ta mời mọi người ngồi ở trong thính phòng dời chỗ ngồi sát lên phía trên để nhường chỗ cho những người đến sau có thể ngồi vào bên trong phòng rồi mới bắt đầu giảng nói.

Hoặc có những dịp đi xa cả ngàn cây số hay phải ngồi phi cơ ra tận nước ngoài chỉ để giảng một hoặc hai bài pháp. Nhiều khi trước đó đã chuẩn bị sẵn bốn, năm bài giảng để dự phòng, nhưng khi đến nơi nhìn thấy trình độ căn cơ của những Phật tử tại đó còn thấp thì đành cất hết những bài soạn trước kia để tùy theo tâm trạng của đại chúng mà giảng nói cho phù hợp với những điều họ đang cần nghe. Như vậy mới không phụ công lao khó nhọc cũng như tiền của vật chất mà mọi người đã vất vả lo lắng cúng dường cho người tu. Vì họ đã dám bỏ công

ăn việc làm để chờ nghe giảng chánh pháp, chúng ta cần phải nói làm sao cho họ thấu hiểu và có được lợi lạc mà phát tâm tu hành tinh tấn. Luôn luôn nghĩ sự lợi ích cho người khác chính là tâm Bồ-đề, là tình thương và lòng từ bi rộng lớn mà người con Phật cần phải có.

Trên thực tế, bất cứ việc gì cũng đều có nhân quả rõ ràng. Nếu chúng ta biết nghĩ lo cho mọi người thì khi quả báo thành tựu sẽ không thể nghĩ bàn. Từ khi xuất gia cho đến nay, những gì mà Minh Thành mong muốn hợp với chánh pháp có lợi ích cho mọi người thì đều được toại nguyện như ý, thậm chí nhiều khi còn vượt ngoài sức tưởng tượng. Những điều chúng ta lo lắng cho người khác, không nghĩ riêng cho bản thân thì mọi người cũng sẽ lo lắng cho chúng ta như vậy và nhiều khi còn nhiều hơn nữa.

Lần đầu tiên, có cơ hội đi qua Singapore để dự buổi lễ do Hòa thượng Tinh Vân² truyền Tam quy Ngũ giới

2 - Hòa Thượng Tinh Vân: Danh tăng Trung quốc, người ở Giang Đô, tỉnh Giang tô, hiệu Kim giác, bút hiệu Ma-ca. Năm 12 tuổi, Sư lễ Chí Khai thượng nhân, chùa Đại giác, ở Nghi hưng, núi Thê Hà, Nam Kinh, xin xuất gia, được đặt pháp danh là Ngô Triệt. Sư thọ giới Cụ túc ở núi Thê Hà và ở lại đây học Luật. Năm 1949, Sư đến Đài loan trụ ở chùa Viên Quang tại Trung Lịch thành lập các hội niệm Phật, hoằng pháp, xuất bản kinh sách để mở rộng văn hóa Phật giáo, đào tạo nhân tài cho Phật giáo.

Sư sáng lập Phật Quang Sơn ở làng Đại Thọ, huyện Cao Hùng (1967) làm đạo tràng căn bản cho công cuộc hoằng pháp, phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa Phật giáo, từ thiện xã hội... Sư đặt hết kỳ vọng vào việc phục hưng Phật giáo và lấy việc giáo dục nhân tài làm gốc, cho nên ra sức xây dựng các viện Phật học các cấp, đồng thời, sáng lập Đại học Phật giáo đầu tiên (Đại học Tùng lâm) cho các sinh viên, học sinh học tập, nghiên cứu Phật pháp. Sư đào tạo nhiều học trò và đệ tử, nhân tài Tăng, Ni trẻ hoằng pháp với tầm cỡ quốc tế. Sư còn cho rằng: *“Phật giáo phải là hiện đại, tiến bộ và sinh động, nó không phải là một bức tranh u sầu, âm đạm và buồn chán”* và *“Phật giáo cần có giới trẻ và những người trẻ tuổi cùng cần đến Phật giáo”*.

cho 400 Phật tử, Minh Thành đã được mọi người ở nơi đó tiếp đón và giúp đỡ một cách chân thành. Sau đó, hai lần qua Đài Loan, tuy bản thân là người lạ, nhưng đều được mọi người ở đó giúp đỡ nhiệt tình không ngại khó khăn cực nhọc giống như quen thân tự thuở nào. Gần đây là những chuyên sang Hồng Kông, Úc châu để thuyết giảng Phật pháp cũng đều được mọi người đón tiếp và lo lắng rất chu đáo. Hoặc đi từ Nam chí Bắc, đi đến đâu cũng được Phật tử đối xử tốt đẹp ân cần đến nỗi nhiều khi không cầm được nước mắt. Thật không ngờ, những lời nói bằng tất cả tấm lòng chân thành trong suốt nhiều năm qua đã làm cho mọi người ở khắp nơi cảm xúc sâu xa, chuyên hóa được tâm hồn và đã giúp họ tìm được nhiều kết quả an lạc trong đời sống tu tập. Do thấy rõ được nhân quả báo ứng rõ ràng như vậy, cho nên lòng tin của bản thân vào Tam bảo càng thêm sâu sắc và càng muốn cố gắng tu tập cũng như giúp đỡ mọi người nhiều hơn nữa.

Đừng bao giờ nghĩ rằng, chúng ta lo cho người khác nhiều để rồi cuối cùng không được gì! Hãy lo cho người khác bằng tất cả tấm lòng chân thành, rồi kết quả tốt đẹp sẽ đến gấp trăm gấp ngàn lần so với những gì chúng ta nghĩ tưởng. Ngược lại, nếu giúp người mà tính toán thì

Mục đích một đời của Sư là mở rộng sự nghiệp văn hóa Phật giáo và cũng đẩy mạnh công cuộc giao lưu Phật giáo quốc tế. Sư được tặng bằng Tiến sĩ Triết học danh dự về những thành tựu hoằng pháp và làm Hội trưởng Tổng hội Thanh niên Phật giáo Hoa kỳ. Ngoài ra, Sư cũng đến hoằng pháp tại các nước Thái lan, Mã lai, Hương cảng... Sư có các tác phẩm: *Thích ca mâu ni Phật truyện, Thập đại đệ tử truyện, Ngọc lâm quốc sư, Giác thế luận tụng, Vô thanh tức đích ca xướng, Tinh văn đại sư giảng diễn tập (Phật Quang Tỳ Điện)*

quả báo sẽ có số lượng và có giới hạn. Gieo nhân tính toán thì quả thu được cũng ở trong giới hạn. Trồng nhân không so lường thì kết quả sẽ vô lượng vô biên. Do đó, tu hành là luôn nghĩ nhớ tới sự lợi lạc cho người khác.

Khi ngồi tự tu, hãy quên bản thân mà tu tập hết lòng. Đến khi ra làm việc giúp đời, nên nhớ nghĩ muôn vạn chúng sinh vẫn còn đang đau khổ và rất cần chúng ta giúp đỡ. Có tâm nhớ nghĩ đến những người xung quanh, trong lòng của chúng ta sẽ có được tình thương rộng lớn và lúc nào cũng cảm thấy cuộc sống này có ý nghĩa giá trị và luôn mang đến lợi ích thiết thực cho muôn loài. Đó cũng chính là giá trị từ nơi tâm thành kính của người con Phật đối với Tam bảo và chúng sanh.



KHIÊM HẠ NHU HÒA

Hiện tại, mọi người đến núi này công quả tập tu và thọ giới xuất gia trong tinh thần ít muốn biết đủ đối với vật chất và lúc nào cũng được sống trong tình thương yêu và sự dạy bảo của Thầy, bạn là một phước duyên rất to lớn.

Xét nghĩ lại lúc xưa, khi được gia đình cho phép xuất gia, năm đó Minh Thành mới 17 tuổi, không có được sự quan tâm dạy dỗ nhiều từ thầy và cũng không nhận được sự quở trách của Thầy. Chỉ được ở gần Thầy có sáu tháng, sau đó phải tự thân đi tìm học pháp ở khắp nơi phỏng đạo tầm sư, từ các trường Phật học, cho đến các tu viện, thiền viện với giờ giấc và kỷ luật nghiêm khắc; thèm khát một lời la rầy hay sự trách phạt của thầy cũng không có. Nghe danh vị Tôn đức nào có đạo hạnh, có giáo pháp là đi tới đó đánh lễ cầu học. Tự thân tìm tòi khó nhọc giáo pháp ở trong kinh điển, vất vả lặn lội thưa hỏi với các vị Cao đức để mong tìm ra đường lối tu hành. Lại phải tự soạn ra một thời khóa để hằng ngày làm y

theo đó như phải nghe pháp bao nhiêu giờ, phải ngồi thiền bao lâu, thời gian nào phải phục dịch, công tác ở trong chùa... Hoàn toàn không được ở bên cạnh để nghe Thầy dạy dỗ, chỉ dẫn, hay là được Thầy vạch ra cho một con đường tu tập như mọi người đang có hiện giờ.

Đến khi có duyên về ở tại chùa Bửu Liên suốt 15 năm, mà chưa bao giờ Hòa thượng Bửu Liên la rầy một tiếng. Đối với người khác có thể được vậy thì vui mừng, nhưng đối với bản thân, như thế là cảm thấy thiếu thốn, nên muốn đi tìm học ở nhiều nơi khác để được la rầy, mài giũa đẽo gọt mà trưởng thành.

Thậm chí đến khi Minh Thành đã đi giảng pháp rồi, mà khi đến một Thiền viện nọ để tham học, vị thầy tri khách phân công phải cầm thùng đi lượm rác ở khắp sân. Trong khi bản thân với hình tướng là ông thầy tu mà phải đi lượm rác dưới chân khách tham quan du lịch thì lúc đó, theo thói thường, “cái tôi” vừa mống khởi lên, lập tức nhận biết kiểm soát liền và tiếp tục vừa đi lượm rác vừa để điều phục tâm. Đó là một cơ hội tốt để điều phục nội tâm của mình.

Hiện tại, Minh Thành có thể đi đây đó chia sẻ Phật pháp ở trong nước và ngoài nước một cách an ổn nhẹ nhàng là vì đã tự mình cố gắng chỉnh sửa và rèn luyện từ lúc ban đầu. Có làm học trò quen rồi sau đó mới có thể làm thầy! Đi tới chỗ nào, chúng ta cũng phải đóng vai là người học trò để nghe sự chỉ dạy của mọi người gọi là “Vĩnh cư học địa”. Vĩnh viễn ở nơi địa vị của người cầu học thì mới có thể thực hành đạo rộng lớn giúp đỡ cho

mọi người được. Sự rèn luyện cho tự thân có một vai trò rất quan trọng trong sự tu tập!

Do đó, sự lơ là trong tu học và không nghe lời dạy bảo là chưa có tâm quý trọng kinh nghiệm và thông cảm với nỗi khổ tâm của Minh Thành. Người đi trước đã trải qua rất nhiều sự rèn luyện khó khổ trong tu hành và thấy được chỗ hay, có được kinh nghiệm quý báu mới truyền trao chỉ dạy lại. Nếu chúng ta làm đúng theo lời chỉ dạy đó thì việc tu hành chắc chắn thành tựu.

Hiện tại, chúng ta đang sống chung trong một cộng đồng của Tăng bảo. Tất cả mọi người đều như anh em, quyền thuộc trong một gia đình lớn, gọi là “bà con giác ngộ”. Do đó, chúng ta cần sống có tình nghĩa, có sự quý kính, tôn trọng và thương tưởng lẫn nhau.

Nhìn thấy huynh đệ làm việc cực nhọc vất vả, chúng ta phải hăng hái phụ giúp một tay để hoàn thành công tác. Những vị cư sĩ tập tu và người mới xuất gia không thể nhìn thấy chư Tăng làm việc khó nhọc mà bản thân thì cứ nhờn nhơ dạo chơi. Không biết vun trồng phước đức, chưa xây dựng nền tảng, chẳng chịu bồi công lập đức thì làm sao có đủ tư lương trong sự tu hành?

Trong cuộc sống tập thể và đặc biệt là đoàn thể tu hành rất cần phải có tôn ti trật tự. Người xưa có dạy rằng: “*Lý tuy bình đẳng, sự hữu tôn ti trật tự*”. Về mặt lý tánh, mọi người đều có tâm Phật sáng suốt như nhau, nhưng trên sự tướng người xuất gia cao hơn tại gia một bậc, do đó rất cần có sự khiêm cung quý kính đối với chư Tăng. Người đời có câu nói: “*Trọng Thầy mới được*

làm Thầy”, ở đời còn vậy huống nữa là ở trong đạo pháp giải thoát!

Trong thời gian dài nếu không ôn nhắc khích lệ hành trì thì chúng ta dễ bị sa sút. Điều quan trọng trong sự tu học là phải có trước có sau, người đời gọi là *có thủy có chung*. “Thủy” là ban đầu, “chung” là kết cuộc. Ngoài đời nói chung thủy có ý nghĩa ở trong phạm vi gia đình là sống với nhau có tình có nghĩa, từ lúc đầu cho đến khi cuối. Còn riêng đối với sự thủy chung ở trong đạo, có trước có sau mang một ý nghĩa rộng lớn hơn là làm sao sự tu tập của chúng ta từ ngày đầu tiên vào chùa công quả hoặc ngày đầu tiên cạo tóc xuất gia cho đến hiện nay và mãi về sau vẫn giữ được tâm cầu giác ngộ như vậy không có thay đổi. Đây là điều rất quan trọng trong đời sống xuất gia!

Phần lớn người tu dễ có căn bệnh lười nhác, lúc đầu thì tu tập tinh tấn mạnh mẽ, cẩn thận giữ gìn oai nghi và kính trọng huynh đệ lẫn nhau, nhưng một thời gian sau thì dần dần phai nhạt, xem mọi việc trở thành bình thường, nhàm chán và bắt đầu có nhiều tệ đoan phát sanh như lười biếng hoặc buông lung phóng dật mà quên mất chí nguyện giải thoát lúc ban đầu. Chúng ta hãy xét lại ngày đầu tiên bước lên núi gặp quý Thầy với tâm thái như thế nào? Sau một thời gian tu học cho đến hôm nay thì cuộc sống của bản thân như thế nào? Hãy ngồi yên xét nét, đối chiếu lại xem có đổi khác gì hay không?

Người hậu học rất cần có tâm quý trọng Thầy, mến kính huynh đệ và siêng năng trong sự tu, học và làm

việc. Không nên để cho sự nhàm chán làm nhục chí rồi dần sanh ra lười biếng, có những tật xấu. Lúc ban đầu mới gặp Thầy và huynh đệ, chúng ta chưa dám ăn to nói lớn và làm mất oai nghi, nhưng sau một thời gian tu học thì trở nên khó dạy bảo, luôn tự làm theo ý riêng, hành động và lời nói thô tháo. Dù đã được Thầy khuyên nhắc nhiều lần, nhưng vẫn xem thường và tái phạm.

Khi thầy Trụ trì có ở chùa, nếu có việc cần, thì nên thưa hỏi trực tiếp. Còn khi Thầy đi vắng, hãy nghe lời chỉ dạy của chư Tăng và những người có trách nhiệm coi sóc từng công việc cụ thể. Dựa theo lý nhân quả mà xét sẽ thấy, nếu hiện tại chúng ta không có tâm kính trọng Thầy, chắc chắn sau này khi xuất gia làm Thầy, sẽ không được người khác kính trọng. Cần phải đặt bản thân vào chỗ của người khác để hiểu biết sâu sắc và cảm thông với họ. Bồ-tát Tịch Thiên đã dạy: “*Hoán đổi vị trí*”, đặt mình vào cương vị của người và đó là bí quyết của cuộc sống. Nếu chúng ta chỉ thích học hay bắt chước dáng vẻ của Cao tăng, mà chưa hiểu được tâm ý của Cao tăng thì sự học chưa được trọn vẹn.

Tâm của Cao tăng như thế nào? Tâm nhu hòa, hạ thấp mình, hy sinh cho mọi người, phụng sự cho đạo pháp, biết nghĩ tới mọi người và muôn loài chúng sanh là tâm cao rộng của bậc Thánh nhân. Hằng ngày phải luôn tỉnh thức để trừ dẹp bớt “cái tôi”, chỉnh sửa những thói quen phạm phu thường tình, chịu khó đẽo gọt mài giũa những tập khí trần tục, hạ thấp “cái ta” xuống, nhu hòa đối với mọi người, cung kính anh em huynh đệ, nghĩ

đến chỗ chung lớn cho đạo tràng Phật pháp và luôn nghĩ đến sự lợi lạc cho muôn loài chúng sanh. Từng giây từng phút tu tập chuyển hóa trong từng tâm niệm, đó là bất chước được tâm hạnh của các bậc Cao tăng.

Sở dĩ chư Tôn đức ngày xưa được quý kính gọi là Cao tăng, Tổ sư là vì các Ngài luôn tu tập từ những điều nhỏ nhiệm bình thường nhất, mà người khác chẳng màng quan tâm. Khi xưa, ngài Bá Trượng³ tuy đã lớn tuổi mà hằng ngày vẫn vác cuốc ra đồng đi làm cùng với đại chúng. Vì lo cho tuổi cao sức yếu, nên các vị đệ tử đã đem giấu cây cuốc để Ngài không thể đi làm, nhưng Ngài vẫn cứ ra đồng. Khi các vị đệ tử khẩn thiết xin Ngài quay trở về, Ngài nói:

“Một ngày không làm, một ngày không ăn”.

Ngoài ra, còn có các tấm gương của những vị Bồ-tát khác như ngài Huệ Năng già gạo suốt 8 tháng phục vụ

3 - Hoàì Hải Bá Trượng (724 - 814): họ Vương, quê ở Trường Lạc, Phước Châu. Sư xuất gia từ thời thiếu thời, Tam học đều thông, ham thích thiền đốn ngộ, nghe thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất khai hóa ở Nam Khang (nay là núi Mã Tổ ở Giang Tây). Sau khi nói pháp Mã Tổ, Sư được đàn tín thỉnh trụ trì Đại Trí Thọ Thánh thiền tự ở núi Đại Hùng thuộc Hồng Châu. Từ đó pháp môn càng ngày càng hưng thịnh, tông phong lừng lẫy. Sư là người khởi sáng cho thiền tự được độc lập, soạn định chế độ Tông lâm, gọi là “Bá Trượng thanh quy”, nên cũng được tôn xưng là Tổ Trung Hưng của Thiền tông. Sư dạy Tăng chúng: *“Phàm người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa ý không vừa ý, tâm không lui sụt, chẳng để tâm đến danh dự lợi dưỡng ăn mặc, chẳng tham tất cả công đức lợi ích, không bị các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui, tâm hằng bình đẳng, ăn cơm hóm cốt nuôi mạng sống, mặc áo vá chỉ để ngừa lạnh; ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ứng. Nếu trong tâm ham học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí, đều là ở trong sanh tử, đối với lý đạo thật vô ích, lại bị giới hiểu biết thổi trôi giạt trở lại trong biển sanh tử”.* Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 9 (814 T.L.) ngày 17 tháng 1, Sư quy tịch, thọ 95 tuổi. Vua ban hiệu là Thiền sư Đại Trí, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân. (*Thiền sư Trung Hoa*)

cho đại chúng; ngài Lâm Tế⁴ ở trong chúng phục dịch; thậm chí ngài Hàn Sơn và Thập Đắc⁵ sống ở dưới nhà bếp làm công việc rửa chén, lượm đồ thừa của đại chúng bỏ để ăn... Các bậc Cao tăng làm những việc thấp kém nhất mà lại thành tựu địa vị cao tột nhất. Chúng ta cần học hỏi bắt chước các Ngài ở tâm khiêm hạ nhún nhường!

Đọc lại những gương sáng của quý Thầy lớn, chúng ta cảm thấy rất hổ thẹn, càng nung chí phải nỗ lực tu

4- **Lâm Tế Nghĩa Huyền** (866 - 867), là môn đệ xuất sắc nhất của Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận là Tổ khai dòng thiền Lâm Tế Trung Quốc được truyền bá tại Nhật Bản, Việt Nam cho đến ngày nay. Sư bảo chúng: *“Người học Phật ngày nay cần có kiến giải chân chính. Nếu có được sự hiểu biết đúng thực, sẽ không bị ảnh hưởng bởi sinh tử, đến đi tự tại. Chẳng cần tìm cầu những điều thù thắng, vì thù thắng sẽ tự đến với mình...Đừng để điều gì ngăn trở bạn thêm nữa bất cứ lúc nào, rồi bạn sẽ thấy mọi sự trước mắt đều là Đạo. Chỉ vì cảm xúc dâng tràn mà tri kiến bị ngăn chặn. Đó là lý do tại sao ta cứ đi theo những vết lầy xưa cũ của thế gian mà chịu biết bao điều đau khổ”*. Sư sử dụng tiếng quát, gậy đập và Phát từ để hướng dẫn đệ tử phép quán Công án. (**Đại Huệ Tông Cảo, Bích nam lục, Vô môn quan**).

5- **Hàn Sơn Thập Đắc**: thưở nhỏ ở cùng thôn, tuy khác họ nhưng thân nhau như anh em ruột. Do hai người cùng phát nguyện thế phát qui y làm Tăng. Hàn Sơn ở ẩn trong động Hàn Nham, còn Thập Đắc thì làm Tăng trong chùa kiều Phong. Hằng ngày sau khi thu xếp xong việc trai phạn, Thập Đắc đều lên Hàn Nham cùng Hàn Sơn, luận giải kinh luật, nói cho nhau nghe về chuyện nhân tình thế thái, rút ra nguyên nhân tập tánh đầy đưa con người có những hành vi xấu làm cho khổ đau nhau, ghi lại thành thi ca, đề lên cây viết lên đá cùng ngâm vịnh. Thơ của hai người ngày nay sưu tập được trên 300 bài (*Hàn Sơn Từ thi tập*), một số bài ghi lại những thú vui rừng núi, cảnh vật thiên nhiên nhân thích, còn lại đa phần nói lên những thói đời tốt xấu, phúng thích thói hư tật xấu, cảnh tỉnh người tốt tánh mê, hoặc châm biếm người xuất gia mà không ra khỏi tâm trần tục, không giữ giới, vọng động theo sinh kế, lời thơ chất phác thông tục, thấm đượm lòng từ bi hỷ xả, cảnh tỉnh thế gian, khuyên dạy mọi người hướng thiện.

tập và làm việc lợi ích cho mọi người. Nếu không biết làm về phần văn hóa, giáo dục hoằng pháp thì cố gắng để lo những việc lao động chân tay nặng nhọc. Lúc nào trong tâm cũng nhớ câu: “*Một ngày không làm, một ngày không ăn*”, làm ở trong tâm và làm luôn ở bên ngoài nữa. Nếu những ai không có nhiều sức khỏe để làm theo nghiệp võ thì hãy làm theo nghiệp văn, đừng nên lười biếng hoặc cứ sống theo kiểu “lục bình trôi sông” cho qua ngày đoan tháng. Trong từng giây từng phút phải soi rọi lại tâm niệm; từng hơi thở phải chuyên chú trong chánh niệm. Đừng để thời gian, tuổi trẻ, khí lực, chí lực, nghị lực, tâm lực hao tổn lãng phí một cách vô ích, để rồi sau này lớn tuổi già yếu hối hận muộn màng.

Trong kinh *Pháp cú* - phẩm *Già*, *câu 155*, đức Phật có dạy:

*“Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá”.*

Lợi dụng sức trẻ từ cơ thể cho đến tinh thần, dồn hết tâm tư vào việc công quả ở bên ngoài, sự học hỏi nội điển ở chặng giữa và tiến sâu vào bên trong chuyên tâm nhiếp niệm, làm sao mỗi ngày trôi qua phải thấy được sự tiến bộ của bản thân. Giống như trồng cây, lúc mới trồng thì cây còn nhỏ, nhưng mỗi tuần, mỗi tháng trôi qua, cây lớn hơn và cuối cùng là đơm hoa kết quả để cho mọi người thưởng thức. Nhìn thấy cây cỏ mỗi ngày vươn cao thêm, chúng ta học theo để áp dụng cho sự tu hành của bản thân.

Thiền sư Y Am Hiểu tu hành rất tinh tấn. Mỗi khi trời ngã bóng về chiều, Ngài roi nước mắt, than rằng: “Ngày nay vẫn chưa được gì, ngày mai chưa biết công phu ra sao?”. Ở trong Tăng chúng, không bao giờ Ngài thốt ra một lời vô ích. Chúng ta phải luôn xét nghĩ làm sao mỗi ngày càng tiến đến cứu cánh phạm hạnh. Tu làm sao càng ngày càng có tâm từ hòa, có lòng cung kính và nghị lực càng mạnh mẽ chịu được những khó khổ. Giờ tu là giờ phút thiêng liêng nhất, quyết tâm ngồi yên cho được một tiếng đồng hồ và về sau tăng dần lên một tiếng rưỡi. Buông bỏ thân thể này để tu tập mới xứng đáng gọi là xả thân cầu đạo, quên mình vì pháp.

Lúc trước, có một chú xuất gia luôn chuyên tâm thực tập oai nghi. Chưa đầy một năm sau, một dịp được phép về thăm nhà; cha mẹ, ông bà vừa nhìn thấy phong thái uy nghi của chú liền phát sinh sự kính nể, không dám gọi tên thế tục như xưa nữa.

Sự tu tập không phải đợi một năm mà một tháng thôi cũng thấy được giá trị; không phải đợi tới một tháng, chỉ thực hành trong một tuần cũng có thể thấy được kết quả của Phật pháp; không phải đợi tới một tuần mà một ngày làm cho đúng tinh thần tu học chánh niệm oai nghi đã có lợi ích; một giờ có chánh niệm thì ngay giờ phút đó đã có được trí tuệ tỉnh thức ngay nơi thân tâm.

Nếu ngay trong giây phút hiện tại đang ngồi đây mà có sự nhiếp tâm chánh niệm sẽ liền thấy được lợi ích. Cho nên, một giờ ở đây tức là muôn giờ vạn giờ khác, chỉ một niệm này không còn niệm khác, ngay đây hiện giờ quyết định tất cả.

Mong rằng tất cả chúng ta luôn nhớ lại chí nguyện xuất trần lúc ban đầu; nhớ cha mẹ đang tựa cửa lệ rơi, ông bà đang hy vọng mong chờ vào chuyên đi vĩ đại vẻ vang của mình. Từ bỏ tất cả là cốt để làm được việc ý nghĩa, lợi ích rộng lớn cho mình, cho gia đình, cho Phật pháp và cho tất cả chúng sanh!



Chương II

CHÁNH KIẾN PHÁ TÀ KIẾN



CHÁNH KIẾN PHÁ TÀ KIẾN

Từ trước đến nay, nội tâm của chúng ta đã quen đi theo chiều suy nghĩ, vọng tưởng và lâu ngày đã trở thành nghiệp thức khó có thể trừ bỏ. Ngày trước do không biết nên chúng ta hiểu lầm suy nghĩ nó là tâm, nhưng bây giờ do có học giáo pháp và có sự tỉnh thức nhìn lại thì thấy nó chỉ là một trong năm uẩn, thuộc về nhóm *tưởng uẩn*. Tuy nói là tưởng, nhưng xét kỹ thì nó cũng có *hành uẩn* ở trong đó. Không chỉ có sự vận hành mà còn có *thọ uẩn* và chúng luôn hoạt động vận hành theo chiều sanh diệt, nhưng do không nhìn thấy rõ nên chúng ta nhận nó là tâm của mình.

Sau khi chúng ta có sự quán chiếu soi rọi thì thấy rõ danh và sắc hay năm uẩn⁶, chẳng phải là chúng ta.

6- **Ngũ uẩn:** Cũng gọi Ngũ âm, Ngũ chủng, Ngũ tụ. Nghĩa là Năm nhóm tích tụ tất cả pháp hữu vi theo từng loại khác nhau. Một trong 3 khoa của Uẩn, Xứ, Giới.

a) **Sắc uẩn:** Nhóm gồm tất cả sắc pháp.

b) **Thọ uẩn:** Các cảm thọ do khổ, vui, không khổ không vui... sinh ra.

c) **Tưởng uẩn:** Các thứ tưởng do nhãn xúc mà sinh ra.

Giống như người đứng ở trên bờ sông nhìn thấy lục bình hay rác rưởi trôi dưới nước vậy. Lúc đó, rác với lục bình và người đứng nhìn không phải là một. Trước kia không biết tu thì khi nhìn những dòng tâm thức đầy vọng tưởng nổi lên cũng giống như chúng ta nhảy xuống dòng sông để cho nước cuốn đi luôn và lại còn nhận mình với rác và lục bình cùng là một thứ, cho nên đã bị dòng xoáy đau khổ của ảo tưởng chấp ngã nhấn chìm không thể dừng lại.

* Xác lập chánh kiến

Đức Phật dạy chúng ta quán xét thân tâm trong bài kinh *Niệm xứ* thuộc kinh *Trung bộ* là phải nhìn thấy rõ được sự vận hành của thân thể, cảm thọ, tâm hành, tri giác và các pháp. Khi có sự nhìn kỹ và theo dõi kiểm soát thường xuyên trong sự tỉnh thức, dần dần sẽ thấy rõ sự sanh diệt của những tư tưởng đó. Tách mình ra khỏi dòng chảy tư tưởng là bước tiến bộ ban đầu của sự tu học. Ngày xưa chúng ta và nó nhập làm một, còn bây giờ nhìn thấy nó không phải là tâm của mình, cho nên có thể tỉnh táo thấy rõ tư tưởng sinh khởi ra rồi diệt mất, sinh diệt, diệt sinh liên tục trong mỗi sát na⁷.

d) Hành uẩn: Chỉ cho tất cả pháp hữu vi ngoại trừ sắc, thụ, tưởng, thức, cũng tức là tác dụng của ý chí và tâm.

c) Thức uẩn: Nhóm gồm các loại thức như thức mắt, thức tai v.v... nên gọi Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Danh. Sắc uẩn do cực vi tạo thành, là vật thể có chất ngại, nên gọi là Sắc.

(*Phật Quang Đại Từ Điển*).

7- **Sát na (Khana):** được dùng để chỉ thời gian chớp nhoáng của mỗi biến đổi. Theo Abhidhamma Mahāvibhāsa (*Đại trí luận*) những sự biến đổi của hiện tượng giới được giải thích một cách rõ ràng như sau: “*Vạn pháp luôn luôn biến đổi, không một*

Trong bài kinh *Song tâm*, nói về hai sự hướng tới của tâm thuộc kinh *Trung bộ*, đức Phật dạy:

“Chư Tỳ-kheo! Trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh giác và còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau, Ta sống suy tư và chia hai sự hướng đến của tâm.

Chư Tỳ-kheo! Phàm có sự hướng đến ham muốn nào, hướng đến nóng giận nào, hướng đến não hại nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có hướng đến lìa ham muốn, hướng đến không nóng giận, hướng đến không não hại, Ta phân thành phần thứ hai.

Khi Ta suy tư: Sự hướng tâm về ham muốn, nóng giận, não hại, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn, các sự hướng tâm đó được biến mất. Như vậy, Ta tiếp tục trừ bỏ, rời bỏ và đoạn tận chúng.

Trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi tâm có sự hướng đến lìa ham muốn, lìa nóng giận, lìa não hại khởi lên, Ta thấy biết bằng trí tuệ như vậy: Lìa ham muốn... không nóng giận ... không não hại này khởi lên nơi Ta và các sự hướng tâm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn”.

Chúng ta phải thấy rõ những niệm nào thuộc về xấu ác tương ưng với tham, sân, si và những niệm nào là thiện, thuộc về không tham, không sân, không si đều phải thấy rõ ràng chúng chỉ là những ý niệm mà không phải

vật gì có thể tồn tại trong hai sát na liên tiếp”. Một ngày 24 giờ được tính bằng 6.400.000.099.980 sát na.

là tâm. Như vậy, theo lời dạy của đức Phật, tham, sân, si không phải là tâm, mà ngay cả những ý niệm không phải tham, sân, si cũng chưa hẳn là tâm. Ở bước ban đầu, chúng ta có thể nhìn thấy được những tâm niệm sinh diệt và có thể tách rời được mình với cảm thọ, tư tưởng, tâm hành, nhận thức là một bước tiến rất lớn.

Trong quyển luận *Đại thừa khởi tín* nói rằng: “*Cũng giống như một người phạm ý thức được lỗi lầm trong các tâm niệm trước nên đã không tái hiện trong các tâm niệm sau đó. Có thể gọi đó là giác ngộ nhưng thật chất vẫn là bất giác*”. Chúng ta khởi lên một ý niệm xấu ác thì biết nó là xấu ác và không có đi theo nó nữa, như vậy gọi là *tỉnh giác*. Nhưng, ở câu sau đó nói ở cấp độ sâu hơn nữa là tuy gọi là giác, nhưng vẫn là *bất giác*. Tại vì vẫn còn thấy ý niệm là có thật. Ba chữ “***Sanh diệt quán***” hay nói đầy đủ là “***Trụ sanh diệt quán***” là cội gốc, là trú xứ của người xuất gia. Đây là chỗ thường trú để nhìn xét sự sanh diệt của các pháp từ bên trong ra bên ngoài.

Do vì thói quen lâu đời khiến cho chúng ta không bao giờ nhìn thấy sự sanh diệt của vạn vật, lúc nào cũng nhìn thấy cái nào ra cái nấy; đẹp là đẹp và xấu là xấu; tốt là tốt và dở là dở; đúng là đúng và sai là sai. Nếu chúng ta khéo nhìn thấy sự thật của vạn vật là rỗng không, chẳng có thật, chắc chắn sẽ không còn mê lầm bám chấp và đạt được sự tỉnh thức về chân tánh vạn pháp.

* **Thực tập quán xét**

Là danh từ gọi chung cho *Danh* và *Sắc*, là chi thứ tư trong 12 chi nhân duyên. Thông thường gọi một cách

tổng quát tất cả tinh thần (danh) và vật chất (sắc). Danh sắc cũng chỉ chung cho năm uẩn. Trong năm uẩn, *thọ, tưởng, hành, thức* là tâm pháp; tâm không có hình thể, phải nhờ danh biểu hiện cho sự sanh diệt. Dưới ánh sáng của trí tuệ, mọi tư tưởng đều có tính duyên khởi, do điều kiện kết hợp mới sinh ra. Cho nên, khi tâm tham muốn nổi lên, chúng ta vẫn biết đó là niệm tham và cũng biết được tính chất sanh diệt của nó là tạm thời, nên không còn bị tâm niệm tham chi phối nhiều. Đối với ý niệm giận cũng vậy, khi nó nổi lên chúng ta cũng biết đó là sân và biết được tính chất sanh diệt tạm bợ của sự nóng giận, cho nên không còn bị tâm niệm sân chi phối nhiều.

Không phải đợi đến lúc có tâm niệm tham hoặc sân mới quán xét như thế, mà ngay lúc bình thường chúng ta luôn thực tập nhìn bằng “*con mắt pháp*” thấy được bản chất sanh diệt của mọi ý niệm là đang phá vỡ gốc si mê. Còn việc tâm niệm khởi nhiều hay khởi ít không quan trọng, tất cả chỉ là do duyên bên ngoài tác động vào nội tâm. Ví dụ, khi sống ở trên núi thì ít khởi vọng niệm, nhưng khi về sống ở thành thị thì do nhìn thấy ngoại cảnh đủ thứ màu sắc nên tâm vọng động nhiều. Nghĩ ngợi ít hay nhiều đều là do duyên bên ngoài; chỉ quan trọng ở sức công phu nhìn được tính chất sanh diệt vô thường, khổ, không, vô ngã của những tâm niệm nhiều hay ít đó thường trực như vậy, mà không bị mê lầm thì được gọi là người có tỉnh giác.

Mấy đứa bé dùng đồ chơi với nước xà phòng thổi bong bóng. Mỗi lần thổi ra rất nhiều bong bóng. Tờ bọt của xà phòng chúng không có tồn tại lâu dài. Một cái

bong bóng là giả, ngàn cái bong bóng cũng là giả. Một khi đã biết được bản chất giả tạm của bong bóng rồi thì dù số lượng nhiều hay ít cũng không còn là vấn đề quan trọng nữa. Chúng ta có thật biết mọi thứ là bọt bóng hay không mới là chỗ quan trọng cần lưu tâm.

Cũng vậy, đã biết bản chất không thật của vọng tưởng thì dù là một vọng tưởng hay một triệu vọng tưởng cũng không còn là vấn đề nghiêm trọng nữa. Lục tổ cũng có nói: “*Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Chính vì yếu tố quan trọng đó, nên cốt lõi của công phu hành trì là *niệt tâm, chánh niệm, tỉnh giác* nhận biết phải luôn luôn được thấp sáng như ngọn đèn chiếu soi đêm tối. Do có công phu giác tỉnh liên tục dài lâu và thường trực tức là có niệm; mà đã có niệm thì sẽ có định và làm phát sinh trí tuệ. Tuy nhiên, công phu này đòi hỏi người tu phải có lập trường, ý chí và sự quyết tâm kiên trì nỗ lực, gọi là *tinh cần* thì mới có thể thành tựu.

Minh Thành được của báu dùng hoài không hết mà trong kinh *Di giáo* gọi là: “*Chế tâm nhất xứ, vô sự bất biến*”, giữ tâm một chỗ không việc gì không xong. Từ việc học chữ nghĩa, kiến thức Phật học, dụng công phu tu ở trong tâm, cho đến vấn đề kiến tạo đạo tràng hay chia sẻ kinh nghiệm sự thấy biết với các huynh đệ cũng như vậy. Tất cả mọi việc lớn nhỏ đều lấy câu nói ấy của đức Thế Tôn làm phương châm để sống và làm việc.

Trong sự tu học đừng có ham nhiều, chỉ tinh chuyên một môn, học cho đến tận cùng thông đạt rồi thì tất cả các môn khác đều tự nhiên thấu suốt. Đừng nên học môn

này một chút lại nhảy qua môn khác một chút, cuối cùng không môn nào ra môn nào. Suốt cả đời tu học sẽ không đi tới đâu.

Chỉ chuyên tâm vào năm bộ kinh *Nikaya*, bốn bộ *A-hàm* mới thật sự thấy rõ thế nào là “Thánh ngôn lượng”⁸, tiêu chuẩn của bậc Đại giác. Không có một pháp nào đi ra khỏi chỗ đó, bao trùm khắp hết mọi lý lẽ và là mẫu mực của ba cõi, chân lý của vũ trụ vạn vật muôn đời, không gì có thể thay đổi.

Khi quyết tâm tu tập, chúng ta cần phải có lòng tin vào lời Phật dạy, nếu không tin Phật thì còn ai để tin? Nếu không nắm được cội gốc, không tin pháp đương nhiên là chúng ta sẽ không tin vào chính mình và cứ tiếp tục chạy đi tìm kiếm để cuối cùng đau khổ, mệt mỏi và chán chường.

*“Nếu làm hoa thì nguyện làm hoa đào,
Nếu làm người thì mong được trở thành võ sĩ đạo”.*
Đây là một câu nói nổi tiếng của người Nhật Bản.

8- Thánh ngôn lượng: Căn cứ lý luận của Phật pháp là dùng ba tiêu chuẩn để thuyết phục người khác.

Một là hiện lượng tức là dùng sự thực để chứng minh.

Hai là tỷ lượng, tức là vận dụng lô-gic để chứng minh.

Ba là Thánh ngôn lượng, tức là lời Phật được ghi lại trong kinh. Lời Phật dạy (Thánh ngôn lượng) có quan hệ mật thiết đến giáo nghĩa căn bản của Phật pháp tức là Ba pháp ấn (*Vô thường, Vô ngã và Niết bàn vắng lặng*) và Bốn y cứ (*dựa vào pháp không dựa vào người; dựa vào nghĩa không dựa vào lời; dựa vào nghĩa rất rõ không dựa vào nghĩa không rất rõ; dựa vào trí tuệ không dựa vào ý thức phân biệt*).

Dựa vào ba nguyên tắc pháp ấn và bốn y cứ để lượng định phân biệt được đâu là giáo nghĩa căn bản của Phật pháp, và đâu là giáo nghĩa phương tiện, do nhu cầu thế tục mà nói ra.

Nếu làm hoa xin nguyện làm hoa đào, bởi vì theo truyền thuyết thì hoa đào biểu trưng cho người sống có tình nghĩa thắm thiết⁹. Còn võ sĩ đạo là biểu tượng tinh thần thép bất khuất. Tu hành phải dám hy sinh thân mạng, phải dùng tinh thần dũng cảm vô úy của chiến sĩ ra trận không sợ chết để hành trì. Xét đến cùng thì chết là xong có gì mà lo sợ?!

Trong bài kinh *Chiến sĩ*, thuộc kinh *Tăng chi bộ*, đức Phật có ví dụ năm hạng người chiến sĩ:

“Này các Tỳ-kheo, có năm hạng chiến sĩ này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là năm?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, người chiến sĩ thứ nhất chỉ thấy bụi mù dấy lên đã chùn chân, run chí, không còn can đảm, không có thể tham gia chiến trận.

Hạng người chiến sĩ thứ hai có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, nhưng khi thấy cờ xí dựng lên, liền chùn chân, nản chí.

Hạng người chiến sĩ thứ ba có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, nhưng khi nghe tiếng la hét, liền không còn can đảm.

Có hạng người chiến sĩ thứ tư có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, chịu đựng tiếng la hét, nhưng khi bị thương trong chiến trận, liền thất kinh,

9- Người võ sĩ đạo Nhật Bản (Samurai) đã chọn hai thanh kiếm và hoa anh đào làm biểu tượng, bởi họ đã tự nguyện một đời hiến thân cho chủ tướng của mình, chiến đấu và hy sinh một cách cao đẹp, không sợ hãi, giống như cánh hoa anh đào luôn sẵn sàng rơi rụng trong làn gió nhẹ và bình yên trên mặt đất.

thất đảm.

Có người chiến sĩ có thể chịu đựng bụi mù dấy lên, chịu đựng cờ xí dựng lên, chịu đựng tiếng la hét, chịu đựng cuộc xáp chiến. Vị ấy, sau khi thắng trận, dự phần vào chiến thắng, cầm đầu trong chiến thắng. Này các Tỳ-kheo! Đây là hạng người chiến sĩ thứ năm, có mặt, hiện hữu ở đời”.

Nếu vì chánh pháp, vì sự nghiệp giác ngộ giải thoát mà chết thì cái chết đó đáng vinh hạnh nhất. Cho nên phải dẹp mọi sự lo lắng, sợ hãi và hãy tiến thẳng đến mục đích cao thượng đã chọn lựa.

*** Kiên trì mục tiêu**

Khi đã có được sự nhìn nhận chân chánh - chánh kiến rồi thì cần phải nuôi lớn chánh kiến đó. Phải tập chuyên cần làm cho cái thấy ấy càng sáng tỏ thêm hơn, tăng trưởng phát triển không bị những thứ khác lay chuyển. Mỗi một ngày phải đều đặn vun phân, tưới nước, chăm sóc làm cho cây chánh kiến được cứng gốc chắc rễ thì không có gió bão nào có thể làm lung lay, gọi là bất thối chuyển. Xác lập chánh kiến và kiên trì mục tiêu chân chính đó trong suốt quá trình tu tập.

Hy sinh bản thân và quăng bỏ hết từ việc lìa xa cha mẹ, khước từ ông bà cô, bác, anh, chị, em... cho đến tài sản, lạc thú tình ái bên ngoài cũng vứt bỏ. Thậm chí phải buông bỏ được tư tưởng bên trong, đó là biết bao nhìn nhận sai lầm, si mê, vô minh, kiến chấp, quan điểm phàm tình. Chỉ có sự thấy biết chân chính - chánh kiến mới phá nổi cách nhìn mê lầm vọng kiến, tà kiến bám chấp cứng

chắc vào thân tâm ngũ uẩn. Cho nên, Tôn Ngộ Không có 72 phép thần thông mà nhảy mãi cũng không ra khỏi bàn tay của Phật Tổ. Bàn tay nắm ngón đó là thân năm uẩn: *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*. Dù cho thông minh tuyệt đỉnh, lanh lợi tài trí hơn người thì cuối cùng cũng giống như người xưa nói:

“Thông minh, tài trí, anh hùng.

Ngủ si, đại đột cũng chung một gò!”

“Cái gò” chỉ cho sự chấp thủ, bám chặt. Dù là ai hay làm gì cũng không thoát ra được thân năm uẩn nếu không có chánh kiến. Nếu không dùng con mắt *Duyên khởi vô ngã* để xem xét mọi việc thì sẽ bị tà kiến che ngăn, định kiến phủ lấp và bị vọng kiến làm mờ tối. Cho nên, xác lập chánh kiến rồi, cần phải vun bồi chánh kiến để trong sự thấy về lẽ thật càng ngày càng tỏ rõ hơn và đó là việc cực kì quan trọng trong quá trình tu học. Mới vừa có khái niệm về chánh kiến thì giống như thấy phía xa mây mờ che đỉnh núi, nhưng khi đã học pháp và hiểu rõ về sự thật nhiều rồi thì như mây mờ tan hết, mặt trời lộ dạng, muôn vật hiển bày thật rõ không còn ngờ vực gì nữa. *Trưởng lão tăng kệ* có thuật về sự tu tập đạt đến thành tựu Đạo và Quả của một vị Thánh giả, từ việc quán chiếu góc rẽ của sự luyện ái về hình sắc đã đưa đến vòng luân hồi tái sanh:

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài Abhaya sanh ở Xá Vệ, trong một gia đình Bà-la-môn. Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, Ngài xuất gia. Một hôm, đang đi khát thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư Ngài bị dao động. Khi trở về tịnh xá, Ngài suy nghĩ:

“Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm”. Từ bỏ tâm tư ấy, Ngài phát triển thiền quán và chứng A-la-hán. Rồi Ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh qua bài kệ:

*“Thấy sắc mắt chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu”.*

Kiên trì trong chánh kiến sẽ giúp từ bỏ cách nhìn thiên lệch và sự bám chặt vào thân tâm năm uẩn này. Tất cả ý tưởng và suy nghĩ nếu không có chánh kiến soi rọi thì đều xoay quanh trục của “cái tôi”. Không cần học nhiều mà chỉ cần thấy Đạo là đủ rồi. Học là làm sao để thấy tận cùng được chân lý vạn vật đều là Duyên khởi vô ngã, thật sự bằng cái thấy của bản thân thì không còn gì có thể làm lung lay được nữa. Chính khi ấy chúng ta đã vào được dòng chánh pháp, Thánh nhân.

*** Giữ vững niềm tin**

Lòng tin vững chắc là điều kiện rất quan trọng để trợ giúp cho tinh thần tu học được bền lâu. Cần phải giữ được ý chí đừng để tâm dôi trá lường gạt dẫn dắt. Không thể cạo đầu vào chùa rồi muốn đi đâu tùy ý, nay ở với thầy này mai đến thầy kia cầu pháp, tất cả những việc đó đâu phải là tâm cầu đạo chân thật. Chọn thầy thật kỹ để chánh thức quy hướng rồi phải đem cả sinh mạng theo thầy suốt cuộc đời. Quãng hết tất cả những hiểu biết thế

gian của cá nhân và một lòng tôn trọng giáo pháp của Đạo sư. Như vậy, mới gọi là có lòng tôn kính vị ấy làm Thầy; mới là chân chánh quy y Tam bảo và mới thật sự có tâm cầu pháp.

Trồng cây cỏ thụ mới được một hay hai năm mà đòi nó phải cao lớn thì trái ngược với nhân quả. Điều quan trọng là trồng cây cần có kiên trì nhẫn nại thì cây sẽ lớn đến không ngờ. Cũng vậy, người tu cứ giữ vững sự thâm trầm tĩnh thức, chánh niệm luôn luôn quán xét tính chất sinh diệt của thân tâm – “*thường trú sanh diệt quán*” như vậy chánh định và trí tuệ sẽ tự nhiên phát sanh.

Ngày xưa, đệ tử theo học với Thầy suốt 20, 30 năm, cho nên về sau ra hoàng pháp toàn là những bậc Cao tăng thạc đức, Tông lâm trác tuyệt, Thạch trụ hay Đại pháp khí. Dưới tay đào luyện của các bậc Tông sư những người đệ tử giống như cây cỏ thụ mấy chục năm mới to lớn có lõi chắc và cho gỗ tốt có thể đem làm cột nhà. Ngược lại sự tu học yếu kém như chúng ta thời bây giờ chẳng khác mấy loại cây tạp, mới trồng chừng một, hai năm thì thấy cao lên chót vót, nhưng chỉ là gỗ xấu dùng làm đồ chơi hay chum lửa. Giữ vững niềm tin của bản thân đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng không lay chuyển mà tu tập thì dần dần sẽ thấy được hiệu quả nhiệm mầu.

Tóm lại, người tu cần phải có đủ ba thứ tâm mới thành tựu được đạo quả:

1- Xuất ly tâm, là tâm muốn vượt thoát ra nỗi khổ của phiền não. Tâm mãnh liệt muốn vượt thoát ra là điều đầu tiên phải có, nếu không có thì không thể xuất gia. Cho nên, tất cả người xuất gia đều có tâm xuất ly vượt

thoát này. Tâm vượt thoát mạnh mẽ do nhìn thấy được nỗi khổ ở trong ba cõi, thấy được nỗi khổ của phiền lụy.

2- Đại Bồ-đề tâm, muốn giúp cho khắp tất cả chúng sanh cùng giác ngộ, không phải cho riêng bản thân.

3- Thanh tịnh kiến, là sự thấy biết trong sáng trung đạo chánh kiến, thấy được lý *Duyên khởi tánh không*. Muốn giữ được Bồ-đề tâm, muốn giữ được tâm xuất ly cần phải có được cái thấy trung đạo, không bị thiên lệch, thấy được đạo lý “*cái này có cho nên cái kia có; cái này không cho nên cái kia không*”.

Tổ sư Tông Khách Ba¹⁰ giới thiệu ba tâm này trong quyển *Bồ-đề đạo thứ đệ luận* rất rõ. Đó là ba yếu tố quyết định của người tu Đại thừa, không có một trong ba điều này thì tu hành không thể thành công.

10- Tông-khách-ba (bo. *btsong kha pa*), 1357-1419, Sư sinh tại Amdo, Đông Bắc Tây Tạng trong một gia đình quan lại quyền thế đồng thời cũng là một gia đình Phật giáo. Sư là một vị Lạt-ma Tây Tạng, nhà cải cách lừng danh của Phật giáo, sáng lập tông phái Cách-lỗ (bo. *gelugpa*), với một trong những giáo pháp quan trọng nhất của Phật giáo Tây Tạng. Sư chủ trương soát xét lại toàn bộ kinh điển và tổng kết thành quả của mình trong hai tác phẩm chính: *Bồ-đề đạo thứ đệ* và *Chân ngôn đạo thứ đệ*. Sư là người xây dựng nhiều tháp quan trọng tại Tây Tạng như Drepung (*Triết Bang*), Sera (*Sắc Nhạ*) và Ganden (*Cách Đãng*). Sư học với nhiều vị đạo sư khác nhau và nghe nhiều khai thị của hai tông phái Tát-ca và Cam-đan. Khả năng luận giảng xuất sắc của Tông-khách-ba biểu lộ trong 18 tác phẩm và các tác phẩm khác. Sư cho rằng, một Tỳ-kheo cần phải nghiên cứu năm ngành học (Ngũ minh) và muốn thế, vị này cần biết lắng nghe các lời khai thị, biết tự mình suy xét phân biệt và biết thực hiện chúng thông qua thiền định. Sau khi tu học và bắt đầu thu nhận đệ tử vào năm 29 tuổi, Ngài bắt đầu đổi sang đội mũ màu vàng và bắt đầu hình thành Hoàng Mạo phái (*phái mũ vàng*). Mũ vàng vốn ban đầu là mũ dành riêng cho những Đại sư có nhiệm vụ duy trì giới luật (*Bách khoa toàn thư*).

BẢN NGÃ MUÔN MÀU

Có một lần, khi đi lên Quán Chiếu Đường nhìn thấy một vài huynh đệ đậu xe chắn giữa đường đi, Minh Thành đã tự tay di dời từng chiếc xe và để vào chỗ thích hợp. Việc đậu xe tuy nhỏ, nhưng nếu không có sự lưu tâm sẽ sanh ra những phiền phức lớn. Do đường đi là chốn công cộng, có nhiều người đi lại, nếu chúng ta đậu xe giữa đường khiến cho sự đi lại của người khác bị trở ngại chắc chắn sẽ có phiền phức và có khi họ lại trách nhà chùa làm việc thiếu ý thức.

Chánh niệm tinh giác đối với những việc nhỏ nhất. Khi đậu xe cũng cần phải nghĩ tới người khác là một điều không thể thiếu đối với người tu.

*** Tự đổ gọt bản thân**

Điểm căn bản quan trọng là cần phải chánh niệm trong từng hành vi, cử chỉ và những việc làm nhỏ nhiệm của bản thân. Vì đó là nền tảng rất quan trọng trong mọi sự tu tập, nếu thiếu điều này người tu sẽ không khác gì người đời. Trong lúc đi, đứng, nói, cười và làm việc, nhất

cử nhất động phải luôn luôn có sự quán xét kiểm soát, nhận biết rõ ràng, không được lơ là cẩu thả hoặc quên sót.

Tổ Quy Sơn dạy: “*Tâm hình dị tục*”, tức là hình hài và tâm niệm của người xuất gia phải khác với người thế tục. Khác nhau ở chỗ có chánh niệm tinh thức này đã trở thành kinh sách giáo khoa cho các thế hệ sau. Nếu không có sự tỉnh thức và kiểm soát nghiêm chỉnh về ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ và tính cách, dù có ở chùa mấy chục năm cho đến khi già, chúng ta cũng chỉ khác với người thế gian ở cái đầu với chiếc áo, ngoài ra chẳng có gì đặc biệt. Chính vì yếu tố thiết yếu đó mà điều này được xem là nền tảng quan trọng nhất trong sự tu tập.

Tỳ ni, Sa-di, Oai nghi và *Cảnh sách* phải luôn đọc tụng hoài, bởi vì bốn quyển sách ấy là nền tảng của mọi người tu Phật. Người có thực hành oai nghi, trì luật thì mọi người nhìn vào là thấy được hình tướng xuất thế, dáng vẻ thoát tục, biểu tượng giải thoát. Có những thầy ở chùa, khi người khác từ bên ngoài đến tìm gặp chẳng cần hỏi xuất gia bao lâu, chỉ cần thấy cung cách đi đứng, nói chuyện và hình nghi là có thể đoán biết được thời gian xuất gia của vị ấy.

Chánh niệm trên hình tướng bên ngoài là cần phải xem xét bản thân về hành vi cũng như cử chỉ thật kỹ để thấy được sau ba, bốn năm sống ở chùa khác với lúc còn ở nhà thế nào để mà nỗ lực hơn nữa. Tiếp đến, thực hiện chánh niệm bên trong là suốt bao nhiêu năm sống nơi Tông lâm mà cử chỉ hành vi cũng vẫn lững lờ, cách ăn nói vẫn sỗ sàng phóng túng, muốn làm gì tùy thích, thì

có thể thấy được sự tu của bản thân không có tiến bộ. Ngược lại, nếu như có thay đổi rất nhiều là một sự tiến bộ rất lớn. Sức mạnh của sự thực tập nghiêm chỉnh oai nghi chánh niệm là rất lớn và có giá trị vô cùng.

Cũng cần phải nói rõ là sự giữ gìn oai nghi chánh niệm không phải làm kiêu máy móc hoặc cố gắng làm ra dáng vẻ, mà chính là nhờ sự thu nhiếp sáu căn ba nghiệp. Lúc ban đầu sẽ hơi khó chịu, vì trước nay đã quen buông thả, phóng chạy quá nhiều, bây giờ muốn đưa tâm vào khuôn, đặt ý vào phép thì phải chịu khó, nhưng dần dần sẽ quen rồi trở thành tự nhiên. Lúc đó tâm ý đã vào khuôn phép, không cần phải canh chừng bó buộc nữa, gọi là “thay da đổi thịt”. Như vậy đã bắt đầu có mùi vị tương chao, tức là, khí chất của bậc xuất trần. Thật ra tất cả những sự nhắc nhở la rầy hay quở trách của quý Thầy đều phát xuất từ tình thương, từ sự xây dựng mong muốn tốt cho đại chúng, làm đẹp cho đạo tràng, trang nghiêm cho Tam bảo, không phải vì tình riêng hay ý khác.

Minh Thành một khi đã nhận người vào tu học thì phải lo tới nơi tới chốn, thấy việc gì làm sai không thể để trong lòng, phải nói ra có khi đã làm cho huynh đệ chạm tự ái. Nhưng tất cả đều vì tình thương muốn mọi người được tốt đẹp và thành tựu. Khi bản thân được người khác la rầy, nhất là vị Thầy mà mình học đạo, thì càng nên xem đó là một niềm hạnh phúc. Thời đại bây giờ, hầu hết các vị Thầy không còn la rầy học trò nữa, bởi vì la rầy nhiều các đệ tử sẽ bỏ chùa đi mất hoặc là giận ghét oán thù. Đó là nỗi khổ tâm của người đi trước, mà có mấy người sau hiểu hết!

Như vậy, người tu phải luôn luôn nhớ là tự đẽo gọt, điều chỉnh những điều nhỏ nhiệm nhất ở bản thân. Bởi, của đàn na tín thí một hạt gạo nặng như núi Tu Di. Trong sách *Sa-di luật giải* có kể câu chuyện về chú Sa-di lén lấy trái cây mà người ta cúng Phật để ăn mà phải đọa địa ngục. Do đó, những người có trách nhiệm phải đi ra ngoài để coi sóc việc xây dựng đạo tràng cần lưu ý điểm này thật kỹ. Cần phải có tâm tiếc phước rất nhiều, bởi vì chúng ta không làm ra đồng tiền bát gạo và tất cả những vật đang sử dụng đều là do tín thí đàn na mười phương gom góp về đây. Mỗi người cần phải tiêu dùng thận trọng và biết tiếc phước từ những việc nhỏ.

Mọi sự đều có nhân quả tất yếu của nó, nếu có tâm tiếc phước và dùng đúng chỗ thì phước báu hưởng không hết. Làm phước sẽ có phước, hưởng rồi thì phải biết gieo trồng thêm nữa. Như vậy, phước báu sẽ trở ra liên tục và mỗi ngày càng nhiều thêm. Trái lại, mới tập sự xuất gia chưa có bao nhiêu phước báu và công đức mà cứ ăn xài thoải mái, phung phí thì sau này sẽ không có phước để tu hành.

Ngày xưa, thời đức Phật còn tại thế, có một vị Thầy đã tu chứng A-la-hán, nhưng ngày nào đi khát thực cũng phải chịu nhịn đói hoặc ăn không đủ no. Ngài phải chịu đựng như thế đến suốt đời. Tới ngày cuối cùng sắp viên tịch, Tôn giả Xá-lợi-phất thương xót muốn giúp cho vị ấy có được một bữa ăn no, nên đã dùng công đức của Ngài hỗ trợ cho vị ấy có một bữa ăn đầy đủ.

Đối lập lại là hình ảnh Tôn giả Sivali¹¹ là một vị được mệnh danh là “Phước tài bậc nhất” vào thời đức Phật, hễ chỗ nào có Ngài đi qua thì nơi đó tràn ngập đồ dùng mà người ta cúng dường không thể mang theo hết. Tất cả đều là nhờ phước báu do Ngài đã tạo ra trong quá khứ. Ngày nay, mọi người thường thờ tượng của ngài Sivali một tay ôm bát, một tay bốc thức ăn và xem như là vị “Thần Tài trong Phật giáo”.

Tại sao ở Linh Quy Pháp Ấn này, chúng ta thường tụng đọc kinh *Di giáo*? Vì đó là những lời dạy sau cùng đầy tâm huyết của đức Thế Tôn. Thông thường, người sắp sửa ra đi sẽ có những lời dặn dò về những điều quan trọng nhất và đó là bộ kinh quan trọng trong tất cả những bộ kinh.

11- Sivali: Thánh Tăng Sivali thật là một nhân vật phúc đức phi thường! Tiền thân Sivali khi ấy làm chủ một hiệu buôn lớn. Trong một lần mua bán, ông rất ngạc nhiên khi thấy một khách hàng chịu mua với giá 200 đồng vàng cho một đơn vị mật ong, cộng với một đơn vị sữa chua. Chủ tiệm (tiền thân Sivali) liền ngạc nhiên hỏi duyên cớ mua giá cao như vậy vì người khách muốn cúng dường đức Phật Tỳ-Bà-Thi và tặng chúng. Người chủ ấy cũng đã phát tâm cúng dường và trong khi cúng dường và trước mặt đức Phật Tỳ-Bà-Thi (Vipassi Buddha), tiền thân Sivali đã lập lại nhiều lần lời phát nguyện, xin tái sinh kiếp nào cũng được đầy đủ phúc đức, để chia xẻ vật dụng đến người khác. Đức Phật Tỳ-Bà-Thi (Buddha Vipassi) đã thọ ký cho nguyện vọng của người này sẽ thành tựu trong tương lai và phước báu này sẽ kéo dài đến 6.800.000 năm.

Kể từ ngày ấy, tiền thân Sivali là đệ tử thuần thành của đức Phật Tỳ-Bà-Thi, và ông tu tập rất tinh tấn. Kết quả cuối cùng, thiện tâm Ba-la-mật chín muồi, ông tái sinh vào thời đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni Cồ-Đàm (Buddha Sakya Muni Gotama), làm Hoàng tử, tên là Sivali và xuất gia trở thành Sa-di Sivali. Nhờ tinh tấn hành đạo, mà Ngài đã trở thành vị Thánh Bất lai A-la-hán Sivali, ngay lúc mới thọ giới Sa-di.

Kinh Lăng nghiêm gọi thời đại mạt pháp, tà sư thuyết pháp nhiều như số cát sông Hằng, nếu không khéo phân biệt nhìn rõ mà chúng ta đi theo những tư tưởng tà giáo thì cuộc đời tu hành không biết sẽ đi về đâu? Chính vì muốn cho mạng mạch Phật pháp giữ lại lâu dài và có người thừa kế chánh pháp nên chúng ta phải có những phương pháp tu tập đúng đắn và nghiêm túc. Lúc xưa, đức Phật tu như thế nào và Ngài nhờ việc gì mà giác ngộ, đức Thế Tôn đem pháp gì độ chúng sanh, chúng ta phải thấy rõ ràng và tìm hiểu thật kỹ để thực hành theo.

*** Bóng dáng “Bản ngã” ở khắp mọi nơi**

Khi xưa đức Phật và chư Tổ không phải lấy chùa to tượng lớn làm thành công. Cũng không phải các Ngài lấy những bằng cấp địa vị làm thành công hay lấy tín đồ đông đảo, pháp hội hoành tráng làm thành công. Các Ngài lấy sự tự giác, đạo hạnh làm trọng tâm; lấy sự thấu suốt bản chất của sự thật, chấm dứt tất cả phiền não trong nội tâm, vượt thoát tất cả đau khổ cho bản thân và sau đó mới giúp chúng sanh giác ngộ làm sự nghiệp. Ngày nay, nếu không khéo hiểu và tu tập, chúng ta sẽ dễ bị rơi vào những trường hợp lệch lạc mà không hay biết.

Do có “bản ngã” hay “cái tôi” lỏng vào trong công việc, học vấn, tu tập, địa vị, danh tiếng, cung kính, chùa chiền, tín đồ và tin tưởng vào những hiện tượng quái lạ khiến cho việc tu hành trở nên ngã hoặc nghiêng lệch hướng tà. Khi có “bản ngã” lỏng ghép vào trong sự tu học và làm việc thì dù ở chùa bao lâu, tu hành thế nào cũng chỉ lần quần ở trong sanh tử luân hồi; càng tu càng tham

muốn và càng khổ; càng làm nhiều càng phiền não tranh đấu nhiều.

Người tu không khéo còn bận rộn hơn cả người đời, từ sáng đến tối lãng xãng não động. Một khi “bản ngã” lỏng vào trong công việc, làm được một chút việc là nó liền dựa vào đó mà tăng trưởng thêm tâm cao ngạo. Lúc mới vào chùa hiền lành, dễ thương, nhưng ở nhiều năm, rồi đảm trách được nhiều công việc thì ngã mạn, kiêu căng nổi lên khiến không ai dám ở gần. Xem mấy người khác thấp nhỏ hơn mình, thậm chí thầy nói cũng không còn muốn nghe nữa. Trong khi cốt lõi tu hành của đạo Phật là triệt phá “cái tôi” và trái tim của Tam tạng kinh điển là đạt đến sự *vô ngã*. Bây giờ sau bao năm tu hành, chúng ta đã để cho “bản ngã” lỏng vào công việc và sự tu học làm trái ngược với tông chỉ của đức Phật. Những người làm việc nhiều trong chùa, trong đạo tràng phải để ý luôn luôn canh chừng “cái tôi”.

Hơn nữa, “bản ngã” dựa vào sự học vấn, càng học được nhiều biết được nhiều, kiến thức càng cao thì càng xem thường người khác. “Bản ngã” của người trí thức rất tế nhị, không biểu lộ ra ngoài giống như những người bình dân mà nó âm thầm bên trong luôn tự cho mình là cao. Như vậy, sự học như thế chỉ làm tăng trưởng thêm “cái tôi”, trái ngược với tông chỉ vô ngã của đạo Phật. Nếu cho rằng được bằng cấp đại học, hoặc các văn bằng, thạc sĩ, tiến sĩ Phật học thì cũng giống như người đời, lấy mảnh giấy đó làm kế sống và gửi gắm sinh mạng nơi bằng cấp đó.

Tu tập mà tại sao cũng làm tăng thêm “bản ngã”?

Bởi vì không nắm được tông chỉ vô ngã thì dù làm bất cứ việc gì và ở đâu cũng bị dính vào “tự ngã”. Tu tốt rồi thì tự thấy bản thân đã tu nhiều hơn người khác hoặc là đã dụng công nhiều hơn, hoặc bản thân là người chuyên tu rồi “bản ngã” bám víu vào sự tu đó và âm thầm lớn thêm tâm ngã mạn ở bên trong. Trên thực tế có nhiều người càng tu càng khó chịu, họ không muốn qua lại với ai hết bởi vì nghĩ rằng ta là người chuyên tu, còn mấy người kia không có tu!

Ngoài ra, “bản ngã” gá vào sự tu, còn tạo ra thêm những điều quái lạ hơn người khác nữa. Thời bấy giờ, nhiều việc kỳ quái này xuất hiện. Có thể kể ra một vài ví dụ như như tu theo cách lạ lùng, giờ ngủ thì thức rồi đến giờ người ta bắt đầu tu thì đi ngủ. Hoặc là ngồi hoài không nằm, hoặc chỉ tụng đọc một loại kinh còn mấy kinh khác đều phế bỏ hoặc ngồi mấy giờ đồng hồ, tụng bao nhiêu bộ kinh, niệm bao nhiêu câu, lạy mấy ngàn lạy để khoa trương thể hiện. Họ lấy những việc khác lạ cho đó là dụng công phu tu mà không đi thẳng vào cốt lõi thấu suốt được thực chất vô thường, khổ, không, vô ngã của thân tâm và vạn vật. “cái tôi” âm thầm đợi chờ cơ hội thuận lợi để bám víu và phát triển to lớn.

Ở ngoài đời cực khổ quá nên muốn vào chùa tu cho khỏe thân. Đó là tư tưởng kiếm chỗ sống nhàn hạ chẳng phải tu hành. Rồi khi tu cũng chọn pháp môn nào dễ tu để hưởng sướng. Tất cả những sự suy nghĩ như vậy là đều bị “cái ngã” trá hình lừa gạt. Làm gì có pháp môn nào tu hành dễ mà đạt kết quả cao? Chư Phật và

Bồ-tát đều phải khổ hạnh mới có thành quả. Ngay trong kiếp này, đức Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi thành đạo cũng phải sáu năm khổ hạnh trong rừng già đến nỗi chỉ còn da với xương, xả thân cầu đạo mới đạt kết quả sau cùng. Ngài đã tu hành trong nhiều kiếp chẳng phải là chỉ mới một đời sau cùng này. Muốn tìm một pháp môn nhẹ khỏe, không cần cực khổ mà được đạo là việc không bao giờ có!

Điểm cốt lõi quan trọng nhất trong sự tu là phải chân thật. Dùng tâm chân thành mà học tu và phụng sự cho Phật pháp. Ở bên trong có thì bên ngoài cũng có mà chẳng cần phải lo lắng quá nhiều. Chỉ nhắm thẳng vào cốt lõi đập tan “bản ngã”, khi nhìn thấy rõ mạng sống chỉ tồn tại trong mỗi hơi thở. Sự có mặt và tồn tại của chúng ta trên thế gian này rất mong manh.

Mỗi một hơi thở nếu có sự quán chiếu xét nét sâu sắc thì sẽ thấy được sự sống này rất tạm bợ và vô thường biến đổi không thể biết trước. Luôn luôn nhìn sâu vào chỗ cội gốc đó, mọi sự tu học và làm việc đều đi vào cốt lõi giải thoát. Còn nếu không làm được như vậy thì trên đường tu trì hành đạo, chúng ta sẽ bị vướng kẹt rất nhiều bởi bao nhiêu lớp trá hình của “bản ngã”. Không thấy được cốt lõi đó thì càng làm càng bị vướng, càng học càng bị chấp, càng tu thì càng bị kẹt. Những người có địa vị, chức vụ trong chùa rất dễ phát huy “bản ngã”. Ngày xưa, không ai biết, nhưng khi danh tiếng càng nổi, được người ta cung kính hay là có chùa to lớn, tín đồ đông đảo v.v... bắt đầu có thái độ khác lúc trước. Tất cả việc đó

đều do “cái tôi” lồng vào và tác oai tác quái khiến cho chúng ta càng tu càng đi xa với tinh thần vô ngã, tuệ giác, từ bi giải thoát.

Vì vậy, muốn tu học tốt, cần phải nắm thật vững cội gốc để hành trì. Nương tựa vào đó mà dần dần bào mòn, đẽo gọt thói quen xấu tệ bằng “lưỡi dao” chánh niệm; quán chiếu sinh diệt của danh và sắc, kiểm soát cử chỉ, hành vi, ngôn ngữ, lời nói, tâm niệm của bản thân. Đến khi thành tựu rồi sẽ dùng mọi phương tiện để giúp người, đó mới là sự hoằng pháp chân chánh, như vậy mới đền được ơn Tam bảo, đàn na tín thí, ơn cha mẹ, chúng sanh.



KHÍCH LỆ TU HÀNH

Thời gian gần đây, tinh thần tu học của đại chúng đã có sự cố gắng nhiều. Tuy nhiên, những điều tốt ấy vẫn chưa đủ cho sự đạt đến giác ngộ, chúng ta không thể dừng lại ở chỗ đó mà phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

*** Điểm thứ nhất - Phải có tâm mạnh mẽ.**

Chỗ cần phấn đấu nhất là vào những giờ ngồi tĩnh lặng là giờ ra trận chiến đấu với quân giặc phiền não rất cần sự tỉnh sáng, chẳng thể ngồi đó mà nửa tỉnh nửa mê, ngủ gà ngủ gật. Ngồi như vậy chỉ để ngồi mà thật không có một ý chí hay hùng lực thì làm sao thành tựu được thiền định và trí huệ? Trong kinh *Pháp cú* - phẩm *Không phóng dật*, câu 29, đức Phật có dạy:

“Tỉnh cần giữa phóng dật

Tỉnh thức giữa chúng mê

Người trí như ngựa phi

Bỏ sau con ngựa hèn”.

Đức Phật nói, người tu giống như lội ngược dòng nước, phải luôn nỗ lực bơi nếu không muốn bị nước cuốn

trôi. Không có sự cố gắng tinh cần tu tập và để cho cơn buồn ngủ làm chủ mình thì chẳng còn có tâm chiến đấu với phiền não. Cứ để tình trạng như vậy mãi thì trải qua thời gian lâu sẽ chết dần chết mòn tuổi thanh xuân.

Tất cả những huynh đệ đều là tuổi trẻ thanh thiếu niên dám cắt ái ly gia từ bỏ cha mẹ, quăng hết tất cả thú vui mà đi vào núi rừng tu hành, đáng để cho người thế gian phải bái phục. Như vậy, chúng ta đã hoàn thành giai đoạn đầu của sự tu hành.

*** Điểm thứ hai - Phải có ý chí vượt thoát.**

Phía trên chỉ mới nói đến việc ra khỏi nhà thế tục, mà chưa ra khỏi ngôi nhà buồn lo, nhưng đến đây mới là bước quyết định vấn đề. Muốn ra khỏi ngôi nhà phiền não, chúng ta rất cần lưu tâm đến những giờ phút ngồi tĩnh lặng trên bờ đoàn. Những giờ phút dụng công phu thật sự thiêng liêng, có tính chất cực kỳ quan trọng và đặc trưng nhất của người tu. Chư Tổ nói, thái độ của người tu cũng giống như mèo rình chuột, lúc nào cũng chăm chăm soi rọi vào nội tâm để quán chiếu những ý niệm tạp loạn sanh diệt. Lúc ngồi thiền cũng là lúc “ngồi trên tòa Sư tử”; nếu không có ý chí mãnh liệt để tu hành thì gọi là “ngồi trong hang quỷ”, lờ mờ u tối.

Nhà Nho nói rằng: “*Người quân tử lúc nào cũng giữ mình giống như đang đi trên băng mỏng, bước trên kiếm bén*”, chỉ cần một chút sơ xuất nhỏ cũng đủ mất mạng. Việc giữ tâm ý cũng cẩn thận giống vậy, mới có thể siêu phàm thoát tục. Không những chỉ giữ tâm trong những giờ công phu chính thức mà trong mọi lúc mọi

nơi cũng đều phải kiểm soát tâm cẩn thận. Công phu như vậy liên tục hàng chục năm thì ngõ hầu may ra mới có được một sự thành tựu tương đối nhiếp phục được phiền não. Ngược lại, ngày qua tháng lại sống ở trong chùa cũng buồn giận, cũng hơn thua, nhiều khi lại vướng mắc vào danh lợi, tình cảm... dù có tu hành được lợi ích đi nữa cũng rất nhỏ bé. Xuất gia tu hành như vậy sẽ uổng phí một đời tu!

Tổ Quy Sơn dạy: “*Hưng quyết liệt chí chí, khai đặc đạt chi hoài*”, đây khởi lên ý chí quyết liệt tu hành, mở ra tâm Bồ-đề to lớn. Tu hành thành tựu để cứu vớt cha mẹ ông bà, cô bác và để đền ơn đàn na tín thí, phổ độ chúng sanh, giúp đỡ muôn loài là trọng trách to lớn và là bổn phận vĩ đại của một người xuất gia. Lúc nào cũng phải luôn tâm niệm tha thiết nhớ đến ý chí xuất gia của bản thân và từng giây từng phút soi xét lại tâm để nhìn thấy sự tiến bộ. Tu hành không phải chỉ mong cho mau hết giờ hoặc làm sơ sài cho qua ngày hết tháng. Phải có tâm tha thiết nồng nhiệt cháy bỏng tiến tu, thì mới mong có được kết quả như ý.

Người đời đi làm suốt ngày hiếm khi giữ cho tâm dửng lạng, họ mãi miết vì công việc, vì mưu sinh nên chẳng còn thời giờ lo cho tâm linh. Xét lại sẽ thấy, ngay giờ phút chúng ta đang ngồi trên chánh điện yên lành như thế này, có nhiều người ngoài đời đang phải dầm mưa dãi nắng, cày sâu cuốc bẫm vất vả ở ngoài đồng và một ngày có khi chỉ ăn hai buổi. Nếu người xuất gia không khéo xét nghĩ như vậy thì sẽ vô tình làm mất đi

những phước báu cũng như cơ hội xuất trần hiếm gặp để đạt đến mục đích cần đạt. Do đó, chúng ta cần thường xuyên nghe đọc lại những gương hạnh của chư Tổ và các vị Cao tăng để có sức thúc đẩy và hâm nóng tâm vượt thoát cho chính mình.

Nhìn ra thế gian, chúng ta sẽ thấy thật chẳng có gì vui, chỉ là những khổ đau, vất vả lo toan vương bận trong guồng máy xoay tròn bất tận không bao giờ dừng lại. Ngày càng đạo đức, tình nghĩa, nhân hậu càng xuống cấp trầm trọng, không còn tốt đẹp như khi trước. Mọi người sống trên sự lừa dối lẫn nhau vì tâm tham dục và tranh đấu phát khởi mạnh mẽ. Đời sống vợ chồng đầy toan tính tiền bạc để đi đến chỗ giận hờn, bất hòa, không thèm nhìn mặt nhau; tình nghĩa ruột thịt trong nhà cũng trở nên lạnh nhạt, vô cảm. Bên ngoài xã hội, những nhà kinh doanh không lương thiện luôn luôn có những sản phẩm mới lạ hấp dẫn khơi gợi tham muốn của con người hoặc tung ra những chiêu trò để lợi dụng và lừa gạt, nhân chìm họ vào dòng cuốn của thói xấu, tệ nạn xã hội... Thấy rõ điều này, chúng ta ngao ngán chán nản và càng phát tâm mạnh mẽ đi tìm nơi núi rừng yên tĩnh để tu hành. Tuy nhiên, tìm được chỗ vắng vẻ yên tĩnh rồi cũng chưa thật sự an, vì chỉ mới an thân trong cảnh vắng; chỗ quan trọng mà chúng ta cần phải an là nội tâm. Khi nào tu đến chỗ tâm an bình thật sự rồi thì lúc đó mới có thể gơ cao ngọn cờ và hát lên khúc ca khải hoàn chiến thắng.

*** Điểm thứ ba - Phải có tâm tháo gỡ luyến ái ràng buộc.**

Trong *Trường lão Tăng kệ* có kể câu chuyện:

Khi đức Phật còn tại thế, vị Sadi Sànu sanh ở Xá-vệ trong một gia đình cư sĩ mà người cha đã từ bỏ gia đình ra đi. Khi Ngài lên 7 tuổi, được đưa đến ở với các Tỳ-kheo, nghĩ rằng như vậy con mình được sống hạnh phúc. Rồi Sànu trở thành một vị học hành giỏi, một vị pháp sư, thiên sư với lòng từ bi, được chư Thiên và loài Người ái kính.

Sau đó một thời gian, Ngài bị mất sự sáng suốt, sống sầu khổ và muốn đi lang thang đây đó. Bà mẹ trong đời trước của Ngài vốn là một Dạ-xoa thấy vậy liền báo động với bà mẹ hiện tại và bảo bà khích lệ Ngài phải tinh tấn, và đọc lại lời nói của các Dạ-xoa:

Chớ có làm điều ác,
Công khai hay bí mật,
Nếu người làm điều ác,
Sẽ làm hay đang làm,
Người không thoát khổ đau,
Dù có đứng lên chạy.

Nói như vậy xong, người mẹ Dạ-xoa biến mất, nhưng người mẹ hiện tại, nghe vậy rất lấy làm sầu khổ. Vị Sa-di Sànu cảm y và bát đến thăm bà mẹ rất sớm. Thấy mẹ sầu muộn, Ngài hỏi và được bà mẹ trả lời lý do và Ngài nói bài kệ:

Thưa mẹ, người ta khóc,
Khóc vì người đã chết,
Hay có khóc người sống,

*Khi sống, không được thấy,
Thưa mẹ, con đang sống,
Và mẹ đang thấy con,
Vậy vì sao, thưa mẹ,
Mẹ lại khóc cho con?*

Bà mẹ trả lời, từ những lời trong kinh: “Đây là sự chết, này các Tỳ-kheo trong giới luật của bậc Thánh, tức là sự từ bỏ học giới và hoàn tục”, và nói bài kệ như sau:

*Người ta khóc cho con,
Là khóc cho con chết,
Hay khóc cho con sống,
Nhưng không được thấy mặt.
Ai đã bỏ dục vọng,
Lại trở lui đời này,
Này con, người ta khóc,
Là khóc cho người ấy,
Vì người ấy được xem,
Còn sống cũng như chết,
Này con, được kéo ra,
Khởi than hầm lửa rục,
Con còn muốn rơi vào,
Đống than hồng ấy chẳng?*

Khi nghe mẹ nói như vậy, Sa-di Sànu lấy làm xấu hổ sâu muộn, và tinh tấn phát triển thiền quán, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Sở dĩ chúng ta bị lưu chuyển trong ba cõi là do ân ái buộc ràng khiến cho quanh quẩn ở trong thế gian. Chỉ

duy nhất có xuất gia mới có thể cắt đứt mọi ngã đường sanh tử thành tựu được vô vi và thực hiện được tâm Bồ-đề đại bi làm lợi ích cho mọi loài.

Nếu xét kỹ sẽ thấy tình cảm mà mọi người từ trước đến nay vẫn thường hay ca ngợi khen tặng kia rất nhỏ hẹp, riêng tư ích kỷ và tất cả cũng vì tham muốn vị ngọt của tham dục, cuối cùng cũng chỉ tới đó, không có gì khác hơn nữa. Khi có tâm luyện ái yêu thương người này, chúng ta có ý nghĩ rằng có được người này ở bên cạnh là hạnh phúc nhất cuộc đời. Tuy nhiên, một thời gian sống chung với nhau, lại cảm thấy chán nản vì không giống như sự tưởng tượng, nên lại bỏ đi tìm kiếm người khác. Không chỉ con người mà sự yêu thích đắm nhiễm đối với những con vật hay đồ vật xung quanh cũng giống như vậy.

Tu tập là nhằm mục đích:

- Chuyển hóa tâm ham muốn luôn chạy đuổi theo sắc đẹp, tiền của, danh vọng, vật chất trở thành tâm ưa thích giáo pháp, say mê tu tập và phục vụ chúng sanh.

- Chuyển tâm thích nói chuyện của người khác thành tâm thích nói pháp;

- Chuyển tâm buồn ngủ lười biếng trở thành tâm quán chiếu nghiên ngẫm;

- Chuyển tâm an phận ích kỷ trở thành tâm Bồ-đề đại bi yêu thương lo lắng cho mọi người...

Chỉ một chữ “*chuyển*” mà tạo ra bao nhiêu điều cực kỳ màu nhiệm của đạo Phật. Cho nên, tất cả sự tu tập đều nằm ở trong một chữ này. Trong kinh *Thủ lăng*

nghiêm có nói: “Nếu bị vật chuyển thì gọi là phàm phu; nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai”.

Những vị cư sĩ công quả tập tu đang chuẩn bị vượt thoát thì phải làm mọi cách để chuyển được tâm của người thân để họ đồng ý cho mình xuất gia, ngoài ra cần phải có kế hoạch chu đáo để không bỏ lỡ mất cơ hội quý báu. Nhân gian có câu nói: “Phước bất trùng lai, họa vô đôn chí”, tức là phước chẳng đến hai lần, nhưng tai họa không xảy ra riêng lẻ. Cũng vậy, cơ duyên vượt thoát xuất trần thật khó có được trong cuộc sống thế tục đầy ô nhiễm này. Nếu không vững tâm bền chí, mạnh mẽ phát khởi tinh tấn và nắm vững cơ hội đó, chúng ta sẽ tự làm mất đi nhân duyên quý hiếm, sau này muôn ngàn kiếp không tìm lại được nữa!

Trong kinh nói khi một người phát tâm xuất gia hay phát tâm Bồ-đề sẽ khiến cho cung Ma bị chấn động. Do vì tất cả mọi người đều đi theo chiều hướng mê làm đi xuống chỗ đọa lạc, mà có một người đi ngược dòng thì đương nhiên người đó phải có tâm lực rất mạnh mới có thể làm. Xin lấy một ví dụ cho dễ hiểu là trong gia đình có 20 người ăn mặn, riêng chỉ có một người ăn chay. Nếu không vững tâm người ấy sẽ bị nhiều lời bàn tán, dị nghị làm cho tâm ý lung lay và bỏ dở. Những việc khác như phát tâm tụng kinh, đi chùa lễ Phật... cũng bị bàn ra tán vào, gây nhiều khó khăn trở ngại. Chỉ những việc đơn giản như thế mà còn bị ngăn trở, huống chi là phát tâm xuất gia! Có sự phát tâm và thêm sự quyết tâm kiên định sẽ làm chuyển đổi nghiệp lực, thay đổi hoàn cảnh, tánh

tình, thói quen, năng lực, cách nhìn và thậm chí chuyển từ phàm thành Thánh, từ chúng sanh lên địa vị Phật, từ nhiễm đi vào tịnh, từ mê đến giác.

Cần phải nuôi dưỡng ý chí, phải tin vào khả năng của bản thân, đừng tự vứt bỏ hoặc tự ti mặc cảm vì tội chướng nặng nề không thể tu hành. Cứ mạnh mẽ quyết tâm đem hết sức mình tu tập rồi sẽ thấy những điều kỳ diệu không thể tưởng tượng xảy ra. Bất cứ việc gì ở trên thế gian này cũng chỉ có giá trị ngay tại thời điểm đó, cho nên chỉ cần bền tâm giữ vững ý chí theo con đường đã chọn thì mọi việc khác tự nhiên sẽ trôi qua. Ví dụ, ngay thời điểm gặp khó khăn do mọi người cứ cản trở việc xuất gia, nhưng nếu chúng ta khéo kiên trì giữ vững tâm cho qua thời điểm đó thì mọi việc sẽ trở lại bình thường và đồng thời bản thân chúng ta tự nhiên vượt lên thêm một cấp bậc nữa.

Thông thường khi làm việc hay tu hành tới một giai đoạn nào đó chắc chắn chúng ta sẽ phải đối mặt với những rắc rối khó khăn tưởng chừng chẳng thể vượt qua, nhưng nếu có tâm kiên trì nhẫn nại và thậm chí có lúc bị thất bại té ngã mà vẫn cố gắng đứng lên tiếp tục tiến về phía trước, không ngừng lại một chỗ, chắc chắn sẽ có kết quả không thể ngờ xuất hiện.

Người đời thường hiểu lầm xuất gia tu hành là việc làm khốn khổ. Họ nghĩ những người đi tu bỏ hết tất cả là bị thất tình hoặc bị phá sản hay cuộc sống bết tắc cùng đường rồi mới vào chùa ăn dương nương Phật mà không thấy được giá trị BỒ-ĐỀ tâm vĩ đại của người xuất trần. Tuy các vị tu hành cũng chưa hoàn thiện và còn rất nhiều

thử thách, phiền não, nhưng nhờ nắm được cốt lõi giáo pháp mà biết cách chuyển hóa thân tâm trở nên ngày một tốt đẹp. Hơn nữa, lại nhờ có huynh đệ đồng tu nương tựa với nhau tạo thành một sự khích lệ rất lớn để chúng ta nỗ lực không ngừng, dụng công ở mọi lúc mọi nơi và đạt được tiến bộ rõ rệt mà tự thân có thể cảm nhận.

Trong khi nhiều lớp trai trẻ thanh thiếu niên ngoài đời đồng tuổi như các huynh đệ hiện đang hưởng thụ tình cảm, vật chất và có được cha mẹ cô bác, bạn bè rất vui, chúng ta lại bỏ hết để vào chùa tu hành mà không thu được kết quả gì thì thật là đáng tiếc! Như vậy gọi là “lưỡng đồ câu thất”, cả hai đường đều mất. Bỏ cái kia chúng ta phải được cái này, bỏ cái nhỏ phải được cái lớn, bỏ cái bình thường phải được cái phi thường, mà không thể thất bại trắng tay!

Thượng tọa Trụ trì chùa Hoàng Pháp nói: “*Người có ý chí phi thường mới làm được những việc phi thường*”, còn nếu ý chí tầm thường thì suốt đời cũng chỉ là người bình thường. Cần đặt chí hướng ở nơi cao rộng, quyết định ngay trong đời này phải giác ngộ, ly dục đạt tới giải thoát. Tu là việc phi thường, không phải những việc bình thường của thế gian. Vì vậy phải ý thức sâu sắc sự ra đi của mình để vững bước tiến lên. Đồng thời cũng phải xác định rõ trong tâm đang nghĩ gì và phải làm như thế nào để xứng đáng. Đừng thể bỏ hết tất cả mà cuối cùng không được gì hết, uổng phí lắm thay! Chúng ta phải tìm cho được điều gì vượt trội hơn thế gian, thiêng liêng quý báu có giá trị vĩ đại trong cuộc đời này. Đó là trọng trách cũng như bổn phận của một người xuất gia.

HÂM NÓNG Ý CHÍ GIẢI THOÁT

Trong buổi lễ Quy y, một nữ Phật tử đã quy y cách nay 50 năm sau khi được nghe truyền pháp Quy y xong đã không ngăn được cảm xúc dạt dào và thốt lên: *“Thầy ơi! Quá là thanh tịnh an vui. Hôm nay con được hâm nóng trở lại”*. Từ việc thọ giới Tam quy đó mà suy ra những việc khác thì thấy rằng người tu nhất định phải thường có sự “hâm nóng”. Hâm nóng ý chí giải thoát, hâm nóng tinh thần giác ngộ, hâm nóng nghị lực mạnh mẽ để vượt khỏi đau khổ lẫn quần của sanh tử luân hồi trong thế gian. Hâm nóng sự thấy, nghe, cách nhìn, hâm nóng trong từng hơi thở.

*** Hoàn thành cho bản thân**

Tận mắt chứng kiến những tai nạn xảy ra dọc đường cũng đủ để chúng ta hâm nóng tinh thần quyết chí tu học Phật pháp, bởi vì không thể đảm bảo được thời gian sống còn trên thế gian này. Nhìn thấy cây cỏ khô héo lụn tàn cũng đủ để hâm nóng ý chí xuất ly cho bản thân, bởi vì

thân thể này sẽ đến lúc tan hoại. Thời tiết biến chuyển, khí hậu đổi thay, rất nhiều thiên tai sóng thần, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt v.v... đang hằng ngày xảy ra trên thế giới đều là động lực để “hâm nóng” ý chí giải thoát.

Mỗi khi tụng kinh, khi nghe pháp đều cần đặt hết tâm tư, tinh thần vào lời pháp. Hoặc mở sách sử ra đọc lại tấm gương của đức Phật, chư Tổ và các bậc Cao tăng để “hâm nóng” lại tinh thần tu tập tinh tấn chuyên cần, trong từng hơi thở vận dụng công phu. Trong kinh *Di giáo*, đức Phật trước khi nhập diệt đã nhắc nhở hàng đệ tử thật thiết tha: *“Ngọn lửa vô thường đang thiêu đốt thế gian, các ông hãy sớm cầu tự độ!”*. Không phải chỉ “hâm nóng” suông trong tưởng tượng, hy vọng, mong cầu hay chờ đợi, mà phải sống trọn vẹn tinh thức từng giây phút hiện giờ. Không phải mới nghe người khác nói quyết tâm tu trong thời gian ngắn sẽ được thành công thì chúng ta liền nghĩ là sẽ tu quyết liệt đạt đạo để sau đó đi giáo hóa, mà không ngờ đó chỉ là sự tưởng tượng hão huyền không thực tế.

Sự tinh tấn thật sự là phải đặt trọn vẹn cả thân tâm dưới sự tỉnh giác chánh niệm ngay trong khoảnh khắc hiện giờ trong từng hơi thở. Chỉ có thực hành như vậy mới là hiện thực, còn tất cả những việc suy nghĩ mộng mơ khác đều là ảo tưởng! Không khéo tu hành thì hoàn cảnh núi vắng rừng yên sẽ làm cho chúng ta chìm đắm trong giấc ngủ của sự an nhàn thanh thoi, vì mọi việc mỗi ngày cứ diễn ra đều đặn và không thể phát khởi lên được ý chí mãnh liệt với tâm nhiệt thành.

Phải biết lợi dụng môi trường, hoàn cảnh tu học thuận lợi để đi sâu vào trong tâm nhìn thấu triệt tất cả những ngõ ngách mê lầm của “cái tôi”. Đừng để những cơ hội quý báu trôi qua mất thì sẽ chẳng thành tựu được gì cho bản thân! Hoàn thành cho bản thân không phải làm điều gì để trở nên thành công hơn, tốt đẹp hơn, cao thượng hơn. Chỉ cần nhìn lại thấy rõ, thấu triệt tất cả những suy nghĩ cách hoạt động của bộ máy tâm thức sinh diệt. Từ vô lượng kiếp, tâm thức đã lừa gạt rất nhiều lần, chẳng những chúng ta không hề hay biết mà còn tin tưởng đó là tâm thật của mình!

Đức Phật dạy người tu phải nhìn lại một cách minh sát, tức là quán xét rõ ràng từng lời nói, cử chỉ, hành động, ý nghĩ và đều thấy rõ bản chất sự thật vô thường, khổ, không, vô ngã. Một ý niệm móng khởi lên phải thấy rõ chúng là ảo ảnh luôn biến đổi, giả dối. Dù là niềm vui, cũng sẽ nhanh chóng tan hoại hoặc nổi khổ rồi cũng trôi qua mau lẹ. Tất cả ý niệm, tư tưởng trong lòng đều phải được soi sáng rõ ràng để biết chúng không có bản chất thật sự - Vô ngã.

Quán xét được như vậy là sự nỗ lực tinh tấn để hoàn thành cho chính bản thân. Việc làm này chỉ có tự thân thực hiện không ai có thể thay thế. Tự thân phải làm điều đó thì trí huệ mới hiển hiện nơi nội tâm và sự an lạc sẽ có mặt trong từng giây phút tỉnh giác trong mỗi hơi thở.

Hễ có đau khổ là có vui sướng và có vui sướng sẽ có đau khổ. Dù đó là điều tốt hay việc lành, chúng ta

cũng không bám chấp vào đó, chỉ giữ gìn Tánh biết sáng ngời vượt thoát hết mọi đối lập của thế gian. Thấy được giá trị chân thật của Phật pháp sẽ có sự tịnh lạc, bình an do thoát khỏi mọi đau khổ và vui sướng của thế gian và không thể nào ngờ được trên đời này có sự an lạc kỳ diệu như thế!

*** Hoàn thành cho mọi người**

Đến đây là bước qua con đường thênh thang của đạo Bồ-tát. Sau khi đã hoàn thành cho bản thân rồi, chúng ta có nhiệm vụ phải hoàn thành cho người khác. Điều đó đòi hỏi chúng ta cần phải có những phương tiện khéo léo. Dù bản thân đã thật sự dập tắt hết mọi phiền não không còn tham, sân, si, nhưng không tu học những phương tiện khéo léo sẽ không thể hoàn thành cho tha nhân. Chúng ta phải có đầy đủ tư lương bi trí để dìu dắt hướng dẫn mọi người đi vào Phật đạo. Không phải là hiểu đạo rồi thì không cần phải học gì thêm nữa, suy nghĩ như thế là tự mình đóng kín cánh cửa, ngăn trở con đường rộng lớn của Bồ-tát, không thể hiện được tính chất đại bi, tình thương rộng lớn của đức Phật.

Muốn đi vào con đường này, người tu phải có những phương thức khéo léo truyền tải Phật pháp, gọi là “Ngũ minh”. Đạt nhất tâm và có trí huệ thấy được các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã rồi sau đó mới thực hành muôn hạnh lành để làm mọi việc trong tâm lượng rộng lớn của Bồ-tát đưa mọi người đến tuệ giác vô biên. Bên trong thì tự tu cho bản thân, bên ngoài thì biết nghĩ đến tha nhân.

Trong khi đối đãi, cư xử, hành động luôn xét nghĩ đến việc tôn trọng, cung kính và lợi ích cho muôn loài. Không biết đủ, chẳng chán mỗi như thế, dần dần chúng ta sẽ thấy được sự rộng lớn vô biên của Phật pháp. Đừng bao giờ tự mãn, được ít cho là đủ, được ít cho là nhiều hay chưa chứng mà cho là chứng, đều rơi vào trường hợp tăng thượng mạn¹².

Do vậy, cần phải cố gắng tu tập, khiêm cung, luôn tìm cầu học hỏi để tâm lượng càng rộng lớn như biển cả có thể dung chứa được muôn ngàn sông ngòi, kênh rạch, gọi là đại dương vô tận. Ví như ngọn núi lớn không từ chối một hạt cát hay viên sỏi nhỏ; cũng giống như thế, đạo Bồ-tát có sức dung chứa vô lượng vô biên và diệu dụng vô cùng vô tận!

12- Tăng thượng mạn: là tâm ngạo mạn tự cao khởi lên khi chưa chứng được quả vị mà tự cho là đã chứng. Đây là 1 trong 7 mạn được nói trong luận *Đại tì bà sa - quyển 43* và luận *Câu xá - quyển 19*.

Chương III

**CHÂN THẬT
VÀ PHƯƠNG TIỆN**



CHÂN THẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN

Khi đọc qua các tác phẩm của Đạo sư Ân Thuận, một công trình nghiên cứu về cội nguồn của Phật pháp, chúng ta dễ bắt gặp dòng tư tưởng của Phật giáo phát triển với một cảm xúc thật sâu xa rất khó được gặp! Trong đó, Ngài đề cập chủ yếu đến cội gốc của Phật giáo chân chính và con đường phát triển của đạo Phật trong thời buổi hiện đại có nhiều biến động này.

Từ ngàn xưa, đức Thế tôn chỉ duy nhất nói về sự thật và bất cứ ai có thể thấu hiểu được sự thật đó sẽ có công năng phá vỡ hết tất cả mê lầm vô minh được giải thoát. Chân lý rốt ráo đó là “Đệ nhất nghĩa đế” và căn bản của nó vốn là như thế không có gì khác. Tuy nhiên, do thích ứng với căn cơ, trình độ, phong tục tập quán của chúng sinh sống tại nhiều quốc gia khác nhau mà Phật giáo lần lần có thêm những phương tiện để đối trị với tâm bệnh của họ. Vì muốn cho chúng sanh phát sinh thêm tâm lành, biết làm việc thiện và cũng vì sự phổ biến Phật pháp đến khắp thế gian, người thời sau chế tác ra

nhiều phương tiện trợ giúp cho việc tu học. Rồi chính vì không hiểu được ý nghĩa cũng như mục đích của những phương tiện phụ trợ đó mà dần dần người học Phật đã bám chặt vào những thứ yếu và làm cho tư tưởng chánh thống của Phật giáo bị phai nhòa.

Trong kinh *Niết-bàn* có ví dụ một cô gái vắt được một ít sữa bò, nhưng do tham lợi nên cô đã pha thêm hai phần nước lã vào sữa và đem bán cho một người khác. Người này cũng vì tham lợi nên đã pha thêm hai phần nước lã nữa vào số sữa trên và đem bán cho một người sống ở lân cận thành phố. Người ở lân cận thành phố đó cũng vì tham lợi nên đã pha thêm hai phần nước lã nữa và sau đó đem bán lại cho người buôn bán ở trong chợ. Người buôn bán kia mới pha thêm nước lã nữa vào sữa và bán cho người tiêu dùng. Cuối cùng, khi số sữa này đến được tay người sử dụng thì vị sữa không còn thơm ngon. Tuy nhiên, dù chất sữa kia nhạt nhẽo, nhưng nó vẫn còn tốt hơn vị đắng của thuốc gấp nhiều lần.

Cũng vậy, Phật pháp ban đầu là một vị thuần nhất, tinh khiết nguyên chất do Đức Thế Tôn truyền trao giảng dạy. Về sau, các vị Bồ-tát, Cao tăng dùng trí huệ huyền biến linh hoạt tùy theo căn cơ trình độ khác nhau để lợi ích chúng sanh. Nhưng càng xa càng sau nữa, do bị phân chia ra nhiều bộ phái, tông phái và không được tiếp nối liên tục, những người không thấu triệt cốt lõi Phật pháp vô tình đã làm cho chánh lý dần phai mờ, nhiều người không hiểu biết ý nghĩa chân chánh nữa.

Trải qua bốn thời kỳ của Phật giáo từ thời Nguyên thủy phân ra bộ phái, đến thời sơ kỳ Phật giáo tức là Phật giáo đại thừa thời kỳ đầu, tiến tới Phật giáo Đại thừa thời kỳ sau và sau cùng là Phật giáo Đại thừa thời kỳ bí mật của Mật tông. Cho tới thời hiện tại cốt lõi của Phật pháp đã bị phân hóa rất nhiều và bây giờ phần nhiều chúng ta chỉ còn học hiểu và làm trên phương tiện. Có nhiều người thích tu ăn chay, làm phước hộ trì chánh pháp để được làm ăn phát đạt, gia đình hạnh phúc, sống lâu vui vẻ... Nhưng cũng có một số người nói tu không phải là việc dễ dàng vì phải chịu đựng thử thách và cần phát tâm mạnh mẽ.

Một bên thì theo chiều thuận, bên còn lại thì theo chiều nghịch, nhưng cả hai đều chỉ là phương tiện mà chưa phải là thật nghĩa của Phật pháp. Vì thuận hay nghịch đó là do nghiệp duyên của mỗi người. Dù có tu hay không tu nó cũng vẫn xảy ra như thế, mà không phải do tu thì không còn “trả nghiệp” hoặc cũng không phải tu hành thì sẽ “đổ nghiệp”. Đứng trên mặt phương tiện thì cả hai cách ấy đều đúng hết, nhưng nếu xét về thật nghĩa thì chưa phải là chỗ trở về rốt ráo của đạo Phật.

Học Phật cốt để nhìn thấy sự thật, thấy được sự thật rồi mới có thể phá vỡ mọi mê lầm và khiến cho không còn nghĩ sai làm trật nữa. Do không còn sai trật nữa, sẽ suy nghĩ và làm đúng để đưa đến kết quả. Thấy đúng, suy nghĩ đúng, nói đúng và làm đúng sẽ đưa đến kết quả đúng là con đường Bát chánh duy nhất của Phật pháp. Cần phải xét cho thật kỹ đâu là mục đích chính của người

tu. Hiện tại đại đa số người xuất gia vẫn chưa tìm thấy thật nghĩa mà chỉ tu ở trên phương tiện và bị dính vào công việc rồi quên mất mục đích cần phải đạt đến là giác ngộ sự thật. Tất cả tư tưởng, hành động luôn xoay quanh trọng tâm muốn có lợi cho riêng bản thân, đều là nằm trong cái bẫy của vô minh mê lầm. Trong kinh *A-hàm* nói người học đạt tới chỗ thấy rõ được sự thật thì chỉ còn có pháp, không còn có ta hay người. Mình học cho tới nơi tới chốn rồi thật sự chỉ thấy toàn là sự vay mượn, không hề có một “cái mình” thật sự. Khéo sống với sự thật vay mượn thì “cái tôi” dần dần tan mất. Người khéo tu học và thấy rõ sự thật thì mọi sự buồn lo sẽ rơi rụng rất nhiều và cuộc sống trở nên nhẹ nhàng an vui.

Trong cuộc sống, chúng ta nên tập nhìn mọi người với cặp mắt từ ái, khoan dung độ lượng. Cần tránh nhìn người với thành kiến hay ác cảm vì chỉ đem lại cho bản thân những đau khổ khó chịu. Tất cả mọi người dù sống chung lâu năm cũng nên nhìn nhau qua gương mặt hiện tại với sự trong sáng hồn nhiên, mà đừng nhìn vào quá khứ sai lầm trước kia của họ. Dĩ vãng đã trôi qua mà chúng ta cứ khơi lại, trong khi hiện tại hồn nhiên thì không thấy được như thế là lối sống mê lầm. Sống với quá khứ sẽ làm chúng ta mãi chìm đắm trong đau khổ.

Tu hành cần phải lia được sự bám chấp vào năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức và chỉ còn lại một sự thật duy nhất là không còn có “cái tôi” nữa. Tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật cốt để nhìn thấy sự thật. Nếu không làm được như vậy thì cũng đồng với những người khác là chỉ

tu ở trên phương tiện mà không đạt được lợi ích chân thật. Cho nên mới có việc là dù tụng kinh thuộc lòng, nhưng nội tâm vẫn còn đầy dẫy sầu khổ. Chỉ tu trên hình thức mà không tiến thẳng vào nghiên ngẫm sự thật thì lợi lạc thu được sẽ rất nhỏ bé. Do đó, hằng ngày phải luôn xét nét trong nội tâm là chúng ta xuất gia tu hành có thật sự muốn tiến tới sự thật hay không? Phải thật sự biết hổ thẹn với chính mình thì tu hành mới tiến bộ!

Trong tất cả phước đức, luôn lấy cung kính làm đầu. Không có cung kính thì mọi việc sẽ trở nên rối loạn trật tự. Mỗi người cần phải ý thức biết rõ vị trí của mình ở chỗ nào? Không vì mối quan hệ thân thiện, gần gũi mà xem thường mọi người xung quanh và vô tình tạo ra lỗi lầm lớn lao. Sống trong một tập thể, đặc biệt là Tăng đoàn, mọi thành viên trên dưới rất cần có tôn ti trật tự. Phải biết rằng từ vô lượng kiếp cho tới ngày hôm nay, chúng ta đã từng gieo duyên với vô số đức Phật ở quá khứ cho nên bây giờ mới có thể cạo tóc xuất gia làm Thầy tu. Tôn ti là đạo lý cơ bản, sơ cấp trong Phật pháp mà mọi người bước đầu học Phật cần phải hiểu rõ. Dù hàng cư sĩ tài giỏi cỡ nào đi nữa cũng vẫn là người thế tục. Do đó, cần phải biết tôn trọng các thứ bậc lớn nhỏ trong chùa mà không được tự ý vượt cấp.

Chính tâm cung kính đã chứng tỏ người đó có trí huệ thấy được sự thật. Chẳng những chúng ta có tâm cung kính đối với người xuất gia mà ngay cả hàng cư sĩ cũng cần có sự cung kính. Chẳng những cung kính những người ngang hàng mà những người nhỏ hơn mình

cũng phải cung kính. Không chỉ riêng con người mà ngay cả đến những con vật cũng cần có sự cung kính, cho đến chiếc lá, đám mây, một làn gió cũng cần phải cung kính...vì nhờ tất cả những thứ đó kết hợp nương tựa với nhau tạo thành mà chúng ta có được cuộc sống này. Người hiểu đạo thấy rõ sự thật luôn tôn thờ cả vũ trụ vạn vật. Họ luôn xem trời đất là một quyền kinh, càn khôn vũ trụ là một bàn thờ. Cung kính người khác thì người khác cung kính trở lại. Ngược lại, xem thường người khác thì người khác cũng xem thường mình. Nhân quả không sai chạy! Tâm xem thường mọi người và mọi vật là cội gốc của vô minh điên đảo.

Người dưới phải kính người trên đó là nguyên lý của cuộc sống. Nếu không như thế sẽ làm đảo lộn mọi trật tự trên thế gian. Người sống ngoài đời còn phải tuân theo trật tự như thế, huống nữa là người trong đạo! Ngược lại, người trên phải có tâm bao dung, độ lượng, tha thứ cho người dưới, đó là phong thái của đại nhân. Càng ở địa vị cao, chúng ta càng cần phải có tâm hiểu biết người dưới nhiều và sâu sắc hơn nữa. Người trên không cần phải tỏ ra quyền uy, tự mình sống trong sự thật bao dung, độ lượng, tự dung được cao cả. Lúc đó không cần bảo, người khác cũng cung kính; dù không muốn, nhưng mọi người cũng vẫn quý trọng. Lễ đương nhiên của pháp là như thế! Vốn dĩ tự nhiên từ xưa đến nay! Nếu không hiểu rõ điều ấy và không lo chăm sóc cho cội gốc đạo hạnh trí huệ từ bi, chỉ nhọc sức lo cho những việc ở bên ngoài hình tướng, cuối cùng chỉ là phí công vô ích!

Bao nhiêu điều kiện thuận lợi giúp cho việc tu tập từ môi trường, hoàn cảnh cho đến con người như vậy mà chúng ta không biết quý trọng, không biết nắm bắt cơ hội thù thắng. Nếu để cho mất đi thì muôn đời cũng không thể tìm lại. Người tu cần phải lập chí hướng vững chắc. Hằng ngày, hằng giờ phải xoay lại quán xét nội tâm, đập vỡ cái tâm chấp ngã thì cuộc sống tự nhiên sẽ an ổn thanh thoi, thanh tịnh hòa vui. Hằng ngày tự mỗi người đặt câu hỏi cho bản thân là đi lên núi tu để làm gì? Đừng chỉ tu luẩn quẩn trên phương tiện, hình thức bên ngoài, cuối cùng phải hối tiếc ân hận.

Hãy cố gắng tự phấn đấu chuyển hóa nội tâm và thay đổi nhận thức mê lầm của chính mình. Đột phá thẳng vào trọng điểm vô thường, khổ, không, vô ngã mới thấy được giá trị vô tận của chánh pháp!



PHÁP MÔN KHÔNG HAI

Là người tu học theo Phật, chúng ta phải vượt lên trên mọi sự hơn thua, thắng bại, tranh đấu, đối đãi để đạt đến chỗ thanh tịnh bình đẳng. Đây là việc rất khó làm, nhưng nếu làm được thì tâm sẽ trở nên nhẹ nhàng thanh thoát. Trong kinh *Duy Ma Cát*, phẩm *Pháp môn không hai*, có thuật lại rằng: Ngài *Duy-ma-cát* mời các vị *Bồ-tát*, *Thanh văn*, *La-hán* trình bày về pháp môn “không hai”, bao hàm đạo lý sâu xa. Tới lượt *Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi* trình bày, Ngài nói: “Nhu ý tôi, đối với tất cả pháp không nói không rằng, không chỉ bày không phân biệt, là các hỏi đáp, ấy là vào pháp môn không hai”.

Khi ấy, *Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi* hỏi ông *Duy-ma-cát*:
Chúng tôi mỗi người đã tự nói xong, nhân giả phải nói thế nào là *Bồ-tát* vào pháp môn không hai?

Bấy giờ ông *Duy-ma-cát* lặng thinh không nói. Ngài *Văn-thù-sư-lợi* khen:

Lành thay, lành thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đây thật là vào pháp môn không hai.

Khi nói phẩm Vào pháp môn không hai này, ở trong chúng đây, năm ngàn vị Bồ-tát đều vào pháp môn không hai, được vô sanh pháp nhẫn.

Đúng và sai, hơn và thua, thành và bại, đẹp và xấu... là những phạm trù thuộc về hai bên đối đãi. Tất cả những “cái hai” đó đều đưa tới chỗ phiền muộn khổ đau. Dù cho chúng ta có tài giỏi hơn người khác đi nữa thì cuối cùng cũng vẫn ở trong vòng lẩn quẩn của đấu tranh. Khi cuộc nói chuyện giữa hai người xảy ra sự tranh đấu hơn thua, thậm chí bề cong sự thật, tốt nhất là nên rút lui. Nếu cứ tiếp tục tranh luận sẽ dẫn đến cãi vã, có khi đánh nhau. Khi đối diện trước sự được mất hay hơn thua, nếu chúng ta khéo xét nghĩ thân tâm này đâu có thật, mạng sống này chỉ trong một hơi thở, chỉ cần thở ra mà không hít vào được nữa là đã tan thành cát bụi rồi thì còn tranh giành với nhau làm gì? Nghĩ xét được như vậy là đã tiến gần tới ngưỡng cửa “không hai”!

Vượt lên trên đối đãi nhận thiệt thòi về phần mình để người khác được hơn là muốn tránh khỏi bị rơi vào sự oán hờn đấu đá thù hận. Không phải nhẫn nhịn là yếu hèn, nhút nhát hay không hiểu biết mà muốn cảm hóa họ thoát khỏi tham muốn, nóng giận, mê lầm. Không tính toán những cái nhỏ mới thành tựu được cái lớn, thấy như thua mà hơn cả thắng. Thực hành được như thế, cuộc sống của chúng ta sẽ nhẹ nhàng, an vui.

Nhờ có tâm lượng rộng lớn mới có thể dung chứa được người khác và chuyển hóa những kẻ hung tàn, thậm chí cảm hóa được kẻ thù hận với chúng ta. Dù biết rõ người khác nói xấu sau lưng, nhưng chúng ta vẫn nói chuyện với

họ một cách bình thường giống như không có chuyện gì xảy ra. Một thời gian sau, họ bị cảm hóa bởi cách đối xử tốt đẹp và chuyển sang có tâm quý kính thương mến. Sống như thế là đúng với “Pháp môn không hai”, siêu việt đối đãi. Sống như vậy thì ơn đức của chúng ta trùm khắp và phước báu bao la và đi đến bất cứ chỗ nào chúng ta cũng được chăm sóc, lo lắng, giúp đỡ, quan tâm thậm chí vượt lên trên cả sự tưởng tượng.

Hình ảnh Tổ Bồ-đề Đạt-ma trên vai quay một chiếc giày là nói lên ý nghĩa siêu việt đối đãi. Nếu nhân tính toán thì quả sẽ ở trong hữu hạn, ngược lại nhân không tính toán thì kết quả sẽ vô lượng. Tích cực làm mọi việc lành thiện, công quả, bố thí cúng dường, vận dụng thời gian tu tập một cách vui vẻ hăng say mà không có tâm mong cầu. Người khác lo lắng giúp đỡ cho chúng ta và họ được chúng ta giúp đỡ lại đó là chuyện bình thường. Người không lo lắng giúp đỡ mà chúng ta vẫn đối xử tốt với họ là việc cũng có thể làm được. Người đối xử tệ bạc mà chúng ta vẫn đối xử tốt với họ là việc khó làm. Bất cứ việc gì ở trong khả năng thì sẵn sàng ra sức giúp đỡ. Ví như việc trồng cây, chúng ta càng ra công chăm bón thì đến khi thu hoạch sẽ sai cành trĩu quả.

Người tu không phải là không hiểu, không biết tính toán nhưng không như người đời. Thấy giống như có lo lắng, nhưng thật sự tâm an lành. Đem lợi ích chánh pháp ban rải cho chúng sanh, đó mới thật là đạo rộng lớn của Phật, tâm từ bi của bậc Bồ-tát, là “con đường không hai” của nghìn xưa để lại cho chúng ta và đó là lối sống an lạc siêu việt vượt lên đối đãi.

TINH TÚY 84.000 PHÁP MÔN

*** Ba cõi không an như nhà bị lửa cháy**

Hôm trước có một cô Phật tử điện thoại cho Minh Thành và khóc báo tin cha của cô, thường được gọi là “ông già Hoa Nghiêm”, vì suốt đời ông chuyên tụng kinh *Hoa nghiêm*, đang hấp hối trên giường bệnh, sắp sửa ra đi. Khi đi đến nhà thăm, ông nắm mạnh tay Minh Thành và mỉm cười nhẹ. Theo như lời cô con gái nói rằng từ hôm ngã bệnh đến nay ông không bao giờ cười. Khi nghe lời khuyên của Minh Thành ông đều gật đầu tỏ vẻ hiểu và cảm nhận được, cho nên thần sắc rất rạng rỡ. Qua hôm sau, ông nhẹ nhàng ra đi vào lúc 5 giờ sáng.

Vừa rồi, trong chuyến một đi hoằng pháp ở tiểu bang Minnesota, Mỹ quốc, một gia đình Phật tử tha thiết mời đến nhà thăm và khuyên nhủ, sách tấn cô Phật tử 51 tuổi bị bệnh ung thư nặng thời kỳ cuối. Khi đến nhà thăm, một số Phật tử đi theo Minh Thành đã cảm lòng không được và chảy nước mắt rờn rờn vì nhìn thấy

tấm hình đẹp mà hai vợ chồng đã chụp chung khi còn trẻ khỏe, bây giờ chỉ là một cái đầu cao trọc và thân thể gầy ốm chỉ còn khoảng 25kg. Người chồng với những đứa con rất xinh đẹp, tầm cao 1^m80 đứng xung quanh khóc lóc ràn rụa. Những người thân kể bên cũng không biết nói gì hoặc làm gì, ngoài trừ ngồi bên giường bệnh mà vịn tay rờ chân và mặc cho cô ấy nằm đó mà chịu đau đớn một mình, không ai có thể thay thế!

Gần đây bên Nhật Bản cũng có một dịch vụ rất đặc biệt. Họ làm máy cái quan tài mở nắp sẵn để mọi người có thể vào nằm thử trong đó khoảng chừng năm phút trải nghiệm cảm giác khi chết. Thậm chí họ còn đo ni tắc kích thước phù hợp với chiều cao trọng lượng của từng người để có được quan tài vừa vặn. Khi vào đó nằm rồi, sẽ có rất đông người đứng xung quanh đóng giả cảnh đưa tiễn lần cuối và ăn loại bánh đặc biệt dành cho lễ tang. Có rất nhiều người tới đó trải nghiệm về cái chết và bày tỏ rằng họ cảm thấy tâm hồn nhẹ nhõm hơn và bớt lo lắng, sợ hãi, tính toán, suy tư. Họ đâu biết rằng việc trải nghiệm đó chính là sự quán niệm về sự chết ở trong đạo Phật.

Ngày lễ 2 tháng 9 vừa rồi, trên con đường đi đến Lào Cai, một chiếc xe bị hư máy và rơi lọt xuống vực thẳm làm chết mười mấy người, bị thương khoảng 30 người.

Trước đó ít phút, những người ngồi trên chiếc xe ấy còn hớn hờ vui mừng khi trên đường về nhà nghỉ lễ mà không hề ngờ rằng đó là chuyến xe định mệnh cuối cùng trong cuộc đời của họ. Sự vô thường và cái chết ập đến

thình lình đột ngột rồi lấy đi hết tất cả, không phân biệt già trẻ, bé lớn, sang hèn, giàu nghèo, ngu trí.

Trong mấy tháng vừa qua, thông tin báo đài cũng cho biết chỉ trong một năm 2015 mà đã có hơn mười chiếc máy bay bị rơi tan xác. Rồi thêm một đại dịch Ebola ở các nước châu Phi làm chết gần 1.600 người. Người ta dự kiến nếu không có thuốc chữa trị là có thể trong vòng hai ba tháng nữa dịch bệnh sẽ làm chết tới mấy chục ngàn người. Những căn bệnh lạ, dịch bệnh nguy hiểm cũng đồng thời xuất hiện khắp nơi. Chưa hết, chiến tranh ở các nước Ukraina, Iran, Iraq... làm chết không biết bao nhiêu người, không có ngày nào có thể sống trong sự an ổn. Vừa rồi động đất lại xảy ra ở Nhật Bản...

Qua những sự kiện trên chúng ta có thể thấy được sanh tử vô thường luôn từng giờ rình rập bên cạnh, không thể nào cười đùa hay xem thường. Xét nghĩ lại thì thấy tại sao chúng ta bỏ ra nhiều thời gian để nhìn xét những điều xấu dở của người khác và đầu óc chỉ lo suy nghĩ về những việc thị phi, không lúc nào nhớ về cái chết đang chờ sẵn.

Chúng ta dành nhiều thời gian để lo chuyện này, tính chuyện khác hoặc giận người này hờn người nọ, buồn người kia là vì chẳng bao giờ nhớ đến cái chết đang chờ sẵn. Chúng ta dành nhiều thời gian để nhờn nhỡ, ngủ nghỉ hay làm những chuyện phù phiếm vô nghĩa, cười đùa vô ích hoặc đưa ra việc này tính, bày ra điều nọ làm cũng vì không nhớ về sanh tử vô thường.

Nếu chúng ta thường suy niệm về cái chết và sự vô

thường trong cuộc đời này thì nó sẽ là động lực rất lớn thúc đẩy sự tiến đạo mạnh mẽ. Thật ra, dù có nói là sống thọ bao nhiêu tuổi đi nữa, khi nhìn kỹ lại mỗi người sẽ thấy bản thân không còn có nhiều thời gian nữa.

Những việc vô thường ở trên là minh chứng hùng hồn cho những gì đức Phật đã nói trong kinh *Pháp hoa*: “*Ba cõi không an, giống như nhà lửa*”, chúng ta đang sống ở trong căn nhà rục rữa, làm sao mong cầu được một chút an ổn?! Toàn thể ba ngàn đại thiên thế giới này có rất nhiều sự bất an, không có niềm vui thật sự và bền chắc.

*** Sớm tự mình cõi trời**

Bồ-tát Liên Hoa Sanh nói rằng: “*Không có hạnh phúc ở trong đầm lầy dơ bẩn này. Thế nên, hãy tiến đến vùng đất khô ráo của giải thoát. Tu hành đúng đắn giáo huấn sâu xa để cắt đứt mạng lưới của sanh tử. Hãy bỏ quê hương, xa thân thuộc và sống trong chốn ẩn cư ở trên núi. Hãy vứt bỏ các trò tiêu khiển ở trong tư tưởng, lời nói, hành vi mà nhìn vào bản tánh vốn sẵn vô hạn của con. Hãy ngồi chỗ thấp nhất, mặc áo quần rách rưới duy trì kinh nghiệm tu tập, ăn thực phẩm đơn giản, đi lang thang ở những con sông. Hãy khai quật kho tàng trong tâm của những bậc cao cả. Con không tìm ra chúng sanh nào mà không có khuyết điểm, thế nên chớ bám vào lỗi của Thầy con hay của các bạn pháp*”.

“*Không có hạnh phúc nào ở trong đầm lầy dơ bẩn*”, của sàu bi khổ ưu não thế gian này, không có hạnh phúc nào chân thật, không có niềm vui nào dài lâu, cho nên “*hãy tiến đến vùng đất*” tươi mát thanh lương, “*khô*

ráo của giải thoát”. Phải sớm lo cởi mở những mối ràng buộc, vướng vắn hay còn thắt chặt ở bên trong. Đến ngày ra đi, thân thể nằm dài trên giường bệnh, không cha con, mẹ con, không vợ chồng, cháu, cũng như không có một người thân thuộc nào thay thế cơn đau bệnh hay nỗi khổ chết chóc cho chúng ta. Không một ai tình nguyện đi chung với chúng ta vào cõi chết, chỉ một mình ra đi trong sự đơn độc, lẻ loi. Không phải chỉ những người già bệnh mới phải lo tháo gỡ vướng mắc trong lòng mà ngay cả những người còn trẻ cũng chẳng thể bảo đảm chắc chắn được điều bất ngờ nào đó sẽ không xảy ra ở thời gian sắp tới.

Mỗi khi bước lên xe ngồi để đi hoẵng pháp, Minh Thành không có ý niệm chắc chắn rằng mình sẽ được tới nơi an ổn. Mỗi khi bước lên máy bay ngồi cũng không có ý nghĩ rằng chắc chắn sẽ về tới nhà và luôn luôn xét mạng sống mong manh tạm bợ, mà cuộc đời này có quá nhiều sự biến đổi đột ngột không thể nào lường trước!

“Tu hành đúng đắn với giáo pháp sâu xa để cắt đứt mạng lưới sanh tử”, vì nhìn thấy trong kiếp sống này có vô số bạn bè, anh chị em, vợ chồng, cha con, mẹ con tất cả những người thân phần nhiều cũng vì lợi ích riêng tư, vì đồng tiền mà sẵn sàng đánh mất đạo lý, chà đạp tình nghĩa, giết hại lẫn nhau, hoặc lừa lọc dối gạt với nhau. Tất cả gần như chỉ nghĩ đến riêng tư ích kỷ của cá nhân mà bất chấp đến mạng sống và lợi ích của người khác. Thậm chí những người mà chúng ta lo lắng bằng hết cả tấm lòng chân thành, luôn mong cho họ có được

bao điều tốt đẹp trong cuộc sống, nhưng cuối cùng phần nhiều họ đáp trả lại bằng những sự lừa dối, gian trá, đổi thay không lường.

Hãy thử suy nghiệm sâu sắc về thế gian này, chúng ta sẽ không thể tìm ra được người nào dù là thân tộc để làm chỗ nương tựa vững chắc thật sự. Ngoài trừ chánh pháp là con thuyền giúp đưa chúng ta vượt qua qua biển khổ đạt tới bến bờ an vui. Bám víu, nắm giữ vật chất thế gian hoặc những tình cảm giữa con người trong xã hội chẳng khác nào bám níu vào củi mục, cành khô, sẽ tan hoại trong sớm chiều và điều duy nhất còn lại là bị chìm đắm trong buồn lo đau khổ!

Khi đã quán xét sâu sắc rồi, chúng ta nên sống viễn ly, xa lìa sự trói trăn, ràng buộc, bám víu, lưu luyến của nghiệp chướng và cũng xa lìa luôn nguồn cội của đau khổ và não phiền. *“Hãy bỏ quê hương xa thân thuộc, sống trong chốn ẩn cư ở trên núi cao”*.

Tiền thêm một bước nữa là tuy thân đã xa lìa mà tâm đã thật sự xa lìa chưa? Thân ở núi rừng mà thỉnh thoảng tâm có còn nghĩ nhớ muốn về thành thị thăm người hoặc trông đợi người thân lên gặp mặt hay là suy nghĩ lo chuyện này lo việc kia. Ngay chính tâm thân này, chúng ta bao nhiêu năm khổ lụy nhọc nhằn nâng niu, tô bồi xây đắp và trau chuốt bảo vệ, nhưng cuối cùng nó cũng bỏ ra đi không lời từ biệt, hướng nữa là những sự vật hay con người ở bên ngoài thân. Vậy mà cả cuộc đời của chúng ta cứ mãi lo lắng, tính toán, suy nghĩ hoài!

Chúng ta tu tập cần phải có cái nhìn siêu việt để vượt

thoát ra khỏi luân hồi sanh tử. Cần phải thấy thật sâu sắc bản chất của vạn vật hiện tượng trên thế giới này mới có thể vượt thoát khổ đau phiền lụy. Không có gì ở thế gian này có thể giúp chúng ta ngoài trừ đức Phật, chánh pháp và bậc Minh sư. Nhiều khi chúng ta học với thầy mà không có lòng tin nơi thầy. Thầy nói gì chúng ta cũng không nghe thì sự tu hành sẽ đi tới chỗ nào? Không tin thầy cũng không đặt tâm vào chánh pháp thì làm sao thành tựu? Cho nên, bên Mật tông Tây Tạng có lễ quy y với Tứ bảo gồm: **Phật - Pháp - Tăng và Thầy dạy đạo**. Có một nữ Phật tử từ Na Uy về nước, lên núi Pháp Ấn, bung theo một hủ cốt đưng tro tàn của chồng cô.

Cách đây không bao lâu, người nằm trong hủ cốt đó còn tươi tắn nói chuyện vui cười với quý Thầy ở đây và ông là một người thành đạt vậy mà bây giờ chỉ còn là một hủ tro và cát bụi. Trong lúc người vợ rải tro cốt của chồng bay theo gió, cô có nói một câu rất xúc động: *“Ông từ cát bụi mà sanh ra. Thôi, bây giờ ông hãy trở về với cát bụi nhé!”*

Chung cuộc của một kiếp người là thế! Những bài pháp sống xảy ra liên tục xung quanh, chẳng lẽ không đủ để cho chúng ta phấn chấn nỗ lực tu hành? Suốt ngày đến tối đầu óc của chúng ta cứ xoay quanh bao nhiêu dự định, những tính toán, việc này thì chưa làm, việc kia còn dang dở, việc nọ thì mới bắt đầu... đang chuẩn bị suy tính để làm thì thành linh tử thần ập đến mang ta đi mất! Ôi! mạng ta đã hết rồi!

Nhìn rộng ra muôn loài để quán xét sẽ thấy số phận

của chúng cũng như ta. Con chim tối ngày bay nhảy đi kiếm thức ăn; con chó lang thang đi vào nhà bếp kiếm cơm thừa; con mèo cứ quần quít dưới chân người để xin được một ít canh cặn; con chuột thì lén lút chờ khi không có người là chộp lấy một vài miếng thức ăn. Đến những con thú lớn hơn như đại bàng rình bắt mấy con chim; cọp, sói, beo tàn sát những con vật nhỏ như thỏ, sóc; hươu nai luôn sống trong sự hoảng sợ suốt cả đời. Một số con vật nhỏ bé luôn cực nhọc đi tha thức ăn để tích trữ cho mùa đông. Các loài thú khác lại lo chăm sóc mấy đứa con xong rồi chết đi, đến lượt các con của nó lớn lên cũng chăm sóc mấy đứa con của nó xong rồi chết... cứ như thế lần lượt tới đời cháu chắt.

Một đời của con người cũng giống như vậy, nếu không biết tu tập thì cũng lòng vòng trong bao nhiêu chuyện sinh ra, lớn lên lo đi học, đi làm tạo sự nghiệp rồi cưới vợ lấy chồng và sinh con đẻ cháu, lo lắng suốt đời cho đến khi già yếu ngã bệnh rồi chết! Những người xuất gia tu hành cũng vậy, nếu không khéo cũng chỉ có bao nhiêu chuyện ăn, ngủ, làm việc này kia loanh quanh ở trong chùa, giỏi hơn một chút thì tổ chức được pháp hội này nọ hoặc nói được vài câu, viết được vài cuốn sách rồi cũng xong một đời. Tất cả nếu không rõ được đường đạo thì lòng vòng cũng giống như nhau, không có gì khác hơn!

Phải làm sao nhìn thấy tận cùng, đã không tính đến thì không suy nghĩ, nhưng khi đã tính một việc nào đó thì phải đạt được tới chỗ tận cùng. Nếu không sẽ rơi vào chỗ

suy tính, lo lắng mãi và dù nhọc nhằn cả một cuộc đời rồi cũng chưa hết khổ. Không chỉ khổ trong một kiếp này, mà nhiều đời sau sanh ra cũng làm như vậy cho tới vô lượng kiếp về sau cứ xoay vần trong sanh tử khổ đau mãi mãi. Để cắt đứt được vòng sanh tử thì trong lúc làm việc hoặc khi sinh hoạt phải khéo vận dụng được tâm buông bỏ thành kiến, cố chấp và phá trừ “bản ngã”.

“Vứt bỏ những trò tiêu khiển ở trong tư tưởng, lời nói và hành vi” là điều rất quan trọng. Tiêu khiển của cái miệng là nói hết chuyện này tới chuyện kia, bàn việc của người này rồi tán sang chuyện của người khác, lâu ngày trở thành thói quen. Nếu chịu nói thì không bao giờ hết chuyện, từ hồi nhỏ cho tới lớn chúng ta nói quá nhiều rồi mà có được gì đâu, cũng chẳng có lợi cho ai cả, chỉ toàn là những lời phù phiếm vô nghĩa. Hãy vứt bỏ thói quen xấu ấy, chuyện gì cần nói thì nói, xong rồi thì nhiếp tâm niệm Phật theo hơi thở hoặc nhiếp tâm trong sự quán chiếu lẽ thật - *Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã*.

Hành động cũng vậy, việc gì cần thiết thì mới làm, không cần thì ngồi yên, chẳng nên tới ngày lãng xãng chộn rộn. Lúc có việc thì bận rộn đã đành, khi ít việc cũng lãng xãng, thậm chí không có việc cũng tìm ra việc để làm cho loạn động. Tất cả đều là những trò tiêu khiển của thân khiến chúng ta quay cuồng ở trong sanh tử. Bên trong tâm liên tục khởi nghĩ, suy tính không ngừng là tâm luân hồi khiến cho thân phải lãng xãng không yên. Chính tâm luân hồi đó sẽ dẫn dắt chúng ta đi vào kiếp luân hồi ở tương lai. Phải đặt hết thời gian vào trong chánh pháp

để lắng nghe đạo lý và nghiên ngẫm quán chiếu về giáo pháp. Đồng thời cũng nhìn sâu sắc vào nội tâm để thấy được bản tánh vốn sẵn vô hạn!

*** Tinh hoa của tất cả pháp môn**

Đạo sư Liên Hoa Sanh dạy: *“Hãy ngồi chỗ thấp nhất, mặc áo quần rách rưới và duy trì kinh nghiệm của con. Ăn thực phẩm đơn giản, lang thang như những con sông ở Ấn Độ. Hãy khai quật kho tàng trong tâm như những bậc cao cả. Con không tìm ra chúng sanh nào không khuyết điểm, thế nên chớ bám vào lỗi của thầy con hay của các bạn pháp”*.

“Lang thang như những dòng sông” là luôn trôi chảy, tức là sống tùy duyên giống như một dòng sông, dù chỗ đó đẹp hay xấu, khúc đó cong hay thẳng, đoạn chảy siết hay êm ả thì chúng ta cũng đi qua mà không có dừng lại bất cứ một chỗ nào. Không nên đi tới chỗ sung sướng hay êm ấm rồi dừng lại không muốn đi qua, hoặc gặp người nào thương mến chúng ta thì liền bị vướng mắc. Nếu còn vướng mắc, ràng buộc thì đó không phải là cách sống của một dòng sông.

“Khai quật kho tàng trong tâm, giống như những bậc cao cả”, tức là các bậc Giác ngộ. Ở trong tâm có kho báu, chúng ta chỉ lo khai quật trong đó, mà không cần phải đi đâu xa. Kho báu đó là gì? Chính là trí huệ vô ngã và tâm đại bi Bồ-đề. Sự khai quật kho tàng vô giá của Như Lai tâm còn gọi là “Như Lai tạng”, kho tàng của Phật trong tâm, để đạt được trí huệ vô ngã chính là cái thấy siêu việt của người học Phật.

Quán chiếu về tính rỗng không của mọi sự vật,

hiện tượng, phát khởi được tâm đại bi Bồ-đề thương mến lo lắng cho muôn người, cho nhân loại, cho tất cả chúng sanh đó là “kho tàng vĩ đại”. Ngài Tông Khách Ba nói: “*Trong 84.000 pháp môn lấy ra phân tinh túy đó là Bồ-đề tâm*”. Giống như khi khuấy tất cả sữa cho đông lại cuối cùng sẽ thành chất phô mai tinh túy nhất. Cũng vậy, trong 84.000 pháp môn của Phật rút lại tinh hoa cốt lõi cuối cùng là Bồ-đề tâm.

Bồ-đề tâm gồm có hai phần:

1. Trí huệ tánh không, thấy rõ tất cả các pháp đều là Duyên khởi vô ngã.

2. Tâm đại từ đại bi thực hành Bồ-tát đạo vì để cứu khổ cho khắp tất cả muôn loài.

Không nhìn khuyết điểm của người khác là điều tưởng chừng như đơn giản nhất. Song người tu dễ bị mắc phải nhiều nhất là thường nhìn xét mặt tiêu cực, sai trái của mọi người, chính nó làm chướng ngại sự tiến tu của mình. Vì lo nhìn lỗi lầm và khiếm khuyết của người, cho nên tu hành mà không thấy an lạc, thanh tịnh, giải thoát. Không chỉ có Phật tử phạm phải lỗi này, mà nếu không khéo người xuất gia cũng mắc phải. Đó là nguồn gốc của sanh tử luân hồi, căn nguyên của phiền não và đau khổ ở thế gian. Không có một chúng sanh nào không có khuyết điểm ngay cả đức Phật khi còn ở trong nhân đạo tu hành. Và lại, chính bản thân của chúng ta cũng không toàn vẹn, cho nên không thể bắt buộc mọi người phải toàn vẹn.

Tâm Bồ-đề, tâm Đại bi là báu vật vĩ đại ở trong Tam

thiên đại thiên thế giới. Trong sách *Vào hạnh Bồ-tát*, Tôn giả Tịch Thiên nói: “*Có ai phát sinh tâm Bồ-đề quý báu ấy không, tôi xin kính lễ dưới chân người ấy. Có ai đem lại an vui ngay cả cho kẻ làm hại mình, tôi xin quay về kính lạy người ấy, suối nguồn của an vui*”.

Tu hành phải biết nghĩ cho Phật pháp, thương xót chúng sanh, biết giúp đỡ đến những người đang khổ vì chiến tranh, động đất, biến đổi thời tiết khí hậu, thiên tai dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, tai nạn giao thông và các chứng bệnh nan y. Ngoài ra còn có các loài chúng sanh ở các cảnh giới khác như sự ăn nuốt lẫn nhau của thú vật, ngạ quỷ đói khát trường kỳ, tội nhân bị hành phạt đau đớn cùng cực trong các địa ngục tàn khốc.

Biết được như vậy mà còn không lo tu tập, nếu chỉ lo nhìn người này, liếc người kia, giận người nọ, phiền người khác thì cuối cùng cuộc đời của chúng ta sẽ đi về đâu? Phải mở con mắt trí huệ để có được cái thấy siêu việt, vượt qua hết tất cả những thị phi, nhân ngã, xả bỏ những lợi dưỡng nhỏ bé tầm thường, hay sự tính toán theo thói phàm phu tục tử. Cần phải vượt lên để thấy rõ tính chất vô thường, sanh diệt của vạn pháp và nhất là luôn quán chiếu về cái chết, suy niệm sâu sắc những nỗi khổ trong sanh tử.

Hãy nhìn tận tường tính chất rỗng không của các pháp, phát khởi Bồ-đề tâm, đại bi tâm để lo cho mọi người ít nhất là trong đạo tràng, kể đó là cho những người Phật tử, rộng ra cho khắp nhân loại pháp giới chúng sanh.

Chương IV

PHƯỚC BÁU VÀ ĐỨC HẠNH



MUÔN VẬT LUÔN BIẾN ĐỔI

Chợt nhìn thấy những lá cờ phướn được mua từ thành phố đem về trên núi để trang trí trên những cành cây, mới ngày hôm qua vẫn còn rất đẹp mắt, mà hôm nay đã bị gió thổi ngã nghiêng xơ xác, lấm lem bùn đất. Nếu chúng ta khéo quán sát bằng con mắt pháp sẽ thấy được đạo lý là bất cứ cái gì dù đẹp hay xấu hoặc lớn hay nhỏ cũng đều đến và đi một cách tự nhiên, không thể dừng lại mãi ở trong một trạng thái cố định. Mọi sự vật ở trên cõi đời này luôn biến đổi theo một quy luật nhất định và diễn ra một cách mau chóng, bất ngờ không thể nào lường trước.

Ngày hôm qua, có người báo một tin đột ngột một chú bé chỉ mới khoảng 10 tuổi bị trượt chân té xuống thác nước chết đuối trong lúc đang rửa tay. Nghe được tin buồn như thế, chúng ta tự xét lại bản thân không biết sẽ chết khi nào và ở đâu? Người có tâm tu hành chân thật, thường thì luôn suy xét về cái chết sẽ xảy đến bất ngờ bất cứ lúc nào và không thể đoán biết trước được?

Trên thế gian này, cái chết cũng như các yếu tố tàn hoại khác đều có tính chất bất ngờ, mau chóng và khó có thể dự đoán trước. Mới ngày hôm qua còn tươi đẹp, hôm nay đã hoang tàn. Mấy hôm trước còn khỏe mạnh, nhưng bây giờ đã ngã bệnh nặng phải nằm một chỗ, ăn ngủ không an ổn. Trong đạo Phật gọi những sự thay đổi chuyển biến đột ngột, không thật bền chắc lâu dài, không thể đo lường như thế là vô thường mau chóng. Sự thật của cuộc đời luôn được nhìn thấy ở ngay trước mắt, không cần phải tìm kiếm ở nơi nào xa xôi. Tất cả sự việc xung quanh đều đang dần trải và hiển bày sự thật rất dễ nhận biết, nhưng chỉ vì chúng ta không khéo nhìn hoặc có thấy mà chưa được tường tận, nên có những cách nghĩ, nói hoặc hành động sai lệch với chân lý.

Hằng ngày, mỗi lúc mỗi nơi chúng ta cần phải thường dùng trí tuệ để xét nét mọi việc xảy ra ở xung quanh, dần dần lâu ngày mới có thể thâm nhập vào được sự thật mà đức Phật dạy. Chỉ khi nào thấy rõ, không còn nghi ngờ về *trạng thái biến đổi, không toại nguyện, trống rỗng, chẳng cứng chắc và cốt lõi* (Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã), chúng ta mới có thể buông bỏ được những tâm niệm nhỏ hẹp tầm thường. Sự nghiền ngẫm, quán xét hằng ngày về bản chất thật sự của thế gian sẽ làm cho những tâm niệm tham muốn, nóng giận, mê lầm hoặc những ý niệm hơn thua, phải quấy, buồn giận của chúng ta càng ngày càng giảm bớt cho đến khi hoàn toàn lặng lẽ.

Tuy biết tất cả sự vật trên đời luôn biến đổi đột ngột, tan hoại mau chóng, ngay cả tám thân đang hiện có này,

nhưng không vì như vậy mà làm càng bất chấp mọi thứ, hoặc bỏ lửng không còn muốn làm gì nữa. Trái lại, càng thấu rõ vô thường, người tu càng cần phải cẩn thận hơn nữa trong mọi sinh hoạt và việc làm. Vì tất cả vạn vật đều phải biến đổi tan hoại nhanh chóng, chúng ta cần cẩn thận gìn giữ và biết tận dụng quỹ thời gian quý báu có được ở trên cõi đời này để tu tập và làm những việc có ích cho mọi người. Cần phải tranh thủ thời gian rảnh rỗi để quán chiếu vô thường, khổ, vô ngã, niệm Phật, nghe pháp hoặc lễ Phật, sám hối hay giúp đỡ cho những người có hoàn cảnh khốn khổ.

Ngoài ra, người tu cũng cần có tâm cẩn thận đối với mọi việc làm từ nhỏ đến lớn. Việc càng nhỏ thì càng nên lưu tâm, chỉ cần một chút sơ ý là có thể làm hỏng việc lớn. Tối hôm qua, sau khi xem xong một bài pháp, Minh Thành vội đi ngủ mà quên kiểm tra đèn nến. Đến nửa khuya, ngọn lửa đột nhiên phụt cháy sáng. Nằm ở trong phòng nhìn ra ngoài thấy một đóm lửa lớn tưởng chừng như cả cái kệ để kinh sách đã bị bốc cháy. Đến khi bước vội ra ngoài thì chỉ thấy đó là lửa của ngọn nến phùng cháy lên. Cũng may đó là loại nến ly, nên không có việc nghiêm trọng xảy ra. Nếu là nến cây thường dùng thì có lẽ cả tịnh thất bằng lá tranh và tủ kệ gỗ đều bị lửa thiêu ruội. Vì thế, chỉ nên thắp một cây đèn dầu có ống khói bảo vệ ở bàn thờ Phật và nên để lửa cháy nhỏ vừa đủ sáng. Các loại đèn hoặc nến khác phải được tắt sau khi đã cúng lễ xong. Không những ban ngày, mà vào những lúc không có hành lễ vào ban đêm hay những lúc không

có người trực ở chùa cũng nên dập tắt tất cả những đèn nến dễ cháy. Vì khoảng 10 năm trước khi ấy trên núi Pháp Ấn chưa có điện.

Những thứ dễ tan vỡ, càng tạm bợ chừng nào thì càng phải cẩn thận chừng đó. Trong mọi việc làm đều cần phải rèn luyện tính kỷ lưỡng. Chính vì biết tất cả đều là giả dối, không thật bền chắc, nên phải kỷ lưỡng và giữ gìn, nếu không như vậy thì sẽ uổng mất cơ hội quý báu để sử dụng và tu tập tâm tánh. Đối với sự học hành và các việc làm trong sinh hoạt hằng ngày cũng đều phải cẩn trọng ý tứ giống như vậy.

Hoặc khi cha mẹ dạy dỗ hoặc quý Thầy hay các Sư huynh, Sư tử chỉ bày thì phải nên cố gắng lắng nghe cẩn thận để làm việc được chính xác. Luôn có tâm niệm dè dặt, thận trọng từng việc nhỏ chính là đang thực hành chánh niệm tỉnh giác.



PHƯỚC BÁU VÀ CÔNG ĐỨC

Sở dĩ trên con đường tu học, chúng ta còn gặp nhiều trục trặc, khó khăn là vì vẫn còn thiếu phước. Mọi công việc ở thế gian cũng như xuất thế gian đều rất cần có phước báu hỗ trợ mới có thể thành tựu dễ dàng. Việc công quả ở bên ngoài là giúp cho người tu tạo thêm phước báu. Chính phước báu đó sẽ giúp cho phần vật chất, phương tiện được tốt đẹp mới có thể an ổn tu hành. Còn tu hành ở bên trong tâm là có được sự hòa kính mới làm phát sinh ra công đức. Bên ngoài hình tướng là phước báu và tu tập khắc phục vọng niệm bên trong tâm chính là công đức.

Những vị cư sĩ mới vào chùa còn chưa hiểu về oai nghi, lễ pháp thì cần phải học hỏi thêm từ quý Sư huynh hoặc quý Thầy. Sống trong đại chúng, điều quan trọng nhất là cần phải có sự hài hòa lẫn nhau giữa các huynh đệ và sự quý kính đối với những người lớn, những người đi trước.

Trong đạo không tính sự lớn nhỏ của tuổi đời, mà theo số năm ở lâu trong đạo. Nếu căn cứ theo điều đó,

những người xuất gia tuy tuổi còn nhỏ, nhưng vẫn có thể là bậc trưởng thành. Người tuổi lớn ở ngoài đời nhưng xuất gia trễ thì vẫn thuộc hàng sư đệ, hoặc là người nhỏ, người đi sau. Khi gặp điều gì không rõ thì cần phải thưa hỏi và nếu Sư huynh có chỉ dẫn thì phải cố gắng lắng nghe. Hoặc có việc gì muốn làm, trước phải thưa trình với quý Thầy. Nếu chưa có sự đồng ý hoặc chỉ dẫn, chẳng nên tự làm theo ý của mình. Mới vào tu, còn nhỏ tuổi trong đạo, chưa có kinh nghiệm, chưa hiểu rõ những lễ nghi, nếu tự mình làm việc sẽ dễ bị sai phạm.

Sự hài hòa giữa huynh đệ và quý kính đối với các vị Thầy, bậc Trưởng thượng sẽ làm phát sinh ra mọi công đức. Chính cái đức ở trong tâm sẽ giúp cho sự tu tập được an ổn, không bị các chướng ngại, những thế lực ở bên ngoài hay những thành phần thuộc tâm linh ngăn trở quấy rối. Nếu nhận thấy bản thân còn gặp nhiều khó khăn, chướng ngại thì nên biết rằng đức hạnh ở trong tâm của mình chưa được đầy đủ. Bất cứ người tu nào cũng cần phải, bên ngoài làm tất cả các việc phước lành, bên trong tâm phải huân tập các công đức từ sự cung kính, hài hòa đối với tất cả.

Khi mới vừa thành đạo ở dưới cội Bồ-đề, đức Phật suy nghĩ muốn tìm một người xứng đáng để thờ làm Thầy và cũng để tỏ lòng tôn kính chánh pháp. Dù đã dùng mắt Phật để quán sát khắp hết tam thiên đại thiên thế giới mà vẫn không tìm thấy ai có sự tu hành cao hơn Ngài, không thấy một người nào thấu triệt được lẽ thật và có đạo đức lớn hơn Ngài. Cuối cùng, đức Thế Tôn đành phải thờ

chánh pháp làm Thầy, đối tượng để tôn kính. Ngài đã tỏ lộ điều này ở trong kinh tạng Pali:

Sau ngày thành Đạo, lúc còn ngự tại gốc cây Bồ-đề, trên bờ sông Ni Liên Thiên, đức Phật ngồi hành thiền, và ý nghĩ sau đây phát sanh đến Ngài: “Quả thật là đau khổ và không có ai để lễ bái và tỏ lòng tôn kính. Hay là Ta hãy tìm đến một vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào để sùng bái!”

Rồi Ngài suy niệm: “Ta phải tìm đến sống gần một vị Sa-môn hay Bà-la-môn để tôn kính và lễ bái, hầu nâng cao giới đức, nâng cao trạng thái định tâm, nâng cao trí tuệ, đem sự giải thoát đến mức toàn thiện chăng? Nhưng trên thế gian này không thấy ai, dù trong hàng chư Thiên, Ma vương hay Phạm thiên, hay giữa những chúng sanh như Sa-môn, Bà-la-môn, Trời và người, có giới đức cao thượng hơn Ta để thân cận, tôn kính và sùng bái”.

Rồi tư tưởng sau đây phát sanh đến Ngài: “Hay là Ta hãy tôn kính và sùng bái chính giáo pháp mà Ta đã chứng ngộ?”

Lúc ấy Vị Phạm Thiên Sahampati hiểu được ý Phật nên từ cảnh giới Phạm Thiên, dễ dàng như một người khoẻ mạnh duỗi cánh tay thẳng ra, hay co tay vào, xuất hiện trước mặt đức Phật. Và, đắp y ngoại lên vai mặt, để trống vai trái quỳ xuống chấp tay đảnh lễ đức Phật và bạch:

“Quả thật vậy, Bạch đức Thế Tôn! Quả như vậy, Bạch đức Như Lai! Bạch Ngài, những bậc Ứng Cúng, những bậc Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, trong tương lai, trong thời hiện đại đều tôn kính và sùng bái chính giáo pháp này”.

Phạm Thiên Sahampati thưa với đức Phật thêm rằng:

“Những bậc Chánh Biến Tri trong quá khứ, vị lai và hiện tại, những vị đã giúp cho nhiều vị được thoát khổ, tất cả những vị ấy đã, sẽ, và đang tôn kính giáo pháp cao thượng. Đó là đặc tánh của chư Phật”.

Đây chính là đạo đức lớn đầu tiên trong sự tu tập của đức Phật. Tất cả các hàng Phật tử từ cư sĩ cho đến xuất gia đều phải tôn kính Phật và quý trọng giáo pháp. Mỗi khi nghe pháp, tuyệt đối không được nói chuyện hay lơ đãng, phải lắng lòng để nghe. Khi quý Thầy hoặc Sư huynh có chỉ dẫn về Phật pháp, cần phải chú tâm ghi nhận. Có lòng tôn kính quý trọng Pháp bảo sẽ làm phát sinh ra công đức trong tâm.

Bên cạnh đó, biết tôn quý chư Tăng, những người xuất gia vượt khỏi mê lầm phiền não của thế gian là một điều không thể thiếu sót của một người con Phật.

Vì sao phải kính trọng Tăng Bảo? Đối với người bình thường, việc cạo bỏ râu tóc là không dễ làm, dù chỉ làm trong thời gian ngắn. Quý Thầy khi xuất gia đã phải vượt qua rất nhiều thử thách chông gai, cay đắng khổ đau từ nội tâm cho đến hoàn cảnh chung quanh. Quý Thầy đã phải có tâm quyết liệt, mạnh mẽ, dứt khoát buông bỏ tất cả từ vật chất, thú vui thế gian cho đến gia đình, bạn bè và người thân để chiến đấu với chính bản thân. Vì chưa thể làm được như vậy, người Phật tử cư sĩ phải luôn có tâm tôn trọng Tăng bảo, quý kính những người xuất gia đã hy sinh cả cuộc đời để tu tập, đem chánh pháp soi sáng khắp thế gian.

Trong kinh *Tăng chi bộ*, đức Phật dạy: “*Có bốn chuyện không nên coi thường, những gì là bốn?*”

Thứ nhất là một thái tử còn nhỏ.

Thứ hai là một con rắn.

Thứ ba là một đóm lửa nhỏ.

Thứ tư là một Tỳ kheo trẻ tuổi.

Vì sao không nên coi thường bốn chuyện trên, vì một hoàng tử nhỏ dù ít tuổi nhưng cũng có ngày sẽ lớn thay quyền nhà vua nắm giữ thiên hạ, có quyền sinh sát tuyệt đối trong tay. Một con rắn nhỏ nhưng rất là độc và có thể giết chết nhiều người. Một đóm lửa nhỏ có thể gây tai họa khốc liệt tiêu hủy bao nhiêu rừng rậm xóm làng và một Tỳ-kheo trẻ tuổi sẽ có pháp học cao siêu, đắc được thánh quả và vì đó có thể làm lợi lạc cho muôn ngàn chúng sinh”.

Hơn nữa, đức Phật đã vắng bóng từ lâu, nếu không nhờ quý Thầy tu học, phiên dịch và giảng giải thì giáo pháp của đức Phật chỉ để dành trưng bày trong tủ hay dù có tụng đọc cũng chẳng có mấy người hiểu được nghĩa lý. Người Phật tử là người hiểu đạo thì phải biết quý kính Tam bảo. Mỗi khi gặp quý Thầy cần phải chấp tay, cúi đầu xá chào thành kính. Làm như vậy không phải quý Thầy sẽ nhận được điều gì, mà chính bản thân được tăng trưởng công đức và phước lành do có lòng khiêm cung và chân thành.

Ở ngoài đời có rất nhiều điều vui thú hết sức hấp dẫn, nhưng phía sau những vui sướng đó thường làm hao tổn, mất thời gian, thường bị hoàn cảnh và bạn bè xấu ác lôi

kéo làm mình hư hỏng, thậm chí có khi còn xảy ra tai nạn. Ngược lại, ở chùa lạy Phật, tụng kinh, nghe pháp, tập thiền... chẳng những có được an vui mà tâm tánh cũng luôn hướng tới chỗ tốt đẹp, lành thiện. Vì Tam bảo là mảnh ruộng phước của thế gian. Việc lạy Phật, cúng dường, đọc tụng kinh điển hoặc làm các việc lành... chính là đang gieo những hạt giống tốt lành vào đó. Chỉ gieo xuống mấy hạt, nhưng lúc trở quả sẽ gặt hái được rất nhiều. Trong thực tế cuộc sống, chỉ gieo xuống đất một vài hạt trà hay cà phê, nhưng đến khi ra hoa kết quả, cây sẽ cho rất nhiều lá và hạt, thu hoạch mãi cũng không hết. Cũng giống như vậy, công đức của Tam bảo cũng sẽ giúp cho người tu thăng hoa, tăng trưởng căn lành và đem lại vô số niềm an lạc thù thắng, mọi người cần cố gắng thực hành để có được kết quả tốt đẹp về sau.

Thuở xưa, khi đức Phật còn tại thế, vào mỗi thời giảng pháp đều có một ông già chần bò đi tới tham dự. Hôm đó đã tới giờ nghe pháp, mọi người đều có mặt đông đủ, mà ông già chần bò vẫn chưa tới. Nhìn thấy đức Phật ngồi yên lặng mà không nói một lời nào, mọi người đều nôn nóng vì không hiểu được nguyên do. Cuối cùng, ông già chần bò cũng xuất hiện với khuôn mặt bơ phờ mệt mỏi, áo quần rách rưới, dính đầy bùn đất. Ông chấp tay xin sám hối ở trước đức Phật và đại chúng và trình bày lý do đi trễ là vì phải đi tìm con bò bị lạc để mang về cho chủ. Nhìn thấy ông đói bụng lắm người, đức Phật đã gọi người đem cơm nước cho ông lão ăn. Chờ ông ăn uống xong, đức Phật mới bắt đầu nói pháp. Xúc động

trước tình thương của đức Phật đối với một người nghèo khổ phải đi chăn bò mướn, cho nên ông lão đã đem hết tâm chân thành để lắng nghe giáo pháp. Lòng thương của Phật và tâm cung kính của ông đã giao cảm với nhau. Kết quả là ngay lúc nghe pháp, ông đã chứng được Sơ quả Tu-đà-hoàn, vào dòng Thánh và thấy rõ lẽ thật.

Khác với hình ảnh đức Phật ngồi trên mây xanh, phóng hào quang qua những sự phóng đại của phim ảnh để lôi cuốn sự tò mò của người xem, đức Phật thật ở ngoài đời rất bình dị và gần gũi với mọi người. Tuy là một bậc có trí tuệ giác ngộ hoàn toàn, thấu suốt tận cùng lẽ thật của nhân sinh vũ trụ, nhưng phong cách và cuộc sống của Ngài rất bình dị. Dù xuất thân từ tầng lớp cao quý, đồng thời cũng là Thái tử giàu có quyền uy cùng tột, nhưng Ngài luôn có tâm thương xót những người nghèo khổ khốn cùng.

Một hôm, vị Tỳ-kheo mù A-na-luật trước kia cũng xuất thân từ hoàng thân quốc thích, nhưng từ bỏ tất cả để tu hành, trong khi muốn nhờ người xỏ kim để khâu vá tấm y bị rách. Ngài mới lên tiếng hỏi:

- Có huynh đệ nào ở gần xin xỏ kim vá y giúp tôi.

Lúc đó, Ngài chợt nghe âm thanh trầm ấm quen thuộc vang lên ngay bên cạnh:

- Có Ta đây! Để Ta giúp ông.

Ngài nhận ra đó là tiếng của đức Phật, bèn lật đật sụp xuống lạy và thưa rằng:

- Con đâu có dám phiền đến Như Lai. Đức Phật nói:

- Đừng nói như vậy, để Ta xỏ kim dùm cho ông!

Ngài A-na-luật bối rối hơn:

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Thế Tôn đã là bậc Chánh giác mà còn phải làm những việc nhỏ nhặt như thế này?

Đức Phật đáp:

- Sở dĩ Ta trở thành bậc Chánh giác, là vì Ta đã không từ bỏ bất cứ một việc lành nhỏ nào. Hãy để Ta bòn mót thêm một chút phước.

Một việc phước nhỏ cũng không bỏ sót như vậy, đức Phật được danh xưng là “Luỡng Túc Tôn”, bậc có đầy đủ phước báu công đức và trí huệ. Dù đã thành Phật, mà Ngài vẫn không bỏ sót việc bòn mót phước đức nhỏ bé. Nhìn thấy tấm gương ấy, chúng ta tự xét thấy bản thân nghiệp sâu phước mỏng, chẳng những không chịu dành dụm hay bòn mót phước đức, mà còn tiêu xài hoang phí.

Xưa kia, đức Phật lo nghĩ và thương xót cho hết tất cả mọi loài chúng sinh, cho nên dù Ngài đã diệt độ hơn 2.500 năm, mà cả thế giới đều cung kính nghĩ nhớ và lễ lạy. Bất cứ ai khi nhìn thấy một người nghèo mà có tâm từ ái nhân hậu muốn giúp đỡ, hoặc luôn luôn nghĩ tới lợi ích cho mọi người mà quên bản thân thì đều là hóa thân của Bồ-tát, Thánh nhân. Giúp đỡ cho người đói khổ vãi đồng tiền chính là bòn mót được thêm một chút phước. Vô về an ủi, hỏi han cha mẹ đang buồn khổ hoặc nhìn thấy Thầy hay huynh đệ có việc cần liền sẵn sàng trợ giúp, quan tâm cũng là đang bòn phước.

Cần phải biết quan tâm đến mọi người, đừng nên chỉ nghĩ lợi ích cho cá nhân. Cái tâm chỉ nghĩ cho bản thân rất nhỏ bé, biết nghĩ cho mọi người thì tâm mới được rộng lớn.

Nhiều khi bước vào nhà bếp chỉ thấy có một người trực nấu nướng không lo ngại tay, trong lúc những người khác bỏ đi đâu mất dạng. Tuy nói trách nhiệm được phân chia cho tất cả mọi người là một lẽ, nhưng bên cạnh đó chúng ta cũng cần phải để ý quan tâm đến các huynh đệ sẵn sàng trợ giúp để tập thể ổn định, Tông lâm hưng thịnh và cũng là để tạo phước cho bản thân. Mỗi người nên tập quan tâm nhiều đến những người khác. Chúng ta biết nghĩ và lo cho mọi người, thì mọi người sẽ quan tâm lại với mình. Không cần mong cầu, tự nhiên họ cũng sẽ nghĩ và lo trở lại. Còn như chỉ lo nghĩ riêng cho bản thân, khi chết rồi thì tất cả những thứ đã làm được sẽ không còn gì và cũng chẳng ai nhớ tiếc. Thậm chí, nếu lúc còn sống mà chúng ta làm nhiều điều tội lỗi, lúc chết thiên hạ còn thù ghét nhiều hơn nữa.



TRÍ TUỆ LÀ SỰ NGHIỆP

Kế tiếp là sự tu học cần phải được đặt trên nền tảng của chánh pháp. Người xuất gia cần phải nỗ lực để tu học chánh pháp bằng mọi cách, mọi lúc và mọi nơi. Mỗi người đều có duyên nghiệp khác nhau, nhưng quan trọng là phải có ý chí kiên định, vững chắc bền lâu mới có thể vượt qua những chướng ngại. Phải kiên cường chiến đấu với những thói quen thường tình ở thế gian như ngủ nghỉ, ham chơi, mệt mỏi hay nói chuyện tạp nhạp. Những thói quen của thế gian không thể trong một lúc dứt bỏ hết, nhưng cũng phải cố gắng làm giảm bớt dần dần cho đến khi chiến thắng làm chủ hoàn toàn mới có thể tiến bộ. Những giờ tu học, nghe pháp phải có mặt đầy đủ, ngoại trừ những trường hợp bất đắc dĩ như bệnh nặng hoặc kiệt sức thì mới được phép vắng mặt nghỉ dưỡng, nhưng cũng phải tìm những cách khác để học tập Phật pháp.

*Tâm cung kính, khiêm tốn hài hòa là **công đức**; sự nghiên ngẫm Phật pháp vận dụng tu tập là **tuệ giác** ở bên trong. Làm tất cả việc lành ở bên ngoài là **phước báu** và*

tu tập ý niệm ở bên trong là đức, đều dựa trên cốt lõi là trí tuệ.

Vì vậy, nền tảng căn bản chánh pháp là phải nắm vững và rõ ràng mới có thể vận dụng tu hành. “*Duy tuệ thị nghiệp*”, chỉ có trí tuệ mới là sự nghiệp của người tu. Tất cả tiền bạc, tài sản hoặc cơ sở, chùa tháp, Phật tử... đều chỉ là những duyên phụ trợ cho việc hoằng pháp lợi sinh, không phải là mục đích chính yếu mà người tu cần nhắm đến. Người tu luôn tâm niệm lấy trí tuệ làm tài sản chân chính, quý báu của đời mình.

Trí tuệ chỉ có thể phát sinh từ việc siêng năng nghe chánh pháp và nghiên ngẫm quán xét đạo lý. Trong kinh *Nguyên thủy*, đức Phật nói các đệ tử của Ngài đều là những bậc “*đa văn Thánh đệ tử*”, tức là đệ tử nghe nhiều giáo pháp của bậc Thánh. Còn người bình thường được gọi là “*vô văn phàm phu*” rất ít nghe học theo chánh pháp và lẽ thật. Tuy người đời nghe nhiều, nhưng chỉ nghe về pháp thế gian, đưa đến phiền não khổ đau. Còn người tu luôn để tâm vào chánh pháp, cầu pháp, học pháp, hành pháp, chứng pháp và hoằng pháp để đưa mình và người đến chỗ an lạc giải thoát.

* Cầu pháp

Giai đoạn ban đầu là đi tìm thầy để cầu học chánh pháp. Ngày xưa, Thái tử cũng vượt thành đi vào rừng sâu núi thẳm để tìm thầy học đạo. Trong nghi thức Lễ Phật Đản có đoạn: “*Thanh sơn đoạn phát, phỏng đạo tâm sư*”, là vào núi xanh cắt tóc tìm thầy hỏi đạo chính là nói về giai đoạn này.

* Học pháp

Kế đến là giai đoạn học pháp, đem hết tấm lòng chân thành, ý chí chuyên nhất để tu học. Không chỉ để hết tâm vào lúc nghe thầy giảng hoặc những lúc mở sách ra đọc, mà phải biết học ở tất cả vạn pháp. Khi đã học hiểu thì mọi thứ đều trở thành Phật pháp. Nóc nhà dột nước cũng là pháp, thân thể bị bệnh cũng là pháp, nghe tin người khác chết cũng là pháp, làm việc nhiều khiến thân mỗi mệt cũng là pháp và gần nhất là ngay khi đang thở từng giây từng phút cũng là pháp. Do học hiểu mới nhìn thấy pháp và nếu có thể vận dụng tu tập trong từng phút giây thì công đức phước báu càng tăng trưởng. Điều kiện tiên quyết để có được công đức phước báu là phải chuyên tâm tu học và phải học với tâm thiết tha chí thành thì mới đạt được giáo pháp

* Hành pháp

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn thực hành. Trong từng giây từng phút và từng hơi thở luôn nhớ thực hành: “*Thở vào A Di; thở ra Đà Phật*”, nếu tám ngọn gió của thế gian bất ngờ thổi tới, chúng ta cũng đủ sức đứng vững, không bị nghiêng ngã. Tám ngọn gió đó là tiền tài, danh lợi, hủy nhục, đề cao, khen tặng, chê trách, buồn khổ và vui sướng. Nếu không có “*Định phong châu*” của Phật thì chỉ cần một cơn gió cũng có thể thổi chúng ta bay một muôn tám ngàn dặm. Hạt ngọc dừng gió kia chính là công phu niệm Phật hằng ngày có được tâm thanh tịnh vững chắc và trí huệ thấy rõ lẽ thật nơi tấm thân này. Có công phu miên mật, khi chuyện vui hoặc buồn xảy

tới, chúng ta mới có được sức bình tĩnh để không bị tám ngọn gió thổi bay làm u đầu sút trán, thân thể trầy trụa thương tích.

Người có ý chí quyết tâm tu hành thì trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện đều có thể vận dụng tu tập. Trong khi làm bếp, nhặt rau, xắt cà rốt, gọt khoai tây hoặc trong lúc nấu cơm, quét nhà... đều có thể ứng dụng thực hành. Thậm chí là trong từng hơi thở cũng là một hành pháp để quán xét về sự sinh diệt mong manh tạm bợ của mạng sống này.

Trong kinh điển Nguyên thủy, đức Phật luôn luôn nhấn mạnh rằng: “*Pháp được đức Thế tôn khéo giảng, tự chứng ngay hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có hiệu năng hướng thượng, được người có trí chứng biết*”. Chỉ có thực hành mới thấy được sự mâu nhiệm của Phật pháp, bởi vì đó là chỗ đến để thấy tận mắt, không phải chỉ để tin suông trên ngôn ngữ. Hiện tại ngay lúc này, trong từng hơi thở thấy được lẽ thật của thân, tâm và ngoại cảnh. Chỉ qua một đêm mưa gió, nhìn thấy được sự gãy đổ của mọi vật là thấy được lẽ thật. Thấy một cánh hoa rơi hay chiếc lá vàng úa rụng là đang nhìn thấy lẽ thật!

Tất cả mọi thứ đều đang hiện hiện lẽ thật, phơi bày Phật pháp thiết thực ở xung quanh và trong từng hơi thở. Ngay đây hiện giờ, không phải lúc nào khác mới thấy được pháp. Cũng không cần trải qua thời gian dài năm năm, bảy năm hay đợi đến lúc chết rồi mới thấy được kết quả.

Thấy rõ kết quả ở trong từng giây từng phút tu tập như vậy chúng ta mới vui vẻ, hăng hái nỗ lực tu hành nhiều hơn nữa.

* Chứng pháp

Bằng trí tuệ hữu lậu¹³ do công phu hành trì hằng ngày, chúng ta sẽ tự đưa mình tới bến bờ giác ngộ giải thoát và đạt đến trí tuệ vô lậu¹⁴.

Dần dần, tâm của chúng ta sẽ mở rộng và cảm nhận; trời đất vạn vật đều đồng một thể với mình, không còn có sự phân chia riêng biệt nữa. Lúc đó, chúng ta sẽ thấy tất cả mọi người đều có ở trong mình và mình có mặt ở trong khắp tất cả mọi người.

Tại sao? Không có những người nông dân sẽ không có cơm ăn; không có những người dệt vải sẽ không có áo để mặc, không có chăn để đắp; không có những người thợ hồ, thợ mộc sẽ không có nhà để ở; không có những người trồng cây sẽ không có hoa quả và bóng mát để sử dụng; không có ngọn cỏ, lá rau, những củ khoai tây, cà rốt... chúng ta không có đủ dinh dưỡng; không có nước mát, ánh nắng mặt trời, không khí thì con người không thể tồn

13- Trí tuệ hữu lậu hay còn gọi là trí tuệ thế gian. Tuệ hữu lậu là tuệ có quan hệ mật thiết với phiền não thế gian và không có khả năng dứt trừ loại phiền não ấy. Đó là thứ trí tuệ phổ thông, còn gọi là thế tục trí. Trí tuệ này chỉ có công năng hiểu biết các pháp trên mặt hiện tượng. Trí tuệ này còn câu hữu với tham, sân, si, mạn, phiền não... Do vậy chưa có công năng đoạn trừ chấp thủ. đạt được trí tuệ vô lậu.

14- Trí tuệ vô lậu là trí thanh tịnh, có công năng cắt đứt mối quan hệ với phiền não. Sự hiểu biết các pháp nằm ngoài phạm trù đối đãi và chấp thủ, đưa đến giải thoát và giải thoát tri kiến, chứng vô lậu Niết-bàn.

tại... không có đàn na tín thí ủng hộ, người tu sẽ không có đủ vật dụng để sinh sống hằng ngày; không có những Phật tử hộ trì Tam bảo, thì không có cơ sở an ổn để tu hành và có những phương tiện thuận lợi để hoằng pháp; Như vậy, chỉ riêng thân thể hiện có ở đây đều nhờ vay mượn của trời đất, cho nên trong tám thân này không chỉ có bóng dáng của tất cả mọi người mà còn có cả vũ trụ vạn vật. Chúng ta cần phải mang ơn tất cả chúng sinh chẳng những loài hữu tình mà cả những loài vô tình như cỏ cây, cát bụi.

Lúc còn nhỏ khoảng bảy, tám tuổi sống ở dưới quê, Minh Thành thích bứt ngọn cây lá cỏ để chơi. Lúc ấy, trong lòng suy nghĩ là mình vừa làm không đúng, nhưng không biết tại sao là không đúng. Sau này, lớn lên xuất gia vào chùa học đạo và khi thọ giới Bồ-tát, đọc đến câu: “Bồ-tát khi đi không nở giẫm lên cỏ xanh”, mới hiểu ra được đạo lý!

“*Vạn vật với mình đều cùng một thể*”, tất cả đều ham sống sợ chết, tránh khổ tìm vui và cũng có buồn, giận, yêu thương như con người. Chỉ vì chúng tạo nhiều nghiệp nặng, tâm trí u ám, cho nên không thể phân biệt rành rõ đúng sai hay dở!

Khi bị chúng ta giết, đương nhiên các con vật oằn oại đau đớn, kêu vang thảm thiết. Còn các loài vô tình như cỏ cây vì không có tri giác cho nên không kêu la rên rĩ, nhưng khi bị chặt hoặc bứt cũng chảy nhựa, héo úa. Các nhà khoa học đã làm nhiều cuộc nghiên cứu và thí nghiệm thì thấy các loài cỏ cây tuy là vô tình, nhưng

chúng nó vẫn có tri giác sâu xa, mức độ rất vi tế và thấp nhỏ, cho nên chúng ta lầm tưởng như là không có. Cho nên, loài hoa Hướng dương biết xoay theo phía có ánh mặt trời; loài cây Trinh nữ khép các nhánh lá khi bị đụng chạm. Hoặc lúc đức Phật nhập Niết-bàn, cả khu rừng cây Sa-la tự nhiên nở đầy bông thơm ngát. Như vậy, tất cả muôn loài đều có Tánh biết sáng suốt, chỉ vì chúng ta không biết hoặc không quan tâm, cho nên mới làm tổn hại đến mọi thứ xung quanh. *Tu học dần dần chúng ta sẽ phá tung biên giới của “cái ta” nhỏ hẹp để mở rộng tâm mình càng ngày càng rộng lớn cho tới tận cùng là thấy rõ vạn vật đều đồng một thể.*

Nói gần nhất là anh em huynh đệ ở cùng chung một chùa, cần phải biết quý trọng thương mến lẫn nhau, tôn kính đối với quý thầy, đem lòng từ ái nhân hậu đối đãi với những người Phật tử mười phương. Nếu chỉ hiểu vạn vật là giả dối vô thường rồi mặc kệ mọi người muốn làm gì cũng không cần quan tâm, thì chẳng khác với việc người ngu ăn muối. Trong bài kinh *Bách dụ*, đức Phật có nói một ví dụ về một anh chàng đến chơi ở nhà của một người bạn. Anh ta được bạn đãi ăn một bữa cơm rất ngon. Vì thấy nước canh còn lạt, người chủ mới đem một ít muối cho thêm vào tô canh để cho vừa ăn. Anh chàng kia vì ăn ngon miệng, cho nên đã ăn hết chén canh này rồi ăn thêm một chén khác. Bây giờ, anh ta chợt nghĩ là do muối mà canh ngon, vì vậy mới nhờ người bạn đem ra một chén muối và anh ta đã cầm lấy cả chén trút hết vào chén canh. Sau khi uống một hơi cạn chén canh, anh

ta mới phát hiện là cả cỗ họng đau rát vì quá mặn! Trong cuộc sống cũng như trong tu hành cần phải biết dung hòa, không nên cố chấp vào một pháp tu. Lúc nào phải tu trí tuệ, lúc nào cần tu từ bi, khi nào là tu phước đức và khi nào là tu công đức. Đức Phật thành tựu viên mãn được đạo quả Giác ngộ Vô thượng đều phải từ sự tích góp tu tập muôn ngàn vạn công đức khác nhau, chẳng phải chỉ thực hành một hạnh nguyện mà đủ.

Thật vậy, sự tu hành ở bên trong tu trí tuệ là cốt lõi hành trì. Trí tuệ là do học pháp, hiểu pháp, hành pháp rồi mới chứng được pháp. Kế đó là phải tu đức tánh hòa hợp, vì đó là nền tảng của đức hạnh. Cần phải học kỹ phần Lục hòa, tức là sáu pháp hòa kính lẫn nhau. Chẳng những cung kính với Thầy hoặc các huynh đệ, mà còn cung kính đối với những người ngang hàng với mình. Thậm chí còn quý kính những người nhỏ tuổi hơn hoặc cư sĩ Phật tử.

Nếu có thể thương mến tất cả mọi loài từ người, vật cho đến cỏ cây, sỏi cát và tôn trọng tất cả mọi sự sống thì tâm lượng sẽ càng ngày càng phát triển rộng lớn vô biên. Những cây nào cần thiết phải đốn lăm thì mới chặt, tránh việc đụng đầu chặt đó, làm tổn hại đến sự sống của muôn loài. Bên trong thì chỉnh sửa tâm niệm, vun trồng cội gốc công đức sâu dày. Ở ngoài thì tu tập phước báu, làm tất cả các việc lành để hỗ trợ cho sự tu học sau này dễ bước lên chỗ cao xa và rộng lớn hơn. Ngoài ra, còn cần phải có đầy đủ phương tiện để làm lợi ích cho muôn loại chúng sinh. Đó là nền tảng căn bản ban đầu mà mọi người tu cần phải cố gắng xây dựng.

* Hoằng pháp

Đồng thời cũng dũng mãnh phát tâm Bồ-đề làm mọi việc lành thiện như bố thí, phóng sinh, cúng dường, từ thiện, tổ chức và ủng hộ đạo tràng tu tập, ấn tống kinh sách và băng đĩa pháp... bằng mọi phương tiện sẵn có về vật chất lẫn tinh thần để tạo điều kiện giúp đỡ cho mọi người có thể thấy nghe được Chân diệu pháp của đức Phật mà vượt thoát mọi khổ đau. Dù hiện tại bản thân còn nhiều phiền não và nghiệp chướng, nhưng chúng ta vẫn giữ vững lòng thương xót rộng lớn muốn cứu độ cho muôn loài mà không hề nản chí trước gian nan và nghịch cảnh.

Phát khởi tâm Bồ-đề đại từ bi đầy sự bao dung độ lượng để làm lợi ích cho muôn loài trong sự soi sáng của trí tuệ. Chúng ta sẽ thấy cuộc đời này đẹp để biết bao nhiều và tất cả mọi loài đang sống xung quanh đều dễ mến, dễ thương, bất cứ ai cũng đáng quý, đáng trọng và xứng đáng được chúng ta giúp đỡ. Dù bị đối xử xấu tệ hoặc thậm chí gây khổ cho mình nhưng chúng ta vẫn có thể thương mến họ được. Thực hành như thế, chính là đã đạt đến cảnh giới mẫu nhiệm của Phật pháp, bước vào cánh cửa viên dung vô ngại cùng khắp của pháp giới Hoa Nghiêm.

Chương V

THÔNG TÌNH ĐẠT LÝ



VẠN PHÁP RỒNG KHÔNG

Trong lịch sử Phật giáo Tây Tạng có liệt kê hơn 80 vị Chân sư, Cao tăng đắc đạo. Tìm hiểu về tiểu sử, chúng ta thấy cuộc đời các Ngài rất bình dị và có lối sống giản đơn, đạm bạc. Thậm chí, có những người đã từng một thời gây nhiều tội lỗi, nhưng sau đó biết sám hối tu hành và vẫn chứng đạo một cách kỳ diệu không thể ngờ.

Ngài Tam-thê-ba khi chưa xuất gia là một người đam mê cờ bạc, đánh bài thâu đêm suốt sáng. Khi thua hết tiền, Ngài đi mượn tiền của hàng xóm để tiếp tục chơi. Dù mượn bao nhiêu tiền, cuối cùng Ngài cũng đều bị thua sạch túi. Những người chủ nợ kéo đến hành hung và dọn hết đồ đạc trong nhà, Ngài đã phải trốn chạy vào trong một nghĩa trang sống thui thủi một mình. Một hôm, tình cờ Ngài gặp được một vị Cao tăng và Ngài đã đem hết tâm sự kể cho vị ấy nghe:

Con là người đam mê cờ bạc đến nỗi nhà tan cửa nát, không còn chỗ dung thân, cho nên con đã trốn vào trong nghĩa trang để sống qua ngày. Bây giờ con thật sự cảm thấy quá đau khổ!

Vị Đạo sư hỏi:

- Vậy sao con không chịu tu?

- Con cũng rất muốn tu, nhưng vì con vốn là một người nghiện cờ bạc. Nếu Ngài có thể dạy cho con pháp tu nào không bỏ cờ bạc thì con sẽ tu theo.

Vị Đạo sư mỉm cười thân thiện:

- Có, Ta sẽ dạy cho con một pháp tu mà không cần bỏ cờ bạc, con có đồng ý không?

Ngài vui mừng thưa:

- Dạ, con đồng ý!

- Vị Đạo sư mới dạy rằng:

- Trước tiên, con hãy quán xét thế giới đều rỗng không giống như cái túi không tiền của con vậy. Kế đến con hãy quán xét cả vũ trụ trời đất này đều rỗng không giống như cái túi không tiền của con hiện giờ và cuối cùng hãy quán xét bản tâm của con cũng rỗng không giống như cái túi không tiền đó.

Nghe nói như vậy, Ngài xét thấy nếu dùng hình ảnh của hoàn cảnh đang thua bạc hiện tại với cái túi rỗng không đang đeo bên người mà tu tập thì rất phù hợp, cho nên Ngài đã thực hành theo. Ngài siêng năng tinh tấn nghiên ngẫm quán xét tất cả mọi vật đều là rỗng không.

Khi xưa thì nhà cửa, vợ con, tiền bạc, tài sản đầy đủ, mà bây giờ tiêu tan mất hết tất cả, chỉ còn lại một cái túi rỗng không. Thậm chí đến chuyện cờ bạc cũng là rỗng không hoặc lời khen, tiếng chê cũng đều rỗng không và các sự đánh chửi đối với thân này cũng là rỗng không.

Bất cứ sự vật hay sự việc xảy đến, Ngài đều quán xét bản chất thật sự của chúng giống như một cái túi rỗng

không. Ngày đêm liên tục nghiền ngẫm không ngừng nghĩ trải qua suốt 20 năm. Cuối cùng, Ngài cũng thành tựu được đạo giác ngộ nhờ quán xét về bản chất rỗng không của vạn vật và cảm tác thành bài kệ:

*“Tất cả ý niệm,
Tất cả những phản ánh của tinh thần
Đã tàn rụi rồi tan vào hư vô
Và mỗi kinh nghiệm thoáng qua của thế giới hiện tượng
Cũng biến mất dần trong sự tương tục,
Sự tương tục của vắng lặng!”*

Do liên tục quán chiếu tất cả sự vật, hiện tượng ở thế gian cuối cùng cũng đều trở về rỗng không và rồi chúng biến mất dần trong sự tương tục tiếp nối, biến đổi của vô thường cho đến khi đạt tới bản tánh rỗng không vắng lặng của tự tâm, Ngài Tam-thê-ba đạt tới chỗ cùng tận của trí huệ Bát-nhã và trở thành người chứng ngộ được tánh không của vạn pháp.

Đây là một tấm gương sáng của một người đam mê cờ bạc, phạm nhiều tội lỗi và có thân phận thấp hèn trong xã hội, nhưng một khi đã quyết tâm tu hành, buông bỏ hết tất cả thì có thể đạt đến kết quả rất ráo của sự giải thoát. Ngài không đợi đủ duyên vào chùa để tu hành, mà chỉ nắm vững và kiên trì nơi một pháp để ngày đêm ở trong nghĩa trang nghiền ngẫm suy tư, quán chiếu suốt 20 năm. Cuối cùng, chính nhờ luôn chuyên tâm quán xét cái túi rỗng không đeo ở bên người, mà Ngài đã đạt được đạo mâu.

Chỉ bỏ ra 20 năm mà thành tựu được đạo Giác ngộ muôn đời vạn kiếp vĩnh hằng, bất sinh bất diệt. Thời gian

20 năm tính ra là rất dài, nhưng chẳng đáng là bao nhiêu khi so với một kiếp người. Nếu đem so với vô lượng kiếp sinh tử luân hồi thì 20 năm đó chưa bằng một tích tắc. Và đem cái tích tắc đó để đổi lấy sự hoàn toàn giác ngộ vĩnh hằng vô lượng vô biên của Niết-bàn an lạc thanh tịnh là một sự thành công vượt bậc.

Như vậy, mặc dù là người có đầy tội lỗi, nhưng nếu quyết chí sửa đổi thì vẫn đắc đạo, huống nữa là những người lành thiện. Chúng ta phải nên nhìn lại nội tâm để nỗ lực nhiều hơn nữa. Không phải chỉ tu trong những thời khóa hằng ngày, mà phải dụng công trong từng giây từng phút, trong từng tâm niệm, để luôn có chánh niệm sáng soi. Bao nhiêu khổ nhọc mà chúng ta đã bỏ ra trong lúc này, nhất định về sau sẽ thấy được giá trị vô lượng khi tu hành đạt được kết quả rất ráo. Vì vậy, cần phải noi theo gương của người xưa mà tu hành, đừng cô phụ chính mình!

THÔNG TÌNH ĐẠT LÝ

Trên đời này làm việc gì hay sống như thế nào, ở đâu cũng đều cần phải có một trật tự và hợp lý mà người đời gọi là “có tình có lý” và trong đạo gọi đó là “sự lý dung thông”. Trước hết nói về “Tình”, sau đó sẽ nói về “Lý” và cuối cùng sẽ nói rõ về “Tình - Lý viên dung”.

* Về mặt tình cảm

Có ba điểm về phương diện tình cảm mà người tu cần lưu ý.

Điểm thứ nhất – *Thương mình thương người*

Từ ngày lên núi dựng am tranh tới nay đã được sáu năm (2005 - 2011), nhưng chưa bao giờ trong lòng của Minh Thành nghĩ rằng đây là chỗ riêng của mình, mà chỉ mong đây là nơi để dành cho tất cả những người có tâm tu hành hội tụ cùng nhau để thực tập công phu cũng như cùng nâng đỡ dìu dắt, hỗ trợ nhau trên con đường chuyển hóa.

Nếu có dịp đi thăm viếng khắp nơi trong nước cũng như ngoài nước, chúng ta sẽ thấy được xã hội ngày càng

có rất nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp về thời đại, hoàn cảnh và con người. Chúng ta có được may mắn hiếm có là nhờ sống ở trên núi cao, giảm bớt được rất nhiều nhân duyên tạp nhạp mà các chùa ở dưới thành thị thường phải gánh chịu, trong đó có thể kể là:

- Thứ nhất, không chú trọng về vấn đề cúng lễ hoặc đi tụng đám tang.

- Thứ hai, không chú trọng về xây dựng, kiến trúc chùa tháp một cách hoành tráng to lớn.

- Thứ ba, không chú trọng về việc tạo lập cảnh đẹp để dành thời gian cho đại chúng tu học.

- Thứ tư, tránh bớt rất nhiều sự thù tạc qua lại với việc đời.

Tất cả bốn điều trên thường được những nơi khác quan tâm, nhưng ở chùa núi này đều đã được giảm bớt. Việc ấy có mục đích gì? Đó là nhằm để dành hết thời gian, hoàn cảnh, tâm lực, trí lực, sức lực, nghị lực và nguyện lực của chúng ta vào trọng điểm của sự tu học và hành trì chánh pháp. Những ý nghĩ muốn làm lợi ích chung cho tất cả những người học Phật, từ khi mới dựng lập am tranh cho đến bây giờ không hề thay đổi.

Trong khi những người bạn đồng tu hoặc những học trò đã có chùa và được bổ nhiệm làm Trụ trì chính thức, tổ chức những lễ hội rất lớn với hàng trăm hàng ngàn người tham dự; cả những vị thầy khác chưa có khả năng điều kiện nhiều mà họ cũng cố gắng xây dựng được một ngôi chùa khang trang đẹp để được nhiều người biết đến. Trái lại, suốt mấy năm qua trên ngọn núi này cũng chỉ

có một vài am thất nhỏ được làm bằng tre nứa và lợp bằng lá tranh cũ kỹ. Sống đạm bạc như thế không phải là chúng ta không có khả năng để xây chùa mà chỉ vì xét nghĩ điều cần làm quan trọng nhất trước tiên là thương mình cũng là thương cho người, thương các huynh đệ anh em, “*bà con giác ngộ, ruột thịt Linh Sơn*” có được chỗ an ổn thanh tịnh để có thể cùng nhau tụ về dìu dắt, nâng đỡ hỗ trợ cho nhau tinh tấn trong pháp hành công phu thâm sâu nội lục

Điểm thứ hai - *Tình nghĩa đạo pháp*

Đối với người đời thì tình cảm là một gánh nặng, gọi là “tình đời”. Thông thường, nếu thiếu vắng tình cảm, con người không thể sống nổi. Riêng đối với người tu, không phải là không còn tình cảm, nhưng nó đã được chuyển thành “tình đạo”. Tình đạo đó được khơi nguồn từ nơi Bồ-đề đạo tràng mà khi xưa chính đức Phật đã chỉ dạy đệ tử sáu phương pháp hòa kính để xây dựng Tăng đoàn vững mạnh. Nương theo đó, tất cả người xuất gia luôn biết xét nghĩ đến cái chung cho đạo tràng và đại chúng; luôn quan tâm lo lắng đến chỗ rộng lớn cho Phật pháp và chúng sanh, cùng nhau xây dựng một tập thể Tăng đoàn bình an vững mạnh. Muốn có một tập thể vững mạnh và bình an thì trước tiên cần phải có sự hòa hợp và cung kính. Trên dưới và trước sau cần phải tuân thủ theo một trật tự nhất định. Vào mỗi thời khóa tụng kinh, chúng ta đều có phần xưng tụng Tam quy, trong đó quy y Tăng là muốn đem hết tâm hướng về sự đoàn kết hòa hợp, cung kính quý trọng lẫn nhau. Mỗi ý nghĩ, mỗi

lời nói, mỗi hành động, việc làm của mỗi người đều nghĩ đến lợi ích chung của đại chúng và luôn có tâm làm việc hay tu học hướng đến sự hòa hợp, tôn trọng quý kính lẫn nhau chính là thể hiện tinh thần quay về nương tựa Tăng bảo đúng nghĩa.

Sau chuyến đi hoằng pháp ở nơi xứ xa hơn ba tháng, Minh Thành trở về lại am tranh mà nhìn thấy đại chúng được bình an tu học như vậy là một điều rất đáng mừng!

Mong rằng các huynh đệ giữ vững được tinh thần đoàn kết hòa hợp lâu dài và phát triển lớn mạnh để có thể dung chứa được nhiều người khác sẽ đến đây tu học chung với mình. Xây dựng Tăng đoàn là tạo nên một gia đình lớn “*bà con giác ngộ, ruột thịt Linh Sơn*” đây an lạc thanh thoi là việc vô cùng quan trọng và thiết yếu. Nếu bước đầu tiên này mà không làm được thì sẽ không bao giờ thành tựu được những bước cao xa hơn nữa. Không có hòa hợp thì không thể an ổn và hoan hỷ; do không hoan hỷ thì tâm chẳng thể được yên định và sáng suốt thấu rõ được sự thật về thân, tâm và mọi sự vật xung quanh. Trong khi ở các nơi khác, mọi người thường làm lễ đặt viên đá đầu tiên trước khi khởi công xây chùa hoặc dựng lập đạo tràng thì ở tại nơi núi này, sự đoàn kết hòa hợp, quý trọng tôn kính lẫn nhau, luôn đặt lợi ích của mọi người lên trên, bỏ qua sự ích kỷ, chiếm hữu cá nhân chính là viên gạch đầu tiên được đặt xuống để xây dựng nên một đạo tràng lớn mạnh về sau.

Từ trong đau khổ chúng ta thoát ra mới có thể cảm thông được những khổ đau của người khác; chúng ta

tinh thức từ nơi mê muội nên có thể thấu hiểu được sự mê muội của mọi người. Vì thế có được tâm thông cảm, quý mến, tôn trọng những người cùng chung một chí hướng xuất thế. Sống như thế là sống có tình có nghĩa, đạo lý căn bản của con người.

Điểm thứ ba - *Làm việc phụng sự*

Chúng ta cần để ý tuy nói chỉ chú trọng việc tu học, nhưng cũng không nên quên mất công việc cần làm ở trong đạo tràng. Đa số các huynh đệ chưa có được cái nhìn tổng quát từ trên xuống dưới để quản lý và coi sóc trong ngoài. Người ở dưới nếu chịu khó để ý lưu tâm sẽ gánh vác giúp đỡ cho người ở trên rất nhiều từ những công việc đơn giản cho đến những việc phức tạp. Tự bản thân của người đó sẽ biết được việc cần làm mà không cần đợi người khác nhắc nhở hoặc sai bảo. Mọi người chỉ cần có tinh thần tránh nhiệm và khéo để ý một chút sẽ thấy được việc cần làm. Các huynh đệ tuy có được ưu điểm về phần tu học tương đối tốt, nhưng về phần làm việc hỗ trợ cho đạo tràng còn rất nhiều thiếu sót. Do đó, chúng ta cần phải để ý nhiều hơn nữa đến những việc chung của tập thể, biết được bản thân cần làm gì để giúp đỡ làm lợi ích và an ổn cho tất cả mọi người.

Ngoài đời, người ta làm việc rất vất vả nhọc nhằn, cực khổ để mưu sinh, do đó người trong đạo cần phải sống có đóng góp, có phục vụ và phải có phụng sự tối thiểu đối với từng lâm hiện đang nương ở. Đừng để cho tính giải đãi, lười biếng nhận chìm cuộc đời của chúng

ta; phải mạnh mẽ làm việc, phụng sự và cống hiến đóng góp cho mọi người hết mình rồi chúng ta sẽ nhìn thấy được kết quả xứng đáng gấp trăm ngàn lần đáp lại.

* Về mặt đạo lý

Sau khi chúng ta đã đạt được tình, bây giờ sẽ thấu đến lý. Tình là luân lý căn bản đạo đức, là bản phận của một người thành viên ở trong một tập thể, đạo tràng. Từ căn bản đó, chúng ta bước lên một bậc nữa để nắm được nguyên lý của đức Phật dạy và ứng dụng để thấy được điều kỳ diệu không thể nghĩ bàn ở ngay trong cuộc sống.

Chánh lý mà đức Phật muốn truyền dạy là “Duyên khởi tánh không”, điều đó cũng tựa như tất cả trăm sông đều đổ về biển cả; giống như trăm cành đều sinh ra từ một cội gốc. Đó là trái tim của Phật Tổ, là con mắt của mười hai phân giáo. Tất cả ba tạng kinh điển không thể tách rời được đạo lý này.

Ở đây, chúng ta không bàn về phước báu của người trời, mà nói thẳng vào sự thật. Tất cả mọi đau khổ, phiền não, ưu tư, sầu muộn đều bắt nguồn từ sự chấp có “cái tôi”. Chúng ta nhận lầm, hiểu sai và tưởng rằng “cái tôi” hay “bản ngã” là trung tâm, là hay giỏi, là tài ba... Hiểu biết lệch lạc và nhận thức sai lầm như thế chính là vô minh! Không có một giáo pháp nào đã phá trực tiếp vô minh bằng lý Duyên khởi tánh không vô ngã này; chỉ có đạo lý này mới có thể đập tan “bản ngã” thấy rõ vạn vật hiện hữu đều là nương dựa kết hợp với nhau mà thành.

Đức Thế Tôn đã nhấn mạnh rất nhiều lần ở trong tạng kinh *Pali* cũng như trong kinh *A-hàm*: “*Ai thấy được lý duyên khởi là người ấy thấy pháp. Ai thấy được pháp thì người ấy thấy được Như Lai*”. Những lời nói từ kim khẩu của Ngài được gọi là “lời nói của Bậc giác ngộ” không bao giờ bị biến đổi theo thời gian hay không gian. Đạo lý Duyên khởi tánh không đó nói về sự thật vay mượn, kết hợp của vạn vật, cho đến thân, tâm của con người. Xét sâu hơn sẽ thấy rằng, chúng ta có thể nhịn đói khát nhiều ngày, nhưng không thể nhịn thở dù trong vài phút. Chính vì thế trong tất cả sự vay mượn, sự vay mượn của hơi thở là quan trọng nhất. Chúng ta lấy hơi thở làm pháp tu sẽ giúp thấy rõ bản chất vay mượn tạm bợ, mong manh của thân này và đó là phương tiện tu tập thù thắng nhất. Trong phần *Tương ưng hơi thở vô, hơi thở ra* thuộc kinh *Tương ưng bộ*, nói lúc xưa chính bản thân đức Thế Tôn cũng đã thực tập phương pháp quán niệm về hơi thở này trong suốt mấy tháng:

“*Ở đây, này các Tỳ-kheo! Chánh niệm Ta thở vô, chánh niệm Ta thở ra. Thở vô dài, Ta rõ biết: “Ta thở vô dài”. Thở ra dài, Ta rõ biết: “Ta thở ra dài”. Hay thở vô ngắn, Ta rõ biết: “Ta thở vô ngắn”. Thở ra ngắn, Ta rõ biết: “Ta thở ra ngắn”... Quán từ bỏ, Ta thở vô; Ta rõ biết như vậy; Quán từ bỏ, Ta thở ra, Ta rõ biết như vậy.*

Này các Tỳ-kheo! Ai muốn nói một cách chơn chánh, đây là Thánh trú, đây là Phạm trú, đây là Như Lai trú; người ấy nói một cách chơn chánh, phải nói định niệm

hơi thở vô, hơi thở ra là Thánh trí, là Phạm trí, là Như Lai trí”.

Ngài gọi đó là chỗ cư trú của Thánh nhân và cũng là chỗ trú xứ của Như Lai, ngày nay chúng ta cũng nương theo đó mà tu tập. Tuy nhiên, do đời sống bận rộn và phải làm việc nhiều cho nên nếu chỉ thuần quán niệm về hơi thở sẽ dễ quên. Do đó, chúng ta kết hợp hơi thở với danh hiệu Phật: “*Thở vào A-Di; thở ra Đà-Phật*” thì công phu sẽ rất vững chắc, kiên cố vì có chỗ để tâm bám trụ trong khi thực hành.

Từ khi Minh Thành ứng dụng phương pháp này rồi thì thấy có nhiều điều kỳ lạ và tăng tiến ở trong công phu tu tập. Tuy học lý Duyên khởi, nhưng học hoài mà vẫn không hiểu nổi, chỉ khi áp dụng thực tập quán chiếu theo hơi thở rồi mới chứng nghiệm và cảm nhận được sự thật trong từng hơi thở. Một điều không thể ngờ là lý Duyên khởi tánh không chỉ nằm trong một hơi thở này và đại bi, đại trí, đại hạnh, đại nguyện, đại hùng, đại lực đều ở trong một hơi thở niệm Phật này.

Tại sao mà trong một hơi thở có thể bao trùm được đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, đại hùng, đại lực, đại hạnh, đại nguyện, đại trí, đại dũng?

Khi “*Thở vào niệm thầm A-Di; thở ra niệm thầm Đà Phật*”, thấy rõ mạng sống này tồn tại mong manh trong từng hơi thở, cho nên không còn thấy có gì khác đáng để bám chấp tranh giành rồi đau khổ; mà chỉ thấy mọi người đang bị si mê rất đáng thương do chẳng hiểu

được sự thật. Trong lòng khởi lên tình thương rộng lớn muốn giúp cho tất cả cũng thấy biết được sự thật, gọi là “đại từ đại bi”, ban vui cứu khổ cho họ.

Thấy rõ mạng sống này trong một hơi thở, cho nên chẳng còn có gì mà không thể buông bỏ; buông được thì hoan hỷ, gọi là “đại hỷ, đại xả”.

Thấy rõ mạng sống này chỉ trong hơi thở thì có việc gì mà làm không được, thậm chí hy sinh thân mạng cũng không sợ, gọi là “đại hùng, đại lực”.

Tất cả hạnh nguyện và năng lực rộng lớn của chư vị Bồ-tát được chúng ta thể hiện thông qua hơi thở với danh hiệu Phật như thế đó chính là “đại trí huệ”.

Trong tất cả loại trí huệ không có trí huệ nào lớn bằng trí huệ thấu rõ bản chất thật của thân và tâm. Từ chỗ có trí tuệ thấy rõ sự thật bằng lý Duyên sanh vô ngã sẽ tự nhiên phát huy được hạnh nguyện rộng lớn để giúp đỡ cho mọi người đang đau khổ được an vui giống như Bồ-tát Địa Tạng xông pha đến những chỗ khó khổ không ai làm và gánh vác được những việc lớn cho Phật pháp như Bồ-tát Đại hạnh Phổ Hiền. Như vậy, đạo lý Duyên khởi tánh không trong một hơi thở nhất quán tất cả sự tướng và dung thông hết tất cả pháp.

* **Tình - Lý dung thông**

Cuối cùng, chúng ta từ chỗ tình đạo mà biết lo lắng cho mọi người, biết nghĩ đến cái chung cho Phật pháp, biết quan tâm người khác, sống với nhau có tình nghĩa trước sau. Từ đó mới cầu học Phật pháp để thấu suốt được Sự và Lý.

Từ lý sẽ hoàn thiện cho tình; tình hỗ trợ lại cho lý, khiến cho trong ngoài an ổn hài hòa, trên dưới thông suốt đầy đủ. Cả hai mặt tiến hành đồng thời và gặt hái những thành tựu viên mãn, gọi là “tình lý dung thông”.

Như vậy mới được trọn vẹn ở trong Phật pháp, có thể gọi là “sự lý viên mãn”. Tinh hoa của sự tu hành gói gọn trong bảy nhiều điều đó. Nếu khéo dụng công nhắm thẳng vào mục tiêu ấy nhất định chúng ta sẽ thành tựu được quả đức Đại giác tròn đầy.



CỐT LỖI HÀNH TRÌ

Qua những chuyến đi hoằng pháp ở nhiều nơi, Minh Thành đã tiếp xúc rất nhiều người, từ những người nghèo khổ, đau ốm, tật nguyền cho tới tầng lớp thượng lưu trí thức có địa vị cao trong xã hội, mới có cảm xúc sâu xa rằng: *“Không có gì quý bằng chân thật tu hành!”*

Nhìn thấy tất cả mọi người đang sống trong sự đau khổ, chúng ta càng ý thức được việc tu hành của bản thân là đại sự, không phải là chuyện thường. Làm việc gì cũng cần phải xác định rõ mục tiêu, chí hướng và con đường sẽ đi. Khi chúng ta đã xác định rõ rồi thì phải nhắm thẳng mục tiêu mà tiến. Bao nhiêu cảnh duyên, thời tiết đổi thay, chỗ nơi khác biệt, tất cả những thứ đó đều quy nạp về sự thực tập, như vậy nhất định sẽ có thành tựu. Tâm tâm, niệm niệm, từng giây, từng phút phải tha thiết, khắc khoải ôm ấp trong tâm sự tu hành giác ngộ. Từ thiên thượng cho đến nhân gian, từ sáu nẻo luân hồi cho đến mọi thế giới ở mười phương không có gì cao quý hơn sự tu hành. Sự tu hành đó không phải ở đâu xa, mà chỉ cần

vận dụng từng tâm niệm, từng lời nói, từng hành động của mình sao cho phù hợp với lời của Phật, Tổ.

Người biết tu thì tất cả hành vi, nhất cử nhất động điều hướng thẳng tới chỗ an vui, phát ra một lời nói đều tương ứng với chánh pháp.

Nghe pháp, tụng kinh cốt là để nung nấu ý chí giải thoát càng thêm mạnh mẽ. Nếu có được định hướng và ý chí vững chắc thì giống như trăm sông đổ về biển. Khi tâm thật sự hướng về việc tu thì tự nhiên có được sức mạnh kỳ diệu vượt lên trên mọi đối đãi. Tu làm sao phải đạt đến chỗ không người, không vật, không sự, không việc, không trời, không đất và tất cả mọi thứ, duy nhất chỉ còn lại có pháp thì chúng ta mới cảm nhận được sự kỳ diệu của hiệu quả hành trì. Tuy trong công việc, tiếp xúc nhiều người, gặp nhiều hoàn cảnh khác nhau, nhưng lúc nào trong tâm của chúng ta cũng chỉ nghĩ nhớ về chánh pháp.

Ngài Triệt Ngô nói: “*Tiêu dung muôn vật tượng, tan vào một lò hồng*”. Luôn dụng công phu miên mật, nhiếp niệm trong tỉnh thức để phá tan hết tất cả mọi bám chấp vào hình tướng. Niệm danh hiệu Phật trong từng hơi thở sẽ giúp trí huệ thấy đúng sự thật, bừng sáng và có sức công phá tan vỡ hết tất cả phiền não. Muốn như thế phải có công phu tha thiết, chân thành, mãnh liệt, nhiệt huyết trong từng giây, từng phút, luôn xem sự tu hành quý hơn cả thân mạng mới mong đạt được đạo màu.

Trong cuộc sống hằng ngày có rất nhiều tấm gương tốt xung quanh mà chúng ta không hay biết, nên cứ mãi

lặn lội tìm kiếm chư Phật hay Bồ-tát ở những nơi xa xăm như đi Phở Đà Sơn để mong tìm ngài Quán Âm hoặc đến Ngũ Đài Sơn để mong nhìn thấy ngài Văn Thù hay đi Nga Mi Sơn để kiếm ngài Phổ Hiền, mà nhiều khi Bồ-tát hóa hiện ở kế bên mà không ai hay biết.

Sự tu hành luôn mang lại lợi ích cho chính mình và có tính thiêng liêng cao cả quý báu, nhưng không được chúng ta tập trung hết khả năng để thực hành, ngược lại là có tâm cầu cạnh tìm kiếm sự giúp đỡ từ nơi người khác. Tu tập với tâm lý chờ đến khi chết sẽ nhờ người khác hộ niệm, thật không đúng với ý nghĩa tu tập của đạo Phật, gọi là bỏ quên cội gốc lo cho cành ngọn. Tu tập đúng nghĩa là lúc nào cũng phải bảo hộ ba nghiệp, giữ gìn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chánh niệm tỉnh giác trong mọi thời.

Khi đã có công phu làm cho tâm yên định, cảm nhận được sự thật rồi mới có thể cảm thông với nỗi khổ vô biên của muôn loài và từ đó phát khởi chí nguyện rộng lớn muốn cứu giúp chúng sinh. Khi chúng ta đã làm phát khởi được tâm từ bi rồi, lúc ấy sự tu sẽ trở nên dễ dàng; bởi vì trong tâm luôn suy nghĩ thương xót đến người khác thì sẽ không còn nhiều phiền muộn. Ngược lại, nếu chỉ sống với tâm ích kỷ, nhỏ mọn, chỉ biết lo cho bản thân thì sẽ mãi mãi khổ sầu. Do phá vỡ được tâm ích kỷ riêng tư, thấy rõ mạng sống này chỉ tồn tại trong từng hơi thở và có tình thương mở rộng, thấy mình và mọi người cùng chung một thể, nỗi đau của người cũng là nỗi khổ của mình, cuộc sống của chúng ta sẽ luôn gắn kết với vạn vật; chúng ta với trời đất chỉ là một.

Ngồi lặng yên trong từng hơi thở để cảm nhận những cơn gió thoảng qua, ngắm nhìn cả bầu trời mênh mông ở trên cao kia và tự đặt câu hỏi cho chính mình: “*Cái gì làm cho ta khổ? Cái gì trói buộc ta?*”

Hỏi và suy xét thật kỹ, quay trở lại với tâm tĩnh sáng, chúng ta sẽ thấy rõ được tất cả khổ đau đó chỉ là những ảo tưởng hay những ý niệm chợt khởi lên và lặng xuống ở trong tâm.

Chỉ duy nhất sự có mặt của mình ngay giờ phút hiện tại rỗng lặng, tỏa sáng mới là chỗ chân thật quý báu nhất, ngoài ra không có gì thật để bám víu, không có gì thật để rong ruổi kiếm tìm, không có gì thật đáng để vương vấn sầu đau. Hãy trở về ngay giờ phút hiện tại, tĩnh lặng tỏa sáng!

Một khúc gỗ không tấp vào bờ này hay bờ kia, cũng không bị nước xoáy, không bị mục rã bên trong, cũng không bị người khác vớt lên thì nó sẽ trôi thẳng ra biển cả. Cũng vậy, trên con đường tu tập đến giải thoát, chúng ta khéo léo bước đi đừng tấp vào những sự hơn - thua, phải - quấy, đúng - sai, cũng đừng để dòng xoáy của ngũ dục nhận chìm, phải nuôi vững ý chí giác ngộ giải thoát không thoái lui thì công phu sẽ tiến thẳng đến mục tiêu cao thượng. Phải khơi dậy ý chí tu tập trong từng giây phút; mỗi khi nghe pháp, tụng kinh phải chuyên tâm vì đó là chất liệu nuôi lớn tinh thần. Tự bản thân của mỗi người phải nỗ lực gắng sức tiến lên!

Chương VI

XÂY DỰNG CON NGƯỜI



THẬT KHÓ TÌM NGƯỜI

“*Đệ tử tìm Thầy dễ, Thầy tìm đệ tử khó*”. Không giống như cách dạy đạo của người hiện nay là hướng ra ngoài để làm việc. Đường lối dạy đạo của người xưa là trước phải thấy đạo rồi mới bắt đầu tu tập để chứng được đạo. Đạo là sự thật, khi sống được với sự thật không còn bị mê muội nữa mới có thể truyền dạy cho mọi người cùng học theo để cùng sống đúng với sự thật.

Sự thật là thiên thu bất diệt, vĩnh cửu với thời gian không gian, vì thế đạo của người xưa truyền dạy càng lâu dài càng sáng ngời; càng xa xăm chừng nào càng tỏ tường chừng đó.

Tôn giả A-nan là người học trò mẫu mực, với lòng tôn kính bậc Đạo sư vô hạn. Đức Thế Tôn đã có lời tán thán Thầy A-nan trước đại chúng Tỳ-kheo trước khi Ngài nhập Niết-bàn được nói lại trong kinh Đại Bát Niết-bàn thuộc bài kinh Trường bộ:

“*Này A-nan, đã lâu ngày, thầy đối với Như Lai, với thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp đầy lòng từ ái, lợi*

ích, an lạc, có một không hai, vô lượng. Thầy là người tác thành công đức. Hãy cố gắng tinh tấn lên, Thầy sẽ chứng bậc Vô lậu, không bao lâu đâu”.

Rồi Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

“Này các Tỷ-kheo, những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trong thời quá khứ, những bậc Thế Tôn này đều có những thị giả tối thắng như A-nan của Ta. Này Tỷ-kheo! Những vị A-la-hán, Chánh Đẳng Giác thời vị lai, những bậc Thế Tôn này cũng sẽ có những thị giả tối thắng như A-nan của Ta vậy.

Này các Tỷ-kheo! A-nan là người có trí và hiểu rõ: Nay đúng thời để các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, các nam cư sĩ, các nữ cư sĩ, các vua chúa, đại thần cho đến các ngoại đạo sư, đệ tử các ngoại đạo sư yết kiến Thế Tôn!

A-nan có bốn đức tánh kỳ diệu, hy hữu. Nếu có chúng Tỷ-kheo... chúng Tỷ-kheo ni... chúng nam cư sĩ... chúng nữ cư sĩ đến yết kiến A-nan, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì được yết kiến A-nan, và nếu A-nan thuyết pháp, chúng ấy sẽ được hoan hỷ vì bài thuyết pháp, và nếu A-nan làm thính, thời này các Tỷ-kheo chúng ấy sẽ thất vọng”.

Khi xưa, Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma phải chịu biết bao cực khổ, trải qua sóng chết như chỉ mảnh treo chuông từ Ấn Độ sang Trung Hoa để truyền bá chánh pháp. Sự truyền pháp đã gian khổ như thế, còn quá trình tu hành để đạt được pháp của Ngài càng khó khăn gian nan bội phần. Ngài sang Trung Hoa truyền đạo, vì thấy không hợp nhân duyên nên vào động đá ngồi quay mặt vào vách suốt chín năm để chờ đợi người kế thừa giáo pháp.

Khi nhìn thấy Thần Quang quỳ ngoài tuyết suốt ba ngày ba đêm. Bấy giờ Ngài Đạt Ma mới xoay lại hỏi:

- Ông cầu gì mà quỳ ngoài tuyết lạnh như thế? Thần Quang thưa rằng:

- Bạch Hòa thượng! Con muốn cầu pháp cam lộ giải thoát vô thượng giác ngộ của Phật.

Tổ mới nói:

- Pháp cam lộ giải thoát vô thượng giác ngộ của Phật đâu có thể đem khổ hạnh chút ít như vậy mà cầu được.

Nghe nói như thế, Thần Quang liền dùng thanh gươm chặt đứt cánh tay để thể hiện tâm chân thành cầu đạo.

Tổ hỏi:

- Vậy ông muốn cầu gì? Thần Quang thưa rằng:

- Bạch Hòa thượng! Tâm con không an, xin Hòa thượng dạy cho con pháp an tâm.

Bấy giờ, Tổ nhìn thẳng vào mặt Thần Quang và nói:

- Đem tâm ra đây Ta an cho!

Ngài Thần Quang liền xoay lại tìm thì thấy mọi tư tưởng biến đâu mất hết, nên Ngài thật thà thưa rằng:

- Bạch Hòa thượng con tìm tâm không được.

Tổ bảo:

- Ta đã an tâm cho ông rồi đấy!

Về sau, ngài Thần Quang được Tổ truyền trao y bát làm Tổ thứ hai của Thiền tông Trung Hoa và đặt pháp hiệu là Huệ Khả tiếp tục nối pháp làm cho dòng thiền rực rỡ sáng lạng.

Ngài Thần Quang trước đó từng là một con người tội lỗi, nhưng khi bước vào đường tu với quyết tâm phải hóa giải hết tất cả mọi ý niệm khuấy động bên trong. Với lòng nhiệt thành, tâm nóng bỏng, ý chí kiên định phải đuổi hết ba con rắn độc ra lúc đó mới được an ổn, cho nên khi được tổ Đạt-ma khai thị liền dứt sạch mọi kiến chấp và thấu rõ lối vào.

Người tu lúc nào cũng phải phản tỉnh lại chính mình và nơm nớp lo sợ vì chưa đuổi hết ba con rắn độc ra khỏi ngôi nhà tâm, nên không thể có an ổn thật sự. Hiện tại, hình tướng ở bên ngoài của chúng ta thì tạm an, nhưng trong nội tâm thật sự chưa có an. Chỉ khi nào nội tâm thật sự đạt tới chỗ hoàn toàn an ổn, lúc đó mới gọi là “xong việc” của một người tu.

Vào một dịp ghé thăm thầy Trụ trì Thiền viện Trúc Lâm là Thượng tọa Thích Thông Phương và được Thầy chỉ dạy rất lâu. Nhìn thấy phong thái uy nghi đức độ, định lực tỏa ra từ Thầy, Minh Thành cũng cảm nhận được đạo lực thâm hậu dồi dào nơi nội tâm. Ngược lại, sau khi được gặp và trao đổi với các huynh đệ đồng tu thuở xưa thì các bạn đạo đều cảm thấy càng về sau ý chí tu hành càng yếu kém, không có quyết tâm như người đi trước.

Tuy thời bây giờ, có nhiều người vào chùa xuất gia, nhưng chưa chắc có thể tìm được người thật sự có tâm nhiệt thành tu học với ý chí nóng bỏng cầu giác ngộ giải thoát và có nghị lực mạnh mẽ vượt thoát ra ngoài mọi kiến chấp thế gian và xuất thế gian. Người có những tâm niệm như thế chính là người mà Phật, Tổ và quý Thầy

đang tìm kiếm. Chỉ cần một người toàn vẹn như vậy, cũng đủ làm hưng thịnh cho Phật pháp, lợi lạc cho pháp giới chúng sanh. Minh Thành tha thiết tìm được một người thật sự nhiệt thành quyết chí, thiết tha đối với con đường giải thoát. Dù cho từ đây đến ngày nhắm mắt, chỉ tìm được một người cũng đủ toại nguyện!

Đa phần chúng ta đã học qua kinh điển và có thể hiểu nhiều điều; muốn nói gì cũng có thể nói, nhưng thật sự sống với thấy biết về lẽ thật thì chưa hẳn. Trong kinh *Pháp hoa* có đoạn ví dụ về những đứa bé chạy giỡn khắp đông tây trong ngôi nhà lửa mà chẳng biết tai họa đang rình rập và còn nhìn cha mà cười. Hình ảnh đó là dụ cho chúng ta dù đã biết ngày đêm ngọn lửa vô thường đang thiêu đốt thân tâm rồi mà cứ cười giỡn, lơ là, trễ nãi biếng nhác, không *nhiệt tâm tinh cần, chánh niệm tỉnh giác*. Dù có cười vui, cũng nên giữ mức độ vừa phải để có thể nhiếp tâm trở lại công phu tu tập vì luôn thấy rõ ngọn lửa vô thường đang đốt cháy vạn vật không ngừng.

Không phải chúng ta học kinh điển với mục đích để tăng thêm sự hiểu biết và nói cho hay, mà phải thật sự thấu đáo tường tận nghĩa lý sâu mầu của Phật pháp. Luôn hạ quyết tâm chỉ một đời này, phải làm cho xong việc của một người tu. Ngoài việc quán xét về *vô thường, khổ, vô ngã* và phải thường xem lại cuộc đời đức Phật và gương sáng tu hành của các bậc Thánh tăng, thì không còn có việc gì quan trọng hơn nữa.

Khi xưa, Tổ thứ hai của tông Tịnh độ là ngài Thiện Đạo chấp tay niệm Phật cho đến khi nào mệt lã, không

chịu nổi nữa mới dừng nghỉ, nhưng chỉ vừa khỏe trở lại là Ngài lại niệm tiếp tục; ngài Huệ Viễn ẩn tu trên núi Lô suốt 30 năm, chân không hề rời khỏi núi; đại sư Liên Trì tận lực cả đời tu hành đến chỗ núi cùng sông tận, hoàn toàn an ổn nghỉ ngơi, dẹp sạch hết cấu nhiễm và trang trí ngôi nhà tâm linh làm mẫu mực cho mọi người chiêm ngưỡng tôn kính.

Người đời phải tìm kế mưu sinh, một nắng hai sương, dãi nắng dầm mưa để kiếm sống, còn người tu không cần phải lo những việc đó, vì đã có Phật tử cung phụng. Nếu người tu không lo tập trung làm một việc chính yếu là thiếu trách nhiệm và có tội lỗi rất nặng với cha mẹ, thầy Tổ, thí chủ và nước nhà. Do đó, chúng ta cần phải hạ quyết tâm, trước bàn thờ Phật tự nhắc nhở bản thân là phải làm cho xong việc ngay trong đời này!

Như vậy, việc của người tu chỉ là tu, nhưng muốn tu đến nơi đến chốn, trước hết phải chịu khó học hỏi chánh pháp. Lúc nào cũng luôn tâm niệm không cho lơ lửng, biếng nhác. Đừng để uổng phí thời gian vì những thú vui tạm bợ thường tình mà buông lung giải đãi.

Hiện tại theo đuổi ngũ dục, tuy có vui được chốc lát, nhưng đau khổ mãi về sau. Trái lại, bây giờ tinh tấn tu hành tuy vất vả, nhưng sau này được giải thoát an vui thiên thu vĩnh hằng. Người tu Phật phải khéo chọn cho bản thân con đường đúng đắn để đi.

Người xưa nói rằng:

*“Vui trong tham dục vui rồi khổ,
Khổ để tu hành khổ hóa vui.*

*Nếu biết có vui là có khổ,
Thà rằng đừng khổ cũng đừng vui.
Mong sao giữ tánh không vui khổ,
Mới thoát ra ngoài lối khổ vui”.*

Trong sách *Tín tâm minh*¹⁵, ngài Tăng Xán cũng dạy người tu Phật phải tin tâm không có hai thứ. Tâm vốn không có hai, nếu vừa có hai thì không còn là tâm. Đối với vạn vật hãy sống với tâm bình thường, đừng dính mắc vào hai thái cực là ghét hoặc thương. Chỗ tốt cùng của đạo không khó đạt đến, chỉ ngại chọn lựa. Chỉ cần không có sự thương hay ghét, thì tâm hiển bày rõ ràng. Trong sách có đoạn viết:

“至道無難
唯嫌揀擇
但莫憎愛
洞然明白”

15- Tín tâm minh là bài minh luận về lòng tin do ngài Tăng Xán (-606), vị Tổ thứ ba của Thiền Trung Hoa, đời nhà Tùy sáng tác. “Minh” là bài rằm, chép lại hoặc khắc in để ghi nhớ, và ở đây là bài tự thuật lại kinh nghiệm của bản thân mình; “Tín Tâm” là lòng tin. Nhưng ở đây không phải là lòng tin thông thường, gọi là “tín ngưỡng”, mà là sự phá hết giới hạn của lòng tin, trực tiếp nhắm ngay vào trung tâm điểm của sinh hoạt đạo giáo, có thể coi như đồng nghĩa với chữ “ngộ” và cũng là “khởi tín”. “*Khởi tín là ý thức cái giác tánh bỗng lai của mình. Khởi tín là trở về chính mình, trở về tự thể của chính mình*” (Suzuki).

Thực tại ấy siêu việt tất cả giới hạn của ý nghĩ, nói đúng hơn, tất cả mâu thuẫn (thiện ác, nghịch thuận, phàm thánh, phiền não niết bàn...) do ý nghĩ tạo ra. Không có gì dễ “xa”, mà cũng không có gì phải “thù”, mà tất cả mâu thuẫn đều hòa đồng trong nhau và đều viên dung vô ngại.

“Đạo lớn chẳng gì khó
 Cốt đừng chọn lựa thôi
 Chỉ không thương ghét
 Thì tự nhiên sáng ngời”.

“信心不二
 不二信心
 言語道斷
 非去來今。”

“Tin Tâm chẳng phải hai,
 Chẳng phải hai là tin Tâm
 Chấm dứt mọi ngôn ngữ
 Chẳng phải quá khứ hiện tại vị lai”.

Vậy, việc tổ Tăng Xán viết *Tin tâm minh* cũng như ngài Huyền Giác viết *Chứng đạo ca*, đều mô tả lại sự thực chứng của hai Ngài về “Thực tại tối thượng”. Thực tại ấy là gì? Không ai có thể nghĩ gì được về thực tại ấy, bởi một lẽ rất dễ hiểu, thực tại ấy là kết quả của một sự tu chứng chớ không phải của một ý nghĩ. Vì tâm vượt lên trên mọi đối đãi là Niết-bàn. Chỉ có Tánh biết rõ ràng đó là tuệ giác, hễ vừa có phải quấy lãng xăng liền mất tâm.

Trước kia, có hai huynh đệ trong chùa gây gổ với nhau mà không thể giải quyết được sự việc. Họ đi trình với Sư phụ nhờ phân giải và ai cũng muốn tranh phần phải về mình. Khi ấy, Hòa thượng mới nói cả hai đều sai

hết. Bởi vì vừa có phải quấy, đúng sai là đã không hợp với đạo rồi. Khi vừa có hai thứ là sai trật và không phải là đạo.

Người làm ra khuôn mẫu tượng Phật đầu tiên rất khó, khi đã có mẫu chuẩn rồi, về sau dù đúc ra tượng Phật nào cũng như tượng Phật đầu tiên. *Phật làm khuôn, Tổ làm phép, các bậc Cao tăng Đại đức làm quy tắc cho chúng ta tu học.* Bây giờ đã có khuôn sẵn rồi, chúng ta chỉ việc theo khuôn đó mà đúc ra Phật tử, Thánh hiền. Còn như đã hiểu như vậy, mà không chịu làm nữa là lỗi của chúng ta. Mong rằng tất cả mọi người đều cố gắng nhiều hơn nữa để có thành quả tốt đẹp.



XÂY DỰNG CON NGƯỜI

Hiện tại đa số người tu hay Phật tử lấy việc xây dựng chùa tháp làm điều quan trọng và coi đó làm Phật sự chính yếu, nhưng xét sâu hơn thì việc xây dựng đó không quan trọng bằng đào tạo con người, xây dựng con người. Có thể trong cuộc đời, chúng ta xây dựng được mười ngôi chùa, nhưng chưa chắc đào tạo được một người có đạo đức, nhân cách, phẩm chất tốt để đóng góp cho nhân loại. Xét sâu hơn nữa thì dù có thể xây dựng hay đào tạo hàng chục người có nhân cách, phẩm chất đạo đức tốt, nhưng vẫn không bằng xây dựng một người trở thành bậc Hiền nhân (là người bước vào quả vị của chánh pháp, trừ dẹp được phiền não thô trọng); dù có thể xây dựng hàng trăm bậc Hiền nhân, nhưng không bằng xây dựng một bậc Thánh nhân (là người đã bước vào quả vị A-la-hán chấm dứt hết tất cả mọi phiền não) và dù có thể xây dựng hàng ngàn bậc A-la-hán, nhưng vẫn không bằng xây dựng một người bước vào đạo hạnh vĩ đại của Bồ-tát, Phật quả.

Như vậy, sự khó khăn được nâng dần lên từ cấp bậc thấp là xây dựng chùa tháp, kế nữa là xây dựng con người đạo đức dần cho đến địa vị của Hiền nhân, Thánh nhân và sau cùng là xây dựng một người bước vào quả vị Phật.

Tòng Lâm, chùa hay tu viện là lò đúc luyện ra Phật, Tổ và các bậc Hiền thánh, gọi là “Tuyển Phật trường”, trường đào tạo phàm phu trở thành Phật, cho nên từ xưa đến nay luôn giữ một vai trò rất quan trọng trong Phật giáo. Hiện nay, rất ít nơi còn giữ được ý nghĩa như thế. Do đó nhiệm vụ cấp yếu, quan trọng nhất của người xuất gia là phải luôn cố gắng hoàn thành hai mặt quan trọng tự lợi và lợi tha, hoàn thành cho bản thân và hoàn thành cho mọi người.

Tuy nhiên, việc hoàn thành cho bản thân mang tính cách rất sâu xa, không phải dễ dàng đơn giản là chỉ cần biết được một vài kỹ thuật nghề ngành hay khéo léo trong ăn nói, tiếp đãi, cư xử v.v... Hoàn thành chính mình là phải thấu suốt trọn vẹn sự thật bản thân này là vô ngã không có gì là “cái ta” thật, chỉ do vay mượn tạm có. Muốn thấy rõ được như vậy, đòi hỏi phải thao thức trần trở, bản khoăn và có công phu nhìn lại soi xét, quán chiếu nghiền ngẫm, suy tư tu tập trong một thời gian dài.

XÂY DỰNG TĂNG ĐOÀN

Muốn xây dựng Tăng đoàn hay Tăng thân được tốt, mọi người cần phải hiểu và thương nhau nhiều. Tâm nguyện Minh Thành là muốn xây dựng Tăng thân vững mạnh và tốt đẹp, nhưng không phải chú trọng ở số lượng nhiều hay ít người; hoặc chùa lớn hay nhỏ mà quan trọng làm sao các huynh đệ về ở chung với nhau phải có được sự hài hòa, thuận thảo, hiểu biết và yêu thương giúp đỡ nhau bước đi trên con đường thánh thời thoát tục.

* **Tinh thần Vô ngã triệt để**

Nhiều khi chúng ta bị rơi vào tình trạng học hiểu những lý lẽ rất cao siêu, rộng lớn sâu xa huyền ảo, mà những điều rất bình thường trong cuộc sống lại xem thường chẳng mấy người lưu tâm. Chúng ta quên rằng sự thật ở ngay đây trong cách cư xử, giao tiếp và làm việc, trong sinh hoạt hằng ngày với nhau. Chính chỗ đó mới là sự tu hành chân thật, vượt xa tất cả các kỹ thuật và tuyệt vời nhiệm mầu hơn mọi kỳ quan. Phật pháp chỉ cho rõ cách thực hiện được điều mầu nhiệm đó. Chúng

ta có khả năng làm được, nhưng phải có được tinh thần vô ngã vị tha, mới thể hiện được vẻ đẹp của Tăng đoàn cao thượng. Sở dĩ chúng ta tu tập không thành công là do chỉ nghĩ riêng cho bản thân, cá nhân mà quên đi lợi ích của tập thể. Do đó, không những một đời mà trăm đời ngàn kiếp cho đến A-tăng-kỳ kiếp cũng không thành chánh quả.

Khi đức Phật sắp sửa nhập Niết-bàn, ngài A-nan đã thỉnh đức Thế Tôn vì đại chúng mà nói lời huấn thị sau cùng. Phật đã nói:

“Này A-nan, Giáo hội các đệ tử còn mong đợi gì nữa ở Như Lai? Như Lai đã truyền dạy giáo pháp mà không có sự phân biệt nào giữa giáo lý bí truyền và giáo lý công truyền. Về chân lý, Như Lai không khi nào có một bàn tay nắm lại của một ông thầy. Có người nghĩ rằng: ‘Chính Ta sẽ lãnh đạo Giáo hội các Tỳ-kheo’, hoặc ‘Giáo hội chư Tỳ-kheo sẽ tùy thuộc nơi Ta’, hoặc ‘chính Ta phải dạy điều gì có liên quan đến Giáo hội’.

Này A-nan! Như Lai không nghĩ rằng có người nào phải lãnh đạo Giáo hội các Tỳ-kheo, hoặc Giáo hội phải tùy thuộc nơi người nào. Tại sao Như Lai phải truyền dạy một điều nào có liên quan đến Giáo hội?

Này A-nan! bây giờ Như Lai đã kiệt lực, già yếu và gần đến ngày lìa trần. Như Lai đã tám mươi, không khác nào cỗ xe quá cũ kỹ, cần phải có những sợi dây cột lại các bộ phận để giữ nó khỏi rã rời. Thân của Như Lai cũng cần những sợi dây thừng tương tự.

Vậy, này A-nan! hãy tự coi chính con là hải đảo (chỗ ẩn náu) của con, chính con là chỗ nương tựa của

con. Không nên tìm nương tựa bên ngoài. Hãy xem Giáo Pháp là hải đảo của con. Giáo Pháp là chỗ nương tựa của con. Không nên tìm nương tựa ở bên ngoài.

Này A-nan! Một thầy Tỳ-kheo phải sống cách nào như coi chính mình là hải đảo, là chỗ nương tựa của mình, không tìm nương tựa bên ngoài?

Đây này, A-nan! Một thầy Tỳ-kheo sống chuyên cần tinh tấn, suy gẫm, thận trọng giác tỉnh, từ khước mọi tham ái trong thế gian, luôn luôn giữ chánh niệm nơi thân, thọ, tâm và pháp.

Dù ngay trong hiện tại hay sau khi Như Lai nhập diệt, người nào sống đúng theo như vậy, xem chính mình là hải đảo của mình, là chỗ nương tựa của mình, không tìm nương tựa đâu bên ngoài, những vị Tỳ-kheo ấy sẽ đứng hàng đầu trong những người sống hoàn toàn theo Giới luật”.

Như vậy, đức Phật chưa bao giờ xem Ngài là bậc Đạo sư; là Thầy của Tăng đoàn. Ngài tự xem bản thân chỉ là một thành viên của Tăng đoàn, là một phần của Tăng đoàn. Câu nói đó đã làm cho Minh Thành chấn động cả nội tâm. Đó là tinh thần vô ngã triệt để tới giây phút cuối cùng của đức Phật!

Hòa thượng Làng Mai khi được trường Đại học Hồng Kông trao tặng văn bằng Tiến sĩ Khoa học Xã hội danh dự nhằm công nhận những hoạt động và sự ảnh hưởng của Thiền sư trong nhiều năm đối với cộng đồng quốc tế. Ngài đã phát biểu rằng: “*Đây là giải thưởng của Tăng thân, không phải của riêng cá nhân tôi*”.

Vừa rồi, trên Linh Quy Pháp Ấn có tổ chức một khóa tu. Do vì thời tiết mưa gió, không thể tổ chức ở ngoài trời, cho nên Minh Thành đã bảo các huynh đệ thiết kế trang trí chuẩn bị cho buổi trà đạo ngay trong nhà. Sau khi mọi người cùng nhau thiết kế và điều chỉnh, cuối cùng nơi pháp tòa dành cho buổi trà đạo hoàn thành rất đẹp mắt với những tấm màn trúc làm nền cho bức tượng đức Phật và bên cạnh là cội cây kiểng theo thể thác đổ như rồng uốn lượn. Một bên là đèn tre ảnh hiện, dưới bóng cành trúc xanh những làn khói huyền ảo đang tỏa ra giống như đang nhiễu quanh thân tượng trang nghiêm của đức Phật Vô lượng thọ rất diệu kỳ! Mọi người đều thích thú ngắm nhìn và khen ngợi không ngớt về tài thiết kế, nhưng Minh Thành cũng học theo đức Phật và Hòa thượng mà nói rằng: *“Không phải mình thiết kế, mà đây là thành quả của đại chúng và các huynh đệ”*. Sau khóa tu, rất nhiều Phật tử cảm động phát tâm quay về chánh pháp và cũng có nhiều người lưu luyến không muốn về.

Qua đó, chúng ta cảm thấy thành công của pháp hội là thành công của Tăng đoàn Pháp Ấn. Từ những người chờ đợi dưới chân núi để hướng dẫn Phật tử đi lên và đưa cho mọi người từng cây gậy, chiếc nón lá, hộp cơm, ấm trà, cho đến những người vất vả, nấu nướng dọn thức ăn, chuẩn bị mền chăn, mùng chiếu cho đại chúng nghỉ ngơi... Tất cả mọi thứ kết hợp lại tạo thành pháp hội trang nghiêm thanh tịnh viên mãn và ấm áp tình người nghĩa đạo. Con đường xi măng dưới chân núi, lên đến những bậc thang, từ viên đá, cành trúc xanh dẫn lên nơi dừng

chân Bát chánh đạo, cho đến khóm trà xanh tươi thắm, cổng vào Giảng đường, nhà bếp sạch sẽ, chánh điện bằng tre lá thờ đức Thế Tôn ngự bên trong. Tăng đường, Quán chiều đường, những tảng đá sừng sững ở trên đỉnh núi, khu vực tĩnh tu đều có mồ hôi thậm chí máu chảy, công lao tâm huyết của Tăng đoàn và những Phật tử, người thợ, công nhân.

Tất cả sự hình thành nên đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm thoát tục ở đây đều là do công đức của đại chúng, cộng đồng biểu hiện cảnh giới Linh Quy Pháp Ấn này, không phải của riêng một người nào!

*** Quay về với chánh niệm tỉnh thức**

Nếu chúng ta có cái nhìn chân chánh, vạn pháp nương nhau làm nên cuộc đời - *chánh kiến vô ngã* dẫn đường để quán chiếu, chiêm nghiệm sẽ thấy được những sự thật mà bình thường không thể thấy. Nếu không nhìn thấy được sự thật, chỗ chung lớn của cả cộng đồng, chỉ thấy lợi ích riêng tư cá nhân thì mọi việc làm hay ý nghĩ đều không đúng với lẽ thật. Dù có học hay tu môn gì, hành trì pháp gì cũng đều ở trong sự mê lầm của “cái tôi”, cho nên tu mãi mà vĩnh viễn không thể thành tựu. Chính vì biết nhớ đến công đức của đại chúng, của Tăng đoàn, nên mỗi người phải sống như thế nào để đáp lại tình nghĩa của thầy, huynh đệ, và Phật tử. Tự động chúng ta sẽ suy nghĩ ra điều đó và từ đó làm việc với sự hân hoan, “*làm việc là làm việc chung, làm cho đại chúng tức là làm cho Tăng thân, làm cho Tăng thân là làm cho chính mình*”.

Ví dụ, chúng ta trồng cây kiểng đẹp để cho tất cả huynh đệ, thầy và cho tất cả Phật tử mười phương thưởng thức. Như vậy, việc làm đó có ý nghĩa to lớn, làm để thấy đúng được sự thật thì càng làm càng an vui, càng hạnh phúc càng hoan hỷ, càng đi tới gần với chân lý. Ngược lại, nếu không nghĩ đến lợi ích chung thì việc làm kia là làm với phiền muộn, bực dọc. Muốn làm việc trong sự chánh niệm tỉnh thức được như vậy, chúng ta cần phải thực tập và nghe pháp quán chiếu liên tục, không được lơ lửng.

Có một Sư chú đang vội vã tìm lại tập hồ sơ giấy tờ trong ngăn bàn, Hòa thượng hỏi:

- Con đang làm gì? Sư chú trả lời:

- Thầy bắt quả tang con rồi!

Sư chú nói như vậy là muốn nói về việc làm không có chánh niệm; còn Hòa Thượng hỏi là muốn chú trở về với tỉnh thức trong khi đang làm việc. Cho nên, nếu chúng ta làm việc mà chỉ biết công việc đang làm, không tu tập tỉnh thức thì sẽ uổng phí thời gian.

Cần phải đưa sự tỉnh thức chánh niệm soi sáng trong khi đang làm việc.

Quét nhà chỉ biết quét nhà, tưới cây chỉ biết lấy nước tưới cây, lau chùa chỉ thấy có công việc lau chùa... mà không đem chánh niệm tỉnh thức để soi rọi về các Pháp ấn: *biến đổi, bực bách, trống rỗng, không có cốt lõi*, thì sẽ lãng phí hết thời gian quý báu!

Khi ăn cơm mà cứ khen ngon, chê dở thì sẽ bị tâm tham, sân phiền muộn chi phối. Làm việc mà chỉ thấy

công việc thì một hồi sau sẽ rất mau mệt. Cần phải làm việc trong sự tỉnh thức, thư thái không có gì phải vội vàng hấp tấp, trừ công việc khẩn cấp. Vội vàng sẽ dẫn đến những hậu quả tệ hại như việc làm không tốt; dễ xảy ra những thiếu sót và điều quan trọng nhất là mất tỉnh thức chánh niệm và có thể xảy ra tai nạn.

Ngài Trần Nhân Tông gọi là “*Gìn tánh sáng, mưa là tà đạo*”, giữ gìn Tánh sáng của sự tỉnh thức tùy theo cách tu của mỗi người. Ví dụ, khi niệm Phật cần phải giữ tâm sáng suốt trong câu niệm Phật hay theo từng hơi thở rõ ràng minh bạch để quán chiếu giây phút hiện tại, gọi là “Hiện pháp lạc trú”. Luôn gìn Tánh sáng đừng để đi lạc qua con đường khác uổng phí cả cuộc đời; khi có việc đến thì chúng ta vẫn tỉnh thức và khi không có việc thì vẫn chánh niệm, không để hai thứ có hoặc không ảnh hưởng tới chánh niệm. Lúc nào cũng duy trì chánh niệm tỉnh thức là người biết sống, trong nhà Thiền gọi là “có kẻ sống”.

Ngoài đời gọi người có nghề nghiệp làm ăn ổn định là “người có kế sống”. Người tu cũng vậy phải có phương pháp tu tập, nắm vững cách dụng công, hành trì, đừng để uổng phí thời gian. Ngày nào cũng như ngày nào, lần lựa rồi từ trẻ đến già không được gì, uổng mất một kiếp người quý báu!

* **Khéo chế tác an lạc**

Sách *Giải thoát đạo luận* nói người tu cần khéo chế tác ra sự an lạc để có những niềm vui tươi hân hoan đặc biệt trong lúc tu tập. Từ lâu nay chúng ta nghe nói về

khổ nhiều hơn vui, nhưng nếu biết tu sẽ thấy được rất nhiều phương pháp an vui hỷ lạc. Khi tâm hoan hỷ, vui vẻ tràn đầy mát mẻ, hân hoan chan hòa là tướng của hỷ, tức là tướng của mừng; điều phục loạn tâm là sự sinh khởi của hỷ. Ví dụ, đang cúp điện từ sáng tới chiều, mà bây giờ có điện trở lại khiến chúng ta mừng quá vỗ tay, đó là sức mạnh của hỷ. *“Hỷ sinh từ dục, hỷ sinh từ tín, hỷ sinh từ không hối hận, từ tịch tĩnh, từ định, từ các phần Bồ-đề”*.

Thế nào hỷ sinh từ dục? Tâm hoan hỷ đối với những tham dục nhiệm trước. Người thế gian chỉ biết có loại hỷ này như mừng vì được trúng số; mừng được cho ăn ngon; mừng được khen... Lúc thỏa mãn được những tâm tham muốn đó thì mừng vui. Trái lại, người có niềm tin thâm sâu sẽ sanh tâm hoan hỷ, giống như lúc xưa người thợ làm đồ gốm sanh tâm hoan hỷ và có niềm tin sâu sắc khi ông ta gặp được đức Thế Tôn.

Khi người có lòng tin sâu sắc với Phật - Pháp - Tăng sẽ được hoan hỷ. Khi lễ Phật và nghe bài xướng tán tụng khen ngợi đức Như Lai, sanh tâm vui vẻ; hoặc khi nghe pháp tới những điều mà chúng ta tâm đắc, sẽ có sự thích thú mừng vui. Những tướng trạng của hỷ sẽ làm chúng ta hân hoan vui thích, sẽ điều phục được loạn tâm, vì làm tan biến hết những tâm xấu khác. Có nhiều huynh đệ chỉ vừa nhìn thấy hình bóng y vàng của chư Tăng đã cảm thấy hoan hỷ, vui thích, đó chính là “Hỷ”. Hỷ sanh từ chỗ không hối hận do trì giới thanh tịnh và làm tâm sanh hoan hỷ, vui trong học giới.

Trong khi tu tập, chúng ta biết chế tác ra hỷ lạc, có được nhiều niềm vui, khéo biết quán chiếu nhìn ra những cái hiện đang có để biết quý trọng. Ngược lại, không khéo tu tập thì nhìn đâu cũng thấy buồn phiền, bực bội hoặc tu khổ sở, khô khan tiêu tụy như là khổ hạnh. Thật ra, tu như vậy không phải khổ hạnh mà tự thân làm ra tướng khổ hạnh, ăn uống, ngủ nghỉ đầy đủ tiện nghi mà nhìn thấy lúc nào cũng đau khổ.

Hoan hỷ trong lời nói là cởi mở tháo gỡ, gọi là “biết chế tác ra hỷ lạc trong lời nói”; không đợi lúc bước lên chánh điện mới tu, bất cứ làm việc gì cũng phải dụng công tu.

Khéo biết chế tác hỷ lạc sẽ giúp chúng ta luôn tươi nhuận, có niềm an vui trong giáo pháp. Khi có niềm vui thì nhìn cảnh trúc xanh cũng thấy đẹp lạ; bước mỗi bước chân lên cầu thang cũng thấy tịnh lạc; nâng tách trà lên uống cũng cảm thấy hạnh phúc diệu kỳ!

Nhìn một người đang đi với sự chánh niệm tinh thức với một người lảng xãng tất bật, sẽ thấy được hai sự khác biệt rất xa. Đừng nên nghĩ tu là làm gì khác, ngay lúc nói chuyện, bước đi, ăn uống đều được thu nhiếp trong sự tinh thức chánh niệm.

Giữ giới kỹ lưỡng và làm việc sinh hoạt có chánh niệm sẽ ít bị hối hận. Làm việc không có tinh thức dễ sai trật và gây ra sự hối tiếc. Có soi xét quán chiếu, chẳng những chúng ta không hối hận, mà còn được hoan hỷ sinh ra từ tịch tĩnh, lặng lẽ. Niềm hỷ lạc của người vào Sơ thiên gọi là “hỷ sinh từ tịch tĩnh”; Nhị thiên là “hỷ

sinh từ định”, ở tại Nhị thiên mà tu tiến đạo xuất thế gian sinh ra tâm hỷ gọi là “hỷ sinh từ các phần Bồ-đề”. Tất cả chúng ta đều có thể làm được ba cấp độ này!

Sơ thiên không phải là ngồi lâu không nhúc nhích, mà ngay khi đang đi đứng, nói cười, làm việc mà tâm không chạy đuổi theo ngũ dục lục trần và an lạc ở trong pháp, nhẹ nhàng vắng lặng chính là Sơ thiên.

Nhị thiên là “hỷ sanh từ định”, do sự nhiếp niệm càng ngày càng sâu chuyên nhứt tâm nên an định; từ trong an định đó sanh ra hoan hỷ, gọi là “thiên lạc” hay “thiên duyệt”, tức là sự vui nhẹ nhàng. Từ niềm vui do tâm yên định đó mà tiến tu đạo xuất thế gian, gọi là “hỷ sinh từ các phần Bồ-đề” như Tứ đế, Bát chánh đạo hoặc quán về *Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã* bằng tuệ giác, nghiên ngẫm suy xét chân lý bằng sự thấy biết chân chánh, tư duy, lời nói, hành động chân chánh... lúc đó sanh ra niềm vui từ bảy pháp đưa đến giác ngộ phương pháp thực tập niềm vui, gọi là “Thất Bồ-đề phần”. Ngoài ra, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng là những phương cách thực tập niềm vui rất đặc biệt.

*“Muôn vật đều vô thường
Toàn là pháp sinh diệt.
Chẳng vương mắc sanh diệt,
Tịch tĩnh an lạc sanh”.*

Luôn luôn nhìn thấy được tính chất sanh khởi và hoại diệt của các pháp, không bị vương mắc bởi các pháp thì tâm vắng lặng an vui. Những niềm vui này người thế gian hầu như rất hiếm có.

Mong rằng, mọi người biết chế tác ra hỷ lạc trong cuộc sống hằng ngày, giữa huynh đệ, giữa thầy trò, giữa người tu đối với Phật tử. Ngay trong công việc, sinh hoạt thường nhật mà chúng ta khéo léo vận dụng đem tâm tỉnh thức vào bất cứ mọi việc, mọi vật, mọi người, mọi cảnh, mọi trường hợp, mọi lúc mọi nơi để thấy được niềm hỷ lạc kỳ diệu trong sự tu.

Đừng lãng phí thời gian chỉ nhìn thấy công việc mà không có dụng tâm tu hành, luôn luôn sống trong chánh niệm tỉnh thức sẽ thấy được những điều rất kỳ diệu; hiểu được những điều chưa hiểu biết những điều mà trước đây chưa từng biết và đặc biệt chúng ta sẽ thấy rằng: *Cả quả đất, cả nhân loại, cả muôn loài đều gắn kết với chúng ta cùng chung một thể và “cái tôi” riêng lẻ hoàn toàn không có thật.* Nhìn thấy được đại thể rồi ra sức tu cho bản thân cũng là tu cho mọi người, làm cho mọi người cũng là làm cho bản thân. Nhờ vậy mà chúng ta sẽ có tâm Bồ-đề rộng lớn bao la và niềm hạnh phúc sẽ tràn ngập trong mọi lúc mọi nơi, mọi thời mọi chốn, mọi người, mọi việc. Đó là chúng ta khéo biết vận dụng tu tập để thành tựu tâm giác ngộ vĩ đại bao la!



Chương VII

TÁNH BIẾT TỐI THƯỢNG



BÁU VẬT TRONG TRỜI ĐẤT

Có nhiều lúc, chúng ta ngồi lặng lẽ trong không gian tĩnh mịch và ngắm nhìn những đám mây bay, cảm nhận từng luồng gió mát, nghe tiếng chim hót hòa với tiếng phong linh huyền diệu. Thậm chí, chúng ta có thể nghe cả tiếng của những giọt sương rơi trên chiếc lá vào buổi ban mai. Ngồi trên đồi cao trước một khoảng không gian mênh mông, nhận biết sự hiện hữu của mình trong bối cảnh thiên nhiên xuyên qua đạo lý trùng trùng duyên khởi và cảm nhận được sự nhiệm mầu của vạn vật với một niềm an lạc hạnh phúc vô biên tràn ngập trong tâm. Lắng lòng để nghe vạn vật trong vũ trụ thuyết pháp... chúng ta mới cảm nhận được Tánh biết là vô tận và vô cùng quý báu, không gì có thể so sánh!

Bất chợt nhìn lại những thú vui ở thế gian thì thấy hiển bày rõ ràng mọi sự chán chường đau khổ ở ngay phía sau đó.

Khi chưa được thỏa mãn thì đau khổ kiếm tìm. Đến khi chiếm được rồi thì khổ đau phải lo giữ gìn vì sợ mất

đi. Và lúc niềm vui kia bị mất hay tan biến thì càng đau khổ nhiều hơn. Cả ba thời đều là khổ đau, lo lắng mà người đời không hay biết!

Trong tất cả các tham dục của thế gian, không có gì mạnh bằng ái dục. Từ ngàn xưa đến ngày nay, không biết đã có bao nhiêu người vì chạy theo tình ái mà phải đau khổ đến chết, thậm chí có khi do yêu thương mà trở thành thù hận cả đời không quên.

Không riêng gì lĩnh vực tình cảm, mà các lạc thú khác của thế gian như ăn uống, vui chơi... đều có cùng một bản chất, không toại nguyện. Sau những phút vui cười bên ly rượu, đàn ca xướng hát là tâm trạng mệt mỏi chán chường. Sau những buổi tề tựu bạn bè huyên náo là những ngày trống vắng buồn tênh vì chẳng có ai bên cạnh để tâm sự. Tất cả thú vui ở thế gian đều hàm chứa sẵn “mật đắng” của đau khổ ở trong đó. Nhưng vì người đời không hiểu rõ được sự thật ấy, nên bỏ quên Tánh biết quý báu đó chạy đuổi tìm kiếm hạnh phúc trong khoái lạc vật chất phù hư tạm bợ để rồi cuối cùng bị dính mắc buộc ràng vào những hệ lụy không ngừng.

Được sống trong sự hạnh phúc, giải thoát thanh thoi mà chúng ta không hề biết, cứ lo mong ngóng tìm kiếm lạc thú ở tận phương xa, nhưng điều đó không bao giờ có. Đem giá trị quý báu để đuổi theo cái không giá trị thì thật uổng phí một đời! Trái lại, người tu từ bỏ hết mọi thú vui ở thế gian, ngồi yên tĩnh một mình để ngắm nhìn vạn vật với tâm thái thanh thoát và làm cho bao nhiêu ưu sầu khổ não tan hết vào hư không. Ngay trong giây phút

tĩnh lặng ấy mà cảm nhận được mọi sự vật xung quanh ở mức độ sâu sắc và chân thật nhất là một niềm hạnh phúc vô biên mà người đời không bao giờ có được.

Có thể vì tranh chấp về tiền bạc, giành nhau mấy tác đất mà hai người láng giềng đã tàn hại lẫn nhau. Cũng có thể vì một hành động hay lời nói không vừa lòng đã đưa anh em đến cự cãi, hận thù làm khổ gia đình, người thân, quấy rối xóm làng. Thậm chí có những thanh niên khởi lên ý tưởng buồn chán gia đình, bỏ nhà đi hoang, làm những điều sai trái. Hoặc những công tử thuộc gia đình giàu có thách thức với nhau đua xe để tìm cảm giác mạnh, chỉ một phút cao hứng đã dẫn đến tai nạn đau thương cho mình và người khác!

Tất cả những điều tệ hại xảy ra cũng chỉ từ một ý tưởng nông nổi phát sinh và dẫn dắt mọi người đi trong vòng đau khổ miên man. Chính ý nghĩ sai lầm đã tạo ra những hành động thô tháo ở nơi thân và miệng để chiêu cảm lấy tai họa và có khi làm hủy hoại cả cuộc đời. Càng nhìn thấy những chuyện rối rắm xảy ra ở thế gian chúng ta càng mở rộng sự nghe hiểu để bỏ túc thêm cho việc tu học Phật pháp mà không nên có tâm xem thường hay chê bai người khác.

Người hiểu đạo, biết tu cần phải dành nhiều thời gian nhìn trở lại nội tâm, dùng Tánh biết sáng suốt để soi xét tận tường cội nguồn phát sinh ra buồn lo. Phải khéo sử dụng Tánh biết để sống có giá trị và ý nghĩa cho cuộc đời này. *Có những cái chết nhẹ tựa lông hồng và cũng có những cái chết nặng tựa Thái Sơn. Có những cách*

sống gây đau khổ cho gia đình, cha mẹ, anh em và cũng có những cách sống mang lại ý nghĩa vĩ đại cho nhân loại chúng sinh. Những điều ấy đều từ nơi việc khéo hay không khéo sử dụng Tánh biết để làm việc!

Mỗi khi chúng ta lễ Phật chính là lạy Tánh biết của đức Phật và cũng là lạy Tánh biết của chính mình. Những lời nói, hành động hằng ngày đều do Tánh biết làm chủ và quyết định tất cả. Chính vì như thế mà chư Phật luôn nói rằng tất cả mọi người đều có trí huệ Phật, có Tánh biết linh thiêng quý báu. Tuy nhiên, chúng ta không chịu quay về nhận lấy, sử dụng và khai thác nó triệt để mà cứ mong chờ tìm kiếm những thứ khác xa vời.

Thiền sư Đức Sơn¹⁶ nói: *“Tánh biết không hình không tướng, mà làm thầy của muôn pháp”*. Không chỉ những chúng sinh hiện đang sống, mà ngay cả những vong linh sau khi chết, do nhờ nhận ra Tánh biết mà đã tìm được con đường siêu thoát, biết nương theo dẫn dắt của Phật Tổ mà quay về chánh đạo. Cũng có những vong linh khác khi chết rồi không thể siêu thoát, cũng theo

16- Đức Sơn Tuyên Giám (782-865) là một trong những Thiền sư lỗi lạc nhất đời Đường, Trung Quốc. Nhân duyên ngộ đạo của sư là một trong những câu chuyện thường được nhắc lại nhất trong giới Thiền. Sư nổi danh về việc sử dụng cây gậy để giáo hóa (đập) thiền sinh, từ đó mà sinh ra danh từ “Bông hát”, chỉ cây gậy (bông) ngang dọc của Sư và tiếng hét (Hát) vọng vang của Lâm Tế Nghĩa Huyền. Sư không muốn đi quanh co, rườm rà mà nhiệt tình hướng dẫn môn đệ mau chóng ngộ được chân lý Bất nhị, nơi mọi ngôn từ trở thành vô dụng. Cũng từ tâm hồn cao siêu nhiệt tình của Sư mà xuất phát từ dòng Thiền này một Tuyết Phong Nghĩa Tồn, một Vân Môn Văn Yển, một Pháp Nhãn Văn Ích và vô số những ngôi sao sáng trong Thiền tông sau này.

Tánh biết đó mà vất vưởng trên đầu cây ngọn cỏ hoặc lang thang nơi núi rừng hay ở vỉa hè thành thị. Cũng có những vong linh nương theo Tánh biết đó mà đi vào thân súc sanh mang lông đội sừng, kéo cày trả nợ.

Điều này cũng không có gì kỳ lạ, bởi vì ngay trong đời sống hiện tại cũng có người do Tánh biết đó mà cam tâm làm nô lệ cho dục lạc tiền của, nhưng cũng có người từ Tánh biết đó mà dám hy sinh tất cả để đóng góp những sự nghiệp vĩ đại cho pháp giới chúng sinh.



TÂM TẠO TÁC TẤT CẢ

Mở đầu kinh *Pháp cú* - phẩm *Song Yếu*, câu 1 và 2 là bài kệ:

*Ý dẫn đầu các pháp
Ý làm chủ, ý tạo
Nếu với ý ô nhiễm
Nói lên hay hành động
Khổ não bước theo sau
Như xe, chân vật kéo.*

*Ý dẫn đầu các pháp
Ý làm chủ, ý tạo
Nếu với ý thanh tịnh
Nói lên hay hành động
An lạc bước theo sau
Như bóng, không rời hình.*

Tâm chính là Tánh biết sáng suốt đã nói ở trên. Tất cả đều từ nơi tánh sáng ấy mà tạo tác, khi đối diện với mọi biến cố xảy ra, chúng ta không thể đổ lỗi cho sự vật hay hoàn cảnh ở bên ngoài, mà nên thấy rõ tất cả là do tâm đã tạo tác.

Có ba vấn đề mà tất cả mọi người thường dễ bị dính mắc trong đời sống hằng ngày:

- 1- Thứ nhất là dính mắc vào công việc.
- 2- Thứ hai là dính mắc vào của cải vật chất.
- 3- Thứ ba là dính mắc vào tư tưởng.

Nếu không biết quán chiếu, thì Tánh biết sáng suốt sẽ thường bị ba thứ đó trói buộc, giam hãm và sai khiến làm cho mê mờ, tạo nghiệp để dẫn đi vào các cảnh giới xấu ác.

*** Dính mắc vào công việc**

Một khi không muốn làm thì mặc kệ, chẳng màng quan tâm đến ai, nhưng nếu đã bắt tay vào làm là bị dính vào công việc và không thể “gỡ” ra. Do những công việc đó tạo ra kinh nghiệm, hình thành sở trường, sự thành tựu và được mọi người hoan nghênh, khen ngợi “cái tôi” đã khiến cho chúng ta có xu hướng yêu thích bám giữ vào những điều đó. Tuy nhiên trên thực tế, chúng ta không thể nào làm mãi một việc, bởi vì đến một lúc nào đó, cũng phải chán ghét và từ bỏ vì những việc ấy không còn hợp thời nữa.

Trong đạo có câu nói: “*Nhiều việc không bằng ít việc, ít việc chẳng bằng không việc*”. Đừng nên hiểu lầm không việc là không làm gì hết, mà là đừng bày vẽ ra đủ

thứ việc để làm rời chuốc lấy phiền não. Trong chỗ nhiều việc đó, chúng ta phải biết giảm bớt lại còn chút ít. Việc nào cần thiết mới làm, không phí thời gian với những việc lặt vặt không cần thiết. Làm càng nhiều mà không có công phu tu tập, thì nội tâm sẽ bị quay cuồng trong công việc và Tánh biết cũng bị giam hãm, không còn sáng suốt.

Giống như suốt cả cuộc đời của những người nông dân làm rẫy không thể rời bỏ thửa ruộng và tâm trí của họ chỉ còn biết về cây lúa hoặc cây trà, cà phê. Hoặc những người thầy thuốc khi nhìn thấy cây nào cũng đều là cây thuốc. Người thợ mộc vừa nhìn thấy cây cối là liền nghĩ tới việc đem về đóng thành bàn ghế. Người thích chơi cây kiểng, nhìn thấy cây nào cũng có hình này đáng nọ... Đó là những trường hợp Tánh biết rộng lớn vô hạn bị ràng buộc vào một phạm vi nhỏ hẹp hữu hạn. Do đã lầm nhận những tư tưởng ấy là thói quen, kinh nghiệm hoặc sở trường, bởi vậy lúc nào chúng ta cũng bị mê lầm đau khổ. Chư Phật thấy được điều sai lầm ấy, các Ngài đã luôn thương xót muốn cứu vớt cho chúng sinh.

Kinh *Thủ lãng nghiêm* nói: “*Tri kiến lập tri tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn*”. Thấy biết mà dính mắc vào sự thấy biết là cội gốc mê lầm vô minh. Thấy biết mà không dính mắc vào sự thấy biết chính là Niết-bàn. Sự thấy biết luôn rõ ràng, không cần nương dựa hoặc dính mắc vào bất cứ việc gì. Khi tĩnh tọa thiền quán, chúng ta sẽ thấy rất rõ tâm sáng suốt không hề dính mắc vào bất cứ thứ gì. “*Trong giải thoát mà lại sinh ràng*

buộc, ở trong Bò-đề mà lại thấy không thanh tịnh”. Tâm vốn không bị trói buộc và đã giải thoát từ lâu rồi, nhưng do bị dính vào công việc, vật chất... cho nên cảm thấy như bị ràng buộc. Giải thoát là bản chất thật sự của Tánh biết sáng suốt hiện giờ và không có cái gì có thể trói buộc được nó.

*** Dính mắc vào vật chất, của cải**

Ở đời có những người đam mê vật chất, tham đắm tiền của, tiện nghi... không biết chán mỏi. Họ đã đem Tánh biết quý báu không giới hạn để trói buộc vào những vật chất có giới hạn nhỏ hẹp. Người mê xe thì từ sáng đến tối hễ gặp ai cũng bàn luận về xe và bỏ rất nhiều tiền của chỉ để sưu tầm hết loại xe này tới loại xe khác. Nếu xe của họ bị va quệt trầy xước, họ sẽ cảm giác như bản thân bị thương tổn, thậm chí quyết sống chết ăn thua đủ với nhau. Tánh biết vô hạn bị cột chặt vào sự hữu hạn của chiếc xe. Từ ví dụ tâm ràng buộc với chiếc xe, chúng ta có thể suy ra tâm dính mắc với tiền của, vật chất, nhà cửa, đất đai, ruộng vườn... cũng đều giống như vậy.

*** Dính mắc vào tư tưởng**

Sâu xa hơn nữa là sự dính mắc trong tư tưởng. Công việc, vật chất và tư tưởng là những thứ hữu hạn, Tánh biết không phải là những thứ đó, mà nó là vô tận. Tư tưởng là những ảo ảnh của tâm thức chỉ hiện hữu và hoạt động ở phạm vi rất nhỏ hẹp. Ví dụ, khi đã có sự ghét hay bực tức đối với một người nào, mỗi khi nghĩ đến họ, chúng ta sẽ cảm thấy khó chịu và tư tưởng sẽ liên tục khởi thêm một chuỗi ý nghĩ với nhiều việc xấu ác khác

nữa. Hoặ là lúc yêu thương một người nào đó, những tư tưởng mãi nghĩ ngợi về người ấy sẽ làm cho nội tâm có sự nhớ nhung, mơ tưởng và buồn thương. Nhiều khi người kia chỉ là một người bình thường như bao người khác, nhưng tư tưởng đã phóng đại những hình ảnh quá tốt đẹp, tài giỏi để tự mê hoặc chính mình.

Tất cả dòng tư tưởng được diễn biến theo một trình tự có sắp xếp như một cuộn phim đang chiếu và Tánh biết sáng suốt cứ mãi quanh quẩn ở trong đó, không thể thoát ra. Khi Tánh biết sáng suốt bị dính mắc với tư tưởng yêu thương và tự trói buộc ở nơi đó thì vô hình nó đã đóng khung cuộc đời của chúng ta trong “ngục tù yêu thương”. Như vậy, chúng ta đã đem cái vô lượng của Tánh biết đóng khung vào trong cái hữu lượng của chỗ không biết.

Thật ra, tất cả sự yêu hay ghét, buồn hay vui... chỉ là một dòng sông ảo tưởng, nhưng đã làm chìm đắm Tánh biết của chúng sinh trong vô lượng kiếp. Ảo tưởng thì thật đẹp, mà thực tế thì khác biệt hoàn toàn! Trong khi tĩnh tọa yên lặng, vô số tư tưởng vận hành liên tục và ô ạt như nước lũ kéo đến khiến cho chúng ta choáng ngợp và không thể dừng lại. Tuy nhiên, nếu chúng ta bình tĩnh và khéo biết rõ những tư tưởng đó đều là những ảo ảnh ở bên ngoài và không hề dính dáng đối với bản tâm thì chúng sẽ tự nhiên tan mất.

Người hằng nhận rõ và sống được Tánh biết luôn đứng bên ngoài tất cả những tư tưởng kia đó là người biết tu. Giống như một người đang ngồi trên bờ sông và

quan sát dòng nước ở bên dưới cuộn cuộn chảy qua cuộn theo bao thứ lục bình, rong rêu... Cũng vậy, Tánh biết thường quan sát tỉnh giác đối với những tư tưởng trôi qua liên tục, không hề thiếu sót. Nó luôn đóng vai trò của một người quan sát, mà chẳng phải là những tư tưởng hỗn loạn kia và cũng không liên quan với chúng.

Nếu mỗi người đều có thể nhận ra Tánh biết sáng suốt ở nơi mình thì tất cả mọi việc đều an ổn. Chỉ vì từ nhiều đời đến nay, chúng ta đã quen với việc hễ thấy âm thanh hay hình ảnh nổi lên trong tâm thức là liền quơ chụp vào và xem đó là tâm ý của mình để chuốc lấy khổ đau. Giống như người đang nhìn ngắm dòng sông, bất chợt nhảy ào xuống nước để chụp bắt lục bình, rác rưởi... Nếu chụp trúng món đồ đẹp thì vui mừng, còn ôm nhầm đồ dơ thì sinh khởi tức giận. Người ấy không biết rằng, dù lấy được đồ đẹp hay xấu, thì cuối cùng cũng bị dòng nước cuốn trôi và nhận chìm. Đó là cách mà chúng ta đã đồng hóa tư tưởng và cho đó là tâm thật của mình.



TÁNH BIẾT TỐI THƯỢNG

Trong kinh *Hoa nghiêm* có diễn tả sự kiện vào ngày đầu tiên giác ngộ, đức Phật đã thốt lên: “*Kỳ lạ thay, kỳ lạ thay! Tất cả chúng sinh đều có trí huệ đức tướng Như Lai. Chỉ vì vọng tưởng vô minh che đậy, cho nên không thấy được. Nếu như dẹp được vọng tưởng, thì trí huệ tự nhiên hiển lộ, trí biết tất cả sẽ tỏa rạng*”.

Tánh rõ biết đã sẵn có, luôn hiện hữu trong tâm ở mọi lúc mọi nơi, không lúc nào không rõ biết, nhưng vì mê lầm che đậy nên chúng ta không nhận ra và làm cho nó bị giam hãm. Tánh biết không có hình tướng, vốn thanh tịnh sáng suốt, làm chủ muôn vật và không bao giờ bị tàn mất. Ngài Phó Đại sĩ¹⁷ ở đời nhà Lương, Trung

17- Phó Đại sĩ (497-569), còn gọi Phó Hấp hay Đại sĩ Thiện Huệ, người Vụ Châu Nghĩa Ô. Mười sáu tuổi cưới vợ là Lưu Diệu Quang, sinh được hai người con, một tên Phổ Kiện, một tên Phổ Thành. Năm hai mươi bốn tuổi được diện kiến Tăng Thiên Trúc là Tung đầu-đà (tức Đạt Ma Đại sư). Tung đầu-đà nói với ngài rằng: “Xưa, ta với ông cùng sống vào thời Đức Phật Tỳ Bà Thi (Đức Phật đầu tiên trong bảy Đức Phật quá khứ) đã từng phát nguyện tu hành, trên cung trời Đâu Suất vẫn còn giữ y bát củata và ông, ông

Hoa, đã cảm tác làm nên bài thơ:

*“Có vật trước trời đất,
Không hình vốn lặng trong,
Hay làm chủ muôn vật,
Chẳng theo bốn mùa tàn”.*

Hơn nữa, chúng ta còn đem Tánh biết ràng buộc vào tâm thân này và cho đó là thân thật của mình mà bỏ quên tánh thiêng liêng quý báu. Khi thấy thân này trẻ đẹp thì vui mừng. Ngược lại, nếu thấy nó già xấu thì ưu buồn. Hoặc nếu nó được vật gì quý thì hãnh diện và đến khi mất đi thì khổ đau. Đến khi thân này có bệnh thì lo rầu và nếu nó sắp chết thì vô cùng sợ hãi. Tất cả cũng chỉ vì chúng ta nghĩ thân này là thật, mà không biết chính tuệ giác kia mới thật là mình.

Thân này chỉ giống như một chiếc áo mà Tánh biết thường khoát lên. Có khi Tánh biết mặc chiếc áo của chư

vì sao lại quên hết?”. Đại sĩ nghe nói ngẩn người và không biết nói gì. Thế rồi, Tung đầu-đà dạy Ngài đến suối nhìn bóng. Ngài theo lời dạy thực hành, quả nhiên được tướng lành là trên đầu có vàng hào quang che phủ. Nhân đây ngài ngộ được duyên xưa. Ngài cười nói với Tung đầu-đà rằng: “Lò rèn còn nhiều sắt thô, trước cửa nhà thầy thuốc đầy bệnh nhân”. Ý lời nói này là Ngài muốn lưu lại thế gian để hóa độ chúng sinh, không nghĩ đến việc sinh về cõi Trời.

Nhìn chung một đời Phó Đại sĩ, sự tích cuộc đời ngài quá nhiều những sắc thái thần kỳ, tư tưởng và tác phong của ngài cũng vượt qua những tị hiềm của thời đại. Tư tưởng của ngài thể hiện tôn chỉ của Lão Trang “*Lấy lòng rộng rang làm gốc*”, lại còn thể hiện tinh thần đặc sắc của Bát nhã “*Không dính mắc làm tông*”. Bởi vì ngày nay tại các khu vực này vẫn còn đầy đầy những lời nói mang tư tưởng và văn hóa đặc sắc của ngài, cho nên nói hình thành tư tưởng thể ấy là không thể chẳng luận bàn.

(Theo Thiền Tông Việt Nam)

Thiên, thần thông quảng đại, phát tay áo hiện ra lâu đài, đi mây về gió. Có khi nó mặc chiếc áo của súc sanh, lông lá xù xì, đầu đội sừng, kéo xe chở nặng. Cũng có khi nó mặc chiếc áo của nhân nghĩa, đạo đức của con người; cũng có khi nó mặc chiếc áo của tội nhân, ngày đêm kêu gào thảm thương trong địa ngục. Tất cả đều là những chiếc áo tạm bợ, luôn thay đổi hư hoại, chỉ duy có Tánh biết sáng suốt mới là “con người chân thật”. Bởi thế, dù có làm tất cả mọi việc, cũng đừng để Tánh biết bị dính mắc vào công việc, vật chất và quan trọng sâu xa nhất là dính mắc vào dòng tư tưởng. Báu vật mà mười phương ba đời chư Phật, chư Tổ truyền trao cho nhau chính là Tánh biết này. Mãi mãi ở vị lai, chư Phật ra đời cũng đều vì để chỉ rõ cho mọi người nhận ra Tánh biết này. Chỉ cần nắm giữ được Tánh biết sáng suốt, là chúng ta đã có ngay kho tàng chánh pháp ở trước mắt.

Trong pháp hội Linh Sơn, đức Phật đã cầm nhành hoa sen đưa lên, mắt nhìn khắp đại chúng và không nói một lời. Cả chúng hội đều ngơ ngác không hiểu ý, chỉ riêng ngài Đại-ca-diếp vừa nhìn thấy, liền mỉm miệng cười. Lúc đó, đức Phật nói: *“Ta có con mắt chánh pháp nhìn thấu suốt kho tàng chân lý và tâm mẫu nhiệm Niết-bàn, nay trao cho Đại-ca-diếp”*. Đó chính là Tánh biết mà mãi về sau trải qua nhiều thế hệ chư Tổ truyền trao cho nhau cho đến tận bây giờ và việc đó được gọi là “tâm truyền tâm”.

“Huỳnh Mai lâm lý nhất luân minh nguyệt dạ truyền y”, nghĩa là trong rừng mai vàng, một đêm trăng sáng,

được truyền trao y bát. Khi xưa, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn đã truyền y bát cho Lục Tổ cũng là truyền tâm ấn và cũng chính là chỉ cho Tánh biết đó. Bởi vì, nếu nói thẳng là Tánh biết sáng suốt thì e rằng người đời xem thường không quý trọng, cho nên các Tổ đã dùng danh từ rất lạ như “cái bát không đáy”, “bộ mặt xưa nay”, “quê xưa cảnh cũ”, hay là “Chơn tâm”, “Phật tánh”, “Niết-bàn” v.v... Tất cả danh từ ấy tuy có tên gọi khác biệt, nhưng cuối cùng cũng đều chỉ cho Tánh biết sáng suốt đang nghe hiện giờ. Giữ gìn được Tánh biết đó luôn tỏa sáng trong tâm chính là đang tu theo pháp tối thượng thừa của đạo Phật.

Lấy gì để niệm Phật, nếu không có cái biết đó? Lấy gì để ngồi thiền, nếu không có Tánh biết đó? Lấy gì để tụng kinh, nếu không có cái biết đó? Lấy gì để làm việc, nếu không có Tánh biết đó? Không có Tánh biết đó làm sao nói năng, đi, đứng...?

*Niệm Phật niệm tâm, tâm niệm Phật,
Tham thiền tham tánh, tánh tham thiền.*

Hoặc:

*Trăm ngàn pháp môn đồng về gang tấc,
Muôn ngàn diệu dụng đều tại nguồn tâm.*

Trăm ngàn pháp môn của Phật cũng đều ở trong chữ tâm; Chữ “**Tâm**” vuông vức trong một tấc vuông, người ta hay nói là “*một tấc lòng*”. Tất cả pháp môn tu hành đều xoay trở về nguồn tâm. Tất cả các môn *Giới, Định, Huệ* cũng đều từ bản tâm lưu xuất. Không cần cầu

gì bên ngoài, chỉ quay lại cầu Tánh biết ở nơi tâm thì có thể quyết định được hết tất cả. Chỉ làm sao cho Tánh biết sáng suốt đó không bị dính vào bất cứ thứ gì thì liền được giải thoát. Đó là tông chỉ cao thượng nhất của Phật thừa, gọi là “vô trụ” hay “vô trước”.

Đừng để Tánh biết dính mắc với bất cứ vật gì, ngoại trừ chánh pháp. Tuy cũng là dính mắc, nhưng vẫn tốt quý hơn những thứ khác. Tuy chúng ta nhất thời chưa thể đạt tới chỗ hoàn toàn không dính mắc, nhưng cũng có thể tự mình tháo gỡ ra khỏi những vòng dây trói buộc của vô minh phiền não, bước ra khỏi vũng bùn lầy ô nhiễm. Tất cả đều là nhờ sức mạnh của chánh pháp trợ giúp mà thành tựu. Hơn nữa, tuy sống với chánh pháp nhưng thật ra không dính mắc là vì chánh pháp không làm cho mọi người đau khổ. Ngược lại, những thứ khác luôn mang tới khổ đau sâu muộn. Chánh pháp giúp chúng ta tới chỗ không còn dính mắc và là trung gian dẫn tới chỗ cứu cánh rốt ráo. *Trong mọi lúc, mọi nơi và trong tất cả mọi việc làm luôn tỉnh thức chánh niệm quán chiếu trạng thái biến đổi, bức bách, trống rỗng, không có cốt lõi, đừng để Tánh biết dính vào bất cứ người hay vật. Đó là sự tu hành đại tinh tấn, đại trí huệ. Như vậy, chỉ có Tánh biết sáng suốt ở nơi tự tâm mới là tối thượng, không gì hơn!*

GIỌT SƯƠNG THUYẾT PHÁP

Khi còn nhỏ, chúng ta đến trường học với thầy cô, trong sách vở và ở những người đi trước có kinh nghiệm. Đến khi lớn lên, vào chùa chúng ta được học nơi kinh điển Phật pháp, nhưng nếu khéo học thì không chỉ học nơi kinh điển sách vở, thầy bạn mà còn có thể học từ nơi trời đất vạn vật. *Toàn thể vũ trụ là trường học vĩ đại, nếu như chúng ta khéo biết cách tiếp thu.*

Trong một thời gian dài, Minh Thành không đọc sách, hay nghiên cứu. Mỗi khi cần tư liệu để giảng pháp thì mới tìm sách để trích lục; lúc đó tình cờ phát hiện ra một cách học mới. Nếu nhìn kỹ quán xét với tâm cung kính, tôn trọng các đối tượng để nghe thấy và cảm nhận ở xung quanh thì đều có thể học được nhiều điều mới lạ.

Nhìn những giọt sương lấp lánh chúng ta học được điều gì? Chỉ với một giọt sương, nhưng nếu nhìn kỹ sẽ thấy sự chứa đựng vô biên pháp nghĩa. Giọt sương lấp lánh, phản chiếu được nhiều màu sắc khi có ánh sáng chiếu rọi, cũng giống như nội tâm nếu trong thì sẽ sáng,

tất cả những gì đẹp nhất, hay nhất đều soi thấy cảm nhận sâu xa. Tổ sư của tông Hoa Nghiêm, ngài Pháp Tạng¹⁸ có viết một bản luận *Hoa nghiêm nghĩa hải bách môn*. Trong đó, Ngài đã lấy một hạt bụi phân tích ra một trăm môn trong biển cả giáo nghĩa của Phật pháp.

Nhìn ở một khía cạnh khác, giọt sương có công năng nuôi lớn cây cỏ, thấm nhuần vạn vật. Tất cả cây cỏ sở dĩ được mơn mớn, xanh tươi trải dài vô tận khắp núi đồi giống như một tấm thảm nhung biên biếc đều nhờ những giọt sương trong mát ngọt ngào thấm đượm. Cũng vậy, tâm thanh tịnh trong sáng có công năng nuôi lớn vạn

18 - Pháp Tạng (643-712). Cao tăng Trung quốc, sống vào đời Đường, là Tổ thứ 3 của tông Hoa nghiêm, tự là Hiền thủ, hiệu Quốc nhất Pháp sư, cũng gọi là “Hương tượng đại sư”, “Khang tạng quốc sư”. Ngài họ Khang, tổ tiên gốc người Khang cư. Thuở nhỏ, Sư thờ ngài Trí nghiêm làm thầy, nghe giảng kinh Hoa nghiêm, thâm nhập được huyền chỉ của kinh. Sau khi ngài Trí nghiêm thị tịch, Sư mới y vào ngài Bạc trần xuống tóc xuất gia lúc 28 tuổi. Sư thông thạo ngôn ngữ các nước Tây vực và kinh sách tiếng Phạm, nên Sư vâng sắc chỉ tham dự trường dịch kinh của ngài Nghĩa tịnh. Sư lần lượt phiên dịch hơn 10 bộ kinh như *Hoa nghiêm* (bản dịch mới), *Đại thừa nhập lăng già*... Sư từng giảng nghĩa sâu xa của *Hoa nghiêm thập huyền huyền khởi* cho Hoàng hậu Vũ tắc thiên nghe. Sư cả đời tuyên giảng kinh Hoa Nghiêm hơn 30 lượt, dốc sức vào việc tổ chức hoàn bị giáo học Hoa Nghiêm. Ngoài ra, sư còn chú thích các kinh luận như: *Lăng già*, *Mật nghiêm*, *Phạm võng*, *luận Đại thừa khởi tín*... đồng thời Sư phỏng theo pháp thức của tông Thiên Thai, đem phân loại các hệ thống tư tưởng Phật giáo làm Ngũ giáo và Thập tông. Sư cho rằng tư tưởng Hoa Nghiêm là cao nhất, triết học Hoa Nghiêm là thực hiện thể giới lí tưởng ngay trong giới hiện thực. Tháng 11, niên hiệu Tiên thiên năm đầu (712), Sư thị tịch ở chùa Đại tiền phúc, hưởng thọ 70 tuổi. Sư để lại các tác phẩm: *Hoa nghiêm kinh thâm huyền kí 20 quyển*, *Hoa nghiêm liệu giản*, *Hoa nghiêm ngũ giáo chương*, *Đại thừa mật giáo kinh sơ (4 quyển)*, *Phạm võng kinh sơ*, *Đại thừa khởi tín luận sơ*, *Hoa nghiêm cương mục*, *Hoa nghiêm huyền nghĩa chương*.

vật cùng tất cả những người có duyên với mình cho đến pháp giới chúng sanh với vô lượng vô biên công đức.

Giọt sương này trong đạo Phật gọi là “Cam lồ bất tử”. Khi đức Thế Tôn thành đạo dưới cội Bồ-đề, các vị Bồ-tát, La-hán, chư Thiên ở khắp mười phương đồng đến ca ngợi sự chứng đắc của Ngài là “*Cam lồ diệt bất tử môn*”. Như vậy, pháp môn bất tử của đức Phật là chỗ tiêu diệt hết tất cả đau khổ được ví như giọt sương ngọt mát. Bồ-tát Quán Âm cầm nhánh dương liễu rưới nước cam lồ cho chúng sanh cũng chính là những giọt sương ngọt ngào trong mát này. Khi xưa Minh Thành sống ở nơi thành phố đông đúc nên khó cảm nhận được chỗ vi diệu này, nhưng sau khi lên núi rừng ở, mới thấm thía sâu sắc vì sao chư vị Bồ-tát, La-hán, chư Thiên đem giáo pháp cao siêu vi diệu của đức Phật ví như giọt sương mát dịu!

Giọt sương khi rơi xuống không giống như hạt mưa; nếu đi ra ngoài giữa lúc trời mưa thì cảm thấy rất lạnh lẽo, mưa lớn sẽ gây cảm giác đau rát da thịt, nhưng đi giữa sương thì có cảm giác dễ chịu, mát mẻ và cảnh vật xung quanh mờ ảo rất thú vị diệu kỳ. Buổi sáng hôm nào sương nhiều thì có biển mây ảo diệu cho chúng ta ngắm thưởng thức. Ở đây chỉ nói một khía cạnh nhỏ sự công hiến lợi ích của giọt sương đối với mọi vật từ cây cỏ, hoa lá cho đến con người và vạn vật.

Cấp độ thứ hai là lưới sương. Buổi sáng sớm, bình minh vừa ló dạng ở chân trời chiếu những tia nắng đầu tiên trên cành lá, những mạng nhện còn đọng lại bao nhiêu giọt sương lấp lánh trong suốt tạo thành một màn

lưới lung linh huyền ảo nhiều màu sắc rất đẹp giống như những viên ngọc lưu ly được treo nơi cung điện của vua trời Đế Thích mà đức Phật đã từng ví dụ trong kinh *Phạm võng*. Vì có nhiều giọt sương trong sáng lấp lánh hội tụ trên một mảnh lưới nên khi nhìn sẽ càng đẹp hơn là chỉ có một giọt sương.

Cũng vậy, trong Tăng đoàn mỗi người là một giọt sương trong mát, khi người ngoài đến thì sẽ thấy đại chúng giống như “mảnh lưới ngọc trong cung điện Thiên Vương”. Từ sự trong sạch của bản thân sẽ trở thành nét đẹp rất diệu huyền lợi lạc cho chúng sanh. Mỗi người trong chúng ta hãy làm một giọt sương trong treo ngọc ngàو thấm nhuần mát mẻ nuôi lớn vạn vật!

Qua việc nhìn giọt sương, chúng ta đã học rất nhiều đạo lý trong đó, hòng nữa là việc lắng nghe tiếng chim hót, cảm nhận cơn gió thoảng, ngắm áng mây bay trên nền trời xanh thăm thẳm v.v... Tất cả sự vật, hiện tượng xung quanh, nếu chúng ta chịu để tâm tĩnh lặng quán sát, ngắm nhìn thì sẽ thấy được vô lượng vô biên pháp nghĩa diệu kỳ để học tập và cảm nhận. Trên đây chỉ mới là nói về những sự vật vô tình, vô tri, vô giác hòng nữa là quán xét và học hỏi những điều kỳ thú và tốt đẹp ở nơi con người có tình thức có tuệ giác.

MUÔN LOẠI LÀ THẦY

Chúng ta thường có thói quen cho rằng học là học với chư Phật, chư Tổ hoặc Sư phụ, còn những người xung quanh thì chẳng có gì để học. Thậm chí, có khi chúng ta còn xem họ dở hơn mình nữa. Vì có những suy nghĩ chưa thấu đáo trọn vẹn, nên chúng ta đã bỏ qua rất nhiều cơ hội để học hỏi.

Đồng tử Thiện Tài trong kinh *Hoa nghiêm* sau khi tu học với Ngài Văn Thù thấu rõ được bản tâm rồi mà vẫn đi tham học với 53 vị Bồ-tát thiện tri thức khác. Ở đây nói là Bồ-tát, nhưng thật ra là những em bé chơi nhà chòi, những người kinh doanh thương mại, thậm chí với cô gái giang hồ mua sắc bán hương... Một khi biết người có đạo hạnh thì Thiện Tài vẫn đến đó học hỏi, học với quan, học với vua, với các vị xuất gia, đạo sư v.v... Dù người đó là xấu dở, nhưng ngay chỗ xấu dở đó chúng ta vẫn học để rút kinh nghiệm cho bản thân không vấp phải những sai lầm ấy. Phải biết quan sát, ngắm nhìn thì sẽ học được tất cả những điều mà sách vở không hề có.

Sự chứng ngộ thấu hiểu của đức Phật nhiều như lá trong rừng, còn những điều mà Ngài giảng dạy giống như một ít lá trong lòng bàn tay. Sự thấy biết của Thế Tôn thấu tột khắp vũ trụ vạn vật. Từ giọt sương chiếc lá, cọng cỏ cho đến hạt bụi đều là pháp nghĩa mà Ngài không thể nói hết. Phật chỉ nói những điểm tinh yếu giúp cho sự tu hành giác ngộ, còn các điều khác thì chúng ta phải căn cứ những điểm Phật đã chỉ dạy mà suy xét ra.

Vì sao nghe pháp nhiều nhưng không phát sanh tuệ giác? Tất cả đều có nguyên do “Trí” là đứng về mặt hiểu biết; “Tuệ” chính là chỗ thấy sâu sắc của bản thân; do công năng tu tập làm phát sanh tuệ, còn trí là sự học hiểu thông thường. Tuệ sâu hơn trí, tuệ có được là do thấy rõ được sự sanh diệt của các pháp.

Trong quyển *Khóa hư lục*, ngài Trần Thái Tông có viết: “*Nguyện mở lòng nghe Phật dạy*”. Thế Tôn đã nhập diệt lâu rồi, tất cả những vị thay thế cho Phật, Tổ đang hoằng dương chánh pháp, chúng ta cần phải mở lòng để lắng nghe, tiếp nhận. Tâm cầu học và thái độ học rất quan trọng. Cầu học với lòng tha thiết, chân thành giống như mở cửa đón nắng mai vào buổi sáng bình minh vừa ló dạng thì ánh sáng mặt trời chiếu vào khe cửa. Việc mở lòng để nghe lời Phật dạy cũng giống như thế!

Lý do khiến chúng ta tu học lâu ngày mà vẫn không tiến bộ là do trong tâm còn có vật ngăn chướng. Cánh cửa đã bị đóng kín, dù ánh sáng mặt trời vẫn rọi cùng khắp mà ánh sáng không soi vào được. Có người thì không mở, có người thì hé mở, có người thì mở được nửa cánh cửa, có

người mở hai cánh cửa nhưng chưa thật hoàn toàn. “*Nhật nguyệt tuy minh, nan chiếu phúc bồn chi hạ*”, mặt trời, mặt trăng tuy sáng, nhưng không thể soi vào cái chậu bị lật úp. Khi học phải đem hết tâm cung kính, đem lòng trống rỗng để tiếp nhận, như thế sẽ tiếp nhận được vô lượng vô biên pháp mầu. Nếu như làm việc gì mà đặt trọn tâm ý vào, chắc chắn sẽ đưa đến thành công ngoài sức tưởng tượng, Trong kinh *Di giáo*, đức Thế Tôn dạy: “*Giữ tâm một chỗ, không việc gì chẳng xong*”.

Đừng nghĩ rằng khi thành Bồ-tát hay Phật rồi thì không còn học nữa. Trên thực tế, đức Phật học với chú bé chăn trâu cách thức chăn như thế nào rồi 10 năm sau Ngài đã giảng lại bài pháp *Chăn trâu* ấy để các thầy Tỷ-kheo tu tập “chăn giữ” tâm như chú mục đồng chăn trâu.

Trong bài kinh *Chi-thi số 923, Tạp A-hàm* có thuật lại cuộc đối thoại giữa đức Phật và người huấn luyện ngựa, đã nói lên phương pháp giáo huấn đệ tử của đấng Đạo sư:

Một hôm tại vườn Trúc, thành Vương-xá có một người chủ tុ lạc chuyên nghề huấn luyện ngựa đến hầu thăm đức Phật và thưa với Ngài rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Con có khả năng điều phục được ngựa dữ, ngựa điên, ngựa hoang. Con có phương pháp chỉ cần trong giây lát là có thể khiến cho những chứng tật của chúng hiện ra và tùy theo tật đó mà có cách điều phục.

Đức Phật hỏi người huấn luyện ngựa:

Ông có bao nhiêu cách để điều phục? Người huấn luyện ngựa thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Có ba cách để điều phục ngựa dữ. Những gì là ba? Một là mềm dịu, hai là thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.

Đức Phật bảo người huấn luyện ngựa:

Ông dùng ba phương cách này để điều phục ngựa, nếu không điều phục được thì phải làm thế nào?

Người huấn luyện ngựa thưa rằng:

Nếu không điều phục được thì nên giết nó. Vì sao? Vì chó để nó làm nhục mình; tức khi nó sanh chứng sẽ làm hại chết mình.

Người huấn luyện ngựa hỏi rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Bạc Vô thượng Điều ngự trượng phu, Ngài đã dùng bao nhiêu pháp để điều ngự trượng phu?

Đức Phật trả lời:

Ta cũng dùng ba cách để điều ngự trượng phu. Những gì là ba? Một là một mực mềm dịu, hai là một mực thô cứng, ba là vừa mềm dịu vừa thô cứng.

Đức Phật giảng dạy rõ:

Thứ nhất, “một mực mềm dịu”. Đây là thiện hành của thân; đây là quả báo của thân thiện hành. Đây là thiện hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý thiện hành. Đây gọi là trời; đây gọi là người; đây gọi là sự hóa sanh nơi cõi thiện; đây gọi là Niết-bàn. Đó gọi là một mực mềm dịu.

Thứ hai, “một mực thô cứng”, như nói: Đây là ác hành của thân; đây là quả báo của thân ác hành. Đây là ác hành của miệng, ý; đây là quả báo của miệng, ý các hành. Đây gọi là địa ngục. Đây gọi là ngựa quý. Đây gọi

là súc sanh. Đây gọi là ác thú. Đây gọi là đọa ác thú”. Đó là sự giáo hóa thô cứng của Như Lai.

Thứ ba, “vừa mềm dịu vừa thô cứng” là có lúc nói thiện hành của thân và quả báo của thiện hành của thân.

Có lúc nói thiện hành của miệng, ý và quả báo thiện hành của miệng, ý. Có lúc nói ác hành của thân và quả báo ác hành của thân. Có lúc nói ác hành của miệng, ý và quả báo ác hành của miệng, ý. Như vậy gọi là trời, như vậy gọi là người, như vậy gọi là đường lành, như vậy gọi là Niết-bàn; như vậy gọi là địa ngục, như vậy gọi là súc sanh, ngã quý, như vậy gọi là đường ác, như vậy gọi là đọa đường ác. Đó gọi là sự giáo hóa vừa mềm dịu vừa thô cứng của Như Lai.

Người huấn luyện ngựa hỏi rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu dùng ba phương pháp này để điều phục chúng sanh, nhưng nếu không điều phục được thì phải như thế nào?

Đức Phật huấn luyện ngựa rằng:

Cũng giống như ông đã cư xử với hạng ngựa bất trị, phải đành đoạn diệt, tức là giết chết nó đi. Vì sao? Vì không nên để họ làm nhục giáo pháp.

Người huấn luyện ngựa bạch Phật:

Đối với pháp của Thế Tôn, nếu sát sanh thì không thanh tịnh. Trong pháp của Thế Tôn cũng không cho sát sanh, mà nay lại bảo đoạn diệt? Vậy thì ý nghĩa của nó thế nào?

Đức Phật bảo huấn luyện ngựa rằng:

Đúng vậy, đúng vậy! Trong pháp của Như Lai sát sanh là không thanh tịnh; trong pháp của Như Lai cũng

không cho sát sanh. Nhưng trong pháp của Như Lai nếu dùng ba phương pháp để giáo dục, vẫn không điều phục được, Ta sẽ không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa. Chủ tỳ lạc, ý ông thế nào? Trong pháp Như Lai, không nói đến họ, không dạy, không nhắc nữa, há không phải là đoạn diệt (giết rồi) hay sao?

Đến đây, người luyện ngựa lại thưa:

Thật vậy, bạch đức Thế Tôn! Không nói đến họ, vĩnh viễn không dạy, không nhắc nữa thì đích thị họ đã chết rồi! Vì vậy cho nên, từ ngày hôm nay con nguyện lìa các nghiệp ác bất thiện, xin Thế Tôn chứng minh cho con.

Trong giới luật có từ “*mặc tẫn*” nghĩa là đuổi một cách yên lặng không nói đến nữa như thế gọi là “*giết*”. Đức Thế Tôn khéo dùng phương tiện, cách thức huấn luyện ngựa của chính người chăn ngựa để dạy lại cho ông ta.

Hơn nữa, có người nói: “Việc tu hành thời bây giờ không cần học gì nữa, cứ để tâm yên tịnh thì tự nhiên nó bùng sáng lên sẽ hiểu biết hết tất cả”. Nếu nói như thế thì không có nhân, không có quả. Thật ra, đó chỉ là một phương diện về định giúp cho tâm yên tĩnh, bớt loạn động. Muốn có được kết quả trí tuệ, thì phải có nhân là quán chiếu, không thể làm sai với quy luật nhân quả. Quán nhân duyên là nhân, sanh ra trí tuệ thấu suốt các pháp là quả. Tâm yên lắng là giúp nhìn sâu hơn để thấy rõ sự thật, hoàn toàn không phải cứ ngồi yên rồi tự dung tâm bùng sáng biết hết tất cả.

Chương VIII

SINH HOẠT SIÊU VIỆT



SIÊU TU

Mọi sự vật hiện tượng do duyên khởi, có nhân duyên thì mới sanh khởi, các pháp không tự sanh. Trong kinh thường nói: “*Pháp chẳng tự sinh, nương cảnh mà có*”, mọi sự việc trên thế gian này đều không phải tự nhiên mà có, chắc chắn phải có nguyên nhân điều kiện, nhiều yếu tố kết hợp tác động mới có thể hình thành.

Những con người, sự vật có tính vượt trội sáng chói hơn mức bình thường đều được xem là siêu xuất. Trong ngôi chợ bán nhiều loại hàng hóa và cao cấp được gọi là “siêu thị”; những loại xe có tốc độ nhanh gần bằng tốc độ máy bay gọi “xe siêu tốc”; còn máy bay với tốc độ vượt âm thanh được gọi là “máy bay siêu thanh”. Những vận động viên thể thao hay ngôi sao điện ảnh thường được gọi là “siêu sao”. Trong đạo cũng có một loại thực tập siêu việt hơn thông thường, đó là “siêu tu”. Điều đặc biệt của sự “siêu tu” này là biết được mấu chốt, nắm được cương lĩnh, phương pháp để hành trì. Tu đúng như vậy sẽ giúp chúng ta đi trên con đường đạo rất nhẹ nhàng

thành thoi và đồng thời cũng sẽ tiến bộ rất mau chóng. Sự chuyển biến hiệu quả của “siêu tu” không thể ngờ. Như vậy, tu tập là việc bình thường, nhưng nắm được yếu lĩnh, cốt lõi hành trì để thực hành đạt kết quả nhanh chóng được gọi là “siêu tu”.

* Siêu vượt từ sự cẩn trọng

Nếu ứng dụng được “siêu tu” này, chúng ta sẽ có được “siêu tính”, không tính mà tính toán siêu việt; không làm mà “siêu làm” cho đến tất cả những sinh hoạt hằng ngày ăn uống, ngủ nghỉ đều siêu việt. Trước khi được “siêu tu” này đòi hỏi chúng ta trước tiên phải có sự quán xét cẩn thận. Minh Thành có tánh là làm việc thì chọn điểm trọng yếu nhất để làm; nói thì lựa chỗ trọng yếu nhất để nói; nghĩ điều gì cũng lựa chỗ trọng yếu nhất để nghĩ và suy tính vấn đề gì cũng lựa cái trọng yếu nhất để tính, còn những việc thông thường thì ít bận tâm.

Khi còn nhỏ, nhìn thấy thỉnh thoảng ông bà, cha mẹ hờn giận khổ đau, trong gia đình anh em có khi bất hòa cho đến hàng xóm láng giềng xung quanh cũng không tránh khỏi sầu muộn tranh đấu. Lúc đó Minh Thành tự nghĩ nếu không sớm lo tìm một con đường an ổn khác, tương lai cũng sẽ bước vào vòng lẩn quẩn khổ đau này.

Sau năm lần bảy lượt xin phép mới được gia đình miễn cưỡng cho xuất gia; đến khi xuất gia vẫn còn lạ lẫm ngỡ ngàng, chưa hiểu gì về cách sống trong chùa, cũng không biết đọc kinh sách nhiều hay biết chọn lựa thầy để học, không có đĩa pháp để nghe giống như bây giờ. Lúc đó, sách vở không phong phú như hiện nay, trong nhà

chỉ là mấy cuốn sách nhỏ của ông Thanh Sĩ và Sư Giải bán khoai. Lúc nhỏ đọc tới lui, cho đến khi lớn lên có thể cảm ngộ được đạo lý ở trong đó, đặc biệt là bài nói về *Vô thường* trong quyển *Phật học phổ thông* của cố Hòa thượng Thích Thiện Hoa. Khi xuất gia thì đi vào ngôi chùa hẻo lánh nằm sâu trong vùng miệt vườn ở Nha Môn không có điện và ăn uống kham khổ thiếu thốn; hằng ngày chỉ ăn cơm với củ cải muối, lâu lâu mới có tàu hủ.

Khi được Sư phụ gửi đi lên Sài Gòn để tu học và tham dự mùa An cư kiết hạ đầu tiên, mới mở ra cho mình một chân trời rộng lớn. Ngày đầu tiên nghe Hòa thượng thượng Từ hạ Thông, Hiệu trưởng trường Trung cấp Phật học giảng dạy mới hiểu ra rằng tu không phải chỉ đơn giản gói gọn trong hai thời khóa tụng niệm hằng ngày và làm các việc công quả lật vật trong chùa như quét lá, nấu cơm là đủ, mà còn phải học hỏi giáo pháp để đem ra giảng dạy cho mọi người. Khi đã mãn khóa Hạ trở về, bèn xin Sư phụ lên thành phố để có đủ điều kiện tu học. Do nhìn thấy việc quan trọng là học Phật pháp, kịp thời nắm bắt cơ hội đang học đó và giành nhiều thời gian công sức để nghiên cứu tìm tòi ý chỉ tu hành trong rất nhiều kinh sách.

Tiếp đến, khám phá chọn lựa cho mình một vị thầy có đạo hạnh lớn trong tất cả các vị thầy để cầu học giáo pháp; trong vô số các pháp môn của Phật cũng lựa chọn đạo lý chánh truyền trọng yếu nhất để học tập và ứng dụng. Khi tham dự vào các trường Phật học thì cũng lựa ngôi trường trung tâm trong tất cả các trường Phật học, lúc đó là chùa Vĩnh Nghiêm để theo học.

Vào năm 1994, khi quyết định dồn hết sức tu tập cũng chọn lựa đạo tràng trang nghiêm nhất, tu hành bậc nhất là thiền viện Trúc Lâm để nương nhờ tu tập. Học thêm những ngoại khóa để hỗ trợ cho việc tu học và phiên dịch kinh điển thì chọn trong tất cả ngoại ngữ, chữ Hán cổ, Hán ngữ là trọng yếu nhất để học theo tinh thần Bắc truyền. Có những lúc trong cuộc sống tu hành gặp khó khăn, hay những lúc buồn phiền, tâm chí có phần xao lãng chán nản về sự tu học, liền đi đến các thiền viện nung nấu lại lòng nhiệt thành cầu giác ngộ, lúc nào ý chí tu học mạnh mẽ thì đi tìm những ngôi thất nằm trên vùng đồi núi yên tĩnh, xem đọc Đại tạng kinh của Phật, Tổ để thực hiện cho bằng được đời sống xuất trần. Sau này có dịp đi ra nước ngoài học hỏi nghiên cứu thêm về Phật pháp cũng chọn lựa những nước có nền Phật giáo Đại thừa phát triển mạnh nhất để đi tham học như Đài Loan.

Thậm chí tới khi tìm hiểu và suy gẫm về nghĩa lý sâu màu ở trong ba Tạng kinh điển thì tìm thấy được đạo lý Duyên khởi tánh không là chỗ cội gốc của tất cả pháp tu hành, liền lấy đó làm pháp thực hành. Cuối cùng, việc ứng dụng tu tập quán xét thì chọn việc quán xét sự mượn trả hơi thở liên tục trong từng giây, từng phút và nhận thức rõ mạng sống này chỉ tồn tại mong manh trong một hơi thở làm căn bản trọng yếu. Nói sơ lược về cuộc đời và quá trình tu học ở bản thân một chút để huynh đệ thấy được rằng người tu không phải là không biết tính, mà ngược lại suy tính rất nhiều và rất kỹ, nhưng mục đích chính vẫn không ra ngoài chỗ không còn tính nữa, nên gọi là “siêu tính”.

“Thở vô A Di; thở ra Đà Phật”, thấy rõ mạng sống tạm bợ trong từng hơi thở mong manh chính là thấy được sự thật nhân duyên hòa hợp mà có và cũng là cội gốc của mọi sự tu hành. Trong kinh gọi đạo lý Duyên khởi tánh không là “Đệ nhất nghĩa đế”, là nghĩa bậc nhất của Phật giáo. Người tu tập đúng theo tinh thần của đạo lý Vô ngã này, được gọi là “siêu tu”.

*** Tu hành siêu vượt**

Tại sao lại gọi là “siêu tu”? Vì sự thực hành này giúp người tu đi thẳng vào cội gốc của Phật; nhìn thấy rõ bản chất thực sự của vạn vật đều rỗng không, chẳng thật, chỉ do kết hợp vay mượn tạm bợ mà thành. Lẽ thật này siêu việt qua tất cả mọi ngôn ngữ, hình thức, tướng mạo, đẳng cấp, danh dự, chức vị, quyền lực; vượt qua mọi ngành nghề, kỹ xảo, trí thông minh của thế gian và không còn nằm trong tông phái hay đường lối của bất kỳ lễ giáo tín ngưỡng, lý thuyết, học thuyết, định lý, quy định, ước lệ hay phụ thuộc vào bất cứ quốc gia, dân tộc, chủ nghĩa nào trên thế giới.

Bất cứ ai sống được với đạo lý Duyên khởi tánh không trong từng hơi thở, thấy rõ vay mượn, sinh diệt của thân tâm này thì người đó thấy được pháp, thấy được Như Lai và có khả năng chấm dứt hết tất cả khổ đau. Lẽ thật ấy siêu việt lên trên mọi cử chỉ nói nín, động tịnh hay suy luận nghĩ bàn; nó có mặt ở khắp mọi nơi, trùm cả trời đất, bất cứ lúc nào, nơi đâu và làm gì chúng ta cũng đều có thể nhận ra mà không cần phải làm bất cứ cái gì để có được nó. Sự thật vĩ đại đó cũng siêu việt cả thời

gian lẫn không gian; quá khứ cũng vậy, hiện tại cũng vậy, tương lai cũng như vậy, hễ ai nhìn thấy được nó là người đó bớt khổ, giảm khổ cho đến hết khổ.

Như vậy, chúng ta tu hành thấy rõ thân này chỉ tồn tại trong từng hơi thở, mạng sống vay mượn mong manh tạm bợ không thật, thấu suốt bản chất vô ngã và vượt qua được tất cả những hình thức hay sắc tướng, âm thanh thì gọi là “siêu tu”. Nhìn bên ngoài thấy như không có tu mà còn hơn cả sự tu trên hình thức thông thường vì tính siêu việt của tuệ giác vô ngã, trực nhận rõ ràng không có gì là “tôi” và không có gì là “của tôi” thật sự.

Tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, trì chú... tuy có được nhiều lợi ích, nhưng tất cả những việc đó đều là phương tiện nhằm giúp chúng ta dần đi vào chỗ sâu thẳm của đạo lý này. Nếu không thấy được cốt lõi tu hành này thì dù trải qua nhiều năm khó nhọc hành trì, nhưng cuối cùng cũng chỉ lòng vòng ở ngoài phương tiện hoặc ở trên hình thức, mà chưa vào được “trái tim của đức Phật”, là vật quý báu mà Ngài muốn truyền trao.

Trong kinh *A-hàm*, đức Phật nói:

“Thậm thâm cực thậm thâm

Nan thông đạt cực nan thông đạt”.

Đạo lý Duyên khởi tánh không sâu thẳm cực kỳ khó thông suốt, nhưng chúng ta đã khéo dùng một phương pháp rất đơn giản để thấy được sự thật ở trong từng hơi thở. Hiện tại, tâm chúng ta còn nắm giữ bám chấp rất nhiều thứ trong đó, lo lắng bảo vệ cho tấm thân, tiền của, danh dự, tài sản, nhà cửa, ruộng vườn, xe cộ, chùa tháp,

tín đồ, kiến thức học vấn, sở đắc, pháp môn tu, tông phái v.v... Tuy nhiên, khi nghe đạo lý Duyên khởi nói rõ rằng những thứ đó đều rỗng không chẳng có thật thì làm sao chúng ta chịu chấp nhận. Nếu nhìn thấy tất cả sự vật, hiện tượng rỗng không, chỉ do nhiều điều kiện, yếu tố kết hợp tạo thành đó là pháp tu “đốn giáo trực chỉ” của đạo Phật.

Chúng ta nói rất nhiều, nhưng toàn là chuyện thị phi đông tây, có khi là những chuyện vô nghĩa làm rối loạn tâm, hao thần, tổn khí, mất thời giờ quý báu; không chỉ vậy, đôi lúc nó còn đem lại buồn phiền. Như vậy, nói rất nhiều mà giống như không nói gì hết vì không đúng đạo lý. Ngược lại, khi chúng ta tu tập theo từng hơi thở sẽ thấy rõ sự vay mượn của thân này theo lý duyên khởi của vạn vật. Một khi nắm được yếu chỉ, lúc đó ta sẽ rất ít nói và chỉ nói đúng lúc hợp thời. Ngỡ như không nói, nhưng nói rất nhiều, gọi là “siêu nói”. Bởi vì sự yên lặng ở bên trong đó tương ứng với chân lý, một khi nói thì mỗi lời đều từ ở trong bản thể sự thật của vạn pháp mà lưu xuất. Sau 49 năm thuyết pháp, vào ngày cuối đời, đức Thế Tôn nói rằng: *“Ta chưa từng nói một lời nào”*, bởi vì tất cả đều là sự thật của vũ trụ vạn vật này. Ngài chỉ là người trình bày lẽ thật tự nhiên vốn vậy mà không có thêm cũng không có bớt, không rút ngắn lại mà cũng không có kéo dài ra.

*** Siêu vượt trong mọi sinh hoạt thường ngày**

Người biết tu tập trong từng hơi thở nhận biết, tỉnh sáng chánh niệm, thì sự nói năng sẽ trở thành “siêu nói”,

không nói nhưng mà nói rất nhiều, không tính mà siêu tính. Khi chưa biết tu, chúng ta suy nghĩ tính toán đủ thứ việc, nhưng khi đã biết tu rồi thì thấy đâu còn có gì đáng để mà suy tư tính toán. Việc gì quan trọng cần sắp đặt thì sắp đặt, mọi việc tùy duyên. Nhiều khi đi khắp nơi để chia sẻ Phật pháp, có khi phải giảng tới hơn một trăm thời pháp, lúc đó phải làm sao để có bài giảng? Chỉ tới chỗ đạo tràng nào cần gì thì ứng theo duyên đó mà giảng nói. Giống như không nói, không tính mà tới nơi nhìn thấy người nghe cần gì thì nói, không tính mà vượt hơn cả tính toán, cho nên gọi là “siêu tính”, chỗ đó mới đặc biệt của Phật pháp. Ngược lại, suy tính nhiều quá cuối cùng không có được gì, bởi vì tính toán sắp xếp mọi việc phải như vậy... như vậy... nhưng lỡ nó không xảy ra đúng như vậy thì buồn bực, phiền não.

Thấy rõ mọi sự đều do nhân duyên kết hợp, đừng cố chấp, không nắm chặt và cũng không muốn phải đúng theo ý của mình. Như vậy, lúc gặp việc trí sáng sẽ tỏ tường và biết phải làm gì, giải quyết thế nào, gọi là không làm mà “siêu làm”. Chúng ta vận dụng lý Duyên khởi để tu thì sẽ không làm mà làm rất nhiều, tức là biết được việc gì quan trọng để làm; có khi làm rất ít, nhưng kết quả đó có thể gấp trăm gấp ngàn lần những người làm việc với tâm lăng xăng. Thật ra, so với người đời, người tu làm không bằng một phần nhỏ lẻ của họ. Ví dụ như một ngày ở Mỹ họ làm việc hơn 10 giờ và một đêm có người chỉ ngủ từ 3 đến 4 giờ đồng hồ. Nếu đem so sánh thời gian làm việc của người ngoài đời thì người tu

chẳng làm được bao nhiêu, cho nên không thể chấp vào những việc làm nhỏ nhặt hằng ngày rồi tính công. Làm việc là để vận dụng tu tập; để thấy được lý pháp, những việc làm đó mới “siêu làm”.

Mới thoát nhìn, người bên ngoài sẽ nghĩ làm rằng những người ngồi tu lặng lẽ ở trên bồ đoàn giống như không làm việc, nhưng thật ra họ siêu làm; dù họ không vận dụng đầu óc tính toán để làm giàu mà là siêu tính, bởi vì khéo tính thẳng vào bản chất của vạn pháp. Do đó, người tu thấy như không có học mà là “siêu học”. Chúng ta tu học không vì mục đích có những kiến thức hoặc bằng cấp thật cao, biện luận nhớ lâu thật giỏi, hiểu biết sâu rộng về tin học, toán học, hóa học, xã hội học, kinh tế học... mà chỉ chuyên vào sự học đạo, sự thật của vạn vật vũ trụ. Mà sự thật đó không có ở đâu xa xôi, chỉ việc xoay lại quán xét từng hơi thở và trong từng cái nhìn đối với cây hoa, cỏ lá, trong từng cảm nhận đối với mỗi tâm niệm trong ý thức... Chính những điều đó không do sự học mà thành tựu, cho nên siêu vượt tất cả mọi sự học trên thế gian; một khi thấu rõ được sự thật ấy sẽ thấu rõ hết tất cả vạn vật trong vũ trụ này, gọi là “siêu học”.

Có nhiều người cư sĩ hoặc người đời và thậm chí là người xuất gia vì quá chú trọng vào mỹ thuật, nghệ thuật tạo cảnh quan đẹp mắt như thiết kế hòn non bộ hoặc uốn tía cây kiểng hay tập trung xây dựng chùa có kiến trúc mỹ thuật suốt nhiều năm dài mà vẫn không xong.

Nhưng nếu khéo sử dụng được sự tu trong làm việc, sẽ đạt đến chỗ siêu nghệ thuật, siêu mỹ thuật. Chúng ta

chẳng cần mất thời gian để làm mấy hòn núi giả, mà chỉ cần tận dụng cảnh quan hiện có của thiên nhiên núi rừng mà làm nghệ thuật, mỹ thuật bằng cách chỉnh sửa một vài hòn đá và trồng thêm mấy cây xanh, tự nhiên không cầu nghệ thuật, mỹ thuật mà có được đại mỹ thuật của tự nhiên. Đó chính là “siêu mỹ thuật” và “siêu nghệ thuật” của người tu!

Những người **làm bếp mà có làm** thì chỉ là việc nấu nướng bình thường, thậm chí là nấu bếp sinh ra bực bội; còn **làm bếp mà như không làm** thì gọi là “siêu nấu”. Trong lúc phục vụ đại chúng cực nhọc mà vẫn theo sát từng hơi thở thấy rõ lý Duyên khởi vô ngã, **làm mà không có tâm dính mắc** vào việc nấu nướng, gọi là “siêu nấu” hay “siêu đầu bếp”. Ngồi thiền mà “siêu thiền”, tức là không có kể ngồi được mấy giờ tọa thiền mà ngồi để thấy được lý Duyên khởi; đến khi nào thấy rõ được đạo lý ấy mới gọi là thành công. Ngồi thiền mà còn tính kể ngồi bao nhiêu thời gian hoặc là được cảnh giới nào đó thì đều chưa phải là “siêu thiền”.

Bây giờ, chúng ta không mong cầu được sung sướng, niệm Phật A-Di-Đà với tín, hạnh, nguyện đầy đủ thì không những sanh mà còn “siêu sanh”. Tất cả các sự sanh khác đều nằm trong lục đạo luân hồi do có tính làm phước tạo duyên để kiếp sau sanh ra được giàu có sung sướng. Hoặc mai một sanh lên làm công chúa, quốc vương, thái tử hay cố gắng thực hành mười điều lành để được sanh lên cõi Trời hưởng lạc thú. Những mong muốn đó cũng đều còn ở trong sự có sanh, nên vẫn còn

lần quẩn trong vòng tử sanh. Ngược lại, niệm Phật mà quyết chí đạt đến nhất tâm thì đạt đến chỗ không sanh mà “siêu sanh”.

Tất cả mọi việc làm trong sinh hoạt đều khéo ứng dụng chữ “siêu” này vào trong đó thì sẽ thành công vượt bậc. Ở ngoài đời, người ta đi mua sắm ở siêu thị, đi xe siêu tốc, muốn trở thành siêu sao, siêu nhân... còn người tu chỉ cần được “siêu tu” này liền vượt lên tất cả. Chúng ta chỉ cần tu thật lòng, gọi là ***nhiệt tâm tinh cần, chánh niệm tỉnh giác*** rồi sẽ thấy sự “siêu việt” vượt qua hết tất cả, mà không cần tính công hay mất sức nhiều.

Chính vì không học mà siêu học, ngài Lục Tổ thuở xưa, cũng như Hòa thượng Trúc Lâm hay Hòa thượng Vạn Đức hiện nay dù không học cao, nhưng đệ tử của các Ngài là những vị tiên sĩ, bác sĩ, kỹ sư... đều phải quý trọng và kính lạy dưới chân. Trong khi những người bình thường tính toán cho việc đi chơi, phải cố gắng làm việc cực khổ trong một thời gian dài để dành tiền mua một vé đi Thái Lan hay là đi Đài Loan là cảm thấy quá sức. Còn Hòa thượng Tinh Vân không tính đi du lịch khắp nơi, nhưng chỉ trong vòng hơn hai tháng Ngài đã bay giáp vòng địa cầu, như vậy là không tính việc du lịch mà “siêu du lịch”. Sở dĩ có những điều diệu kỳ như thế là vì các Ngài thấy được lý Duyên khởi tánh không của vạn vật và thực hành tâm đại bi, nên không còn bị trở ngại trước mọi hình tướng.

Tóm lại, có thể nói pháp Duyên khởi này là thầy của ba đời chư Phật từ quá khứ, hiện tại và cho đến

trương lai. Tất cả các vị Chánh giác đều ngồi dưới cội Bồ-đề để quán xét về đạo lý Duyên khởi tánh không mà thành tựu Đạo nghiệp.

Chúng ta cần phải nắm vững điểm mấu chốt đó để tu hành. Nếu thấy được điểm trọng yếu đó rồi thì niệm Phật cũng tới chỗ, ngồi thiền cũng đến nơi, tụng kinh cũng thẳng vào mục đích, trì chú cũng thành tựu. Ngược lại, không khéo vận dụng được chỗ trọng yếu đó, tu hành có lợi ích nhỏ bé và sự tiến bộ rất chậm.

Ở đời người ta dám liều đua xe, thám hiểm, mạo hiểm dám liều mạng chết vì những việc vô ích, dù biết sẽ chết cũng không sợ thì chúng ta cũng nên liều mình quyết tu một trận cho đạt tới mục đích cuối cùng cứu cánh!



SINH HOẠT SIÊU VIỆT

Tất cả mọi ý nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta đều có ẩn dấu một “cái ngã” ở bên trong, mà ít người biết hay lưu tâm.

Ngày hôm nay đã trải qua một ngày như vậy; một tuần trước trải qua một tuần như vậy; một tháng rồi trải qua một tháng như vậy sẽ khiến cho chúng ta nghĩ rằng ngày mai, tuần sau, tháng sau cũng giống như vậy. Sự suy nghĩ đó là cách nghĩ “có ngã” vì luôn cho rằng mọi việc sẽ giống y như vậy, không có thay đổi. “Có ngã” là cho rằng một sự việc, sự vật hay con người lúc nào cũng giống như trước đây, không có biến chuyển hay thay đổi. Nhưng sự thật là mọi việc và mọi vật đều thay đổi và không ai biết sắp tới sẽ như thế nào?

*** An trú ngay giây phút hiện tại**

Hình dáng của hơi nước tỏa lên từ máy tạo sương này không có một kiểu cách nhất định, nó luôn chuyển động và biến hóa theo các duyên như điện mạnh hoặc yếu, gió thổi hướng này hoặc hướng kia hay là không

có gió, sức đẩy của máy còn tốt hay là đã yếu hoặc là đã hư... Làn khói trầm cũng giống như vậy, vừa rồi còn thấy nó bay hướng ra ngoài cửa mà bây giờ nó lại bay ngược trở vào phòng. Năm, mười phút nữa hay là trưa nay việc gì sẽ xảy ra, chúng ta hoàn toàn không biết trước! Các pháp vận hành, lưu chuyển, biến dịch, đổi dời liên tục không ngừng nghỉ, nhưng trong tâm và sự nhìn nhận, ý nghĩ của chúng ta vẫn cho rằng mọi việc phải như vậy, sẽ như vậy đó là một sai lầm lớn. Chúng ta không bao giờ chịu chấp nhận những sự biến chuyển thay đổi theo duyên đó, cho nên mới có khổ đau.

Vừa rồi có gió thổi nên mọi người đều nghe tiếng chuông gió liên tục vang lên, bây giờ không còn nghe tiếng nữa vì không có gió thổi. Vạn pháp luôn vận hành theo quy luật tự nhiên, theo nhân duyên riêng biệt của nó, nếu chúng ta xen ý riêng và muốn mọi việc phải theo ý của mình thì liền có đau khổ, buồn phiền, lo lắng sợ hãi hay ước mơ, ảo tưởng.

Trong sự thực tập về quán xét duyên khởi cần nhận rõ rằng khi làm việc gì chúng ta hãy nghĩ như lần đầu tiên mới làm và sẽ làm việc này một lần, không bao giờ còn lặp lại lần thứ hai nữa thì tự nhiên sẽ thấy điều đặc biệt xảy ra. Đây là nghệ thuật sống kỳ diệu!

Bây giờ, làn khói trầm không còn bay qua những hướng khác nữa, mà tỏa quyện lên theo phương thẳng đứng. Như vậy, chúng ta không còn có thể nhìn thấy được làn khói trầm lúc này lần thứ hai. Lần sau chúng ta đốt lên là viên trầm khác và là làn khói khác với khói

bay theo hướng khác. Khi nhìn vào làn khói trầm này và trong giây phút này những gì chúng ta cảm nhận được hay nhìn nhận được chỉ ở khoảnh khắc này mà không có lần thứ hai. *Do đó, hãy cảm nhận trọn vẹn bằng cả trái tim với tâm nhận biết sâu sắc trong giây phút hiện giờ mọi vật đều rất đẹp và đẹp một cách lạ kỳ!*

Khi cất bước chân đi, chúng ta hãy nghĩ rằng bước chân này là bước chân đầu tiên cũng là bước chân sau cùng và không bao giờ còn có một bước thứ hai nào khác. Đặt trọn vẹn tâm thức vào trong mỗi bước chân thì bước chân đó sẽ rất đặc biệt thiêng liêng, do không có bước chân thứ hai giống như thế này nữa. Hoặc khi múc muống com để ăn, nhai com và nuốt đều *đặt trọn vẹn tâm vào mỗi cử động, hành vi mà cảm nhận thì tất cả động tác sẽ trở nên màu nhiệm.*

Thiền Vipassana – hay Minh sát tuệ, tức là quán xét sâu sắc, sáng suốt bằng tâm tĩnh lặng trong giây phút hiện tại. Người ta dạy khi cầm muống com thì nhớ biết là đang múc; khi đưa muống com lên thì phải nhớ biết là bàn tay đang đưa lên; để muống com vào miệng là biết đang để muống com vào miệng; khi nhai thì nhớ biết là đang nhai. Khi nhìn thấy cách tu như vậy, chúng ta có thể rất ngạc nhiên, bởi vì những việc ấy có ai không biết mà cần phải nhắc lại như vậy? Thật ra, sự tuyệt vời ở ngay chỗ ấy!

Hiểu và thực tập những việc đó mới thấy được sự kỳ diệu bên trong. Mỗi một động tác sẽ mới lạ hoàn toàn, bởi vì chỉ có lần duy nhất này, mà không có lần thứ hai

giống như vậy nữa. Lúc cảm nhận trọn vẹn với tâm có mặt ngay trong một hành động, cử chỉ hay việc làm thì tự nhiên tất cả đều trở nên thần thánh thiêng liêng. Khi ấy, mỗi bước chân là thiêng liêng, mỗi hơi thở là mâu nhiệm vì chưa chắc hơi thở sau còn thở được nữa.

Cầm bình trà lên để rót trà chậm rãi thông thả, sau khi rót trà xong rồi mới từ tốn bung chén trà lên uống nhẹ nhàng, từ từ cảm nhận hương vị thơm của trà giống như sẽ không bao giờ uống được chén trà thứ hai, thì việc uống trà tự nhiên trở thành thiêng liêng, gọi là “Trà đạo” mà không cần phải đợi tới khi tổ chức một buổi thiền trà. Chỉ ngay khoảnh khắc đó, không còn giây phút nào khác nữa, năm bảy phút sau đã có việc xảy ra và không còn những giây phút nhiệm mầu như thế nữa.

Tỉnh thức trong từng động tác, chánh niệm trong mỗi hành động, chú tâm tỉnh giác, tinh cần nhận biết sâu sắc giây phút hiện tại trong mọi hoạt động thì suốt một ngày chúng ta sẽ cảm nhận được không biết bao nhiêu sự kỳ diệu xảy ra!

Thực tập chánh niệm như vậy không phải là việc khó, chỉ do chúng ta đã quá quen với việc phóng tâm khắp nơi hoặc nói năng hoạt động lãng xãng, bây giờ muôn buông bỏ thói quen đó sẽ khó chịu và cảm thấy thiếu thốn. *Chúng ta không thể ngờ một điều kỳ diệu là sống theo vọng niệm mới khó, còn duy trì chánh niệm lại rất dễ vì chánh niệm là không làm gì, chỉ là mọi việc diễn ra như thế nào thì cảm nhận như thế đó.*

Ví dụ, khi đi chỉ biết đi và đâu cần phải làm gì khác. Ngược lại, trong khi đi mà đầu óc nghĩ chuyện ngày hôm

qua, tưởng chuyện ngày mai mới khó làm và mệt hơn. Tuy nhiên, đa phần là thích tìm cái mệt và khó làm vì thói quen lâu đời. Bây giờ trở về với hiện thực hay có mặt ngay giây phút hiện tại tiếp xúc và cảm nhận thực sự những gì đang diễn ra. Tiếng chuông vang lên chỉ nghe tiếng chuông; gió thổi cành trúc lay, chỉ thấy là cành trúc lay... lúc ấy vạn vật sẽ rất đẹp, rất xanh và rất tươi. Nếu thực tập trở về hiện thực quen rồi, chúng ta sẽ thấy sự thất niệm, vọng niệm, vọng tưởng lăng xăng kia là rất mệt và chỉ muốn quay trở về hiện thực. Đây là điều kỳ lạ, ít có người để ý!

Buổi tối, một mình Minh Thành lên Quán chiếu đường đi kinh hành trên sân và ngồi yên ngắm bầu trời rộng lớn cảm thấy đẹp không biết làm sao diễn tả và giống như lần đầu tiên mới đến đây không phải đã ở đây 11 năm qua. Lúc đó, Minh Thành và du khách là một. Mình chẳng khác gì du khách, du khách chẳng khác gì mình. Mình giống in như người du khách. Đứng đó ngắm thiên nhiên và cảnh vật yên tĩnh vào buổi tối, chỉ cảm nhận nét đẹp uy nghiêm thoát tục trầm hùng, không gian mênh mông Quán chiếu đường. Ở giữa đại ngàn bao la, hàng vạn ngọn đèn dưới phổ phản xạ những ánh sáng giống như muôn nghìn vì sao lấp lánh dưới chân với một vẻ đẹp rất kỳ diệu.

Cũng không phải ở trên núi mới đẹp mà khi về Sài Gòn, lên chánh điện chùa Bửu Liên cũng vậy; mỗi lần lễ Phật nhìn thấy hình tượng đức Phật giống như là mới gặp lần đầu. Từng lời kinh, từng câu kệ, mỗi lần cúi lạy

xuống giống như là lần đầu tiên mà cũng không bao giờ có cái lạy thứ hai giống như vậy. Cần thực tập mỗi động tác, mỗi việc làm đều có sự chú tâm, tỉnh giác và chánh niệm luôn đặt trọn vẹn trong đó, thì mỗi hành vi luôn sẽ có đầy đủ *niệm - định - tuệ* và kỳ tích sẽ xuất hiện, gọi là “sinh hoạt siêu việt”.

Sinh hoạt siêu việt là gì? Là cách sống vượt qua được mọi buồn đau, lo lắng theo thói quen thường tình phạm tục. Tâm vượt qua được những sự so đo, tính toán, hơn thua với người này hay việc kia, cảm nhận sâu sắc sự thật đang diễn ra trong giây phút hiện tại là đang sống với hiện thực và đó là sinh hoạt siêu việt. Thực hành được như vậy, tuy đang sống ở trên mặt đất này, nhưng chẳng khác nào sinh hoạt trên cõi trời; sự an lạc này ngay cả vua Trời cũng còn mong muốn, gọi là “Hiện tại lạc trú”.

* **Thận trọng và nhìn xa**

Có những việc bình thường, nhưng nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng thì sẽ gặp những tình huống không thể nào ngờ tới. Hôm đó, lúc chiều tối khi chuẩn bị đi xuống dưới thớt, nhìn vào điện thoại thấy báo còn phân nửa lượng pin. Nhớ lại lúc trưa khi ở dưới thớt có nhìn thấy cái đèn mở không có chày sáng mà ổ cắm điện thì báo đèn màu đỏ thì cũng nghĩ là có điện nhưng hơi yếu. Vừa định bước đi, thầy Pháp An nói Minh Thành nên cầm theo đèn pin để soi đường, nhưng lại nghĩ thông thường dùng đèn pin ở trong điện thoại gọn hơn, nên chủ quan không mang theo đèn pin. Với lại, ít nhất cũng còn nửa lượng pin trong điện thoại thì cũng đủ dùng và khi xuống tới dưới thớt sẽ cắm sạc tiếp.

Nhưng! Tất cả mọi chuyện không như mình nghĩ. Đến nơi thì bóng đèn không còn sáng hay chớp nháy nữa mà điện thoại báo chỉ còn 19% và hiện lên màu đỏ. Kiểm tra lại thấy nguồn điện không còn nữa, phải đi mò mẫm trong bóng tối tìm hột quẹt, nhưng hột quẹt và nến cũng không tìm thấy. Muốn nhắn tin cho một chú đệ tử nhờ đem đèn xuống thất mà không thấy trả lời, cũng không dám gọi vì ngại là sẽ hết nguồn pin còn lại, đèn khuya không thể soi đường để đi lên tham dự pháp hội. Nửa đêm đi vệ sinh cũng phải dò dẫm từng bước, nếu không sẽ dễ bị va đầu vào tủ hay cột nhà. Như vậy, tuy là việc nhỏ, nhưng tới lúc sáu, bảy việc dồn lại, sẽ gây rất nhiều khó khăn. Minh Thành làm việc gì cũng kỹ lưỡng, nhưng khi gặp một chuỗi liên hoàn các sự việc diễn ra cũng cảm thấy được sự dự bị lưu tâm chưa đúng mức, dù là việc nhỏ cũng rất quan trọng. Từ đó, nghĩ đến việc lớn sanh tử một khi bất chợt xảy ra mà không có sự chuẩn bị thì sẽ rất khôn đốn!

Tất cả những việc xảy ra đã cảnh báo cho chúng ta một bài học là phải thường quán chiếu tu tập và chớ nên xem thường việc nhỏ và chủ quan lúc nào mọi việc cũng đều giống như vậy; đến khi mọi việc xảy ra đột ngột và liên tục sẽ khiến trở tay không kịp. Như vậy, ngoài “hiện tại lạc trú”, sống với hiện thực trong giây phút hiện tại chúng ta còn cần phải có sự thận trọng phòng ngừa và phải có cái nhìn xa; nhìn xa tức là tất cả việc gì cũng đều có thể xảy ra không giống như những gì mình suy nghĩ.

Chính vì thế lúc nào chúng ta cũng phải tu tập tinh tấn chuyên cần; trong sự học cần phải thâm thấu, sâu

rộng; còn trong việc làm phải luôn cẩn thủy thận chung, bước ban đầu cho đến bước cuối cùng đều phải cẩn thận, không được chủ quan. Ví dụ, chúng ta chuẩn bị cho pháp hội kỹ lưỡng trước đó một tuần lễ, vậy mà tới lúc đứng trước bàn thờ nguyện hương thì micro hết pin, cái loa gào hú inh ỏi và buổi lễ xem như thất bại.

Chớ nên xem thường trong sự tu, học và làm việc. Có thể những lần trước làm tốt, nhưng lần này sẽ không giống như vậy. Tất cả đều nằm trong **“hành pháp vô thường”**, luôn luôn thiên lưu biến chuyển, chỉ cần năm phút là đã có sự thay đổi rồi huống nữa là nửa tháng hay ba tháng hoặc một năm. Đó là chỗ sâu sắc của pháp và là minh chứng về chân lý vô ngã, nếu có thể vận dụng trong cuộc sống hằng ngày sẽ thấy được điều tuyệt vời ở ngay trong đó. *Mỗi một lần tiếp xúc là mỗi một lần hoàn toàn mới mẻ, không bao giờ giống nhau.*

Đóng vai du khách lần đầu tiên đến Quán chiếu đường ngắm biển mây, đón mặt trời lên buổi bình minh giữa đại ngàn thì lần nào cũng cảm thấy thiên nhiên đẹp tuyệt vời, không chán. Đi từng bước chân giống như chỉ bước một bước đó và không còn bước khác nữa sẽ cảm thấy rất hạnh phúc; mỗi bước chân đều sự thiền tập, nên mỗi một bước chân là có an lạc hạnh phúc. Hay mỗi khi đến giờ dùng cơm mà phải ăn tạm mì gói với sự chánh niệm thì cảm thấy món ăn tuyệt vời. Nếu khéo thực tập trong mọi hoạt động chúng ta sẽ có được sinh hoạt siêu việt, vượt qua hết những buồn lo sầu đau, sợ hãi chán nản ở thế gian. Như vậy mới thấy được pháp, thấy được

chân lý, thấy được sự thật đang diễn ra trong giây phút hiện tại rất tuyệt đẹp và kỳ diệu.

Luôn thận trọng, đề phòng tâm thức buông lung; canh chừng ý niệm phóng chạy khắp nơi mà không hay biết. Những điều đó đòi hỏi chúng ta phải thực tập và hành trì liên tục mới có thể cảm nhận. Trong kinh *Pháp cú* - phẩm *Không phóng dật*, câu 28, đức Thế Tôn dạy người có sự tinh cần giống như người có trí huệ đứng ở trên lầu cao, còn những kẻ ngu khờ giống như đi ở dưới đất bằng:

*“Người trí đẹp phóng dật,
Với hạnh không phóng dật,
Leo lầu cao trí tuệ,
Không sâu, nhìn khỏ sâu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng”.*

Khi có sự thực tập quán chiếu sâu sắc, mỗi cử chỉ hành động sẽ trở nên thiêng liêng và chúng ta có thể thâm nhập vào tuệ giác *vô thường, khổ, không, vô ngã* để vượt lên những sự thấy biết phàm tình, những nỗi buồn lo phiền muộn thông thường của thế tục và do có sự tỉnh thức sâu sắc sẽ nhìn ra được sự liên đới, tương quan duyên giữa bản thân với vạn vật. Nhờ đó mà tình thương của chúng ta sẽ càng ngày càng mở rộng.

Mỗi một cử chỉ hành động hay ý nghĩ việc làm đều có ý nghĩa và lợi ích vì luôn nghĩ tới muôn loài. Cách sống của con người tỉnh thức có trí huệ và từ bi là luôn luôn nghĩ tới mọi người. Bất cứ làm một việc gì, chúng

ta cũng phải nghĩ đến người khác và đừng bao giờ chỉ nghĩ riêng cho bản thân. Nghĩ tốt cho người khác rồi chúng ta sẽ thấy cuộc sống hiện tại tốt đẹp và siêu việt.

Đem một cành trúc để trang trí trong chánh điện, hãy nên nghĩ làm đẹp cho đức Phật, cho ngôi chùa mà cũng làm cho những người đến thăm viếng thấy được vẻ đẹp thanh thoát của thiền môn. Nấu một nồi cơm, một tô hủ tía, chúng ta cũng nghĩ làm sao cho hương vị được đậm đà để gieo nhân duyên với những người đến ăn chay được ngon miệng; cầm một cây chổi quét sân, phải nghĩ đến việc làm cho sạch sẽ mát mẻ mảnh đất của Già lam; bưng chén trà đãi khách, nên nghĩ làm cho mọi người được giải nhiệt thanh lương... Mỗi việc làm đều phải có chánh niệm soi xét của tỉnh thức và phải biết nghĩ đến người khác.

Khi tuệ giác chưa đủ và còn yếu, cần phải nương vào tuệ giác của Thầy, sư huynh và đại chúng để giúp soi sáng phân biệt rõ chỗ nào là đúng và chỗ nào là sai. Phải luôn phát triển tuệ giác vững mạnh thêm bằng cách thực tập lắng nghe giáo pháp và phải lắng nghe lời của những người đi trước, thì mới có thể lợi mình lợi người. Lời nói, hành động, việc làm của bản thân phải luôn luôn nghĩ tới làm sao có thể giúp ích được cho mọi người, mà không phải chỉ biết phục vụ riêng cho “cái tôi” nhỏ bé.

Khi Minh Thành bảo một Sư chú đi nhặt mấy lá tùng đã được cắt bỏ, không còn dùng nữa, đem cắm vào bình chỗ phía sau tượng Phật vì thấy rất uổng phí tặng phẩm của trời đất. Hôm nay mọi người ta đến tham quan nhìn

thấy đẹp, nên đều kéo lại xin chụp hình và ngồi ngắm đức Phật. Như vậy là cắm hoa cũng phải nghĩ đến người khác, nghĩ cho đại chúng, cho số đông, cho Tam bảo và chúng sanh, mà không phải vì bản thân không thích thì dẹp bỏ. Làm việc không có sự soi sáng với chánh niệm và không nghĩ đến người khác, thấy rất bình thường nhưng không ngờ lại làm tổn phước báu.

Từ trong sự chánh niệm và tỉnh thức đối với những việc nhỏ bé và tầm thường đó sẽ giúp chúng ta dần dần nhìn ra được những chỗ lớn rộng, bao la của tâm Bồ-đề. Mọi việc làm đều siêu việt vượt qua sự nghĩ tưởng cho cá nhân, mà mong muốn và làm việc vì sự tốt đẹp lợi ích cho mọi loài. Thực tập được như vậy rồi từ thân, miệng, ý đều trở nên siêu việt. Đó chính là chúng ta đang bước đi trên con đường của đại đạo Phật thừa và nhất cử nhất động đều mang lại lợi lạc cho thiên hạ. Ở trong tuệ giác Vô ngã đó mà ôm trọn quả đất và đặt nó nằm trong trái tim của mình.

Luôn luôn nghĩ đến chúng sanh, nghĩ đến mọi người, tự lợi lợi tha, tự giác giác tha; thức tỉnh bản thân, thức tỉnh luôn người khác, mở cửa trái tim của bậc Đại nhân để dung chứa cả nhân loại chúng sinh. Cứ như thế mà xây dựng nên cõi Phật ở giữa trần gian này, làm nên kỳ tích ở trong những việc bình thường. *Từ trong hạt sỏi, lá trà, cọng cỏ, giọt sương, tiếng chuông, hồi mõ, cành trúc, cội tùng, cho đến sử dụng núi đồi trùng điệp, sương khói trời mây để làm Phật sự chuyển pháp luân. Đó là người có tầm nhìn lớn và khả năng lớn gánh vác được Phật sự.*

LÀM CHỖ NƯƠNG TỰA

Sống giữa thời văn minh hiện đại ngày nay mà chúng ta có được môi trường tu tập ở trên núi đồi yên tĩnh, trong kinh gọi là “sống hạnh xa lìa”, chính là để có nhiều thời gian nhìn lại bản thân, có nhiều thời gian lắng nghe chánh pháp, được kề cận bậc Tôn túc, tận hưởng những niềm vui từ việc được chia sẻ kinh nghiệm tu hành cả cuộc đời đạo hạnh của các Ngài là một điều vinh hạnh cực kỳ hiếm có!

Bên cạnh đó, chúng ta còn được huynh đệ sống với nhau hài hòa đầy tình thương mến và sự quan tâm chăm sóc về mặt tinh thần đạo đức, tu dưỡng cũng như về mặt trợ giúp xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa giá trị với mục đích đóng góp cho xã hội nhân loại, phụng sự cho Phật pháp đây là điều đòi hỏi khó hơn nhưng vẫn thực hiện nhiệt tâm. Những ai có phước duyên, đã gieo trồng rất nhiều căn lành không phải một đời mà là nhiều kiếp mới được những điều kiện tốt đẹp như vậy. Hiểu rõ giá trị của sự quý báu đó, chúng ta phải biết trân trọng những

nhân duyên hiếm có và khéo tạo thêm duyên lành để được tiếp nối dài lâu, mở rộng lớn thêm nữa. Đồng thời cũng phải biết tiếc nhân duyên không nên hoang phí để trước hết có lợi ích cho bản thân, sau đó giúp đỡ cho gia đình, hàng Phật tử và khắp cả chúng sanh.

Cố Hòa thượng Viện chủ chùa Bửu Liên Thích Thiện Bình (570, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh) là một người rất khiêm cung bình dị, lời nói của Thầy rất chân thành. Đứng giữa những người có vị trí thấp nhỏ hơn, mà Ngài vẫn không ngại bày tỏ những điểm sai, chỗ dở của bản thân để mọi người thấy biết và thông cảm. Những việc đó là điều khó làm trong đời sống thường ngày mà không phải ai cũng làm được.

Hòa thượng có làm bài thơ tựa “*Không đề*” trong quyển *Thiện Bình thi tập*, chúng ta sẽ càng thấy được đức khiêm nhường của Người qua lời tự sự:

*“Muốn khuyên ai đó một đôi lời
 Tự nghĩ thẹn thùa nên lại thôi,
 Không quét sân mình còn tuyết phủ
 Dám chê nhà nọ bị sương rơi”.*

Những điều vĩ đại ở trong bình thường là như vậy, rất xứng đáng để cho chúng ta gần gũi mà cố gắng học tập. Không phải chỉ học ở trong lời nói, hoặc trong kinh sách, băng đĩa thuyết pháp mà có khi phải học nơi không lời thông qua cách sống của Ngài.

Sự tôn kính Tam bảo sau khi quy y với Phật, Pháp, Tăng và có tâm cung kính bậc Tôn túc, biết hiếu thảo

phụng sự làm cho các Ngài vui sẽ sinh ra phước đức. Nếu khéo léo quan sát, ngay tại chỗ đó chúng ta cũng học được rất nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như là sự tâm đắc thể nghiệm của các Ngài. Một đời tu hành không phải đơn giản, không phải dễ dàng, mà nó luôn hiện hữu chông gai, thử thách và rất nhiều gian khổ phải vượt qua. Như vậy, cần phải có ý chí bền bỉ và sự khéo tu mới có thể vượt qua được những khó khăn để thành tựu Đạo nghiệp.

*** Mục đích tối thượng**

Sự dựng lập nên đạo tràng trên ngọn núi này trải qua nhiều giai đoạn mới được thành tựu một phần như ngày hôm nay. Trong giai đoạn đầu, còn ít người và mọi việc gặp rất nhiều khó khăn. Mãi về sau, đạo tràng mới bắt đầu phát triển. Dựng lập đạo tràng đã khó mà giữ được sự thanh tịnh an ổn để cho mọi người tề tựu về đây tu học càng khó hơn. Chỉ có giữ được sự ổn định thì mới có thể phát triển, nên nói an cư lạc nghiệp. Người đi trước có công dựng lập nên, chúng ta là những người tiếp nối phía sau phải có trách nhiệm phụ giúp quý Thầy gìn giữ cho gia phong trong chốn Tông lâm được vững bền hưng thịnh. Không phải chúng ta giữ chùa tháp hay vật chất, cũng không phải giữ tiền bạc, của cải, đất đai, cây cối, mà là giữ gìn đạo tràng tôn nghiêm hòa hợp. Việc đó chỉ làm được từ chỗ tất cả mọi người siêng năng tu tập rèn luyện bản thân. Tu ở ngay nơi sự chỉnh sửa các thói xấu của mình, giữ gìn những thời khóa với đại chúng đều đặn và đầy đủ. Đó là giềng mối của sự hưng thịnh chốn Tông lâm!

Sinh hoạt trong tự viện gom lại chỉ có ba việc chính là: tu, học và làm việc. Giữ cho ba điều này có nề nếp là sự tu học chân chánh. Đúng thời khóa học thì cố gắng học; tới lúc tu tập thì nỗ lực tu; làm việc bằng lòng chân thành, trí tuệ và cả tâm biết ơn, đền ơn. Đó chính là đang góp phần xây dựng đạo tràng hưng thịnh. Giống như việc chất từng viên gạch để xây lên một tòa lâu đài cao lớn. Một giờ đồng hồ ngồi thiền hay tụng kinh, niệm Phật mà thân không dao động, tâm tinh sáng không vọng tưởng, chánh niệm từng hơi thở chính là đang tích lũy công đức để thành tựu quả vị Chánh giác sau này. Cứ mỗi một khóa tu như vậy là chúng ta đang xây một viên gạch “lâu đài đạo hạnh” cho chính mình.

Người thế gian dành cả đời đi làm ăn kiếm được rất nhiều tiền hoặc học rất giỏi có bằng cấp cao, thành đạt được danh vị có tiếng tăm trong xã hội. Còn chúng ta là người tu cũng phải có ý thức trách nhiệm, lý tưởng cuộc sống và mục tiêu tối thượng càng phải vững mạnh và to lớn hơn; cần phải đặt tâm sức vào đó nhiều hơn nữa, mà không thể nào đi tu để rồi trở thành một người ăn bám của xã hội, lánh đời rảnh việc chỉ biết nhàn hạ cho bản thân. Sống như vậy, sẽ trở thành tội đồ ở trong Phật pháp!

Chúng ta xuất gia vì có lý tưởng cao xa, vì mục đích tối thượng, vì cuộc sống tràn đầy ý nghĩa và lợi ích cho nhân loại. Phải nhận thức được công việc đang làm và phải nhiếp tâm chánh niệm trong mọi giờ tu. Không những không được phép trốn tránh thời khóa, mà còn chuyên tâm nhiếp niệm, tỉnh giác chân thành ở trong sự

tu. Muốn tu hành thành đạt tới nơi tới chốn thì sự học cần phải thông đạt, nắm vững được cương lĩnh của Tam tạng kinh điển, con mắt của mười hai Phần giáo và trái tim của Phật Tổ.

*** Tu theo thứ lớp**

Kể nữa, muốn thông suốt và nắm vững được cốt lõi trọng yếu đó thì chúng ta phải ra công nghiên tầm giáo pháp. Đặt nền tảng từ nơi Đạo làm người ở trong kinh *Thiện Sinh - Giáo Thọ Thi Ca La Việt* thuộc kinh *Trường bộ* chỉ dạy cách lạy sáu phương từ việc cung kính lễ độ, sống có tình nghĩa, có nhân hậu, có đạo đức, có trước có sau, nuôi mạng chân chính và với điều thiện luôn làm cho tăng trưởng:

*“Cha mẹ là phương Đông,
 Sư trưởng là phương Nam,
 Vợ chồng là phương Tây,
 Thân tộc là phương Bắc,
 Tôi tớ là phương dưới,
 Sa-môn là phương trên.
 Người Phật tử mẫu mực
 Kính lễ các phương ấy,
 Luôn sống trong kính thuận,
 Khi chết được sanh thiên.
 Nói hòa nhã, thương yêu
 Trí tuệ soi cùng khắp
 Giúp đời được an vui
 Người người đạt mục đích.*

Bình đẳng về lợi lộc
Hưởng chung và chia sẻ
Những việc ấy như xe
Chở đồ về đến đích.
Đòi thiếu các thiện trên
Sẽ không có an vui
Người trí luôn lựa chọn
Sống với điều thiện ích.
Kết quả trở đời này
Danh thơm, phước cùng trở
Không bỏ người thân cũ;
Chỉ dạy việc lợi lạc
Sống kính trên nhường dưới
Danh dự ngày càng tăng.
Học tập nghề đúng mức
Lợi lạc theo tài năng
Giữ gìn của đã tạo
Không xa xỉ, hoang tàn
Nhu ong hút nhụy hoa
Tích tụ từng giờ khắc
Không hao tổn cánh hoa.
Nên sống trong biết đủ
Siêng năng trong công việc
Để dành, phòng thiếu hụt
Siêng nông nghiệp, buôn bán
Cày cấy và chăn nuôi
Xây dựng chùa tháp Phật

*Góp phần làm Tăng xá ...
Những việc thiện nêu trên
Siêng năng, không gián đoạn
Tài sản ngày càng tăng
Phước lộc ngày càng lớn
Như trăm sông về biển.”*

Đồng thời thực tập oai nghi giới luật từ nơi bốn quyền luật căn bản. Sau đó mới có thể bước lên một bước thấu rõ bản chất của thân tâm và có thể chuyển hóa khổ đau, làm thăng hoa trí tuệ từ bi. Ở một cấp độ cao sâu hơn nữa tỏ tường quy luật vận hành của vũ trụ vạn vật.

Tổ Quy Sơn dạy rằng: “*Dĩ ngộ vi tắc*”, tức là phải lấy sự giác ngộ làm chuẩn tắc tu hành, không thể tu chỉ để gieo duyên. Cần phải đặt mục đích chứng ngộ ở ngay trong đời này để chấm dứt hết tất cả phiền não, xa lìa ái dục. Đối với vấn đề quan trọng này, chúng ta cần cố gắng phấn đấu tu tập, giữ gìn giới luật chỉnh tề để không làm hỏng một đời tu. Không khéo sự tu hành của chúng ta sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ. Ai cũng có nghiệp và thói quen, cũng có những đau buồn phiền não riêng, nhưng mỗi người phải lấy giới luật làm thầy, tự nỗ lực khắc phục, phấn đấu sửa đổi để vượt qua thì mới xứng đáng gọi là người tu.

Đối với người tu thì việc quan trọng nhất là phải cố gắng hành trì tu tập, siêng năng học hỏi giáo pháp và phải đặt ý chí ở chỗ cao sâu, rộng lớn. Chớ nên vừa học được một chút liền tự mãn, người xưa nói rằng: “*Học hải vô nhai*” tức là biển học không có bờ, huống nữa là đại

dương Phật pháp sâu rộng vô lượng vô biên thậm thâm vi diệu. Vậy nên lúc nào cũng phải luôn cẩn thận trầm tĩnh, suy tư nghiền ngẫm, quán xét lời của Phật dạy để làm khuôn thước chuẩn mực.

Học Phật cần phải tìm hiểu thấu tận nguồn cội của giáo pháp, không thể xuất gia mà không biết kinh điển. Người tu hành không nói được pháp thì trong kinh luật gọi là á dương tăng, tức là ông thầy giống như con dê câm. Vì vậy, cần phải thông suốt mọi kinh điển giáo pháp, nắm vững được cương lĩnh của Phật, Tổ. Định hướng được mục tiêu cho đời mình giúp ích cho tha nhân về phương diện tinh thần. Đừng nên có ý nghĩ rằng đây chỉ là chỗ ở tạm mà “lánh nặng tìm nhẹ” trong mọi việc làm. Như thế sẽ làm cho chúng ta không có nền tảng phước đức. Cần phải có tâm xem nơi đây là căn nhà thật sự của chúng ta, còn hơn thế nữa, đây là căn nhà của đại gia đình giác ngộ!

Có một vị Phật tử ở Úc châu không biết rành về kinh điển, nhưng do có nghe một vài bài pháp **“Hơi thở của Phật”** và chịu khó ứng dụng thực tập phương pháp “niệm Phật theo hơi thở” trong suốt hai, ba năm và sau khi cảm nhận được sự an lạc trong từng hơi thở đã gửi lời cảm ơn và bày tỏ: *“Con rất kính trọng quý thầy hướng dẫn pháp tu hơn cả cha mẹ. Bởi vì cha mẹ chỉ sanh ra tâm thân này, nhưng quý thầy đã cho con Pháp thân bất diệt, thấy được con đường an vui kỳ diệu không thể nào diễn tả ở trong mỗi một hơi thở. Dù gặp lúc đang khổ đau, bức xúc hay tất bật lãng xãng, nhưng chỉ cần hít*

vào vài hơi thở theo danh hiệu Phật A Di Đà, lập tức sự nhẹ nhàng thanh thoi xuất hiện”.

*** Đoàn kết hòa hợp**

Khi đã ở cùng một căn nhà đạo pháp, cùng một lý tưởng, cùng một con đường, cùng một dòng họ Thích, cùng ở trong một mái chùa, chúng ta cần phải biết thông cảm và quý trọng, đóng góp xây dựng với nhau bằng tình huynh đệ, nghĩa tăng thân. Cùng chung sức với nhau để làm tốt cho Phật pháp và cho chúng sanh. Không nên sống theo cách bỏ cha bỏ mẹ, không lập gia đình ở ngoài đời, bỏ tiền tài danh vọng, để đi vào trong chùa tính toán hơn thua từng chút những việc “bồn chậu, dấm muối”, giận hờn từng việc nhỏ bé vụn vặt.

Bỏ được những cái to lớn rồi lại dính mắc với thứ nhỏ bé như vậy sẽ làm uổng phí đời xuất gia. Tâm lượng nhỏ hẹp không phải là bản chất của một người tu. Người tu phải thể hiện được tâm rộng lớn có thể bao dung được những lỗi lầm của mọi người. Nhìn thấy người ta sai thì chúng ta thương xót và tìm cách giúp đỡ xây dựng thì mới đúng với bản sắc của một bậc xuất trần thượng sĩ.

*** Tiếp nối sự nghiệp cao cả**

Điều sau cùng là sự nối tiếp bước chân của đức Thế Tôn. Đây là việc làm mang ý nghĩa lớn lao, không phải chỉ làm đẹp cho ngôi chùa. Chỗ này là trường đạo hay là trường tuyên Phật - nơi thi đấu để làm Phật nhằm giúp cho mọi người một khi tốt nghiệp rồi là hạnh phúc chân thật, an lạc dài lâu, được con mắt tinh tường, được ánh sáng chiếu soi, được chiếc cầu đưa đón khách bộ hành

qua sông, được cây dù che mưa nắng, được chiếc áo ấm để hộ thân mà trong kinh điển đã có ví dụ như thế. Chúng ta làm tốt cho chỗ đang ở, không phải làm tốt cho thầy, cũng không phải làm tốt cho riêng bản thân mà làm chỗ tốt để cho tất cả nhân loại, thậm chí rộng cho muôn loài có chỗ trở về nương tựa!

Nhìn ra thế gian, chúng ta sẽ thấy được hoàn cảnh bên ngoài vào thời đại ngày nay có rất nhiều biến động vô thường như thiên tai, động đất, sóng thần, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh lan tràn. Xét gần hơn một chút nữa là sự thay đổi đột ngột rất nhiều của bản thân như sự xuất hiện của những chứng bệnh lạ lùng không thể tìm ra nguyên nhân và cũng không có thuốc chữa như bệnh teo não do muỗi đốt Zika, bệnh cúm siêu vi H5N1, bệnh đột quy ở những người trẻ tuổi, ung thư phổi và miệng... hoặc là đang ngồi trước sân nói chuyện mà bị xe tải mất lái đâm vào chết tại chỗ; thậm chí là khi có những bé tắc về tinh thần dù còn trẻ tuổi mà tự vận nhảy lầu, uống thuốc ngủ chết hoặc nhảy sông kết liễu cuộc đời.

Mạng sống của con người trong thời hiện đại này rất mong manh chỉ trong nháy mắt, đã hiển bày cho chúng ta thấy được bài pháp vô thường sống động ở trong hoàn cảnh thực tế. Tình trạng tiêu cực đầy đầy do văn hóa đạo đức yếu kém và lối sống suy đồi như những tệ nạn xã hội, giết người, hiếp dâm, cướp của, tàn sát cho tới những cái vi tế hơn là những thủ đoạn lừa gạt gian dối trong làm ăn mua bán khiến cho con người bị điên đảo không biết phương hướng nào mà đi cho an ổn.

Như vậy, người đời không có chỗ để nương tựa, không có con đường rộng lớn an ổn để đi, không có được con mắt sáng để phân biệt rõ chánh tà, cho nên họ mới bị những biến động vô thường ấy làm cho đau khổ. Chúng ta là người tu Phật phải làm nơi nương tựa vững chắc, là người thấp lên ánh đèn để soi rọi đường cho họ trong đêm trường vô minh tăm tối. Do đó, việc tu sửa bản thân và xây dựng đạo tràng là muốn làm chỗ dựa vững chắc an ổn để mọi người quay về nương tựa, không phải để làm và phục vụ cho riêng cá nhân nào.

Cần phải có cách nghĩ rộng lớn cho lợi ích chung của mọi người, mỗi người một bàn tay đóng góp trợ giúp làm cho đạo tràng càng ngày càng trở nên tốt đẹp và an vui. Những giờ phút chúng ta ngồi ghi chép kinh điển, chỉnh sửa từng câu chữ của những văn bản pháp thoại, những nhát cuốc xuống đất để làm tươi xanh cảnh trúc, cây tùng, những nắm phân vun bón cho vườn rau tự trồng, đều mang một ý nghĩa rộng lớn là vì muốn làm chỗ trở về nương tựa cho muôn loại chúng sanh, không phải là những việc làm tầm thường nhỏ bé như lúc còn ở ngoài đời. Tâm lượng lớn nhỏ khác nhau sẽ tạo ra những hành động có hiệu quả sai khác.

Nhìn thấy được ý nghĩa cao quý của sự tu, học và làm việc rồi, chúng ta phải đem hết sức và dốc lòng để làm; chuyên tâm nhất ý để học; lắng lòng thực tập giáo pháp. Như vậy là người hiểu biết và quý tiếc nhân duyên tốt lành hiếm có đã gieo trồng từ nhiều đời kiếp và đồng thời cũng biết gây tạo thêm nhiều nhân duyên tốt nữa

cho bản thân, gia đình xã hội được cùng chung hưởng mãi mãi không để đứt mất.

Nếu người xuất gia tu hành cầu giải thoát mà quên mất chí nguyện cao cả, suốt ngày lơ là biếng nhác và nói làm các việc thị phi giống như người thế gian, thì vô tình sẽ làm mất đi hình ảnh đẹp và uy tín của chư Tăng trong con mắt hàng Phật tử tại gia. Hiện tại tình trạng ấy khá phổ biến trong giới tu hành ngày nay và ở nước ngoài, người cư sĩ đã tự thành lập những đạo tràng ngay tại nhà để quần tụ cùng nhau tu tập mà không cần đi đến chùa nữa, họ cũng không muốn thỉnh quý thầy tham dự những buổi lễ cầu an hay cầu siêu nữa.

Do nền tảng đạo hạnh và phẩm chất của người xuất gia thời nay yếu kém đã làm cho hình ảnh Tăng bảo bị phai mờ không còn thể hiện được vẻ đẹp xuất trần thoát tục như những thế hệ đi trước. Vì vậy, chúng ta cần ý thức rõ trách nhiệm và bổn phận nghĩ đến tình thương của gia đình và mọi người đối với mình; nghĩ đến lợi ích lớn cho đại chúng; nghĩ đến sự khó nhọc xây dựng đạo tràng của quý thầy và những thế hệ huynh đệ về sau mà sống, tu học và làm việc cho xứng đáng. Do sự bỏ công xây dựng bản thân và đạo tràng, mà những người xuất gia hay tại gia khi có cơ hội đến nơi đây tu tập một vài ngày, lúc ra về họ sẽ nhớ suốt đời về đạo tràng thanh tịnh, nơi mà họ đã tận hưởng được hương vị thanh thoi, an lạc trong giáo pháp của Như Lai.

Chương IX

CẢM ƠN CUỘC ĐỜI



BIẾT ƠN VẠN VẬT

Lúc đi dạo quanh sân chùa, ngắm nhìn cảnh vật tươi thắm, chúng ta thầm cảm ơn những đóa hoa đã nở để làm đẹp cho núi rừng, làm vui lòng cho những người đến đây thưởng ngoạn thiên nhiên và làm đẹp cho những bài pháp để mọi người phát tâm lắng nghe.

Khi đứng bên vườn trà, chúng ta thầm cảm ơn những chiếc lá xanh tươi đã mang lại hương vị đậm đà, thơm ngọt, tạo sắc khoáng tinh thần. Ngược nhìn lên bầu trời thăm thẳm, chúng ta thầm cảm ơn những đám mây đang lơ lửng bay đã tô điểm cho hư không thêm phần tuyệt đẹp. Nhìn thấy những cành trúc đang lay động theo làn gió, thầm cảm ơn vì đã làm cho lòng của chúng ta thanh thản nhẹ nhàng. Chúng ta cảm ơn những chú chim vô tư hót líu lo trên cành, vì đã giúp cho mình có niềm vui và sự nhẹ nhàng trong cuộc sống. Cảm ơn tất cả những hòn đá, viên sỏi, đất cát và bụi bặm đã có mặt để làm chỗ cho mình cư trú. Xin cảm ơn tất cả vạn vật, trời đất vũ trụ đã dung chứa chúng ta, nhờ có những sự vật đó mà chúng

ta mới có mặt và trú ngụ lâu dài ở trên quả địa cầu này, đồng thời có được cuộc sống vui tươi nhẹ nhàng, khỏe khoắn để đóng góp chút ít cho Phật pháp và chúng sinh.

Đất đá, cỏ cây, hoa lá... là những sự vật vô tình mà còn có ơn với chúng ta như thế, huống nữa là cộng đồng xã hội loài người. Chúng ta mang ơn người nông phu dầm mưa dãi nắng để làm ra hạt gạo, củ khoai, trái ngọt. Mang ơn người công nhân may dệt làm ra quần áo, vải vóc cho chúng ta che thân và làm đẹp. Mang ơn những người thợ xây nên những căn nhà vững chắc cho chúng ta trú ẩn. Mang ơn người xây cầu, làm đường để chúng ta có thể đi lại dễ dàng và nhớ ơn những người ở các ngành nghề đã làm ra vô số tiện nghi khác nữa để làm cho cuộc sống con người văn minh và tốt đẹp. Bên cạnh những tiện nghi phục vụ cho thân này, còn có những phương tiện nâng cao đời sống nội tâm như băng đĩa, kinh sách, tượng Phật, chuông mõ... và công ơn của những người thầy dạy chữ giúp cho cuộc sống của chúng ta được nâng lên một tầm hiểu biết cao hơn.

Bên cạnh sự hiện diện của con người ở trên mặt đất và sự xuất hiện các phương tiện để phục vụ cho đời sống và học hành tiến bộ đạt tới những thành tựu văn minh bậc nhất ấy vẫn có một điều luôn làm cho họ không có được an vui trọn vẹn và không thoát được khổ sầu.

Trong tận cùng sâu thẳm của nội tâm, họ vẫn luôn thấy thiếu thốn và khát khao một điều gì đó, cho nên suốt cả cuộc đời cứ mãi đi tìm. Có người bỏ cả đời chỉ để cặm cụi làm ăn gom góp của cải tiền bạc mà không

biết già chết đang kéo đến. Có người dùng cả đời để đi tìm thú vui trong cờ bạc, rượu chè, hưởng thụ sắc dục để cuối cùng gục chết trong vô vọng khổ đau. Ôi! Thật đáng thương cho một kiếp người!

Trong bóng đêm dày đặc của sự vô minh đó, công ơn của Thầy tổ chỉ dạy cho chúng ta con đường tu đạo thoát khổ có giá trị gấp vạn lần những công ơn đã kể trên. Chúng ta may mắn được những bậc Thầy lành diu dắt vào đường Đạo. Các Ngài đã từ bi chỉ dạy cho chúng ta thấy rõ được cuối chặng đường đời này chỉ là sự chết. Và, sau cái chết đó không phải là sự chấm hết tất cả mà chỉ là một bước chuyển hóa tâm linh. Sau khi chết, thần thức theo nghiệp đã tạo lúc còn sống mà hoặc phải sa vào ba đường khổ là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh hoặc may mắn hơn được sinh vào cõi A-tu-la, cõi người hay cõi Trời, nhưng chung quy thì mãi mãi xoay vần ở trong vòng sinh tử luân hồi đau khổ. Duy chỉ có nỗ lực tu học theo chánh pháp của Như Lai để đạt được cảnh giới an lạc Niết-bàn vượt thoát luân hồi mới thật vĩnh viễn an vui.

Công ơn chư Phật Tổ dạy cho chúng ta thấy được Đạo đã nặng, ơn nghĩa của những người diu dắt chúng ta trên mỗi bước đường tu còn nặng hơn nữa. Họ chính là những người đã chia sẻ những kinh nghiệm tu học và là người đã kề cận trong khi chúng ta gặp nhiều buồn chán nã nê, phiền lụy trong cuộc sống. Do đó, hãy sống trong thế giới biết ơn, nhớ ơn và đền ơn! Hãy sống đúng đạo lý căn bản của con người là càng nhớ ơn nhiều hơn nữa đối với những người thân thương, Thầy bạn và huynh đệ:

*Ân nghĩa nguyện đáp đền,
Quả Phật nguyện chứng nên.*

Sống ở đời với nhau phải có tình nghĩa, nhân hậu trước sau. Tình thầy trò, tình huynh đệ, tình bạn đạo, tình quyến thuộc bà con giác ngộ, nghĩa cốt nhục Linh Sơn, ruột thịt chánh pháp... cần phải giữ cho vẹn toàn. Ở ngoài đời gọi anh em ruột, chú bác, cô dì là tình nghĩa cốt nhục. Còn ở trong đạo, mối liên hệ giữa thầy trò và bạn đạo được gọi là “cốt nhục Linh Sơn”. Vì cùng được sinh ra từ trong chánh pháp dưới đạo tràng của đức Thế tôn, tình thân còn hơn ruột thịt. Là bà con giác ngộ nên phải càng quý kính nhau, biết ơn lẫn nhau, đừng nên sống vong ân phụ nghĩa.

Ngay cả khi bị người đối xử xấu, làm khổ hoặc hãm hại, nhưng chúng ta vẫn nhất quyết dùng thái độ của người tu đem những điều tốt đẹp và tình thương để đáp lại. Đối với những người ở ngoài đời, chúng ta đã cư xử tử tế như vậy, huống nữa là những người có ơn ở trong đạo. Ôn nghĩa ở ngoài đời rất nhỏ, nhưng ơn nghĩa ở trong đạo thì lớn gấp muôn vạn lần. Những người giúp đỡ trong đường đạo là bậc Thiên tri thức giúp tháo gỡ những sợi dây ràng buộc chần chịt đau khổ của gia đình, vợ con và đưa chúng ta từ trong vũng lầy của ngũ dục trở về con đường sáng suốt.

Vì vậy, cần phải sống có tình có nghĩa, có nhân có hậu để sau này có dịp gặp lại nhau vẫn còn nhiều điều vui vẻ, quý mến. Không nên sống theo cách gặp nhau lần đầu rồi không còn muốn gặp lần nữa. Sống có tình nghĩa

thì dù ở trên non dưới bể hay đất bằng, hang cùng ngõ hẻm, rừng sâu núi thẳm... hoặc bất cứ nơi đâu chúng ta cũng được an vui và đều được mọi người mến thương quý trọng. Đó là lẽ đương nhiên của đạo lý trong vũ trụ!



MỚI LẠ TỪNG PHÚT GIÂY

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta cần phải tập nhìn thấy mọi sự vật hiện tượng đều mới mẻ. Tuy đã từng ở chung với người đó một hai năm, nhưng mỗi lần gặp lại, mỗi lần nói chuyện với nhau mà luôn giữ tâm trạng quý kính, tôn trọng lẫn nhau như lúc mới gặp chắc chắn không có chuyện đáng tiếc xảy ra và cuộc sống sẽ rất vui vẻ an lạc.

Krishnamurti¹⁹ đã từng làm bài thơ:

19- J. KRISHNAMURTI (11th May 1895 - 17 February 1986), Ông chào đời trong một gia đình Bà-la-môn trung lưu tại ngoại ô tỉnh Madanapalle, miền nam Ấn Độ. Mẹ chết sớm từ khi ông mới lên 10. Tuổi ấu thơ, ông thường xuyên đau yếu, học hành thì lơ đãng, tâm hồn thường chìm đắm trong mơ mộng và có khuynh hướng về tâm linh, về lòng nhân ái, tình thương người, thương vật và yêu thiên nhiên. Điểm then chốt đặc biệt của ông là đều từ cái nhìn tận gốc rễ và vượt thời gian đối với các vấn đề xã hội, chính trị, hoặc kinh tế đang xảy ra. Ông chỉ ra cái nguyên nhân tạo vấn đề nó nằm phía sau như thế nào, và nguồn gốc của mâu thuẫn và bạo lực đã tiềm ẩn trong tâm con người ra sao. Đối với ông, mỗi người đều có khả năng vô biên về sự tự thức tỉnh, nếu họ không bị những xiềng xích của truyền thống về sự sợ hãi, không bị những “đạo sư” che mất ánh sáng của chính họ tự chiếu (This Light in Oneself). Ánh sáng này không thể nhận được từ người khác

*“Ôi! Trùng dương tràn ngập cả lòng ta,
 Một ngày sống đủ trăm mùa hạ.
 Trên gương mặt anh, tôi thấy gương mặt tôi,
 Gương mặt người yêu thương mến lạ!”*

Nếu tâm của người luôn sống trong sự biết ơn thanh tịnh giống như biển cả, nhìn cái gì cũng mới, thấy cái gì cũng lạ, giống như mới gặp lần đầu thì họ sẽ “*Sống một ngày mà đủ trăm mùa hạ*”. Trong nhà Thiền gọi là “*Một niệm muôn năm, muôn năm một niệm*”. Cả nghìn ức năm từ quá khứ đến vị lai đều chứa đựng ở trong một tâm tĩnh lặng hiện giờ. Thói quen thường tình ở đời là khi đã yêu thương ai, thì dù người ấy có làm sai trật, chúng ta cũng nhìn thấy là tốt. Khi giận ghét ai, thì dù người đó có làm đúng, chúng ta cũng nhìn thấy là sai. Sự thấy biết như vậy đã bị phiền não che lấp, không còn hồn nhiên trong sáng nữa. Sống quen với những ý niệm, tư tưởng lăng xăng,

truyền qua như truyền lửa từ ngọn nến này qua ngọn nến khác. Chính sự tĩnh lặng, quán chiếu thâm sâu nội tâm, người ta sẽ thức tỉnh, sẽ xuất hiện ánh sáng của chính bản thân. Trải dài khoảng 60 năm đi khắp đó đây, để thuyết giảng, thỉnh chúng lên tới hàng ngàn người, thường ngồi ngoài trời, nhất là tại các thành phố lớn. Năm 1912, Khishnamurti được hội Thông Thiên Học chính thức tấn phong làm Thế Giới Đạo Sư. Mặc dầu Krishnamurti nói và viết bằng Anh ngữ, các tác phẩm của ông đã được dịch sang gần năm chục thứ tiếng và ấn hành tại nhiều nước. Trên ba triệu ấn bản đã lưu hành khắp thế giới. Các tuyển tập của ông bao gồm trên một trăm ngàn trang viết tay, 2.500 audiotapes và 600 videotapes. Xin ghi lại một vài cảm nhận về ông: Đức Đạt Lai Lạt Ma: “*Krishnamurti là một trong những tư tưởng gia vĩ đại nhất của thời đại*”.

Deepak Chopra: “*Krishnamurti đã ảnh hưởng sâu sắc vào chính cuộc đời tôi, đã giúp tôi vượt qua được sự trói buộc, đã kiếm chế tôi trên con đường tự do, giải thoát*”.

thì tâm luôn bị hữu hạn và mãi bị ràng buộc trong khổ đau. Nếu không thể sống được với ánh sáng suốt hiện giờ, chúng ta đã bị mất rất nhiều niềm an lạc, hạnh phúc. Người nào sống được với tâm trong sáng hồn nhiên ngay giây phút hiện giờ mới có thể tận hưởng được “*ngàn thu chứa trong một khoảnh khắc*”.

Khi chưa hiểu đạo, mình với người là hai sự vật khác biệt nhau. Anh là anh, còn tôi là tôi, chẳng có liên hệ với nhau. Nhưng một khi đã thấu rõ đạo lý Duyên khởi vô ngã thâm sâu, chân thật của Phật pháp thì “*Trên gương mặt anh tôi thấy gương mặt tôi*”. Khi đó chúng ta chính là người kia và ngược lại. Lấy một ví dụ đơn giản cho dễ hiểu là khi chúng ta hỏi bà cụ không quen đang đi trên đường một câu như sau: “Bà ơi! Trên gương mặt của bà, con thấy có gương mặt của con!”. Nghe nói như vậy, bà cụ tươi cười và mình cũng cười theo.

Khi nhìn thấy người đó tươi tắn vui vẻ với mình, thì chúng ta cũng tươi tắn vui vẻ trở lại. Ngay lúc ấy, hai cái cười đó đã gặp nhau và hòa làm một. Khi đức Phật cầm cành hoa sen đưa lên mỉm cười thì ngài Ca-diếp cũng cười mỉm. Đó là lúc trên gương mặt của đức Phật có gương mặt của ngài Ca-diếp và trên gương mặt của ngài Ca-diếp có gương mặt của đức Phật.

Ngay khi cả hai có sự tương tác lẫn nhau thì sẽ toát ra một tình thương của cái gọi là “*Gương mặt người yêu thương mến lạ*”. Tình thương ấy không phải là sự yêu thương bình thường của ái nhiễm ràng buộc, mà là tình yêu thương của đồng thể đại bi. Tình thương bao la khi

thấy muôn loài cùng một thể, cùng một tâm biết sáng suốt như nhau. Do hiểu được như vậy cho nên cuộc sống rất vui tươi, an lạc và “*trùng dương tràn ngập cõi lòng ta*”.

Đừng nên để những ý nghĩ tư tưởng huyễn ảo buộc chặt lấy tâm rộng lớn. Nếu không thì dù có cố gắng cũng không thể học đến chỗ tận cùng của Phật pháp. Cần phải học và nghe chánh pháp thật nhiều, đồng thời huân tập hằng ngày để chuyển hóa nội tâm và dần dần nhân cách đạo đức cũng sẽ được thăng tiến.



TÌNH THỨC VÀ NHỚ ƠN

Chúng ta nếu đã đọc qua quyển sách *Lời vàng của Thầy tôi* - Đạo sư Patrul Rinpoche và ứng dụng sự tu của mình về pháp quán vô thường chắc chắn sẽ thu gặt được kết quả rất thiết thực.

*** Thường quán xét lẽ thật vô thường**

Trong mọi sinh hoạt hằng ngày, mọi lúc mọi nơi chúng ta cần vận dụng quán xét về vô thường. Khi bước lên xe, chúng ta hãy nghĩ rằng có thể chuyến đi này mình sẽ không trở về được nữa; khi nằm xuống giường chuẩn bị ngủ hãy nghĩ rằng sẽ không còn cơ hội thức dậy một lần nữa; khi ăn cơm hãy quán chiếu, bây giờ còn ngồi ăn mà không biết chiều nay có còn ăn cơm được nữa hay không; bước một bước chân hãy xét nghĩ liệu bước chân sau có còn bước được như bước này không... trong từng hơi thở, hãy quán chiếu rằng có thể hơi thở sau không còn hít vào được nữa! Đi tới chỗ nào, làm bất cứ việc gì cũng đều quán chiếu sâu sắc về lẽ thật vô thường đang rình rập khắp mọi nơi, có thể trong

tích tắc, một cái chớp mắt sẽ xảy ra mà không thể nào nghĩ tính hay đoán trước. Vừa rồi ở ngoài khu vực sông Buông có mấy người đang đi tìm chặt cây mây và những người phu tìm vàng làm gần đó bị nước lũ tràn xuống cuốn phăng tất cả mọi thứ. Hai vợ chồng kia bị nước cuốn trôi, nhưng nhờ chụp được ngọn cây nên mới còn sống sót. Theo lời họ kể lại, chỉ chậm trễ vài phút nữa, mạng sống đã không còn tồn tại.

Thường xuyên quán chiếu về lẽ thật vô thường ở cuộc đời và thấy rõ rằng cái chết có thể ập đến bất cứ lúc nào, chúng ta sẽ càng trân quý hơn giây phút hiện tại. Thông thường, ít có ai quán niệm về cái chết, mà mọi người thường nghĩ mạng sống còn lâu dài hoặc là sợ hãi lẫn tránh khi nhắc tới việc xui xẻo đó. Nhưng nếu thường quán niệm, thường suy xét thì sẽ thấy việc ấy rất dễ xảy ra. Vô thường đến bất thành hình, giống như gió không biết từ đâu nhưng khi kéo đến sẽ làm hoa rơi, lửa tắt. Cho nên, từng giây phút hãy luôn quán chiếu về lẽ thật biến đổi sinh diệt tàn hoại của thân tâm và của sự vật để có được tâm quý trọng giây phút sống còn ngay hiện tại. Có thể chúng ta nghĩ sẽ làm điều này, nhưng không ngờ giây lát sau thì không còn cơ hội làm điều ấy được nữa.

Chính vì lẽ đó mà lúc nào chúng ta cũng đặt toàn tâm toàn ý vào trong giây phút hiện tại và điều đó sẽ khiến cho những ký ức dĩ vãng tự nhiên rơi rụng giống như giọt nước không thể đọng lại được trên lá sen. Trước ánh sáng trí tuệ soi rọi về vô thường thì những phiền muộn suy tính, lo lắng sợ hãi đều tan biến giống như mặt trời

lớ dạng trong chốc lát sẽ làm sương mù tan biến. Ánh sáng của tuệ quán vô thường giúp cho chúng ta tỉnh thức rất sâu sắc ngay trong giây phút hiện tại và giúp giảm bớt những lời nói vô nghĩa, hành động vô ích.

Người không biết phương thức tu tập, không biết quán chiếu soi rọi sẽ làm uổng phí rất nhiều thời gian trong suy nghĩ lo lắng, phiền muộn vô ích và điều đó chỉ làm cho thân tâm thêm mệt mỏi, nhọc nhằn mất nhiều năng lượng, sức khỏe bị giảm thiểu và sự minh mẫn của đầu óc bị lu mờ, tâm thức không còn bén nhạy nữa, cuối cùng mọi việc bị thất bại không như những gì đã nghĩ tưởng trước đó.

Ngược lại, không lãng phí năng lượng của sự tỉnh thức, chúng ta có thể sử dụng rất nhiều ánh sáng của tâm để ứng phó với mọi việc, cho nên khi có việc cần đến chúng ta rất bình thản tỉnh táo nhìn ra được nhiều góc độ, phương diện để mà giải quyết. Sự tỉnh thức vô thường trong mọi phút, mọi giây mọi nơi mọi chốn và không để hoang phí thời gian vào những lời nói tầm phào, vô nghĩa không đưa đến sự bình an, cũng không đưa đến tâm tĩnh lặng và trí tỏa sáng.

*** Luôn thiết lập chánh niệm tỉnh thức**

Không có chánh niệm chúng ta sẽ làm rạn nứt tình thương, có những hành động chia rẽ lẫn nhau, gây đau khổ cho mình và người khác. Vì thế nên chúng ta cố gắng thiết lập sự tỉnh thức trong từng giây phút hiện tại sâu sắc bằng cái nhìn của ánh mắt vô thường, đau khổ bất toại nguyện và sự trống rỗng không có chủ của các pháp.

Có chánh niệm tỉnh thức sâu sắc sẽ giúp rút ngắn tất cả những công đoạn, thời gian, công sức, tâm lực, trí lực, sức lực trong mọi việc làm và trong cả sự tu học.

Người tu tập chánh niệm tỉnh thức có thể ít làm, nhưng khi làm thì đạt hiệu quả thành công rất lớn. Trái lại, không có chánh niệm tỉnh thức, thấy làm nhiều mà kết quả không được bao nhiêu, có khi lại còn hư hao, suy tổn đến cội gốc tu hành niệm định tuệ của bản thân.

Từ hàng cư sĩ đến bậc xuất gia phải ý thức sâu sắc về sự tu tập của chính mình và thấy rằng đó là cơ hội ngàn năm có một. Trong vô lượng kiếp vừa qua, chúng ta đã trôi lăn ở trong sanh tử và sự sống chết đã tái diễn hàng vạn, hàng tỉ lần, cho nên ngay trong kiếp sống hiện tại này, cần nắm bắt được cốt lõi của Phật pháp là điều vô cùng quý báu; đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, đối với một đạo tràng lý tưởng có cảnh trí, có vật thực, có pháp, có Thầy, có bạn, có môi trường không khí trong lành là một thắng duyên mà không phải ai cũng có!

Phải quán chiếu về cơ hội ngàn năm có một đó để đem cả trái tim, sinh mạng ra mà tu tập; phải làm sao mỗi một ngày trôi qua chúng ta đều tích lũy được công đức phước báu và không để uổng phí một ngày đáng sống. Đến tối, trước khi nằm xuống ngủ, hãy ngồi ở trên giường xem xét lại trong ngày hôm nay đã tích lũy được công đức, phước báu hay điều lành thiện gì hoặc đã tu tập được trí tuệ gì? Không để một ngày trôi qua suông; không để một giờ đi qua một cách uổng phí! Thậm chí trong mỗi giây mỗi phút phải luôn thấp sáng ngọn đèn

chánh niệm trong suốt ngày lẫn đêm. Phải luôn có “*Hăm bốn giờ tinh khôi*” ở trong thiện pháp ngay cuộc sống hiện tại.

Những bài thơ, bài kệ của các bậc Tổ sư hay các vị thầy lớn sáng tác ra không phải để chúng ta học thuộc rồi giảng nói cho hay mà đó là tuệ giác, là bí kiếp chánh pháp được truyền lại từ đức Phật và các vị Thánh tăng. Nếu khéo biết sử dụng bản thân sẽ được lợi ích.

“Một tác thời gian một tác vàng.

Tác vàng khó chuộc tác thời gian”.

Dù sau này chúng ta thật sự có thỏi vàng 9999 cũng không đổi được năm phút tu phước, tu huệ và công đức của ngày hôm nay. Ngày nào cũng là ngày tích lũy công đức và phước báu; giờ nào cũng là giờ thực tập chánh niệm tỉnh thức. Đừng có lơ lửng buông lung, hãy luôn tinh tấn nhiếp niệm sẽ thấy cuộc sống hiện tại rất giá trị và có ý nghĩa.

Trong kinh *Tương ưng bộ*, đức Phật có dạy người tu chần dốt con trâu tâm hoang dại bằng cách nắm sợi dây xỏ mũi của nó và không bao giờ được lơ là để nó tự do chạy càn.

Trong kinh *Di giáo*, đức Phật cũng có dạy rằng: “*Này các đệ tử, trong các giác quan của con người, ý là quan trọng nhất. Các vị phải thận trọng chế ngự tâm ý mình. Tâm ý rất đáng sợ, nguy hiểm còn hơn thú dữ, rắn độc, thậm chí nguy hại hơn cả nạn hỏa hoạn. Cũng như có người mãi mê cầm giữ chén mật trên tay và quên đi hàm hổ trên đường, sẽ bị vấp ngã. Cũng như voi say mà không*

có móc sắt; như khi vượn gặp được cây rìng tha hồ mà chuyền nhảy, muốn chế ngự chúng thì thật là khó. Vì vậy, các vị siêng năng chế ngự tâm mình, để giữ gìn tất cả các pháp thiện...”

Ngày hôm nay đã chụp được “cái phao” của chánh pháp, nên bám cho chặt đừng để lơ lửng sóng đánh mạnh làm mất phao sẽ khiến chúng ta chết chìm trong biển sanh tử buồn đau. Nếu mất đi chánh pháp, rất dễ rơi xuống ba đường xấu ác. Không cần đợi tới lúc chết mới đọa vào ba đường ác, mà ngay trong cuộc sống hiện tại mà nội tâm lấy lòng tham, sân, si, đau khổ, hờn trách, oán hận buồn phiền sâu não, tức là đã đang ở trong những con đường tăm tối .

*** Thường nhớ ơn và đền ơn**

Khi đức Phật vừa mới thành đạo, Ngài đã cảm ơn cây Bồ-đề vì đã che chở trong suốt thời gian tu tập. Đây là một cách bày tỏ lòng chân thành biết ơn và cảm ơn người hay vật đã giúp đỡ cho mình. Đại đa số người trong chúng ta có thói quen không nhớ ơn người khác, thậm chí là các bậc cha mẹ của mình. Phương pháp biết ơn và đền ơn có tác dụng và ý nghĩa rất tuyệt diệu, không giây phút nào mà người tu không nghĩ sự cảm ơn đến tất cả mọi người và mọi vật.

Minh Thành rất cảm ơn các huynh đệ đang hiện diện ở đây, sự có mặt của các huynh đệ đã làm cho chỗ tăm tối trở thành sáng suốt; nơi không ai biết trở thành chỗ mà tất cả mọi người đều đến thăm viếng tu tập.

Thực tập tâm biết ơn và cảm ơn sẽ giúp chúng ta nhìn người nào hay sự vật gì cũng cảm thấy vui vẻ, mến thương. Không nên luôn nhớ công lao của mình vì làm không được bao nhiêu so với Phật Tổ, Cao tăng, bậc tiền bối, mà hãy nhớ ơn của những người đã làm việc và đã mang niềm vui đến cho mình. Cũng đừng nghĩ chúng ta đã làm nhiều mà mọi người không trân trọng việc làm của mình, bởi vì tất cả họ đều biết mà không nói. Như lời trong kinh *Nhân quả* đã dạy: “*Giả sử trái trăm nghìn kiếp, việc đã làm của mình cũng không mất; khi nhân duyên hội tụ đầy đủ sẽ biểu hiện ra hoa trái*”.

Việc làm rồi chúng ta không cần nhớ, nhưng người khác nhớ mãi. Không cần nhớ việc mình đã làm cho người khác mà hãy nhớ việc người khác đã làm cho mình, đối cách suy nghĩ như vậy tự nhiên tâm sẽ hoan hỷ, vui tươi. Trái lại, chỉ nhớ việc mình làm cho người khác mà không nhớ việc người khác làm cho mình thì sẽ ưu buồn, hờn trách, bất mãn. Tu học tinh thần đại bi là cần phải thấm nhuần đạo lý vô ngã vị tha để xả thân làm việc, không chấp trước vào những việc nhỏ bé thì chắc chắn thành công rộng lớn về sau.

Thật ra, chẳng phải chờ tới sau này mới thành công, trên phương diện căn bản đã thành công rồi. Sử dụng được tâm Bồ-đề làm chỗ phát khởi điểm để làm mọi việc đã là một bước thành công. Sức của chúng ta làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, không tính số lượng. Luôn luôn có tâm tinh thức chánh niệm để thấy được sự vô thường. Trân quý giây phút hiện tại và bồi dưỡng ba thứ tư lương quan trọng:

1- Xả thân làm tất cả những việc có thể làm được tùy theo khả năng là **Phước**.

2- Trong khi làm việc mà vẫn không quên quán chiếu về vô thường, khổ, không, vô ngã, cho nên tuy làm tất cả mà trong tâm không có nhớ việc đã làm là **Huệ**.

3- Làm được hai việc đó rồi thì tự nhiên phát sanh ra công đức vì không nhớ nghĩ, tính kể hay khoe công lao là **Đức**.

Người có được ba thứ tư lương này có thể tung hoành ngang dọc trong Tam thiên đại thiên thế giới. Bất cứ đi tới chỗ nào cũng được phúc lạc tràn đầy sung mãn, mười phương chúng sanh đều kính ngưỡng. Cho nên bất cứ ở đâu, cũng nhìn thấy là cảnh đẹp, gặp gỡ toàn người đẹp, thưởng thức những đồ vật đẹp, không phải là đẹp thông thường mà là thù thắng, do sự biểu hiện của công đức phước báo trí huệ. Người như thế là đã tích lũy Ba-la-mật trong vô lượng vô biên kiếp, nay biểu hiện ra hình tướng bên ngoài.

Nếu tu không khéo sẽ làm hao mòn phước huệ và công đức. Cũng đừng mới được ít mà cho là đủ; đừng nên chưa hiểu mà tưởng đã hiểu; chưa tròn vẹn mà vội nghĩ đã viên mãn. Nhớ ơn cha mẹ, ông bà và những người thân thương nhất đã chấp nhận để cho chúng ta đi xuất gia tu hành. Thương cha mến mẹ, ân của thầy, đàn na tín thí, phải sống sao cho trọn vẹn, sống sao cho xứng đáng, quên đi những lợi ích cá nhân. Nghĩ đến chỗ rộng lớn của Phật pháp, Tam bảo, đạo tràng, đại chúng, của nhân loại, của chúng sanh. Ở ngoài đời, mỗi một giờ mỗi

ngày họ đều làm ra tiền của rất nhiều. Chúng ta tu hành cũng vậy, mỗi một ngày phải tích lũy thật nhiều phước huệ, công đức và phải nhìn thấy pháp lành lớn lên từng ngày, từng giờ.

Hết thấy việc làm xả thân vì chánh pháp vì chúng sanh không bao giờ mất. Đến khi công viên quả mãn sẽ thấy được tất cả đều nằm trong bốn chữ “*Bất khả tư nghị*”, chẳng thể suy nghĩ luận bàn. Lúc đó, quả phúc hoa trái nở rộ sẽ thù thắng hơn trong những sự thù thắng.



Chương X

SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI



ĐẠI ĐẠO

Hiện giờ chúng ta ngồi yên lặng lắng nghe tiếng mưa rơi ngoài hiên hòa lẫn với tiếng ếch nhái, côn trùng. Từ chỗ nghe đó mà đi sâu vào tự tâm và nhận ra bản tánh chân thật của mình là Tánh biết hồn nhiên trong sáng vô nhị, không có một mảy may thành kiến thương ghét, tham sân.

Điều đặc biệt nhất mỗi khi thức dậy là chúng ta phải thấy được hạnh phúc và mỉm cười. Sự hạnh phúc của một ngày mới là chúng ta vẫn còn có mặt ở trên thế giới này; sự có mặt ngay bây giờ rất kỳ diệu và thiêng liêng. Đừng nên đi tìm hạnh phúc ở đâu xa, mà chỉ cần ngay tại chỗ ngồi bây giờ với nhận thức rõ sự có mặt của mình trong tánh nghe sáng suốt. Tâm trong sạch hiện tại khi mới vừa ngủ thức dậy và thấy rằng hôm nay ta vẫn còn sống, có thể mở mắt ra nhìn thấy được sự vật, nghe được âm thanh, bước chân được thoải mái, miệng nói chuyện vui vẻ đó là hạnh phúc kỳ diệu mà mọi người ít ai nhận ra. Muốn thấy được hạnh phúc, chúng ta phải thường

thực tập an lạc và hoan hỷ vào mỗi khi thức dậy bắt đầu cho một ngày mới.

* Lòng tin kiên cố

Tụng niệm và lễ lạy tuy là thời khóa tu tập, nhưng vẫn không quan trọng bằng sự chuyên hóa nội tâm. Do tâm ý thường quen đi theo chiều bi quan tiêu cực, não nề phiền muộn, ràng buộc vì không thấy điều gì có thể làm cho chúng ta vừa lòng, thoải mái, do đó ở mọi lúc mọi nơi luôn luôn ở trong tâm trạng đau khổ sâu muộn. Đem tâm quay trở về ngay giờ phút này, nghe tiếng mưa rơi với sự có mặt của thầy bạn xung quanh, đốt một thanh trầm khói bay lên cũng là diệu huyền, gọi là “Trầm đạo”; tay nâng một nhành hoa lên cúng Phật bằng cả tâm thành kính, đó là “Hoa đạo”; hoặc cầm một quyển kinh lên xem và biết được giá trị cao quý vô thượng của Pháp bảo, thấy được con đường thấu hiểu và xót thương nguyện sẽ học theo, hành trì an lạc cho mình và cho người, chính là đạo xem kinh “Kinh đạo”. Khi đem một chậu tùng từ ngoài sân vào trang trí cho pháp tòa trang nghiêm, chúng ta cúi đầu cảm ơn cây tùng thì đó là “Tùng đạo”. *Làm tất cả mọi sự, mọi việc bằng tâm chân thành, cẩn trọng và cung kính thì tất cả đều là đạo.*

Truyện kể rằng một bà lão sống ở xứ Tây Tạng có lòng rất hâm mộ chí thành, tha thiết, tin tưởng cung kính đức Phật. Bà muốn nhờ người con thường đi buôn sang Ấn Độ tìm giúp bà một mảnh xá lợi của đức Phật để chiêm ngưỡng và tôn thờ. Dù bà dặn đứa con bao nhiêu lần, nhưng anh ta vẫn cứ quên. Lần này, bà nói trước khi

người con ra đi rằng nếu lần này anh ta không đem một cái gì của Phật về thì bà sẽ tự sát. Cũng như những lần trước, sau khi bận rộn mua bán hàng hóa, anh ta một lần nữa lại quên mất việc mà bà mẹ đã dặn dò. Đến khi đi được nửa đường anh ta mới sực nhớ việc ấy, lo sợ bà mẹ sẽ chết vì không nhìn thấy được xá lợi của đức Phật.

Trong lúc túng thế, nhìn thấy một cái xác con chó chết khô nằm bên cạnh đường, anh ta bèn đưa tay bẻ gãy chiếc răng nanh của nó và đem cất vào trong túi áo mang về nhà. Anh ta đã nói dối bà mẹ rằng đó là chiếc răng của đức Phật. Bà mẹ tin thật nên trong lòng hoan hỷ vô cùng, xúc động mắt đầm lệ. Từ đó bà siêng năng đến bàn thờ lễ lạy xá lợi của đức Phật bất cứ thời gian nào rảnh trong ngày. Do có tâm thành kính như vậy, cho nên sau một thời gian lễ lạy xung quanh chiếc răng chó ấy lại sanh ra thêm mấy viên xá lợi nhỏ, mà người ta gọi là “xá lợi sanh ra”. Vào ngày cuối cùng, bà qua đời an lành, điềm nhiên và từ nơi chiếc răng của con chó ấy tỏa ra ánh sáng tuyệt đẹp. Như vậy, nếu nói đó là răng chó cũng không đúng, mà nói xá lợi cũng không đúng, nhưng mà có được sự cảm ứng từ lòng tin.

Chúng ta học đạo mà không tin Phật hết lòng, không tin pháp trọn vẹn, không đem tất cả tâm chân thành để tôn kính đối với Tăng bảo, nhất là đối với thầy và cũng không tin khả năng giác ngộ của mình thì mãi mãi sự tu chỉ ở trong tưởng tượng, không thấy an vui đối với sinh hoạt thường nhật. Làm nghi đạo là một cái gì đó phải vô lượng kiếp sau mới có được. Thật ra, không có đạo nào

tách rời khỏi thân, miệng, ý; không có đạo nào lìa thế gian này; không có đạo nào ở ngoài cuộc đời này, đạo ở ngay trong bước chân, ở trong lời nói, ngay trong hành động, hơi thở và từng ý niệm.

Đây là bàn tay bằng gỗ, trước đây có thể là khúc gỗ bị vứt bỏ ở ven đường không ai thèm dòm tới, nhưng hiện tại nó mang hình dáng một bàn tay bằng gỗ đẹp đẽ và có giá trị nghệ thuật cao. Như vậy, từ một khúc cây vô dụng ở bên ven đường cũng có thể làm nên được pháp khí, một đồ vật biểu tượng cho Pháp bảo. Ngài Liên Hoa Sanh nói: “*Hãy hòa tâm con với Pháp*”, hãy tuân thủ nguyện lớn ban đầu khi mình rời khỏi gia đình. Con hãy hòa tâm con với Pháp, hãy nắm được Pháp, hãy suy niệm về Pháp, hãy quán chiếu Pháp.

Trước tiên, phải biết Pháp là gì, chúng ta mới có thể hòa mình với Pháp. Bàn tay của chúng ta có thể cầm một con dao và có thể cắt gọt thức ăn hoặc có thể làm ra được nhiều công việc hữu ích khác; nhưng cũng chính bàn tay đó và con dao đó cũng có thể giết người hại vật và cũng bàn tay đó lại là biểu tượng của Pháp bảo.

Khi chúng ta xá chào người khác với hai bàn tay úp lại tạo thành búp sen. Cách bắt ấn hai bàn tay mở rộng gộp lại tạo ra hình hoa sen nở. Điều đó mang ý nghĩa là chúng ta khi gặp ai muốn tạo niềm vui thân thiện thì trước tiên hoa sen trong lòng của mình phải nở rộ. Các vị Tổ sư Mật tông xứ Tây Tạng khi gặp một người nào đó, các Ngài sẽ không có chào hỏi với câu xã giao thông thường là “*Anh có khỏe không?*”, mà thay vào đó

là câu “*Tâm từ bi của anh có lớn hay chưa?*”, “*Anh có thêm lòng thương xót đối với mọi người không?*” hoặc là “*Anh có phát được tâm Bồ-đề chưa?*”

Nếu vì đại Bồ-đề tâm, dù có gian khổ nhọc nhằn, phải đổ mồ hôi nước mắt, xương máu thậm chí là hy sinh tánh mạng cũng giữ vững ý chí không lay chuyển đổi dời. Bản thân Minh Thành vì tu hành nhiều khi phải trải qua mấy lần chướng ngại quá mức đến nỗi sức mình không vượt được, nhưng với lòng tin kiên định đối với tâm cầu giác ngộ rộng lớn, rồi cũng cố gắng vượt qua để vững bước đi tiếp trên con đường Đại đạo. Nếu khi mới bệnh, buồn chán hay mệt nhọc một chút mà kể công, có khi đòi phải đền trả giống như đi làm ăn thì đâu còn là Bồ-đề tâm nữa. Hòa thượng Trúc Lâm dạy rằng, trong việc tu học cần phải đạt cho được pháp lạc, pháp hỷ và phải có được tâm kiên cố trường viễn, vững chắc, dài lâu. Người tu phải có đủ ý chí như vậy mới có được những vị xứng đáng làm rường cột cho Phật pháp và đủ sức gánh vác trọng trách cho Phật giáo Việt Nam.

*** Thực hành chuyển hóa nội tâm**

Ngày nay mọi người theo Phật giáo ở trên khắp thế giới đều mong muốn có những phương pháp thực hành chuyển hóa được đau khổ. Bởi vì trong quá khứ cho đến hiện tại, có nhiều người tụng kinh suốt 10 năm, 15 năm và có khi còn lâu hơn nữa, nhưng đau khổ vẫn không giảm bớt và phiền não vẫn còn nhiều, thậm chí có những người học hiểu rất cao thâm, giảng nói thao thao bất tuyệt, mà tham, sân, si vẫn ngùn ngụt bùng cháy. Vì vậy mà Phật

giáo ngày nay rất cần sự thực dụng bằng những phương pháp thực tế đơn giản để mọi người thực tập trong cuộc sống hằng ngày chuyển hóa đau khổ và có được an lạc.

Trong lúc tu tập, chúng ta phải tìm đủ mọi cách, mọi phương tiện để chế tác ra an vui và sự thanh thoi tự tại. Mỗi một giờ tu, mỗi một giờ niệm Phật, mỗi một giờ tĩnh tọa, mỗi một giờ thọ trai, mỗi một giờ nghe pháp hoặc mỗi công việc đang làm trong giờ chấp tác phải có niềm vui, sự thú vị và có sự cảm nhận an lạc ngay trong đó. Trước tự mình phải có nhẹ nhàng thanh thoi, mới có thể giúp cho người khác.

Nếu tu tập mà mặt mày héo sầu, nhăn nhó đau khổ thì không ai dám tu theo mình. Điều đó chứng tỏ ở bên trong không có an lạc và hạnh phúc, không có thấy thích thú trong thực hành giáo pháp. Mỗi câu niệm Phật có dạt dào pháp hỷ và tín tâm hay là chỉ làm cho xong trách nhiệm. Điều này rất quan trọng, nếu không làm được thì dù tu tới bao lâu cũng không có được thanh thoi tự tại. Ngay trong hiện tại mà tu tập không có an vui thì đừng mong sau này có an vui, và càng không thể mong đến chết sẽ có được an vui. Cũng giống như ăn mà không có no ngay; uống mà không có hết khát được mà nói rằng để 10 năm sau sẽ no và hết khát là chuyện phi lý. Ngay lúc niệm Phật, tụng kinh, nghe pháp hoặc ngay lúc hành trì mà không thấy có chút gì là thanh thoi, thích thú an vui thì chỉ là tu trong sự tưởng tượng.

“*Tâm u trung xuất hình u ngoại*”, ở trong tâm có thì ở ngoài hình tướng liền biểu hiện. Chúng ta cần phải khéo thực tập tạo ra sự hoan hỷ vui tươi hằng ngày ở

trong nội tâm để làm chuyển hóa mọi sự khổ đau. Minh Thành cũng có giới thiệu những phương pháp thực tập tại Pháp Ấn Sơn như: Lạy lá rơi, thọ trai cũng là pháp tu, uống trà, lạy núi, đi kinh hành, tĩnh tọa, nghe pháp, pháp đàm, soi sáng, hỏi đáp, hơi thở của Phật ... để mọi người ở đây hoặc ở những vùng miền xa xôi đến đây thực tập và cảm nhận được sự thanh tịnh lạc ngay trong giây phút hiện tại.

Phật pháp có vô lượng vô biên pháp môn, trong đó niệm Phật rất dễ hành trì, nhưng niệm Phật theo hơi thở thật là một điểm mạnh ở trong công phu. Đừng nghĩ rằng lên chánh điện mới là thời khóa tu, phải dụng công trong mọi lúc, mọi nơi thì sự tu mới tiến bộ. Sáng sớm từ bên chánh điện chúng ta đi qua Trai đường cũng phải đi giống như lúc thiền hành. Lúc nào cần việc thì nói, cần tính thì tính một chút xong rồi phải trở về công phu. Bước ra khỏi Trai đường xong rửa chén trong chánh niệm là có được thần thông và diệu dụng ngay trong lúc làm việc, không phải tìm ở đâu xa; Cực lạc tịnh độ hiện tiền ở trong chỗ lau bàn rửa chén. Đừng nghĩ rằng trong những chỗ làm việc là không thể tu tập, rồi buông lung tâm ý nói chuyện huyên thuyên. Đó là vì tâm ý chưa có tha thiết đối với đạo, chưa có hòa tâm mình với Pháp. Pháp là tỉnh sáng; Pháp là chánh niệm; Pháp là sự nhận biết mình đang nói gì, làm gì, đang ở chỗ nào, ở trên cương vị nào. Chúng ta đang là hành giả, là người tập tu, là người chuẩn bị bước lên cung điện của giải thoát đều phải nên tỉnh thức rõ biết.

* Học đi đôi với hành

Học pháp và hành pháp đó là chánh hạnh của người xuất gia. Bây giờ ngồi đây, chúng ta thọ nhận sự dạy bảo của Thầy như thế sẽ có những tâm trạng không thoải mái, nhưng sau này khi đã cạo tóc đắp y thọ giới làm Thầy, đến lúc đó mới thấy được giá trị không thể đo lường được của ngày hôm nay. Khi chúng ta thọ giới Tỳ-kheo rồi sẽ không còn ai dạy bảo nữa, cũng không còn sự quản thúc nữa, và lúc đó chúng ta cũng không còn chịu nghe ai giáo dục mình nữa!

“Tài dưỡng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỳ-kheo”, trong luật đã nói trước từ xưa rồi, vừa thọ giới Tỳ-kheo thì đã xưng ta là “Thầy”, cho nên càng thọ giới lâu chừng nào thì càng phải rèn luyện, mài giũa đẽo gọt cho đến tận cùng để đón nhận sự chỉ dạy từ một vị thầy tâm linh rồi sẽ thấy được giá trị vĩ đại. Vị thầy dạy đạo có thể quyết định hơn phân nửa cuộc đời tu hành cũng như sự nghiệp đạo hạnh của chúng ta. Nếu không khéo chúng ta sẽ bị rất nhiều thầy tà hướng dẫn đi vào con đường tăm tối hoặc là những lối tẻ không phải là chánh đạo vô ngã đại bi.

Tuy nhiên, nếu chúng ta đã gặp một vị thầy hướng dẫn đi theo chánh hạnh, mở cho mình một con đường, trao cho chánh pháp vô thượng mà lại không tiếp nhận, muốn đi một con đường riêng khác mà mình cho rằng đó là đúng thì về sau không thể trách lỗi vị Thầy. Cần phải trân trọng duyên lành phải tu trong nhiều kiếp mới được ở tại chỗ thanh vắng A-lan-nhã như thế này. Đây là điều mà trong lời cảnh sách của ngài Liên Hoa Sanh luôn lặp

lại không dưới một trăm lần, phải ở núi rừng ẩn cư. Cho nên, Minh Thành cũng có ý nghĩ rằng trong tông chỉ tu hành và đường lối của Pháp Ấn Sơn nhất định phải có thêm một mục nữa là sống ở núi rừng để tu tập.

Nhìn chung, đại chúng là những người rất tốt, rất chịu khó và có tâm hiền lành, nhưng chưa có đủ hùng lực và đại nguyện. Vì vậy, chúng ta cùng nhau bỏ túi thêm những việc đó nữa thì thành công chắc chắn sẽ đến trong nay mai. Nhất định Pháp Ấn Sơn sẽ có đủ năng lực để đóng góp một tay cho Phật giáo Việt Nam thắp sáng lên ngọn đèn chánh pháp vô thượng mấy ngàn năm của Phật tổ!



SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI

Trong Phật giáo có câu “*Duy tuệ thị nghiệp*”, nghĩa là chỉ có trí huệ mới là sự nghiệp chân thật. Tuy chúng ta đã nghe nhiều lần đến thuộc lòng, nhưng thật sự hiểu rõ được giá trị và ý nghĩa để chuyên tâm lo cho sự nghiệp của trí tuệ thì rất hiếm!

Một lần do tình cờ nhìn thấy trên truyền hình có trình chiếu bộ phim Sự nghiệp vĩ đại mà trong tâm dâng trào cảm xúc, nay có dịp chia sẻ cảm xúc với quý huynh đệ về sự nghiệp vĩ đại của người tu.

Trước khi nói về sự nghiệp vĩ đại của người tu, chúng ta hãy nhìn xét lại những sự nghiệp nhỏ hẹp, mong manh tạm thời ở đời. Người ta xem việc sở hữu và thành thạo một nghề như buôn bán, thợ mộc, thợ hồ hay chăm sóc cây kiểng... và còn vô số những ngành nghề khác kiếm ra nhiều tiền là điều mãn nguyện. Những người khác nghĩ đến những sự nghiệp cao hơn một chút là được thi vào đại học, chọn một khoa về tin học, mỹ thuật hay y dược, kỹ sư rồi cố gắng học hết tám năm, để đạt đến cấp

thạc sĩ hay tiến sĩ, mười năm đi du học ở nước ngoài để lấy bằng cấp quốc tế, rồi làm việc cho các hãng nước ngoài có danh tiếng, kinh tế dồi dào là họ hài lòng, thỏa mãn. Những minh tinh điện ảnh thì xem việc có danh tiếng và thu nhập cao là đã đạt tới đỉnh vinh quang của sự nghiệp. Có những người giàu có khiến người nghe phải nể phục như là triệu phú hay là tỷ phú thế giới dành cả cuộc đời để đầu tư vào việc kiếm tiền và giành thắng lợi trong những cuộc đấu giá và họ xem đó là những thành tựu về sự nghiệp...

Bây giờ tiến thêm một bước sâu hơn nữa là bàn luận về sự nghiệp của người tu hành. Trước tiên là hàng cư sĩ, có những người lúc trước sống ở ngoài đời luôn khổ sở vì tiền của, tình cảm, danh vọng, địa vị, mà nay đã biết được Tam quy ngũ giới hoặc Bát quan trai giới có sự tu tập tương đối an ổn thì liền có tâm hài lòng hạnh phúc; kể đến là những người thực hành pháp môn niệm Phật hoặc tu thiền hay tụng kinh, trì chú... sau một thời gian nỗ lực có được một chút an lạc tương đối liền cho đó là sự nghiệp tu hành; hơn nữa, có một số cư sĩ hiểu thông kinh điển, giảng thuyết chẳng những với người tu tại gia mà họ cũng nói thao thao bất tuyệt ngay cả với chư Tăng, Ni. Họ thỏa mãn với sự học vấn nghiên cứu về Phật giáo và lấy đó làm sự nghiệp cho bản thân.

Tiến thêm một bước nữa là sự nghiệp của người xuất gia. Có người xuất gia thực hiện hạnh nguyện xây dựng được ngôi chùa to cho hàng tu sĩ và cư sĩ, người quý mến cảnh thiền môn đến chiêm bái là sự nghiệp một

đời; lại có vị tu hành tạo được uy tín và có tín đồ đông đảo, Phật tử nhiều là thành công sự nghiệp; hoặc những người có năng khiếu tạo dựng quan cảnh kiến trúc Phật giáo thật đẹp mắt và lấy việc đó làm sự nghiệp; có những vị xuất gia lấy học vấn, đi du học nước ngoài, được học vị cao nhất, bằng cấp tiến sĩ Phật học là sự nghiệp cao cả; thậm chí có người xem việc làm từ thiện khắp nơi là sự nghiệp chính yếu...

Tuy nhiên, cũng có một số ít vị sau khi đã xuất gia luôn lấy việc tự giác cho bản thân làm sự nghiệp. Họ sống theo hạnh viễn ly trần thế, xa lìa đời sống thế gian ồn náo, một mình ở trong non sâu rừng vắng, dưới tán cây, bên bờ suối hoặc sống trong am tranh, một căn nhà trống, phải bỏ hết tất cả những thế sự trần tục để quyết chí tu tập giác ngộ giải thoát cho bản thân. Đây là đã bước đến sự nghiệp lớn của tự giác. Tuy ý chí tự giác đã là “vĩ” rồi, nhưng vẫn chưa có “đại”, cho nên cũng chưa được gọi là “sự nghiệp vĩ đại”. Có một sự nghiệp khác xứng đáng gọi vĩ đại là giác ngộ cho bản thân và giác ngộ cho tất cả chúng sanh của Bồ-tát đạo. Đến đây mới đáng được gọi là “sự nghiệp vĩ đại của Phật giáo”.

Có tâm thương xót trước cảnh khổ đau do vô minh mê lầm của chúng sanh mà muốn giúp đỡ, bảo bọc, dung chứa cũng như cứu độ hết tất cả gọi là phát tâm Bồ-đề. Đây mới thật là sự nghiệp vĩ đại của người tu Phật. Tuy nhiên, sự nghiệp vĩ đại này không tách rời những sự nghiệp đã nói ở phía trước. Điểm quan trọng là ở trong tâm phải có được sự nghiệp này thì những sự nghiệp

khác đều tốt đẹp. Nếu đã có tâm Bồ-đề bên trong thì tất cả những ngành nghề như học thuật, văn hóa, giáo dục, xây chùa v.v... đều trở thành Phật sự. Ngược lại, nếu không có tâm đại Bồ-đề này mà chỉ có những sự nghiệp nhỏ kia thì chưa phải là sự nghiệp vĩ đại trong Phật giáo.

* Tâm Bồ-đề

Tâm Bồ-đề là chúa tể của tất cả mọi công đức, là khởi điểm của hàng hà sa số chư Phật và Bồ-tát đã tu tập ở trong quá khứ, đang tu tập trong hiện tại và sẽ tu tập trong vị lai. Xuất phát điểm của chư Phật, Bồ-tát chính là tâm Bồ-đề này, các Ngài dùng tâm này làm tất cả mọi việc để bảo bọc, lo lắng chăm sóc đưa chúng sanh qua khỏi biển khổ đến được bờ an vui. Ngoài ra, phát được tâm Bồ-đề sẽ giúp chúng ta nhìn thấy muôn loài đều là cha mẹ, ông bà, anh chị em của mình; bất cứ ai cũng đều là người thân, không phải chỉ riêng hai đấng sanh thành.

Nhờ có tâm Bồ-đề, chúng ta nhìn thấy được tất cả trên thế giới không có một chỗ nào là chỗ riêng của mình, mà bất cứ nơi nào cũng đều là chỗ của mọi người và mình cùng sống hài hòa. Thậm chí trong sự ăn uống cũng không có cái riêng bản thân hưởng thụ, mà là ăn uống với muôn loài. Trong thức ăn có rất nhiều thứ trong đó: nước, đất, không khí, ánh sáng, những giọt sương và cả trời đất. Việc ăn uống của chúng ta luôn có liên hệ với vũ trụ vạn vật. Chính vì chúng ta tồn tại là nhờ tất cả vạn vật phục vụ cung cấp nuôi dưỡng, nên sau khi đã ăn uống rồi, chúng ta nỗ lực làm để chăm lo trở lại cho muôn loài là lẽ đương nhiên! Không thể ăn no bụng

rồi quên hết mọi việc ân nghĩa đáp đền. Đó chính là sự tương quan rõ ràng của duyên khởi.

Đức Phật chỉ dạy đạo lý Duyên khởi giúp chúng ta có được trí huệ nhìn thấy rõ được sự liên hệ trùng trùng vô tận giữa chúng ta và vạn pháp muôn loài. Khi đã thấy được như vậy rồi tự nhiên chúng ta luôn có chánh niệm, trí huệ tự nhiên sáng suốt và có tâm lượng rộng mở bao la. Sự thấy biết của chúng ta vượt thoát mọi kiến chấp nhỏ hẹp, riêng tư ích kỷ cá nhân. Lúc đó mọi việc làm, ý nghĩ và cách sống không còn cho riêng bản thân nữa mà làm và sống vì nhân loại chúng sanh.

Thực hành như vậy, mọi sự tu tập dù một câu niệm Phật cũng không còn niệm cho riêng mình được thanh tịnh nữa, mà cho tất cả chúng sanh thanh tịnh. Tất cả người xa hoặc gần khi tiếp xúc với mình cũng được nhận phần từ trường thanh tịnh đó. Có thể nói, sự thanh tịnh ở nơi mình cũng là thanh tịnh của tất cả chúng sanh và ngược lại chúng sanh thanh tịnh thì bản thân mỗi chúng ta cũng thanh tịnh. Khi chúng ta khéo ứng dụng uy nghi trong Tỳ-ni thì mỗi một bước chân là đều vì chúng sanh:

*“Cát chân từng bước trong ngày,
Mong cho tất cả mọi loài,
Sớm thoát biển sâu sinh tử,
Pháp lành công đức đủ đầy”.*

Khi ngồi lên Bồ đoàn thiền tập, cũng với tâm nguyện lợi tha:

*“Dụng cụ ngồi thiền vừa trải,
Mong cho tất cả chúng sinh,*

*Mở bày pháp lành lợi lạc,
Giúp người thấy tướng chân như”.*

Chân tướng chính là đạo lý Duyên khởi. Khi thấy được tính tạm bợ vay mượn sinh diệt của Danh sắc, tức là thân tâm của vạn pháp không có lõi chắc, tức là thấy được sự thật. Mọi sự đều là một chuỗi kết hợp các điều kiện, yếu tố, nương gá mà thành hình, do đó chúng ta với vạn vật đều tương đồng và luôn có liên hệ mật thiết với nhau.

Thực hành theo *Tỳ-ni nhật dụng* dành cho người mới xuất gia cũng đã giúp phát triển tâm Bồ-đề. Tất cả các việc làm của chúng ta đều nguyện cho chúng sanh là vì giúp cho bản thân phát khởi mầm chồi của tâm Bồ-đề. Chính đó mới thật là sự nghiệp vĩ đại của người tu.

Bài thơ do Ngài Tinh Vân sáng tác được đạo diễn Trần Gia Lâm phổ nhạc bài hát và dùng làm nhạc nền trong bộ phim *Trăm năm Hư Vân Hòa thượng*, có đoạn hát rằng:

*“Trong tâm có Phật,
Tôi không sợ sưng sa lóp lóp,
Tôi không sợ cát đá trùng trùng,
Tim mạch tôi và bạn cùng nhảy,
Tâm linh tôi và bạn tương dung”.*

Đạo lý Duyên khởi ở chỗ *“Tim mạch tôi và bạn cùng nhảy”*, tức là bạn cũng trái tim, cũng cùng nhịp mạch và tôi cũng có trái tim, cũng cùng nhịp mạch như nhau; *“Tâm linh tôi và bạn tương dung”* tức là mọi người đều có cùng Tánh biết như nhau. Khi biết nghĩ đến việc chung lớn từ tâm Bồ-đề, chúng ta sẽ vượt thoát ra khỏi

“bản ngã”, chuyển hóa “cái tôi” bé nhỏ hòa nhập với “đại thể” của tất cả vạn loài.

* **Tình thương rộng lớn**

“Sự nghiệp vĩ đại” được dựng lập từ nơi pháp tu mà chúng ta đang hành trì; một hơi thở mượn vào và một hơi thở trả ra nhìn thấy rõ được bản chất vay mượn tạm bợ, kết hợp của thân và tâm; tất cả đều là vô ngã. Tuy nó vay mượn tạm bợ vô ngã không thật, nhưng lại nương gá và có sự quan hệ chặt chẽ với muôn loài. *Chúng ta ăn của muôn loài thì sau đó phải lo cho muôn loài; học từ muôn loài thì phải biết ơn và báo đáp cho muôn loài.* Đó là mối tương duyên giữa vạn vật trong vũ trụ. Đối với các vị Bồ-tát khi thấy duyên đến, có chúng sanh khổ đau, thì liền tự động khởi tâm đại bi tế độ, mà không suy nghĩ về việc được mất, thua thiệt.

Có thấy được chỗ vi diệu đó, chúng ta mới có thể xả bỏ những cái nhỏ bé giả danh, “đồ dỏm” như ngôi chùa, Phật tử, đồ dùng quý giá, bằng cấp hay kiến thức, sự tu học, địa vị... để chăm lo cho sự nghiệp trí huệ vô ngã và tâm Bồ-đề vĩ đại mà mình luôn quán niệm và thực hành. Chỉ cần chuyên tâm lo cho cội gốc vô ngã của vạn vật thì sẽ phát khởi được cành lá sum sê của tâm đại từ đại bi đối với muôn loài và mọi phương tiện tự nhiên đầy đủ. Người tu tập được như vậy, Phật Tổ khen ngợi, thấy biết được như vậy chư Bồ-tát sẽ hoan hỷ, dùng trí tuệ và từ bi đó hướng về mười phương sẽ làm cho chúng sanh được lợi lạc. Như vậy chúng ta mới xứng đáng nhận sự cung kính, cúng dường của đàn na tín thí.

Tâm Bồ-đề mở rộng bao nhiêu thì sức dung chứa của chúng ta sẽ lớn bấy nhiêu. Nếu chỉ nghĩ thương huynh đệ sống cùng trong chùa hay thương cha mẹ của mình thì sẽ được mấy người đó thương lại; còn khi mở tâm lớn thương những người chưa quen biết, thương những người không thương và thậm chí thương luôn những người thù ghét mình thì trước có thể hóa giải nghiệp báo, sau sẽ làm tăng trưởng thiện duyên với họ và sẽ biến thù hận thành yêu thương. Tình thương rộng lớn đó có được là từ nơi sự hiểu sâu về nhân quả nghiệp báo và lý tương tức của Duyên khởi. Lúc trước chúng ta hành động cư xử với người thế nào thì bây giờ họ đáp trả lại giống như vậy. Ngoài ra, chúng ta còn hiểu thêm với ánh sáng của trí tuệ và tâm từ bi là vì người ta không hiểu đạo nên mới nói và hành động như vậy, riêng chúng ta đã hiểu thì nên tha thứ bao dung cho họ.

Tâm lượng càng lớn, tình thương càng rộng bao nhiêu thì bà con, anh chị em của chúng ta càng nhiều bấy nhiêu. Tâm lượng càng rộng lớn thì tình thương càng trải ra khắp nơi từ ngôi chùa nhỏ cho đến tận cùng thế giới. Lần đầu tiên, Minh Thành có dịp đi hoằng pháp ở bên Canada, một điều bất ngờ là có những cụ bà, cụ ông, những Phật tử trẻ nhỏ và những người đang đi làm cũng xin nghỉ phép suốt hai tuần lễ để tiếp rước, đưa đón từ chỗ này qua chỗ kia giảng và còn lo lắng từng miếng ăn giấc ngủ. Đó là do họ có lòng tôn kính Phật, Pháp và Tăng. Đồng thời cũng do tâm từ của mình mở rộng khiến cho mọi người đều yêu mến. Bởi, *không phải chỗ này là chỗ của mình, nhưng cũng không phải là không của mình.*

Chỗ này hơi khó hiểu, nhưng nếu phân tích suy xét thì cũng dễ biết. Không phải ngôi chùa này là của chúng ta, bởi vì nó phải do rất nhiều người đóng góp tiền của và công sức vào đó; cũng không phải là không của chúng ta là vì mỗi người đến đây tu tập phải có trách nhiệm lo lắng chăm sóc cho đạo tràng an ổn để làm chỗ cho mọi người quay về tu hành.

Sự tu hành khó ở chỗ nếu thấy tất cả mọi thứ là của mình thật thì tâm liền bị dính mắc đau khổ. Ngược lại, nếu thấy không phải là của mình thì quăng bỏ, mặc người muốn làm gì tùy thích. Chỗ trung đạo trong Phật giáo đặc biệt ở chỗ “*bất tức bất ly*”, không phải là của mình mà cũng không phải là không của mình. Ứng dụng được rồi thì mới thấy điều kỳ diệu, không thể tưởng tượng được ở trong sinh hoạt hằng ngày. Sự hành trì không nên bó gọn trong cái tâm nhỏ hẹp, mà phải mở rộng ra khắp mọi loài, đó chính là sự nghiệp vĩ đại của người tu.

Thật vậy, truyền thống từ xưa tới nay tại chốn Tông lâm là mỗi ngày công phu hai thời tụng kinh vào buổi sáng và buổi tối. Suốt ngày chỉ làm công việc cần thiết xung quanh chùa. Trong thời tụng kinh, chúng ta đã quen tụng văn Hán Việt, cho nên dù đọc tụng đã lâu mà ý nghĩa thì chẳng thể rõ. Xã hội hiện đại trên khắp thế giới, thời kỳ mau chóng chính xác của tin học, không còn chú trọng yếu tố nghi lễ rườm rà. Con người thời nay rất cần làm việc nhanh gọn, đi thẳng vào trọng điểm, thực tập có lợi ích hóa giải đau khổ có được sự an lạc nhẹ nhàng mà không ưa chuộng lễ nghi cầu kỳ. Bởi vì cuộc sống bên ngoài đã quá căng thẳng tất bật, bây giờ vào chùa

phải làm theo quá nhiều nghi lễ nữa thì họ sẽ không chấp nhận. Do đó, chúng ta tạo lập những thời khóa công phu phải đi thẳng vào cốt lõi của Phật pháp, không đi qua những phương tiện trung gian làm mất nhiều thời giờ và không thấy được trọng tâm của giáo pháp giải thoát. Ở Linh Quy Pháp Ấn hay còn gọi là Pháp Ấn Sơn (thôn 4, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng), chúng ta thường đọc tụng kinh *Di giáo*, kinh *Tứ niệm xứ*, kinh *Pháp cú* và các bộ kinh *Nikaya* có trước đây hơn 2.000 năm để truy tìm nguồn gốc đức Phật đã tu như thế nào để chúng ta tu theo như thế đó. Cách sinh hoạt ở đây đẩy mạnh vào hai việc tu và học, còn những việc làm khác chỉ là phụ trợ. Người tu thiền thì chuyên chú ngồi thiền; người niệm Phật thì quyết tâm niệm; người nghiên cứu kinh điển phải lập chí nghiên cứu cho thông suốt. Tất cả đều đi thẳng vào trọng tâm tu học giáo pháp.

Có học mới hiểu để tu, có tu thì mới hóa giải được những phiền não, hóa giải được phiền não thì mới nhẹ nhàng, thanh thoi, có thanh thoi thì mới có được tự tại an lạc, có được an lạc thì mới được giải thoát cho bản thân. Sau đó, đem sự giải thoát này tháo gỡ giúp đỡ cho mọi người cùng được tự do. Sự nghiệp vĩ đại của bản thân cũng chính là sự nghiệp của muôn loài chúng sanh. Do vậy, mỗi người cần phải nỗ lực tiến tu nhiều hơn nữa trên sự thực tập Thiền tuệ của chính mình. Thực hành được tâm đại Bồ-đề mới xây dựng thành tựu được sự nghiệp vĩ đại.

NGUYỄN LỚN KHÔNG CÙNG

Buổi tối đi kinh hành ở trên Quán Chiếu Đường được thắp sáng với tất cả bóng đèn, đưa mắt nhìn xuống phía dưới bình nguyên bao la để cảm nhận vẻ đẹp bình yên của khung trời đêm trên đồi cao. Đến sáng, mở cửa nhìn ngắm sương mù giăng đầy trời, nghe tiếng chim hót, nhìn ánh mắt của tượng Phật và thỉnh thoảng gió thổi nhẹ cành trúc lay làm rơi rụng những giọt sương đọng ở đầu cành lá. Khi mặt trời lên cao, sương mù tan dần, hiện rõ ra mọi vật xung quanh. Bao nhiêu là hoạt động tự nhiên của vạn vật đang diễn ra trong khoảng đại ngàn vô tận chỉ có thể tự thân cảm nhận mà không biết dùng lời gì để mô tả. Ngay khi ấy, trong lòng Minh Thành dâng trào cảm xúc tịnh lạc với niềm biết ơn cuộc sống và vạn loài vô hạn. Trước tiên là nhớ công ơn của Phật, kế đến là nhớ ơn của Pháp, sau nữa là nhớ ơn của Tăng, trong đó có công ơn nhọc nhằn vất vả của các huynh đệ đã đóng góp. Nhìn thấy mọi người khiêng gổ, vác cây nặng nhọc đến nỗi tay bị đứt chảy máu, chân bị thương mang theo

và bệnh hoạn cũng phải cố làm, không dám nghỉ ngơi... khiến lòng Minh Thành rất xót xa, nhưng sự tu hành cần phải đào luyện thân tâm mới có thể tiến bộ!

Khi bước đến chỗ cổng chào trước hang động, nhìn thấy những cành trúc, tảng đá, lá tùng thì tâm của Minh Thành cũng khởi lên sự cảm ơn vì tất cả đã kết thành nên một **“cõi Phật giữa trần gian”** tuyệt đẹp và đầy đạo vị. Sự có mặt của vạn vật hiện ra ở trước mắt và xung quanh chúng ta, chỉ với tâm thanh tịnh cảm nhận sâu sắc mới có thể thấy rằng phải có nhân duyên sâu dày từ nhiều đời nhiều kiếp chúng ta mới có được khung cảnh tu hành thanh tịnh an lạc như thế này.

Trong bài *Sơn cư bách vịnh* có đoạn:

*“Sơn cư phong cảnh tự thiên nhiên,
Đại đạo chiêu chiêu tại mục tiền”.*

Nghĩa là:

*“Phong cảnh ở núi vốn tự nhiên,
Đạo lớn sáng ngời ngay trước mắt”.*

Vẻ đẹp của núi rừng là vẻ đẹp của đạo và sự chân tu thật học, hiền hòa từ ái, sự chịu khó, kiên trì, bền chí vững tâm tu của của các huynh đệ khiến cho mọi người khi một lần đến đây đều cảm mến được, đó là vẻ đẹp của người tu. Trước tiên là đẹp từ lời nói, cử chỉ của người xuất gia, rồi sau đó mới tới cái đẹp của đại ngàn. Ngược lại, nếu chỉ có cảnh đẹp mà lời nói và hành vi của con người sống ở nơi đây không đẹp thì chẳng ai muốn đến đây nữa. Sự tu tập thu nhiếp thân tâm hằng ngày luôn giữ vai trò quan trọng, cho nên dù làm gì hay ở đâu, chúng ta không được phép quên tu tập.

* Đào luyện thân tâm

Những lời kệ trong bài *Sám quy mạng* ở chùa mỗi thời công phu khuya thường tụng đọc có ý nghĩa nhắc nhở sâu sắc cho người xuất gia, xin tạm dịch như sau:

*Sanh nơi trung tâm đất nước
Sớm gặp được bậc Minh sư
Lòng tin chân chánh xuất gia
Trẻ thơ đã vào cửa đạo.
Sáu căn thông minh bén nhạy
Ba nghiệp thuần hậu hiền hòa
Chẳng nhiễm duyên đời,
Thường tu hạnh trong sạch.
Giữ gìn giới pháp, chẳng vương nghiệp trần
Bảo hộ uy nghi, côn trùng cũng không tổn hại.
Chẳng bị rơi vào tám nạn²⁰*

20 - Bát nạn: Là tám loại chướng nạn khiến không được gặp Phật, không được nghe chánh pháp. *Trường A-hàm-quyển 9*, kinh *Thập thượng*, *Trung A-hàm-quyển 29*, kinh *Bát nạn*, nêu tám nạn như sau:

a) **Nạn ở địa ngục** chịu hình phạt khổ đau, không ngừng nghỉ.

b) **Nạn ở trong qui đói.** Cảnh giới của loài quý đói khát, muốn ăn uống mà không được.

c) **Nạn ở trong súc sinh**, súc sinh có nhiều loại, nhưng cũng đều theo nhân chịu báo, hoặc được người ta nuôi, hoặc ở núi rừng biển cả, thường bị đánh đập giết hại, hoặc ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô cùng.

d) **Nạn ở cõi trời sống lâu, cõi trời này sống lâu năm trăm kiếp.** Tức là trời Vô tướng trong Thiên thứ tư ở cõi Sắc. Vô tướng, có nghĩa là tâm tướng không hoạt động nữa, như côn trùng tôm cá dưới lớp băng đóng cứng; những người tu hành ngoại đạo phần nhiều sinh vào cõi này, nên bị ngăn không được thấy Phật nghe pháp.

e) **Nạn sinh vào Uất đơn việt.** dịch là nơi sung sướng. Những người sinh nơi đây, sống một nghìn tuổi, không ai chết non, tham đắm hưởng lạc, không nhận sự dạy bảo, nên Thánh nhân không sinh vào đây, không được thấy Phật

Đầy đủ bốn thứ nhân duyên²¹

nghe pháp.

f) Nạn mù điếc câm ngọng, những người này tuy được sinh ở trung quốc (chỉ vùng Ma kiệt đà ở trung bộ Ấn độ xưa), nhưng nghiệp chướng sâu nặng, mù điếc câm ngọng, các giác quan không hoàn toàn, tuy gặp Phật ra đời, nhưng không thấy được Phật, không nghe được Ngài nói pháp.

g) Nạn thể trí biện thông, nghĩa là tuy khôn ngoan lanh lợi, nhưng chỉ đắm theo kinh sách ngoại đạo, không tin chánh pháp xuất thế.

h) Nạn sinh ra trước Phật sau Phật, nghĩa là do nặng nghiệp ít phúc, nên sinh trước Phật sau Phật, không được thấy Phật nghe pháp.

[X. luận Đại trí độ Q.13; Đại thừa nghĩa chương Q.8; kinh Duy ma, Q.hạ, phẩm Hương tích Phật].

21 - Bốn điều kiện (Tứ duyên): Theo luật duyên sinh thì bất cứ một sự vật nào trong vũ trụ cũng đều do nhiều sự vật khác hợp lại sinh ra. Những sự vật khác đó gọi là “Duyên” – nghĩa là điều kiện. Theo Duy Thức Học thì có bốn loại điều kiện tất cả:

1. Nhân duyên, là điều kiện chính, là chủng tử, là cái nhân để sinh ra một vật. Hạt lúa là điều kiện chính để sinh ra cây lúa; chánh niệm là điều kiện chính để phát sinh trí tuệ, v.v...

2. Tăng thượng duyên, là điều kiện phụ giúp. Những điều kiện phụ giúp này cũng có thuận và có nghịch, cho nên chúng có thể phân làm hai loại: những điều kiện giúp cho điều kiện chính phát sinh và tiến triển cho đến khi có được thành quả mỹ mãn, thì gọi là “thuận tăng thượng duyên”; ngược lại, những điều kiện đe dọa, ngăn cản, phá hoại, làm cho hạt giống không thể phát sinh được, thì gọi là “nghịch tăng thượng duyên”. Có điều nên chú ý, không phải lúc nào thuận tăng thượng duyên cũng là tốt và nghịch tăng thượng duyên cũng là xấu, mà cũng có trường hợp ngược lại.

3. Sở duyên duyên, là điều kiện đối tượng của nhận thức. Danh từ “sở duyên duyên” gồm có hai danh từ nhập lại: “sở duyên” và “duyên”. “Sở duyên” nghĩa là đối tượng của nhận thức; và “duyên” nghĩa là điều kiện. Duy Thức Học nói, “nhận thức luôn luôn bao gồm chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức”. Biết thì không thể biết suông, mà phải là biết cái gì; nhận thức luôn luôn phải là nhận thức một đối tượng, cho nên, không có đối tượng thì không có nhận thức. Vì vậy, sở duyên là điều kiện thiết yếu cho thức, tức là điều kiện thiết yếu để vạn pháp có mặt.

4. Đẳng vô gián duyên, là điều kiện tiếp nối liên tục, không gián đoạn của

Trí Bát-nhã luôn sáng ngời,
 Tâm Bồ-đề vững không lui sụt.
 Tu tập chánh pháp, thấu suốt đại thừa
 Mở ra cánh cửa Lục độ,
 Vượt qua biển kiếp Tam kỳ.
 Dựng cờ pháp khắp muôn nơi
 Xé lưới nghi ở mọi chốn
 Hàng phục bọn ma, nổi thanh Tam Bảo.
 Phụng sự mười phương chư Phật, chẳng sợ nhọc nhằn
 Tu tập tất cả pháp môn, thấy đều thông đạt.
 Rộng làm phước huệ Lợi khắp trần gian,
 Chứng sáu thứ thần thông
 Trọn một đời nên quả Phật.
 Sau đó, chẳng bỏ Pháp giới, vào khắp hồng trần
 Đồng với tâm từ bi Quán Âm,
 Vào trong biển hạnh nguyện Phổ Hiền”.

vạn pháp. Trong dòng sông của vạn pháp cần có sự liên tục, nếu gián đoạn thì sẽ không có gì được hình thành cả. Nếu tôi của phút thứ nhất mà không có tôi của giây thứ hai tiếp nối thì sẽ không còn gì là tôi cả! Vì vậy, đấng vô gián cũng là một điều kiện vô cùng quan trọng cho sự hiện hữu của sự vật.

22- Phổ Hiền Bồ Tát: Vị Bồ tát cõi voi trắng hầu bên phải đức Phật Thích Ca, 1 trong 4 vị đại Bồ tát. Bồ tát Phổ hiền biểu thị Lí, Định, Hành, cùng hiển bày sự viên mãn về lí trí, định tuệ và hành chứng của Như lai, thường trợ giúp đức Như lai tuyên dương giáo pháp để hoàn thành việc lợi ích chúng sinh. Vì thân tướng và công đức của vị Bồ tát này trùm khắp tất cả, thuần một vị diệu thiện, cho nên gọi là “Phổ hiền”. Phẩm *Phổ Hiền hạnh nguyện* phẩm, kinh *Hoa nghiêm - quyển 40* nói về 10 hạnh nguyện rộng lớn của bồ tát Phổ hiền. Mười đại nguyện này tiêu biểu cho hạnh nguyện của tất cả Bồ tát, cho nên cũng gọi là “Phổ hiền nguyện hải”. Vì hạnh nguyện rộng lớn của Ngài nên vị Bồ tát này thường được gọi là “Đại hạnh Phổ hiền Bồ-tát

Cõi này phương kia, theo loại tùy hình
 Ứng hiện sắc thân, tuyên dương Diệu pháp.
 Nẻo khổ địa ngục, nơi đường ngạ quỷ
 Hoặc chiếu soi ánh sáng lớn
 Hoặc hiện biến hóa thân thông.
 Nếu có người thấy dáng tôi
 Cho đến nghe tên tôi
 Đều phát tâm Bồ-đề
 Thoát hẳn luân hồi khổ.
 Trong lò lửa sông băng, biến thành rừng gỗ hương
 Những kẻ uống đồng ăn sắt, đều được sinh về Tịnh độ.
 Mang lông đội sừng, oan trái nợ nần
 Hết sạch đắng cay, thấy đều lợi lạc.
 Khi dịch bệnh hiện làm dược thảo, trị liệu trăm kha,
 Lúc đói thiếu hóa ra lúa gạo, cứu giúp nghèo khổ,
 Hễ có lợi ích, thấy đều gắng làm.
 Kế đến mong rằng:
 Oán thân trong nhiều đời
 Cùng quyến thuộc hiện giờ
 Ra khỏi sự chìm đắm của tử sinh
 Buông bỏ tham ái cột muôn đời.
 Cùng với muôn loài
 Đồng thành Phật đạo.
 Hư không có hết, nguyện con khôn cùng
 Hữu tình vô tình, cùng tròn trí Phật.

Phổ hiện”. Núi Nga Mi thuộc tỉnh Tứ xuyên của Trung quốc xưa kia là đạo tràng của Bồ-tát. [X. phẩm *Nhập pháp giới kinh Hoa nghiêm Q.60* (bản dịch cũ); luận Đại trí độ Q.9; *Pháp hoa nghĩa số Q.12*; Đại nhật kinh số Q.1, 9]. (xt. Phổ Hiền).

Trong bài Sám trên có đoạn: “*Dựng cờ pháp khắp muôn nơi, xé lưới nghi ở mọi chốn. Hàng phục bọn ma, nói thạnh Tam Bảo*”. Nghĩa là chỗ nào chúng ta cũng xây dựng đạo tràng. Dựng đạo tràng ở mọi chốn có nhiều ý nghĩa, với nghĩa bình thường tức là xây chùa tháp, kiến tạo đạo tràng tu học. Nghĩa sâu sắc hơn nữa đó là ở trong mọi sinh hoạt đều không có lìa đạo. Sâu sắc hơn nữa là trong mỗi ý niệm của mình không rời pháp. Đó là trong tâm cũng xây dựng đạo tràng, trong ngôn ngữ hành vi cũng dựng xây đạo tràng và ở bên ngoài chúng ta đang kiến tạo Pháp Ấn Sơn, như thế là trong và ngoài đều hợp nhất.

Hàng phục nội ma bên trong tâm, nói thạnh Phật, Pháp, Tăng làm cho Tam bảo phát triển lớn mạnh ở thế gian này.

“*Phụng sự mười phương chư Phật, chẳng sợ nhọc nhằn. Tu tập tất cả pháp môn, thấy đều thông đạt*”. Phụng sự, tôn thờ chư Phật cũng chính là phục vụ chúng sanh mà không nghĩ tới chuyện khỏe hay mệt. Vì còn nghĩ đến khỏe hay mệt là còn nghĩ cho riêng mình. Phải làm cho rạng rỡ Tam bảo, đem chánh pháp đến cho nhân loại và muôn loài trong hiện tại và tương lai dù vất vả và mệt mỏi, thậm chí là phải hy sinh cả tánh mạng.

Chư Phật mười phương tức là tất cả mười phương Phật tử về đây tu học. Chúng ta tiếp đón hoan nghinh mọi người, mở rộng “cánh cửa Phổ môn”, tạo mọi thuận duyên điều kiện cho họ phát tâm tu học, cảm nhận được pháp, thấy được con đường, đó là đang thừa sự thập

phương chư Phật, không có mệt mỏi. Đương nhiên với khả năng của chúng ta thì khi làm việc sẽ có lúc thân thể mệt mỏi, nhưng trong tâm luôn hướng về đạo Bồ-đề, không đặt nặng cái riêng cho mình, mà mong lợi lạc cho chúng sanh, đó là đang thừa sự chư Phật, cho nên mới nói: *“Phụng sự chúng sanh là cúng dường chư Phật.”*

Ví dụ, có người lên núi tu với tâm hoan hỷ cung kính, nhưng cũng có nhiều người khó tánh đòi hỏi đủ việc hay góp ý, tranh luận. v.v... thậm chí là họ còn bắt lỗi này nọ, nhưng nếu chúng ta vẫn giữ được tâm bình thản lắng nghe và thậm chí còn đáp ứng được những đòi hỏi quá mức để giúp cho họ an lòng tu học thì mới là người có công phu. Gặp những việc như vậy mới thấy được nội lực tu hành, còn lúc bình thường không xảy ra chuyện gì, thì ai cũng giống như nhau. Trong chỗ khó đó phải chịu khó được thì mới có thể lên lớp. Muốn bước lên một cấp bậc cao hơn nữa thì càng phải có tâm khiêm hạ, càng hạ thấp xuống thì càng nâng mình lên cao, dù không muốn lên cao mà tự nhiên siêu việt.

Học hiểu được một phần nào đó rồi tự nghĩ rằng đã biết hết Phật pháp thì sẽ đóng bít cánh cửa giác ngộ. Chúng ta chỉ tu một pháp phù hợp nhất định, nhưng khi có nhân duyên điều kiện thuận lợi thì nên lắng nghe người khác chia sẻ, dù đó là người cư sĩ bình thường, thậm chí là một đứa bé. Nếu họ nói lời chánh pháp thì chúng ta phải chịu khó lắng nghe. Luôn để tâm an trú nơi địa vị của người học trò thì chúng ta sẽ tu học và thông đạt được hết tất cả pháp môn. Không nên nghĩ khi đã

xuất gia thì chúng ta là bậc thầy và không còn nghe học từ nơi người nào khác nữa.

Hãy mở lòng ra để học với giọt sương, học với cành trúc, học với làn gió, học với tiếng chim, học với đám mây tụ tán, học với ánh đèn, học với bếp lửa hồng, học với cây chổi quét nhà, học với đồng rác, học với chiếc lá vàng, học với đọt trà xanh, học với những đóa hoa cà phê nở rộ. Trời lạnh cũng học, trời nóng cũng học, trời không nóng không lạnh cũng học với thời tiết. Người khó mình cũng học, người dễ mình cũng học được, người không dễ không khó mình cũng học được, người rất khó mình cũng học được... Tất cả mọi sự đều đáng để cho chúng ta lưu tâm quán xét tu học như vậy, sau này sẽ được thông suốt hết thấy tất cả pháp môn, đó là đang đi trên con đường lớn Đại đạo.

Ngày nào cũng đọc: *“Tự quy y Phật, nguyện cho chúng sanh, hiểu thấu đại đạo, phát lòng vô thượng”*, nhưng tâm của chúng ta lại quá nhỏ bé, trái ý một chút là liền nổi giận, nghịch lòng một chút là khởi sân, cái này không được cái kia cũng không được... không phù hợp với Vô thượng tâm. Nếu cứ muốn mọi người phải theo ý của mình, hễ trái ý một chút là giận dữ khó chịu và phiền não thì đều là tiểu đạo; Ngược lại, lắng nghe hết tất cả, nhìn thấu và cảm thông tất cả, giúp đỡ được cho tất cả chính là đại đạo. Tuy hiện tại có thể chúng ta chưa làm được hết những việc đó, nhưng cũng đã hiểu nhiều nên phải thực tập và bước trên con đường cần phải đi.

* **Rộng kết duyên lành**

“*Rộng làm phước huệ, lợi khắp trần gian*”. Mỗi ngày đều đặn vun bồi phước đức trí huệ không thấy chán, không thấy đủ, không thấy như vậy là được rồi, đối với sự tu tập phải là phước huệ quảng đại rộng lớn vô lượng, vô biên, vô cùng, vô cực, vô thủy, vô chung. Tâm tham muốn đối với phước huệ không bao giờ giảm thiểu, gọi là “Dục vô giảm”; hễ có cơ hội là gieo trồng và làm cho nó tăng trưởng phát triển rộng lớn.

Như thế là giúp cho chúng ta đi vào “cánh cửa Phổ môn” của Đại bi Quán Thế Âm hay “Pháp giới môn”. Tuy thân này chỉ có mấy mươi ký, nhưng tâm phải là bao trùm pháp giới; không nên nhìn nhỏ nhặt, những việc hơn thua tầm thường theo thế gian. Hãy dùng con mắt pháp, mắt tuệ, mắt đạo để nhìn nghe, cảm nhận mọi đối tượng có thể ứng cơ tiếp vật; dùng tâm từ bi thương xót để đối đãi với tất cả những sự việc, con người cho hợp lý. Luôn dùng đạo lý, giảm bớt tình riêng để làm việc hay tiếp người, thì sẽ làm phước tuệ rộng, lợi khắp trần gian. Làm lợi ích cho khắp tất cả những thế giới nhiều như cát bụi, không phải chỉ làm lợi ích cho một số người nào đó, không có giới hạn bất cứ nơi nào chốn nào.

“*Chứng sáu thứ thần thông*” là khi mắt thấy sắc liền quán chiếu lẽ vô thường để tháo gỡ vướng mắc, tai nghe tiếng liền quán chiếu lẽ vô ngã để tháo gỡ ràng buộc, cho đến mũi ngửi mùi, thân xúc chạm, ý duyên pháp cũng quán chiếu về sự trống rỗng, là pháp duyên sinh. Sáu căn đối với sáu trần luôn có phương pháp tu tập, có chánh niệm tỉnh thức không bị chúng ràng buộc,

cũng không đắm nhiễm. Cứ tu tập như vậy lần lần rồi mắt, tai, mũi, lưỡi, được thông suốt, không trệ ngại thì được sáu thứ thần thông, gọi là “Lục thông”.

Ở trên là nói lý và khi chúng ta đạt được sự thì sự lý viên dung có được thần thông thật sự. Một khi tâm sáng tỏ thì thông suốt hết tâm người khác; mắt tỏ rồi nhìn sự việc biết phải làm gì cho đúng, cho nên nhà Nho có câu nói: “*Vật hữu bốn mặt, sự hữu chung thủy. Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ*”, tức là vật có góc ngọn, việc có trước sau. Người nào biết được thứ tự trước sau thì người đó gần với đạo. Nếu không biết làm việc nào trước, làm việc nào sau thì sẽ đảo lộn mọi trật tự. Ngược lại biết cái nào trước cái nào sau để sắp đặt thì mọi việc sẽ đầu vào đây một cách đơn giản. Sự học và sự tu cũng vậy, nếu không biết trước sau mà làm đảo lộn thì sẽ không bao giờ có kết quả hoặc là sẽ bị làm đường lạc lối; cho dù có kết quả nhưng không được bao nhiêu.

“*Tròn một đời nên quả Phật*” là vậy, hoa trái giác ngộ trong một đời này có thể thu hoạch được. Tâm đại Bồ-đề có thể trong một đời này được kiên cố. Đây là chỗ đặc biệt của công phu tu hành.

“*Chẳng bỏ Pháp giới, vào khắp hồng trần. Đồng với tâm từ bi Quán Âm, vào biển hạnh nguyện Phổ Hiền*”. Sau khi thành tựu rồi chúng ta không có rời bỏ thế giới này, mà đi vào khắp nơi ở trong chốn bụi bặm khổ não của chúng sanh bằng lòng từ của Quán Âm, thực hành hạnh nguyện của Phổ Hiền.

Mỗi khi làm việc nhiều quá khiến cho thân thể mệt mỏi và nội tâm bức bối, thì liền quán xét thấy tội nghiệp

mấy người già, người bệnh và vì những người còn ham muốn dục lạc nên còn khổ đau, họ rất cần chúng ta cứu giúp thì tự nhiên ngay lúc đó tâm liền chuyển từ mê mệt, khó chịu tự nhiên sang thông cảm và dễ chịu. Mỗi khi tụng kinh chúng ta thường đọc: “*Dương chi tịnh thủy, biến sai tam thiên*”, nghĩa là cảnh dương nước tịnh, rưới khắp ba ngàn thế giới, đem tình thương và sự nhẫn nại đến với muôn loài. Một niệm thương xót khởi lên xua tan mọi mê mệt, bức tức trong lòng, chỗ đó là Quán âm xuất hiện ngay trong một niệm.

Đồng thời, đi đến bất cứ chỗ nào cũng phải nhớ bổ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Trong hoàn cảnh nào thấy người khó khổ là bổ thí. Vào những chỗ rối loạn vẫn giữ được an tịnh là trì giới. Gặp việc khó khăn rắc rối mà vẫn chịu đựng được đó là nhẫn nhục. Ở chỗ buông lung mà vẫn kiên trì giữ giới là tinh tấn. Gặp chỗ loạn mà tâm định tĩnh không động tức là có thiền định. Đến chỗ phải say mê, đắm nhiễm mà luôn tỉnh thức chánh niệm đó là có trí huệ. Như vậy, Lục độ mỗi ngày, mỗi giờ đều có mặt.

“*Cõi này phương kia, theo loại tùy hình. Ứng hiện sắc thân, tuyên dương Diệu pháp*”. Những việc này có thể làm được ở ngay hiện tại, mà không phải chờ đến khi thành Phật, Bồ-tát rồi mới làm được. Phương kia hay là chỗ này, ở thành phố, hay ở quê tùy theo từng trường hợp, hình dạng, tính cách của con người, hoàn cảnh mà ứng hiện sắc thân để cho thích nghi và dùng các pháp mà đối đãi với mọi người.

Diễn dương diệu pháp không có nghĩa phải lên ngôi tòa giảng pháp, mà khéo léo dùng phương tiện giúp cho người ta cảm nhận hiểu được chánh pháp để bỏ ác làm lành. Đưa tấm chăn cho người đang lạnh, đem gôi nằm cho người cần ngủ, bung ly nước cho người đang khát đưa mang chén cơm cho người đang đói... hành động thích hợp như vậy mà tâm ý hoan hỷ an lạc là đã “tuyên dương diệu pháp”.

Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ ở trong mọi hành động, lời nói và việc làm mà biết rõ ràng, tỏ sáng, đó là phong cách siêu việt của người có trí huệ. Tìm Ba-la-mật-đa ở đâu? Tìm bờ kia ở chỗ nào? Nếu biết thì ngay ở bờ này chính là bờ kia, còn như không biết thì suốt đời và thậm chí trải qua trăm kiếp nhọc công tìm mãi cũng không bao giờ thấy bờ kia. Như vậy, biết thì bờ này tức là bờ kia; không biết bờ này chỉ là bờ này và bờ kia mãi là sự tưởng tượng.

“Nẻo khổ địa ngục, trong đường nga quý, hoặc soi ánh sáng lớn, hoặc hiện biến hóa thân thông”. Đây là tâm nguyện của người tu, của bậc Đại nhân đi trên con đường rộng lớn của Bồ-tát, dù vô lượng vô biên kiếp trôi lăn ở trong sanh tử nhọc nhằn đau khổ cũng không bỏ chúng sanh, đó là bản sắc của Đại thừa, là cốt lõi của Bồ-đề tâm, là trái tim của ba đời mười phương các đức Như Lai và Bồ-tát.

Ở trong các đường khổ địa ngục, nga quý, súc sanh, phóng ánh sáng soi rọi vào các chỗ tối tăm đó để cứu vớt những chúng sanh đang đau khổ. Người đang sân hận

tìm đến muốn gây sự, bên ngoài biểu hiện ra cái tướng của bàng sanh, mà ngay chỗ đó chúng ta dùng ánh sáng của chánh niệm, tỉnh giác không sân hận với họ, thì tự nhiên họ sẽ cảm nhận được sự tu tập của mình mà bình ổn lại nội tâm, đó là phóng đại quang minh cứu vớt người đang bị đọa lạc ở cảnh giới Bàng sanh. Hoặc người keo kiệt bõn sẻn, tính toán mà chúng ta dùng tâm xả để đối đãi khiến cho họ nể phục và trở nên hào phóng hơn, chính là đang phóng đại quang minh cho loài Ngạ quỷ si mê, ám chướng. Ngã mạn cống cao chúng ta đem tâm khiêm hạ, vô ngã ứng xử với họ thì ngay chỗ đó là phóng đại quang minh vào đường địa ngục.

Như vậy, lúc nào chúng ta cũng có hào quang của chánh niệm, hào quang của sự tỉnh thức để soi chiếu giúp đỡ cho mọi người. Hào quang vô lượng đó gọi là Vô lượng quang ở trong câu danh hiệu A Di Đà Phật. Đức Phật thì luôn biết phóng quang, còn chúng ta niệm Phật hoài mà không thấy Phật phóng quang tức là đức Phật của mình chưa linh!

“Buông bỏ tham ái cột muôn đời, cùng với muôn loài đồng thành Phật đạo. Hư không có hết, nguyện con khôn cùng. Hữu tình vô tình, cùng tròn trí Phật”. Xa lìa sợi dây ân ái đã trói buộc chúng ta trong muôn kiếp để cùng với muôn loài dù có tình thức hay không có tình thức, đều thệ cùng nhau đồng đạt được trí huệ Như Lai.

BỐN NGUYỆN RỘNG LỚN

Có tâm lớn mới thành được người lớn. Là người lớn mới có thể làm được việc lớn. Muốn có tâm lớn thì phải có hiểu biết lớn, tình thương lớn, hùng lực lớn, hạnh nguyện lớn. Tâm lớn thì ở trong nhà lớn, sức dung chứa lớn mới chăm lo hết cho mọi chúng sanh; đó là tâm Bồ-đề, báu vật của vũ trụ.

Có được tâm lòng thương mến hết thấy muôn loài mới xứng đáng làm thầy của tất cả chúng sanh, đó chính là báu vật của Đại thừa, là tánh Phật cao quý thiêng liêng nhất.

Nhưng chư Bồ tát làm Thầy mà không hề thấy mình là Thầy. Các Ngài sống trong tuệ giác vô ngã mà luôn xót thương dìu dắt chúng sanh như các bậc cha mẹ chăm sóc con thơ!

***Thệ nguyện độ vô biên chúng sanh
Thệ nguyện đoạn vô biên phiền não
Thệ nguyện học vô lượng pháp môn
Thệ nguyện thành vô thượng Phật đạo.***

Nói về tình thương của cha mẹ đối với con cái là cao cả nhất trên đời, thiêng liêng nhất, dù cho thế nào thì cha mẹ cũng không hề giảm bớt đi tình thương yêu đó. Cho dù con có bị tật nguyền, bị bệnh nan y, cha mẹ cũng luôn mở rộng vòng tay đón mình.

Lúc chúng ta có tiền, có địa vị thì tình cảm mặn nồng, bạn bè đông đủ, nhưng đến khi không còn gì thì lãnh đạm cách xa. Mọi người nhìn chúng ta qua danh tiếng, tiền tài, địa vị, học vấn... nếu những thứ đó không còn thì cũng đồng nghĩa là chẳng có gì cả; cho nên tình bạn hiếm có sự chân thành và những tình cảm yêu thương, tất cả dễ đổi thay, ngay cả những bà con ruột thịt cô, chú, dì cũng không thể nào bằng cha mẹ.

Tuy vậy nếu nhìn bằng con mắt của trí tuệ thì tình thương của cha mẹ cũng là tình thương nhỏ hẹp, trong vòng luyến ái và đau khổ. Cho nên người đi tu là từ bỏ tình thương nhỏ đó để đạt đến đại từ đại bi, thương khắp tất cả muôn loài chúng sanh, tình thương của người tu rộng lớn, tâm của người xuất gia bao la. Sau khi Minh Thành xuất gia khoảng năm sáu tháng, trở về thăm nhà rồi từ giả, bà mẹ thì khóc nức nở. Khi đó người cha đã khuyên bảo rằng: *“Bà đừng buồn, tình thương của cha mẹ đối với con giống như khe suối sông rạch, còn tình thương của Thầy, của Đạo như là biển cả bao la. Con mình đi tu, tui với bà nên mừng vui mới phải!”*. Sau hơn 20 năm xuất gia, ngày nay Minh Thành cảm nhận tâm tư, cách nhìn cùng với sự hiểu biết, suy nghĩ và tình cảm tuy chưa có thể so sánh được với đại dương nhưng so với

ngày xưa thì khác rất xa, tiến bộ hơn nhiều, sự khác biệt đó thật không thể tưởng tượng.

Tu lúc nào cũng là hay, cũng là tốt, cũng là thiện; phải vững tâm trì chí, quyết tâm, trang bị cho bản thân nghị lực tiến lên không ngừng nghỉ thì càng ngày sẽ càng gần hơn với mục đích muôn đạt tới. Hơn nữa sự luyện ái ràng buộc của gia đình sẽ dần dần phai nhòa bớt đi theo năm tháng, lúc mới xuất gia, khi gặp những gì buồn phiền chướng ngại thì trong tâm mình cảm thấy rất nhớ cha mẹ và những người thân. Theo cùng năm tháng nỗi nhớ ấy sẽ giảm dần, sau khi quen không khí thanh tịnh ở chùa rồi có khi về nhà lại thấy có vẻ ồn ào không phù hợp với mình nữa, vì từ trường của những người không biết tu, theo tình thường của thế gian rất nặng nề ràng buộc, dễ buồn giận, hờn mát, phiền não. Cho nên tâm lớn thì ở trong nhà lớn, sức dung chứa lớn mới chăm lo hết cho mọi chúng sanh; đó là tâm Bồ-đề, báu vật của vũ trụ.

Những người siêng tu cho riêng mình cũng quý, nhưng tinh thần của Phật giáo “*Như nhất chúng sanh vị thành Phật, chung bất u thử thủ nê hoàn*”, nghĩa là nếu còn một chúng sanh chưa giác ngộ, chưa thành Phật, nhất định con không giữ lấy Niết-bàn. Trong kinh *Thủ lãng nghiêm*, ngài A-nan đã phát tâm nguyện rất to lớn giống như vậy.

Người xuất gia là hướng tới tình thương lớn, hướng tới sự hiểu biết sâu xa cùng tột, con đường phía trước là vô lượng, tiền đồ vô hạn, không phải phía trước mịt mờ. Cho nên trong một gia đình khi có con đi tu cha mẹ nên mừng vui không có gì phải khóc.

Trong bài văn *Phát tâm bồ đề* của ngài Thật Hiền²³ có nói trong bốn cặp phạm trù đối lập: *chánh – tà, chơn – ngụy, đại – tiểu, thiên – viên*; thì phải chọn lọc bỏ tiêu bỏ tà bỏ ngụy, bỏ thiên lệch mà giữ lấy *đại, chánh, chơn, viên* tức là chọn lấy tâm rộng lớn, chân chính, chơn thật và tròn đầy. Phải nỗ lực hết sức, cố gắng đến khi nào thấy không chịu nổi nữa thì tạm dừng lại cho khỏe rồi lại tiếp tục cố hết khả năng của mình như vậy mới gọi là được, rồi từng bước từng bước tiến lên.

23 - Đại sư Thật Hiền: tự Tư Tề, hiệu Tinh Am, con nhà họ Thời, đất Thường Thục. Vốn dòng Nho giáo. Sinh ra (1685) là đã không ăn mặn, tóc chớm là có chí xuất trần. Cha mất sớm. Mẹ là Trương Thị, biết Đại sư có túc căn nên cho làm con Phật. Lên 7, lạy Ngài Dung Tuyền ở Am Thanh Lương làm Bổn sư. Thông minh dị thường, kinh điển qua mắt là nhớ kỹ. Năm 15 tuổi thể phát, thông suốt cả sách vở thế gian, lại hay thơ và giỏi cách viết. Tiền bối có nhiều người kết giao làm bạn, nhưng không khoảnh khắc nào Đại sư không nhớ sinh tử là đại sự. Tính chí hiếu. Mẹ mất, quỳ trước Phật tụng kinh báo ân đến 7 thất. Hằng năm gặp ngày Vu lan lại thiết cúng. Một hôm đến Chùa Phổ Nhân, thấy một vị Tăng ngã xuống đất, Đại sư thâm thía cái lẽ vô thường nên càng tinh tiến. Năm 24, thọ Cụ túc giới tại Chiêu Khánh, nghiêm tập Giới luật, không rời y bát, ngày ăn một bữa, thường không ngủ nghỉ. Năm Canh Dần (1710) y chỉ Cừ Thành Pháp sư nghe giảng Pháp Hoa,.. chưa hết 3 Hạ mà tôn chỉ của Quán và Thừa, học thuyết về Tánh và Tướng thông suốt tất cả. Thiệu Đàm Pháp sư liền thọ ký làm thế hệ thứ bốn của Ngài Linh Phong thuộc Thiên Thai chính tôn. Đầu xuân năm Mậu Tuất (1718) Đại sư ở Chùa Long Hưng thuộc Hàng châu, Thiệu Đàm Pháp sư bảo giảng kinh, Luật thay cho mình và ca tụng hết sức. Trước sau Đại sư làm chủ các Chùa hơn mười năm, đệ tử đếm vài trăm. Năm Quý Sửu (1733) ngày Phật thành đạo Đại sư báo đệ tử, 14 tháng 4 sang năm ta đi luôn rồi đó. Từ đó Đại sư đóng cửa niệm Phật, tự hạn mười vạn tiếng trong mỗi ngày đêm. Đại sư sinh ngày 8 tháng 8 năm Khang Hy 24 (1685), 49 tuổi, trong đó có 25 tuổi Hạ. Đồng học là Luật nhiên, thuật vào ngày trùng dương năm Ất Sửu (1745) Tác phẩm gồm có: *Tịnh độ thi 108 bài, Chủ Tây phương phát nguyện văn, Tục vãng sinh truyện, Đông hải ngược giải, Xả Lợi sám và Niết bàn sám, tất cả đều lưu hành nhân gian.*

Người xuất gia tu hành thành tựu thì chín đời cha mẹ được sanh lên cõi trời, “*Nhứt nhơn thành đạo cứu huyển thặng*”, báo được ơn không thể báo, đền được ơn không thể đền, đáp lại nghĩa không thể đáp.

Khi đọc bốn câu nguyện:

Thệ nguyện độ vô biên chúng sanh

Thệ nguyện đoạn vô biên phiền não

Thệ nguyện học vô lượng pháp môn

Thệ nguyện thành vô thượng Phật đạo.

Hiểu được đúng ý nghĩa và thực hiện được những điều này, thì thật siêu việt vĩ đại, không phải chỉ dừng lại ở hai chữ “rộng lớn”.

*** Thệ nguyện độ vô biên chúng sanh**

Là độ những người chung quanh mình, độ cho họ vượt qua những yêu thương giận ghét buồn vui hơn thua thông thường ở thế gian, giảng như vậy cũng đúng nhưng mà chỉ nói ở Lý tánh bên trong, nhưng lại thiếu ở sự tướng bên ngoài. Về mặt Sự là giúp cho chúng sanh ở bên ngoài, chúng sanh đó là muôn loài. Trong cuộc sống đời thường nếu chỉ giúp cho một vài người đang giận hờn khổ đau ở gần bên ta, làm sao cho họ vượt qua được, “độ” như vậy là đã khó hướng chi là cho tất cả chúng sanh muôn loài không giới hạn vô biên. “Độ” nghĩa là đưa qua, đưa qua bên bờ giác ngộ.

Trong sách thiên có ghi, sau khi ngài Lục tổ Huệ Năng được Ngũ tổ giảng kinh *Kim cang* ngộ được chân lý. Lúc ấy, Ngũ tổ muốn chèo thuyền đưa qua sông, Ngài xin lại cây chèo và thưa rằng: “*Khi con còn mê thì nhờ*

Thầy độ, bây giờ hết mê làm rồi xin Thầy để con tự độ”. Chữ “độ” này có nghĩa đen là đưa qua sông còn rộng ra là qua bên bờ giác ngộ. Tâm của người tu là muốn đưa muôn loài qua bờ bên kia cho dù mình chưa qua tới bờ. Chỗ quý báu của giáo lý Đại thừa là tâm nguyện ấy.

Trong kinh *Lăng nghiêm* có câu nói: “*Mình chưa được độ mà muốn độ người đó là sự phát tâm của Bồ tát. Mình đã được độ rồi mà độ cho người là Phật hiện trở lại ở thế gian*”. Cho nên đọc bốn nguyện lớn ấy phải nhiếp tâm để gieo hạt giống đó vào trong tâm tưởng, ngày nào cũng khởi nghĩ về nguyện lớn để giúp tâm ta trưởng dưỡng đại nguyện của Bồ-tát, làm sao cho ý nghĩ và việc làm hàng ngày tương ưng với nhau, không nên né tránh công việc hay lánh nặng tìm nhẹ, hoặc trong ý nghĩ không nuôi dưỡng tâm Đại, Chánh, Chơn, Viên. Nguyện đưa tất cả muôn loài qua bờ bên kia, trong đó sẽ có cả ông bà cha mẹ nhiều kiếp của mình, ngày nào cũng nguyện như vậy thì tu hành sẽ tinh tấn. Gặp người gây phiền não rắc rối cho mình mà mình nhẫn nhịn được cũng là nhờ nguyện lớn ấy mà chuyển đổi mình. Ở đây chưa nói tới độ, chỉ riêng việc thực hành nhẫn nhịn cũng là một bước tiến bộ trong việc tu học.

*** Thệ nguyện đoạn vô biên phiền não**

Phiền não của con người vô tận, nó luôn ngủ ngầm bên trong và thường biểu hiện ra bên ngoài phải luôn chiến đấu để vượt qua, chỉ có A-la-hán mới là xong việc. Nhiều lúc nó làm chúng ta mệt mỏi, nhưng khi mệt thì

nghi, khi khỏe lại tiếp tục. Lại “đoạn” tiếp, phiền não vô biên thế nguyện đoạn là như thế, phải đoạn cho đến khi không còn gì để đoạn, trừ cho đến khi không còn gì để trừ, đó chính là đại hùng, đại lực, đại nguyện, đại hạnh.

Lúc bình thường chúng ta không nhìn thấy và cũng không biết con giận đến từ đâu, nhưng tới khi có người chạm vào “cái tôi”, lúc đó nó mới bắt đầu nổi lên. Lòng tham cũng vậy, đột nhiên khi gặp đồ vật tốt, gặp người đẹp... mới bắt đầu sanh khởi, rồi hơn thua ganh tị v.v... Vào những lúc ấy, chúng ta phải tự độ, phải đoạn, phải soi chiếu để thấu triệt và vượt qua nó. Phiền não vô tận là không hết nhưng vẫn nguyện đoạn, nguyện với Phật với Tam bảo là con sẽ đoạn trừ dứt sạch.

Đi đến đâu để có sự yên tịnh không có tiếng ồn? Trên núi cũng có tắc kè kêu, vào rừng cũng có khỉ kêu vượn hú, mưa gió bão bùng cũng thổi tới, ngay chỗ có tiếng động đó mà điều phục tâm mình không động thì chỗ đó là được yên tịnh. Đi đến đâu mà không có phiền não? Ngay chỗ phiền não đó mà điều phục được thì sẽ không có phiền não, không có nơi nào là chỗ không có phiền não cả. Chỗ có phiền não là chỗ chúng ta không điều phục được nó, còn chỗ không có phiền não là chỗ chúng ta biết phép tu, hóa giải được nó. Cho nên Bồ-tát Tịch Thiên dạy: *“Làm sao có đủ số lượng da thuộc để trải khắp đại địa? Nhưng chỉ cần lột một mảnh da dưới gót giày, thì cũng như đã trải da toàn mặt đất. Cũng vậy, ta không cần phải khắc phục tất cả những kẻ thù bên*

ngoài. Chỉ cần chăm dứt tâm giận dữ nơi chính mình thì khỏi nhọc công khắc phục cái gì khác”. Như vậy không thể dẹp phiền não ở bên ngoài, mà chỉ cần điều phục trong tâm.

* Thệ nguyện học vô lượng pháp môn

Đây là cách học của người học Phật; gọi là “siêu học” vì các môn học ngoài xã hội như khoa học, tâm lý học, quản trị học, y học, tin học... Người ta chỉ học được vài môn thôi, còn ở đây gọi là Pháp môn vô lượng, người mới tu thì học một môn, nhưng khi thâm nhập rồi thì học vô lượng môn, học rất nhiều không hạn hẹp trong một vài môn, không ai có thể tự mãn là đã học lâu thông hết kinh sách: *Phổ môn* có hạnh nguyện rộng lớn, 32 hóa thân Bồ tát độ sanh. *Di đà* có cảnh giới cực lạc trang nghiêm thanh tịnh, tiếp dẫn muôn loài. *Dược sư* có hạnh nguyện nhiệm mầu, cứu người bệnh khổ. *Duy Ma* có sự giải thoát kỳ đặc chẳng thể nghĩ bàn của Bồ tát tại gia. *Kim cang* có chỗ sâu xa của Bát-nhã phá tan mọi chấp tướng, thông đạt tính chất rỗng không của các pháp. *Lăng nghiêm* có sự huyền diệu của chơn tâm bảy lần gan hỏi, tu tập viên thông. *Hoa nghiêm* có sự vĩ đại vô biên trùng trùng vô tận của Tánh tịnh Duyên khởi. *Báo hiếu* có đạo nghĩa tột cùng của thế gian. *Vu lan* có thâm tình mẫu tử của người học Phật. Môn nào cũng có chỗ tuyệt diệu!

Không chỉ học trong kinh sách mà chúng ta còn học với chú mèo con, chó nhỏ, học với đóa hoa tươi mà cũng

học với đóa hoa tàn, học với tiếng ve kêu, suối chảy, chim hót, học với ông già 90 tuổi mà cũng học với đứa bé hai ba tuổi, đó là sự học của người có tâm rộng lớn. Cũng là tiếng nói nhưng tiếng người cãi nhau với tiếng pháp âm vi diệu thì khác nhau như trời cao và vực sâu vậy! Chỉ riêng tiếng nói, âm thanh cũng đã là vô lượng môn, câu niệm “Nam mô A Di Đà Phật” chỉ có sáu tiếng thôi cũng đã là vô lượng môn, mỗi người khai thác một môn tùy theo tâm lượng của mình, học như vậy là sự học vĩ đại. Cho nên nói pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

*** Thệ nguyện thành vô thượng Phật Đạo**

Chỗ này là cao tốt không còn gì hơn, nhân đạo tuy chưa trọn, mà vẫn nguyện thành Phật Đạo, đạo cùng cực siêu việt thế gian. Đừng thấy một em bé mà xem thường, đừng xem thường con rắn nhỏ, đừng xem thường đóm lửa nhỏ hay một thái tử nhỏ, tuy bây giờ chỉ là một chúng sanh nhỏ, một Phật tử nhỏ, phiền não đầy đầu, nhưng đã có nuôi tâm nguyện: “*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Khi tâm quyết hướng về Phật đạo, thì lúc tròn nhân đạo rồi sẽ không dừng lại mà tiến lên Thiên đạo, rồi lên Thanh văn đạo, sau đó tiến lên Duyên giác đạo, cũng không chịu dừng lại ở đỉnh của Duyên giác đạo, mà tiến lên Bồ-tát đạo khi tới tột cùng vô lượng Ba la mật, cũng không dừng ở đó mà nhất định nguyện thành Phật đạo.

Người Phật tử nếu không có nguyện lớn gì, một khi thấy thành được nhân đạo rồi thì đã thỏa mãn, cho rằng đã đủ sẽ dừng lại ở đó; bởi vậy cần phải nuôi một ý chí

lớn, một tầm nhìn xa, cao rộng, với bốn nguyện vĩ đại trên gọi là Tứ hoằng thệ nguyện. Ăn cơm cũng nguyện, xả thiền cũng nguyện, nghe Pháp xong cũng nguyện. Nguyện nhiều để nhắc cho người tu luôn tươi tâm hạt giống đại nguyện, giúp mình có tâm tư rộng lớn. Tâm lớn mới thành người lớn. Muốn có tâm lớn phải có hiểu biết lớn, tình thương lớn, hùng lực lớn, để thực hành đạo lớn. Đó mới chính là hạnh nguyện vĩ đại của người xuất gia.



KINH TINH HOA TRÍ TUỆ QUA BỜ

Khi Bò-tát Quán Tự Tại thực hành Trí tuệ qua bờ, Ngài soi thấu thân tâm năm uẩn đều rỗng không chẳng thật, liền qua hết thủy khổ đau.

Này Xá Lợi Phất! Hình Sắc chính là rỗng không, rỗng không chính là hình sắc. Hình Sắc chẳng khác rỗng không, rỗng không chẳng khác hình sắc. Cảm thọ, tư tưởng, tâm hành, nhận thức cũng đều như thế!

Này Xá Lợi Phất! Bản chất rỗng không của mọi sự vật hiện tượng không sanh, không diệt, không dư, không sạch, không thêm, không bớt. Cho nên trong bản chất rỗng không, không có hình sắc, không có cảm thọ, tư tưởng, tâm hành, nhận thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có hình sắc, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm, bóng dáng của ý niệm; không có ranh giới của mắt cho đến không có ranh giới của ý thức; không có mê lầm cũng không có hết mê lầm; cho đến không có già chết cũng không có hết

già chết; không có khổ, không có nguyên nhân của khổ, cảnh giới an lạc và con đường dẫn đến đó; không có trí tuệ, cũng không có chứng đắc.

Vì chẳng có gì để được, nên Bồ-tát nương theo Trí tuệ qua bờ, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, lia hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến rốt ráo Niết-bàn. Chư Phật trong ba đời cũng nương Trí tuệ qua bờ, được đạo quả Chánh giác cùng tột.

Nên biết Trí tuệ qua bờ là linh chú lớn; là linh chú sáng suốt; là linh chú cao tột; là linh chú không gì bằng, hay trừ được hết thảy khổ, chơn thật không dối. Vì vậy, nói linh chú Trí tuệ qua bờ, liền nói chú rằng:

“Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế,
Bồ-đề tát bà ha”.

Linh Quy Pháp Ấn 07/04/2017

Thích Minh Thành

kính dịch

SÁCH THAM KHẢO

1 - Kinh Trường Bộ (Dìgha Nikàya). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt. NXB Tôn giáo - PL.2535.

2 - Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikaya). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, NXB Tôn giáo - PL.2536.

3 - Kinh Tương Ưng (Samyutta Nikàya). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, NXB Tôn giáo - PL.2537.

4 - Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikàya). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt, NXB Tôn giáo - PL.2540.

5 - Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka Nikàya). Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt. NXB Tôn giáo - PL.2543.

6 - Kinh Tạp A-Hàm. Hán dịch: Tống, Tam tạng Cầu-Na-Bạt-Đà-La. Việt dịch: Thích Đức Thắng. Hiệu đính & Chú thích: Thích Tuệ Sỹ.

7 - Kinh Trung A-Hàm. Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ.

8 - Kinh Hoa Nghiêm. Hán Dịch: Đại-Sư Thật-Xoa-Nan-Đà, Việt Dịch: HT. Thích Trí Tịnh, Phật Học Viện quốc Tế Xuất Bản PL 2527 – 1983.

9 - Đức Phật và Phật Pháp. Đại đức Narada, 1980, Phạm Kim Khánh dịch Việt, 1998.

10 - Nhập Bồ Tát Hạnh. Sàntideva (Tôn giả Tịch Thiên). Việt dịch: Nguyên Hiển - Hiệu đính: Lê Triều Phương Tuệ Quang foundation- Ấn bản điện tử, Xuân 2009 và bản dịch văn xuôi Ni Sư Trí Hải.

11 - Đại Trí Độ Luận (Mahàprajñàparamitàsatra). Tác giả: Nàgàrjuna (Bồ Tát Long Thọ). Dịch Phạn ra

Hán: Cưu Ma La Thập - Dịch Việt: Thích Thiện Siêu. Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam ấn hành 1997.

12 - Thiên Lâm Bảo Huấn. Sa môn Tịnh Thiên đất Đông Ngô trùng tập. Sa môn Thích Tâm Châu, dịch và chú thích.

13 - Truy Môn Cảnh Huấn. Hòa thượng Thích Tâm Châu Việt dịch.

14 - Gương Sáng Người Xuất gia (Truy Môn Sùng Hạnh Lục). Đại Sư Liên Trì. Dịch giả Thích Tâm Anh. NXB Tổng Hợp TP. HCM Năm xuất bản : 2007.

15 - Bước Tới Thành Thoi. Thiền Sư Nhất Hạnh. Nhà Xuất Bản Tôn Giáo - 2004.

16 - Sống Chung An Lạc - Nghệ thuật xây dựng Tăng thân. Tác giả Thích Nhất Hạnh. NXB Lá Bối. Năm xuất bản 1999.

17 - Chứng Đạo Ca. Thiền sư Huyền Giác. Dịch giả: Cư sĩ Trúc Thiên, Nhà xuất bản Lá Bối ấn hành lần thứ nhất tại Saigon năm 1970.

18 - Phật Học Đức Dục. Hòa thượng Thích Minh Thành.

19 - Luật Căn Bản Của Người Xuất Gia (Luật Sa Di Trường Hàng Nghĩa). Thượng Tọa Thích Thông - Thượng Tọa Đồng Bản - Thượng Tọa Nhứt Chiêu dịch. NXB Thành Hội Phật Giáo TP.HCM. PL 2536-1992.

20 - Chánh Niệm Trong Cuộc Sống Hằng Ngày (Giáo Trình Trung Cấp Phật Học). Thượng Tọa Thích Nhật Từ biên soạn.

21 - Phật Giáo Thánh Điển. Đại Đức Thích Minh Thành dịch.

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

- 1 - *Đạo hạnh người xuất gia* (NXB Hồng Đức, 2016);
- 2 - *Từ nhân* (NXB Hồng Đức, tháng 01 – 2017);
- 3 - *Liên Hoa Sanh cảnh sách lược giảng* (NXB Hồng Đức, tháng 01 – 2017).
- 4 - *Tâm sự với người xuất gia* (NXB Hồng Đức, tháng 03 – 2017)

DỊCH PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN

- 1 - *Khuyến tu Tịnh độ thiết yếu* (Tác giả Châu Ích Nguyệt, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2006)
- 2 - *Niệm Phật cảnh* (Tác giả Đại sư Thiện Đạo, NXB Tôn giáo, 2006)
- 3 - *Tịnh độ vãng ngữ* (Tác giả Đại sư Châu Hoàng, NXB Phương Đông, tháng 7 – 2006)
- 4 - *Tịnh từ yếu nghĩa* (Tác giả Thiên sư Nguyên Hiền, NXB Phương Đông, tháng 12 – 2006)
- 5 - *Tịnh độ chỉ quyết* (Tác giả Thiên sư Đạo Bái, NXB Phương Đông, tháng 9 – 2008)
- 6 - *Liên tông bảo giám* (Tác giả Đại sư Ưu Đàm, NXB Phương Đông, 2008)
- 7 - *Niệm Phật chỉ Nam* (Tác giả Mao Dịch Viên, NXB Hồng Đức, quý 1 – 2014)
- 8 - *Vạn thiện đồng quy* (Tác giả Thiên sư Vĩnh Minh, NXB Hồng Đức, tháng 10 – 2015)

TÁC PHẨM SẮP XUẤT BẢN

Phẩm chất người xuất gia
Nhấn nhủ tập sự xuất gia
Trái tim của Đức Phật- Duyên khởi Vô ngã
Quy kính Tam Bảo
Tìm Thầy học đạo
San sẻ sốt chia

Tác giả không giữ bản quyền
Hoan nghinh in tặng trao truyền người sau.

Thuyết giảng:
ĐĐ. Thích Minh Thành
Chuyển thành văn bản:
Pháp Tín - Pháp Bảo - Pháp Minh
Pháp Sơn - Tuệ Tĩnh - Minh Hòa - Thiện Ngộ
Bìa & Sửa bản in:
Minh Phú

Facebook: [facebook.com/tusachphapan](https://www.facebook.com/tusachphapan)

E-mail: linhquyphapan@gmail.com

Web- site: <http://www.linhquyphapan.vn>

<http://www.phapan.vn>

Ban Văn Hóa Pháp Ân
tháng 07 -2017

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.3 9260024 Fax: 024.3 9260031

XUẤT GIA TOÀN TẬP
CÙNG NHAU NHẮC NHỞ
Linh Quy Pháp ấn - Thích Minh Thành

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Sửa bản in: Minh Phú
Trình bày: Nguyễn Thanh Hà

In 3.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí nghiệp in Fahasa 774
Trường Chinh, P. 15, Q. Tân Bình, TP. HCM. Số XNĐKXB: 2617
- 2017/CXBIPH/52 - 42/HĐ. Số QĐXB của NXB: 0411/QĐ-NX-
BHD cấp ngày 16/08/2017. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-89-0776-1